

U. Bớt-sét

**TAM GIÁC
TRUNG QUỐC
CAM-PU-CHIA
VIỆT NAM**



Nhà xuất bản Thông tin lý luận

U. Bớt-sét

**TAM GIÁC
TRUNG QUỐC
CAM-PU-CHIA
VIỆT NAM**



Nhà xuất bản Thông tin lý luận

Tam Giác Trung Quốc Campuchia Việt Nam

Wilfred G. Burchett

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Mở đầu

Phần thứ nhất: Đấu tranh giải phóng dân tộc

I. Đảng cộng sản Đông-dương

II. Khme Ít Xa-rắc

III. Hội nghị Giơnevơ 1954

Phần thứ hai: Bối cảnh của tấn thảm kịch Campuchia

IV. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 1)

V. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 2)

Phần thứ ba: Nội tình Campuchia những năm 1975–1979

VI. Những người sống sót làm chứng

VII. Một xã hội nô lệ ở thế kỷ XX

VIII. Làm thế nào để trở thành một người Khme đỏ “tốt”

IX. Rèn đúc những người trong sạch cứng rắn

Phần thứ tư: Những mối quan hệ tam giác

X. Cuộc chiến tranh biên giới

XI. Sự dính líu của Trung Quốc

XII. Trung Quốc chuẩn bị tấn công Việt Nam

Phần thứ năm: Campuchia sống sót – Cái gì đang chờ đợi ở phía trước

XIII. Từ kháng chiến đến giải phóng

XIV. Sống sót kỳ diệu

XV. Tái bút

Mục lục

Mở đầu

Phần thứ nhất: Đấu tranh giải phóng dân tộc

I. Đảng cộng sản Đông-dương

II. Khme Ít Xa-rắc

III. Hội nghị Giơnevơ 1954

Phần thứ hai: Bối cảnh của tấn thảm kịch Campuchia

IV. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 1)

V. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 2)

Phần thứ ba: Nội tình Campuchia những năm 1975–1979

VI. Những người sống sót làm chứng

VII. Một xã hội nô lệ ở thế kỷ XX

VIII. Làm thế nào để trở thành một người Khme đỏ “tốt”

IX. Rèn đúc những người trong sạch cứng rắn

Phần thứ tư: Những mối quan hệ tam giác

X. Cuộc chiến tranh biên giới

XI. Sự dính líu của Trung Quốc

XII. Trung Quốc chuẩn bị tấn công Việt Nam

Phần thứ năm: Campuchia sống sót – Cái gì đang chờ đợi ở phía trước

XIII. Từ kháng chiến đến giải phóng

XIV. Sống sót kỳ diệu

XV. Tái bút

Mở đầu

Sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi đầy đủ tầm cỡ của những điều khủng khiếp do Khme đỏ gây ra đối với nhân dân Campuchia. Chẳng bao giờ có thể đếm hay phân loại xuể hàng triệu những bộ xương và đầu lâu vô danh dưới những hố chôn người và những nắm mồ tập thể. Đã có đầy đủ tư liệu để khẳng định rằng ban lãnh đạo Khme đỏ đã phạm phải những tội ác gần như có một không hai trong lịch sử đối với chính nhân dân của họ từ ngày 17/4/1975, khi các lực lượng Lon Non đầu hàng và họ lên nắm chính quyền cho đến ngày 7/1/1979, khi đến lượt họ, bị đánh đổ.

Hồi những năm 1960, tôi đã cùng gia đình sống ở Campuchia 4 năm. Vợ tôi dạy môn lịch sử nghệ thuật tại trường Đại học Mỹ thuật Phnom Penh; 3 con tôi học tại trường trung học. Lẽ dĩ nhiên, bạn bè của chúng tôi là trí thức, văn sĩ, nhà báo, giáo viên, giáo sư đại học, các nhà ngoại giao và cả những nhân vật có tầm cỡ về chính trị nữa. Những người này nằm trong số những mục tiêu đầu tiên của các đội tra tấn và hành quyết. Nạn nhân đầu tiên là những ai đã từng du học ở nước ngoài hoặc biết tiếng nước ngoài, rồi dần dần, tiêu chuẩn bị giết mở rộng ra, gồm bất kỳ ai đeo kính hoặc biết đọc, biết viết. Trừ dăm ba người buông mình trôi theo bọn cầm đầu Khme đỏ, còn thì tất thấy những người mà tôi biết trong suốt một phần tư thế kỷ quan hệ thường xuyên với nước Campuchia đều đã bị giết. Nhiều người chết chỉ sau những trận tra tấn dã man.

Mọi tội ác của bọn Quốc xã đều được Khme đỏ lặp lại và lặp lại “có sáng tạo”, phát minh thêm nhiều cái mới. Gorinh, Goeben và những tên Quốc xã khác đều là những tên quỷ sứ, hiện thân của những gì được coi là tốt cùng của “cái ác” trong thời đại của chúng ta. Thế nhưng, tội ác của chúng vẫn chưa thấm thía vào đầu nếu đem so với những tội ác của Khme đỏ do bọn PolPot, Iêng Xary và Khiêu Xamphon cầm đầu. Hitle đã tiêu diệt người Do thái, người Slavo, người Digan và những người không thuộc “chủng tộc Arien” khác. Còn PolPot thì quyết tâm tiêu diệt không chỉ người Việt, người Hoa, người Chăm theo đạo Hồi và các nhóm người thiểu số khác, mà cả những người thuộc giống Khme của chính bản thân hắn nữa. Hitle bắt người từ Pháp, Balan và các nước khác về làm nô lệ và buộc họ làm việc đến chết trong các trại lao động. Còn ban lãnh đạo Khme đỏ thì lại biến cả đất nước của họ thành một trại tập trung khổng lồ. Hitle đốt cháy và làm ô uế các giáo đường Do thái, ngược đãi các nhóm tôn giáo. Còn Khme đỏ thì lại đàn áp mọi hình thức lễ bái tôn giáo. Họ biến nhà chùa đạo Phật, nhà thờ đạo Hồi và nhà thờ Thiên chúa giáo thành các trung tâm tra tấn, thành chuồng lợn, thành kho chứa, hoặc đơn giản hơn, phá tan tành, biến chúng thành một đồng gạch nát. Hitle đốt sách của các nhà văn chống phát-xít. Còn PolPot và bè lũ thì đốt tất cả sách vở và thư viện, chà đạp lên mọi di tích của truyền thống và nền văn hóa Campuchia. Hitle tìm cách dồn phụ nữ Đức trở lại vai trò “bếp núc, nhà thờ và con cái”. Còn Khme đỏ thì tách vợ khỏi chồng, cha mẹ khỏi con cái và thủ tiêu hoàn toàn cuộc sống gia đình.

Có một số trí thức cánh tả, quen ngồi ghế bành ở phương Tây không muốn tin vào tất thấy vào những chuyện đã xảy ra. Họ bênh vực chính quyền Khme đỏ, coi đó là một “Cuộc thí nghiệm xã hội” có thể biện minh được. Việc họ từ chối thực tế không thể đứng vững nổi trước lời minh chứng áp đảo của những ai đã thực sự tới Campuchia, kể cả những đại diện của các cơ quan cứu trợ quốc tế – những người phải đụng chạm với cái phần còn lại ấy của xã hội Campuchia.

Càng ngày người ta càng biết rõ hơn về những nỗi khủng khiếp đã diễn ra ở Campuchia. Những thực tế sáng rõ đã được làm nổi bật hẳn lên nhờ chính tầm cỡ của những nỗ lực quốc tế nhằm hàn gắn những vết tàn phá trên mọi mặt của xã hội Campuchia. Mỗi công dân Campuchia thật sự vừa là nạn nhân vừa là nhân chứng. Không có người nào đã tiến hành công tác điều tra tại chỗ lại có thể hoài nghi về những gì đã xảy ra. Nhưng điều còn chưa sáng tỏ là những thực tế ấy đã xảy ra như thế nào và vì sao lại thế. Hiển nhiên là việc tìm ra câu trả lời có tầm quan trọng then chốt. Các học giả, văn sĩ, nhà báo và những người làm phim hiện đang làm việc. Còn giữa chúng ta với nhau, chúng ta có thể rọi một luồng ánh sáng nào đó để xem xét một trong những sự kiện đen tối nhất trong thời đại chúng ta đã xảy ra như thế nào và vì sao

như vậy. Những chương tiếp theo trong cuốn sách này chính là sự đóng góp của tôi vào quá trình soi rọi luồng ánh sáng đó.

Winfred Burchett
Paris, tháng 7/1981

Phần thứ nhất: Đấu tranh giải phóng dân tộc

I. Đảng cộng sản Đông-dương

Trong quá trình nuốt chửng một cách khá ngon lành những bộ phận cấu thành của cái mà về sau này trở thành các Quốc gia Liên hiệp Đông dương, trước hết, năm 1862, Pháp đoạt lấy 3 tỉnh miền Đông Nam bộ. Năm năm sau, họ chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây, khẳng định chủ quyền của họ đối với những vùng trồng lúa giàu có ở đồng bằng sông Mê công. Ngày 18/2/1859, một đoàn quân viễn chinh hỗn hợp Pháp – Tây ban nha, đã chiếm được Sài Gòn; tạo chỗ đứng đầu tiên cho Pháp trong vùng. Rồi 30 năm sau đó, cả 3 vùng lãnh thổ Việt Nam – Nam kỳ ở miền Nam, Trung kỳ ở miền Trung và Bắc kỳ ở miền Bắc cùng với những lãnh thổ riêng rẽ là Campuchia và Lào ở phía Tây đã bị Pháp gộp cả lại để hình thành một đơn vị hành chính duy nhất là Đông dương. Sự khác nhau trên các mặt văn hóa, ngôn ngữ và sắc thái tôn giáo giữa Campuchia với Lào, cũng như giữa hai nước này với Việt Nam hồi đó chẳng làm cho Pháp mấy may quan tâm. Sự quan tâm ấy thực sự chỉ bắt đầu từ năm 1930 khi Cụ Hồ Chí Minh lúc đó lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, trực diện thách đấu bằng việc thành lập một Đảng Cộng sản Đông dương duy nhất. Từ khoảnh khắc ấy trở đi, giờ cáo chung của ách thống trị thực dân Pháp đã điểm.

Cụ Hồ Chí Minh là một con người có nhiều tài năng và một khối kiến thức khổng lồ. Người tuyệt đối kiên trì việc chấm dứt ách thống trị thực dân ở Đông dương.

Người đã nổ những phát súng đầu tiên vào năm 1919. Tháng 6 năm ấy Người công nhiên gửi tới các nước thắng trận tại Hội nghị Vec xây một bản kiến nghị. Đó là một văn kiện với lời lẽ giản dị không quanh co mà đi thẳng ngay vào vấn đề – tất cả 8 điểm của kiến nghị được trình bày gọn trong 1 trang giấy – cũng y như bản Di chúc Người viết sau đó nửa thế kỷ, khi Người biết mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. Cốt lõi của 8 điểm này là việc Người đòi quyền con người cơ bản cho các dân tộc Đông dương. Như đã có thể thấy trước, kiến nghị của Người bị đoàn Pháp và các đoàn khác tại Hội nghị Vec xây lờ đi nhưng đã gây nên niềm xúc động mạnh mẽ trong cộng đồng đồng đảo người Việt Nam tại Pháp.

Nguyễn Ái Quốc là đại biểu chính thức tại Đại hội Tua nổi tiếng (từ ngày 15 đến ngày 30/12/1920). Tại Đại hội này, Đảng Xã hội Pháp bị phân liệt khi phải lựa chọn nên đi theo Quốc tế Hai (Dân chủ – Xã hội) hay theo Quốc tế Ba (Cộng sản). Đến cuộc bỏ phiếu có tính chất quyết định, cụ Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu ủng hộ Quốc tế thứ Ba. Sau sự phân liệt, Lê ông Blom và Pôn Phơ rơ tiếp tục lãnh đạo Đảng Xã hội Pháp, thiểu số. Còn Pôn Macxen Casanh và Pôn Vayang Cutuyrie trở thành những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp mới ra đời với sự hậu thuẫn của đa số đại biểu.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sau bài phát biểu đầu tiên của mình trong Đại hội nói về vấn đề độc lập của xứ Đông dương – với tư cách là đại biểu duy nhất của các xứ thuộc địa Pháp – ảnh hưởng của Người xuất hiện trên báo chí. Ngày hôm sau, cảnh sát tới để bắt người, nhưng các đại biểu đã dũng cảm đánh lui chúng và “Nguyễn – Nhà yêu nước” vẫn tiếp tục tham gia cuộc tranh luận, ngoan cường ủng hộ vấn đề mà Người tâm huyết.

Nguyễn Ái Quốc dự định về nước thành lập một Đảng giống như Đảng Cộng sản Pháp mới, được sự hỗ trợ của Quốc tế. Sau khi đi nhiều nơi ở châu Âu, Người lên đường đi Liên Xô với hy vọng được gặp Lê nin. Người đến Leningrat vào cuối tháng 1/1924, rét run lên trước cái lạnh của mùa đông nước Nga, mặc dù trên người đã có bộ đồ lông thú mà các thủy thủ trên con tàu Xô viết đã ép Người phải mặc. Hai ngày trước khi Người tới, Lê nin đã qua đời. Ca-sanh và Vayang Cutuyrie lúc đó có mặt ở Matxcova để dự lễ tang Lê-nin đã giới thiệu Người với những người có trách nhiệm. Kết quả là Người được dự một khóa nghiên cứu ngắn ngày về chiến lược và sách lược Cách mạng. Hơn một năm sau, Người xuất hiện ở Quảng châu, Trung-quốc. Về mặt công khai, Người là cố vấn về các vấn đề châu Á cho Mikhaiin Bôrôđin, đặc phái viên người Xô viết của Quốc tế Cộng sản bên cạnh Chính phủ cách mạng của Tôn Dật Tiên – người sáng lập, đồng thời là lãnh tụ của Quốc dân đảng.^[1]

Chỉ trong vòng vài tháng sau khi “lập nghiệp” ở Quảng châu, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ đạo từ xa việc thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội. Tổ chức này lại cho ra đời tổ chức Công đoàn đầu tiên của Việt Nam. Ở Pari, Người không chỉ vận động cho quyền tự do của dân tộc mình, mà còn tổ chức ra “Liên hiệp các dân tộc thuộc địa” tập hợp các kiều dân của tất cả các nước thuộc địa đang sống ở Pháp. Người biên tập tờ *Người cùng khổ (Le Paria)* và bí mật phát hành khắp Đế chế Pháp. Ở Quảng châu cũng vậy. Tại đây Cu Hồ Chí Minh tương lai, một nhà quốc tế chủ nghĩa lỗi lạc đã thành lập “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở châu Á”. Thành viên của Hội không chỉ là người Việt Nam, mà cả người Triều tiên, Indonexia, Miến điện, Thái Lan và những người châu Á khác. Sau khi Tưởng Giới Thạch phá vỡ liên minh giữa Quốc dân đảng với những người Cộng sản Trung Quốc. Bỏ rơi và các cố vấn khác của Quốc tế Cộng sản trở về Liên Xô, còn Nguyễn Ái Quốc thì chuyển căn cứ đến Xiêm (nay là Thái Lan) nơi có một số đông người Việt Nam sinh sống.

Luôn luôn bị mật vụ của cảnh sát Pháp bám gót, Người luôn thay đổi hình dạng, đi từ nơi này qua nơi khác, tổ chức và thức tỉnh sự giác ngộ của đồng bào mình, đào tạo họ và thường xuyên duy trì quan hệ với các nhóm cách mạng và phong trào độc lập ở trong nước. Người đã phải làm nhiều nghề để tự kiếm sống và đó cũng chính là những phương pháp tốt nhất để ngụy trang. Lúc thì Người là một nông dân làm mướn. Có khi Người lại là một nhà sư, đầu cạo trọc, tay cầm bát ăn xin; hoặc là một người đứng bán thuốc lá ở góc phố. Nhưng dù Người ở đâu, làm gì để kiếm sống, Người vẫn làm công tác vận động, tổ chức và đào tạo. Ở Xiêm, Người thành lập “Hội ái hữu Việt Nam” và xuất bản tờ “Tuần báo Nhân đạo”; báo này vượt biển vào Campuchia và từ đó vào Việt Nam.

Liệu Nguyễn Ái Quốc thỉnh thoảng có tự mình vượt qua biên giới để xem những hạt giống mà mình gieo trồng đã nảy mầm ra sao không? Trong cuốn sách của Kiểcnam và Chanthu Bua^[2] viết về những nhà vận động cộng sản đầu tiên được biết đến của Campuchia có một đoạn cực hay liên quan đến chuyện này: một ông Ben Krahom nào đó làm “culi” tại nhà máy điện Phnom Penh bị bắt cùng với vợ vì phân phát truyền đơn viết bằng tiếng Việt hô hào “vô sản đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc” và vì treo trên cây lớn “cờ đỏ có búa liềm Xô viết”. Cặp vợ chồng này khai rằng họ nhận được một số truyền đơn từ tay một công nhân cùng làm trong nhà máy điện và số còn lại là từ tay “một người cắt tóc rong”. Nghề cắt tóc rong chính là một trong những cách ngụy trang được Nguyễn Ái Quốc ưa thích. Nếu như đây không phải là đích thân nhà lãnh tụ cách mạng lưu động này, thì hẳn cũng là một vị mới nhập môn làm cách mạng học theo hình tượng của Người!

Rõ ràng là những hạt giống của Nguyễn Ái Quốc đã được gieo xuống một mảnh đất màu mỡ: tháng 6/1929, Đông dương Cộng sản Đảng được thành lập ở các tỉnh cực bắc Bắc bộ Việt Nam. Vài tháng sau, Công hội đỏ cũng hoạt động trong vùng này. Và đến cuối năm 1929, ở Việt Nam đã có 3 Đảng Cộng sản, mỗi đảng mang một tên khác nhau tùy theo ý của ban lãnh đạo mình.

Gần cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm trở lại Trung Quốc để dự một cuộc họp ở Quế lâm – khi đó là thủ phủ tỉnh Quảng tây của Trung Quốc có biên giới chung với Bắc Việt Nam – cùng với đại biểu của 3 tổ chức cách mạng nói trên. Đảng nào cũng muốn được công nhận là Đảng Cộng sản duy nhất. Như thường lệ, Nguyễn Ái quốc nói ngắn gọn nhưng đi thẳng vào vấn đề:

“Ở Liên Xô, Anh, Pháp và Trung Quốc, cũng như ở các nước thuộc địa như Ấn độ, Nam dương và các nước khác, người ta chỉ có một Đảng Cộng sản duy nhất. Việt Nam không thể có đến 3 đảng. Chúng ta cần đoàn kết toàn thể dân tộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và để đạt được mục đích này cần phải có sự thống nhất về tổ chức. Tổ chức đó thể vẫn giữ tên cũ là “Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội” hoặc lấy tên là “Đảng Cộng sản” nhưng cương lĩnh chính trị của nó phải là: độc lập dân tộc, tự do dân chủ cho nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội”.^[3]

Sau một cuộc tranh luận ngắn, những người có mặt nhất trí thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất. Sau đó, các đại biểu trở về nước báo cáo lại với tổ chức của mình, thỏa thuận vài tháng sau sẽ gặp lại ở Hồng công để chính thức hóa quyết định đó.

Dù rằng tổng số giai cấp công nhân ở Việt Nam chỉ có 220 nghìn người – chưa đến một phần trăm dân số nhưng Nguyễn Ái Quốc vẫn nhất quyết yêu cầu Đảng phải được thành lập dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Một trong những lập luận của của Người là những tổ chức công hội đầu tiên ra đời chỉ sau khi Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội được thành lập.

Nửa thế kỷ sau, tại Viện Nghiên cứu Lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Can, thành viên sáng lập phong trào công đoàn, đã giải thích cho tôi ý nghĩa của tất cả những điều này:

“Một nét đặc trưng của Việt Nam chúng tôi là công nhân xuất thân từ nông dân và vẫn duy trì những mối quan hệ gia đình họ hàng với thôn quê. Đây chính là điều mà Lenin đã từng có lần miêu tả là một ‘điều kỳ diệu’ mà rất nhiều người ao ước muốn có. Nó tạo thuận lợi lớn cho sự gắn bó giữa các vấn đề kinh tế và chính trị. Suốt nhiều thế kỷ, giai cấp nông dân đã chiến đấu trung thành dưới sự lãnh đạo của giai cấp phong kiến để đánh đuổi giặc ngoại xâm mà không hề được ban thưởng: quyền lợi của chính họ không được thỏa mãn. Sau khi đánh tan giặc ngoại xâm, bọn phong kiến lại quay lại với vai trò truyền thống của chúng, áp bức bóc lột giai cấp nông dân.

Khi thực dân Pháp xâm lược kéo tới với kỹ thuật quân sự hiện đại hơn, người nông dân nhận ra rằng bọn phong kiến cầm quyền chẳng còn chút giá trị gì nữa. Thực ra, các tập đoàn phong kiến đối lập còn đua nhau kéo bọn thực dân cùng vũ khí hiện đại của chúng về phía mình! Khi một tập đoàn đè bẹp được đối thủ của mình, thì nó sẽ có thể bóc lột giai cấp nông dân dưới quyền nó được nhiều hơn. Nhờ khẩu hiệu thiết thực: Độc lập dân tộc và ruộng đất về tay nông dân! Mà giai cấp công nhân, thông qua Đảng của mình, đã ngay lập tức được sự ủng hộ của đông đảo nông dân. Nhưng còn một vấn đề lớn: Thanh niên Hội – tiền thân của Đảng Cộng sản – mặc dù nhận thức được sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, lại có tới 90% thành viên là trí thức tiểu tư sản”.[\[4\]](#)

Tôi tin rằng những gì diễn ra sau đó chỉ có thể diễn ra ở một nước Việt Nam hoàn toàn say mê với sức hấp dẫn của tính lý tưởng và tính hiện thực thể hiện trong đường lối mà Nguyễn Ái Quốc trình bày trong những bài báo ngắn được những người cách mạng Việt Nam truyền tay nhau. Nguyễn Can kể tiếp câu chuyện của mình về việc giới lãnh đạo “trí thức tiểu tư sản” tự rèn luyện trong thực tiễn sống và làm việc qua phong trào vô sản hóa như thế nào.

“Ngay trước khi thành lập Đảng, họ đã bắt đầu đi vào nhà máy, công xưởng để tiếp thu tư tưởng của giai cấp công nhân. Ông Nguyễn Chí Thanh (sau này là Tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, chỉ đứng thứ hai sau ông Võ Nguyên Giáp về uy tín quân sự) về làm thợ mỏ ở vùng mỏ Hồng Gai. Ông Nguyễn Lương Bằng (Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi Cụ Hồ Chí Minh qua đời tháng 9/1969) đến Hải phòng làm phu kéo xe tay; ông Lê Thanh Nghị sau này là người đứng đầu cơ quan kế hoạch hóa kinh tế cùng tới làm việc ở vùng mỏ Hồng Gai. Hầu hết lãnh tụ của chúng tôi đều tham gia phong trào này”.

Cũng như đối với mọi việc mà Nguyễn Ái Quốc làm, tác động chiến lược lâu dài của mỗi một bước đi đều được chú ý xem xét từng li từng tí. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập ngày 3/2/1930 tại Hồng công.

Từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930, vào đúng dịp Tết Canh Ngọ, hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản đã họp ở Cửu long (Hương cảng) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị đã tiến hành với sự tham gia của 2 đại biểu của An nam Cộng sản Đảng, 2 đại biểu của Đông dương Cộng sản Đảng và 2 đại biểu nước ngoài Hội nghị nhất trí tán thành hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. (BT trích “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – Sơ thảo – Tập 1, 1920 – 1954, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.90)

Chẳng bao lâu sau, ngày 1/5/1930, tại hai tỉnh kề nhau Nghệ an (quê hương Cụ Hồ Chí Minh) và Hà tĩnh, một cuộc khởi nghĩa công – nông đã bùng nổ. Quân khởi nghĩa giành được chính quyền tiến hành cải cách ruộng đất, xóa bỏ hoặc giảm sưu thuế. Và trong hơn một năm rưỡi trời, đánh bại mọi âm mưu dập tắt cuộc khởi nghĩa của Pháp. Cuộc khởi nghĩa được mang

tên là “Xô viết Nghệ-Tĩnh”. Đây là một trong những mốc có ý nghĩa của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Khi đó người Pháp dường như không để ý đến điều này nhưng đó chính là lời cảnh cáo nghiêm khắc rằng không còn là những kẻ đứng đầu triều đình phong kiến chống lại họ, được sự hậu thuẫn tạm thời của những “kẻ bầy tôi” là nông dân bị ràng buộc bởi nghĩa vụ nữa; cũng không còn là những nhà nho yêu nước đứng cầm đầu tiếp nhận từ tay bọn phong kiến bất lực trách nhiệm bảo vệ chủ quyền dân tộc nữa, mà tiến hành cuộc khởi nghĩa này là một liên minh mới và bền chặt của các lực lượng công nhân và nông dân, mà lợi ích vật chất đồng nhất với lợi ích dân tộc. Sau cuộc khởi nghĩa Nghệ Tĩnh, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã mang một nội dung mới!

Một trong những kết quả quan trọng của sự kiện này – và là một cái gì đó đặc thù của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam – là giai cấp công nhân đã có ảnh hưởng quan trọng đối với những trí thức sớm nhận ra nhân tố mới, nhân tố yêu nước mà họ đại diện. Nguyễn Can và người phụ trách công tác nghiên cứu của Viện, Lê Thanh can, giới thiệu cụ thể về vấn đề này:

“Do trí thức nắm bắt được những hiện tượng mới một cách dễ dàng, nên họ nhanh chóng hiểu được vì sao những phong trào trước đó của các học giả tư sản, các nhà sư và những người khác đều thất bại, dù họ rất dũng cảm và sẵn sàng hy sinh. Ở nước Việt Nam phong kiến và sau này, bị thực dân hóa, trí thức bị thống trị và không được độc lập theo đuổi hoạt động sáng tạo của mình. Họ nhận thấy ngay lập tức sự xuất hiện của một khối lãnh đạo ái quốc, trung kiên từ trong giai cấp công nhân”.

Say sưa với chủ đề này, Lê Thanh Can nhấn mạnh rằng: mặc dù người Việt Nam chẳng bao giờ lãng quên hình ảnh của các vị ái quốc vĩ đại thời phong kiến – từ Hai Bà Trưng đã từng đánh đuổi bọn Trung Quốc chiếm đóng năm 43 sau Công nguyên, đến Trần Hưng Đạo đã 3 lần đánh tan quân Nguyên xâm lược hồi thế kỷ XIII và những vị khác như ba anh em Tây Sơn đánh bại bọn Mãn Thanh chiếm đóng vào thế kỷ XVIII – nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam – một lực lượng hoàn toàn mới đã ra đời và hoàn toàn thích hợp với những thách thức của kỷ nguyên thực dân này.

“Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, cả giai cấp tư sản sinh sau đẻ muộn ở Việt Nam, lẫn giai cấp nông dân trong những hình thức tổ chức chính trị riêng rẽ đều không có tính chất quyết định trong cuộc đấu tranh cứu nước trước đây, khi người Pháp mới đến. Giai cấp phong kiến đã từng đóng vai trò yêu nước quan trọng, nay họ đã rời bỏ đấu trường. Các nhà cầm quyền phong kiến đối lập đua nhau giành sự bảo hộ của Pháp”. (Đây là Hội nghị thành lập Đảng, lúc này chưa có điều kiện để tổ chức Đại hội – về vấn đề này, xem “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – Sơ thảo” tập I, 1920 – 1954, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr.130; Việc đổi tên Đảng xem các trang 140, 141; hoặc xem Văn kiện Đảng, tập 1, 1930 – 1935, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng TƯ xuất bản, Hà Nội, 1977, Tr.86, 187 – 188.BT)

Ngày 30/4/1930, ít lâu sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, các chi bộ cộng sản đã ra đời tại Thủ đô hành chính của nước Lào – Viên chán và tại vùng mỏ thiếc Bo nèn gần đó. Cũng khoảng thời gian đó, các chi bộ khác đã được thành lập ở Phnom Penh và tỉnh Công pông Chàm sản xuất caosu của Campuchia. Chính sự ra đời của các chi bộ này đã mở đường cho việc chuyển Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông dương tại Đại hội thành lập Đảng ở Ma cao, thuộc địa của Bồ đào nha tại Trung Quốc, tháng 10/1930, Đại hội tiến hành dưới sự chủ tọa của Nguyễn Ái Quốc, với tư cách là đại diện của Quốc tế Cộng sản có trụ sở tại Matxcova. Điều này có ý nghĩa là, trong Điều lệ của Đảng mới ra đời này có câu: Đảng có nhiệm vụ lãnh đạo tất cả các dân tộc ở Đông dương trong cuộc đấu tranh giành “độc lập hoàn toàn cho Đông dương và đem lại ruộng đất cho nông dân”.

Giới lãnh đạo Trung Quốc và Khme đỏ nói rằng Việt Nam luôn luôn chủ trương một “Liên bang Đông dương” dưới sự lãnh đạo của Việt Nam. Điều đáng chú ý là: sẽ hết sức phi lý nếu như Đại hội thành lập Đảng đề ra nhiệm vụ đấu tranh cho nền độc lập riêng rẽ cho Việt Nam, Lào và Campuchia trong khi người Pháp kiểm soát toàn Đông dương về hành chính và quân sự như một đơn vị duy nhất. Tuy nhiên, theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc, một nghị quyết của

Đảng Cộng sản Đông dương về vấn đề dân tộc hồi tháng 3/1935 đã viết:

Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp khỏi Đông dương, mỗi dân tộc sẽ có quyền tự quyết; dân tộc ấy có thể gia nhập Liên bang Đông dương hoặc thành lập một quốc gia riêng; dân tộc ấy được tự ý gia nhập hoặc rút khỏi Liên bang; dân tộc ấy có thể theo bất cứ hệ thống nào tùy ý. Khối liên minh anh em phải dựa trên nguyên tắc chân thành cách mạng, tự do và bình đẳng”.

Đây là phương châm chỉ đạo vấn đề dân tộc, được kiên trì tuân thủ trong mọi giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Pháp (và về sau trong cuộc kháng chiến chống Mỹ). Điều này phù hợp với những nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa của Cụ Hồ Chí minh về quyền tự quyết của các dân tộc. Về sau, điều này đã được thể hiện trong việc Người dành cho các dân tộc thiểu số ở ngay chính Việt Nam quyền tự trị tối đa.^[5]

Về vấn đề quyền của các dân tộc Campuchia và Lào được tự do lựa chọn con đường của mình, khóa họp toàn thể lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông dương họp vào tháng 6/1941 đã thông qua một Nghị quyết cụ thể khác nữa. Vào lúc đó, Nhật đã kéo vào Đông dương và chia sẻ quyền lực với chính quyền Vĩ si của Pháp. Nghị quyết viết:

“Sau khi đánh đuổi Pháp và Nhật, chúng ta phải thực hiện đúng chính sách tự quyết dân tộc đối với các dân tộc Đông dương. Nhân dân Đông dương có thể hoặc tự tổ chức mình thành một Liên bang Dân chủ Cộng hòa hoặc vẫn là những quốc gia riêng rẽ”.

Chẳng bao lâu sau khi giành được chính quyền từ tay Nhật – Pháp tháng 8/1945 và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong tháng 9 cùng năm đó, Đảng Cộng sản Đông dương tuyên bố tự giải tán về công khai vì những lý do sách lược. Thực ra Đảng rút vào bí mật với ba chi nhánh hoạt động tích cực ở ba nước (Việt Nam, Lào và Campuchia). Vì Việt Nam phát triển hơn nhiều về mặt kinh tế và xã hội, nên Đảng Cộng sản ở đó mạnh hơn nhiều cả về tỷ lệ đảng viên lẫn tốc độ trưởng thành. Chỉ trong năm hoạt động bí mật đầu tiên, số lượng đảng viên của chi nhánh ở Việt Nam của Đảng Cộng sản Đông dương hoạt động bí mật đã tăng từ 5.000 đảng viên lên 20.000 đảng viên. Đây là thời kỳ đấu tranh vũ trang chống lại thực dân Pháp đang tìm cách đặt lại ách thống trị trên cả 3 nước. Ba chi nhánh của Đảng bí mật này hoạt động thông qua các tổ chức mặt trận: Việt minh (Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội, Lào Ít xa la (Nước Lào tự do) và Ne khum Ít xa rắc (Mặt trận Khme Tự do).

Tháng 2/1951, một Đại hội đặc biệt của Đảng Cộng sản Đông dương, với sự có mặt của đại biểu các Đảng Campuchia và Lào còn đang trong thời kỳ trứng nước, đã tuyên bố thành lập một Đảng Lao động Việt Nam riêng biệt. Một nghị quyết thông qua tại Đại hội này nêu rõ rằng Đảng Lao động Việt Nam, sau này đổi tên thành Đảng Cộng sản Việt Nam, có nhiệm vụ giúp đỡ những người cộng sản ở Lào và Campuchia thành lập các tổ chức cách mạng phù hợp với điều kiện cụ thể ở mỗi nước. Các Ban hoặc các Ban Chấp hành Trung ương non trẻ cũng được thành lập cả ở Lào và Campuchia nhằm tổ chức việc lập các Đảng Cộng sản riêng rẽ. Từ đó, Đảng Cộng sản Đông dương thật sự giải tán. Đảng Lao động Việt Nam có 76 nghìn đảng viên, Campuchia có khoảng 300 đảng viên và Lào có 170 đảng viên. Số lượng đảng viên giữa các Đảng có sự chênh lệch, một phần là do dân số mỗi nước một khác, nhưng chủ yếu là do mức độ phát triển kinh tế – xã hội và giác ngộ chính trị của quần chúng ở các nước này chênh lệch nhau quá nhiều.

Các tổ chức vẫn tiếp tục hoạt động. Ngày 3/3/1951, tại cuộc họp chung, ba tổ chức của ba nước quyết định thành lập Liên minh Việt Nam – Khme – Lào nhằm phối hợp đấu tranh chống thực dân Pháp. Chính trên cơ sở quyết định này (công bố ngày 11/3/1951) mà bộ đội Việt Nam về sau đã vào Campuchia và Lào để kề vai chiến đấu cùng với quân đội giải phóng dân tộc Khme và Pathet Lào, các lực lượng vũ trang của Lào Ítxala.

Lê Thanh Can nói tiếp: “Ngay từ đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa ba dân tộc ở Đông dương, gắn bó với nhau về địa lý, dân tộc (đặc biệt các dân tộc ít người ở vùng biên giới), kinh tế và trên hết, về quan hệ chính trị. Chúng ta có kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế chiến thắng, điều cốt yếu là ba dân tộc phải đoàn kết với nhau”.

Không nghi ngờ gì nữa, chính trình độ đoàn kết có hiệu quả thực sự ấy đã dẫn tới thất bại

của Pháp ở Đông dương, mà tượng trưng là chiến thắng lịch sử của Quân đội Nhân dân Việt Nam tại Điện Biên Phủ. Chiến thắng đó là sản phẩm của những nỗ lực quân sự thống nhất và có phối hợp. Trong khi các lực lượng của ông Võ Nguyên Giáp đóng vai trò chủ yếu tại Điện Biên Phủ, thì cũng phải kể đến vai trò hỗ trợ có tầm quan trọng sống còn của Pa thét Lào ngăn chặn âm mưu của Pháp đưa quân tiếp viện từ Lào tới giải vây cho cứ điểm đang bị vây hãm đó và của các lực lượng Khme Ít xa rắc đã giải phóng được một phần ba Campuchia và đang băm nát các tuyến giao thông của Pháp.

Có những kẻ ra sức giải thích rằng sau khi Khme đỏ lên cầm quyền, mối quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam xấu đi là do “mối thù truyền kiếp” giữa hai dân tộc, những kẻ đó đã cố tình làm ngơ tình đoàn kết chiến đấu và sự phối hợp chặt chẽ của hai dân tộc đã có từ những ngày đầu tiên khi thực dân Pháp chiếm đóng Đông dương. Thậm chí cả khi chưa có một tổ chức nào đứng ra phối hợp cuộc đấu tranh giải phóng Đông dương, thì các sĩ quan Pháp cũng đã phải than thở là thường xuyên bị tấn công cùng một lúc trên cả hai mặt trận dọc biên giới Việt Nam – Campuchia. Người Việt Nam tấn công khi thấy người Pháp gặp khó khăn ở bên Campuchia và người Campuchia cũng làm tương tự. Do đó, chính việc thành lập Đảng Cộng sản Đông dương đã tạo nên thành tố cốt yếu cho chiến thắng. Với mục đích chủ yếu là giải phóng các dân tộc Đông dương, Đảng đã động viên và tổ chức tình đoàn kết giữa ba dân tộc và phối hợp cuộc đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc của họ. Bất cứ một công trình nghiên cứu khách quan nào về vai trò của Khme đỏ dưới sự lãnh đạo của PolPot và Ieng Xari cũng đều phải đi đến kết luận rằng mục tiêu của Ban lãnh đạo Khme đỏ là phá hoại tình đoàn kết này và đẩy các dân tộc Khme, Lào và Việt Nam đến chỗ tiêu diệt lẫn nhau.

II. Khme Ít Xa-rắc

Trong vòng một năm sau khi Đảng Cộng sản Đông dương rút vào bí mật và bắt đầu hoạt động thông qua các tổ chức mặt trận ở Việt Nam, Lào và Campuchia, tổ chức ở Campuchia – Khme Ít xa rắc – mở đầu một cuộc tấn công. Tháng 8/1946, du kích Khme Ít xa rắc tiêu diệt gọn một đồn quân của Pháp đóng ở Xiêm riệp và thu toàn bộ vũ khí. Từng bước, họ bắt đầu xây dựng những căn cứ du kích trên những vùng rộng lớn ở Tây Bắc, Tây Nam và Đông Nam Campuchia. Khẩu hiệu là “lấy súng địch đánh địch”, địch ở đây rõ ràng là lực lượng chiếm đóng Pháp. Sau khi khởi đầu một cách tốt đẹp, Khme Ít xa rắc thành lập những xưởng vũ khí ở trong rừng để chế tạo mìn, lựu đạn, ba lô ca hạng nhẹ và những vũ khí khác thích hợp với chiến tranh du kích. Từ năm 1946 đến 1949, các Ủy ban nhân dân được thành lập ở cấp huyện và cả ở cấp xã trong nhiều tỉnh; đơn vị tự vệ cũng được thành lập để bảo vệ dân làng. Với sự phát triển của những tổ chức này, những nhóm kháng chiến ở các vùng biệt lập được liên kết lại, cho đến khi xuất hiện một mặt trận quân sự – chính trị rộng lớn và thống nhất.

Từ năm 1947 đến cuối năm 1949, không có một sự kiện quân sự nổi bật nào trong cuộc chiến tranh Đông dương (Sự thực, trong năm 1947 có sự kiện nổi bật là quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn trong chiến dịch Việt Bắc, đã phá tan cuộc tấn công Thu Đông của giặc Pháp (từ ngày 7/10 đến ngày 19/11/1947) – Sơ thảo Lịch sử Đảng, Tr.550 – 557). Người Pháp tập trung vào việc “bình định”; còn các lực lượng kháng chiến thì tập trung xây dựng tổ chức và đặt cơ sở cho cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài trên cả ba nước Đông dương. Thắng lợi của những người cộng sản Trung Quốc và việc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa ngày 1/10/1949 với triển vọng của một biên giới hữu nghị để vận chuyển vũ khí giữa Bắc Việt Nam và Trung Quốc – rõ ràng tình hình sẽ thay đổi.

Chính phủ Pháp phái Bộ trưởng Chiến tranh, tướng Rơ ve sang thị sát tình hình Đông dương. Theo sự đánh giá của ông ta – cũng như của M. Mắc Đô nan, Cao ủy Anh tại Đông Nam châu Á, người cùng đi với ông ta trong chuyến thị sát – thì miền Nam Việt Nam, Campuchia và Lào đã được “bình định”. Vấn đề duy nhất còn lại là tiêu diệt Việt minh ở miền Bắc Việt Nam. Theo họ, vấn đề chủ yếu là giữ vững đồng bằng sông Hồng; từ đó người Pháp có thể mở một chiến dịch để vây quét Quân đội Nhân dân Việt Nam của tướng Giáp. Đó chính là kiểu phân tích giản đơn, thực dân và sô vanh mà người Pháp (và sau họ là người Mỹ) vẫn tiếp tục tiến hành, trên cơ sở giả định ngầm về xu thế của chính họ.

Tuy nhiên, quyết định tập trung lực lượng của Pháp vào miền Bắc là điều mà Thái tử Xi ha núc của Campuchia đã nhanh chóng lợi dụng. Ông ta dùng các cuộc đột kích của Khme Ít xa rắc, chiến đấu dưới ngọn cờ “độc lập dân tộc”, làm một căn cứ then chốt để thuyết phục người Pháp rằng ông ta phải là “nhà vô địch vinh quang” – của độc lập dân tộc. Ngày 8/11/1949, nước Pháp trao cho Campuchia một vài phục sức bên ngoài của một nền độc lập. Xi ha núc còn được phép có lực lượng vũ trang riêng.

Khme Ít xa rắc đã thận trọng không tấn công lực lượng của Xi ha núc. Nhưng sau hậu trường, như một người lãnh đạo của Khme Ít xa rắc còn sống sót nói với tôi sau này:

“Chúng tôi huy động nhân dân làm áp lực với Xi ha núc với tư cách là người cha tinh thần của nhân dân trong vai trò kép của ông ta là Vua và là người đứng đầu hàng giáo phẩm Phật giáo. Phải làm cho ông ta hiểu nỗi đau khổ của nhân dân dưới chế độ thực dân và bước xuống bên cạnh nhân dân. Ông ta sẽ bị mất danh dự nếu cứ làm tay sai cho Pháp, là kẻ đã đưa ông ta lên cầm quyền. Đường lối lúc đó là tấn công quân Pháp về quân sự để nêu rõ với Xi ha núc trách nhiệm của ông ta. Trong một chừng mực nào đó, chúng tôi đã thành công”.

Trên mặt trận chính trị, cuộc bầu cử Quốc hội lập pháp tháng 12/1947 đã mang lại 54 ghế cho Đảng Dân chủ và 21 ghế cho Đảng Tự do bảo hoàng. Việc những người Dân chủ ngày càng có cảm tình với Khme Ít xa rắc đã khiến cho Xi ha núc, có lẽ dưới sức ép của Pháp, giải tán Quốc hội vào tháng 9/1949. Tiếp đó, ông ta cử một chính phủ cánh hữu gồm những người Dân chủ bảo thủ đứng đầu là Yêm Xambo, một người trong nhóm cánh hữu chống lại sự có mặt của Pháp với hy vọng thu lượm được ít nhiều lợi ích kinh tế mà việc người Pháp ra đi sẽ có thể đem lại.

Sau khi lập nên chính phủ Yêm Sambo, mà ông ta có thể tin cậy ở sự phục tùng, Xi ha núc trao cho Cao ủy Pháp một yêu sách 5 điểm:

1. Chủ quyền nội bộ thực sự cho Campuchia.
2. Tự do đặt quan hệ đối ngoại với các cường quốc chính trên thế giới và có đại diện tại Liên Hợp Quốc.
3. Từng bước và nhanh chóng giảm các quân khu của Pháp ở Campuchia và thay thế sự có mặt của Pháp ở đó bằng sự có mặt của quân đội Campuchia.
4. Ân xá cho tất cả các chiến sĩ kháng chiến.
5. Có thái độ rộng lượng đối với việc trả lại tự do và ân xá hoàn toàn cho các tù binh và tù chính trị và những người lưu vong – kể cả Sơn Ngọc Thành.[\[6\]](#)

Tất cả những yêu sách này cuối cùng đều được đáp ứng và Campuchia tham gia Liên hợp quốc với tư cách một thành viên độc lập và có chủ quyền.

Cuộc đấu tranh vũ trang tăng nhanh nhịp độ và quy mô. Việc chuyển quân Pháp từ Campuchia sang Bắc Việt Nam năm 1950 đã khiến cho hoạt động của Khme Ít xa rắc được dễ dàng, nhưng không mấy may cải thiện tình hình quân sự chung của Pháp. Đêm 16/9/1950, tướng Giáp mở một trong những chiến dịch quyết định của cuộc kháng chiến trường kỳ, một chiến dịch đã mở đường cho Điện Biên Phủ. Chiến dịch này, gọi là “Chiến dịch Biên giới”, kéo dài 6 tuần lễ. Khi chiến dịch kết thúc, toàn bộ vùng biên giới Bắc Việt Nam – Trung Quốc đã được nắm chắc trong tay Việt minh cả về chiều sâu lẫn chiều dài. Cao bằng, Lang Sơn và Lào cai ở ngay sát vùng biên giới, cũng như Thái nguyên (đúng ra là Bắc cạn, chứ không phải Thái nguyên như tác giả đã viết – BT) và Hòa bình ở phía sau, nằm trong số các tỉnh lỵ được giải phóng.

Việt minh đã khai thông được một biên giới với thế giới xã hội chủ nghĩa và như nhà viết sử Nguyễn Khắc Viện trình bày, đã thiết lập được “một hậu phương rộng lớn kéo dài từ Trung Quốc tới Tiệp khắc”. Đó là thất bại lớn nhất của Pháp tính đến lúc đó và chỉ kém thất bại ở Điện Biên Phủ sau đó ba năm rưỡi.

Tổng chỉ huy quân đội Pháp, tướng Raun Xalăng, bị triệu hồi và bị thay thế bằng một người

chiến binh tiếng tăm lòng lẫy nhất nước Pháp, Thống chế Giăng Đờ Lát đờ Tátxinhi, cùng với 20 nghìn quân tăng viện. Đờ Lát thành công trong việc để mất các vị trí then chốt ở đồng bằng sông Hồng. Trong vòng vài năm, ông bị tướng Henri Nava thay thế, ông này đến nơi vào tháng 3/1953 với một kế hoạch nổi tiếng, được Oasinhton ủng hộ, nhằm “kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng”. Đúng một năm sau đó, trận Điện Biên Phủ bắt đầu.

Cuộc vật lộn chính trị nội bộ ở Campuchia, việc các chính phủ được lập lên rồi sụp đổ và việc Sihanuc chà đạp các thể thức dân chủ mỗi khi chúng không mang lại kết quả như ông ta mong muốn – nhưng vấn đề mà một vài học giả rất quan tâm – chẳng có ý nghĩa gì mấy. Tương lai của Campuchia, đặc biệt vấn đề then chốt là nền độc lập của Campuchia, sẽ được định đoạt không phải bởi Đảng Dân chủ, đứng đầu là Hoàng thân Hay Cathun sau cái chết của Hoàng thân Yutêvong, hoặc Đảng Dân túy của Xônxan, hoặc Đảng Duy tân Khme của Lon Non, hoặc bất cứ Đảng nào khác đang tranh giành quyền lực. Tương lai của Campuchia sẽ được định đoạt bởi các thắng lợi của Việt minh trên chiến trường, với sự hỗ trợ của các phong trào giải phóng dân tộc Pathét Lào và Khme Ítxarắc được Việt minh ủng hộ.

Điều không thể chối cãi được là các lực lượng kháng chiến Việt Nam đã gánh phần chủ yếu của cuộc đấu tranh. Người Pháp (và sau này là người Mỹ) đã coi Đông dương như một chiến trường duy nhất. Cụ Hồ Chí Minh, ông Võ Nguyên Giáp và các nhà lãnh đạo đồng sự của họ cũng bị buộc phải làm như vậy. Nhưng trong cách làm thì họ rất tôn trọng những tình cảm dân tộc của các đồng minh Campuchia và Lào và đã giúp đỡ những người này giành độc lập và chủ quyền của chính mình. Mặc dù lực lượng chiến đấu chủ yếu trong cả ba nước là người Việt Nam, nhưng ở Campuchia và Lào họ vẫn chiến đấu trong các tổ chức của Khme Ítxarắc và Lào Ítxala. Trong nội bộ các tổ chức này, Ban lãnh đạo Việt minh đã làm hết sức để phát triển những cơ cấu chính trị và quân sự thực sự dân tộc của Khme và Lào.

Chiến trường chủ yếu vẫn là Việt Nam cho đến khi kết thúc. Năm 1952, người Pháp có 237 tiểu đoàn ở Đông dương. Trong số 54 tiểu đoàn chiến đấu, 50 tiểu đoàn được tập trung ở Việt Nam và trừ 10 tiểu đoàn, số còn lại đều tập trung ở miền Bắc. Trong số 179 tiểu đoàn “bình định” thì 30 tiểu đoàn được sử dụng ở Lào và Campuchia, còn lại 149 tiểu đoàn ở Việt Nam, trong đó 61 tiểu đoàn ở miền Bắc. Trong vòng một năm, số tiểu đoàn chiến đấu đã tăng lên 80 tiểu đoàn, trong đó 71 tiểu đoàn ở Việt Nam và 9 tiểu đoàn ở Lào. Đến tháng 3/1953, ở Campuchia chỉ có 2 tiểu đoàn “bình định” của Pháp và 5 tiểu đoàn của Quân đội Hoàng gia Khme do người Pháp chỉ huy. Chính những thắng lợi của Việt minh trên các chiến trường Việt Nam và Lào là nhân tố chính đã tạo điều kiện cho việc giành độc lập của Campuchia dưới chế độ quân chủ vào cuối năm 1953.

Sihanúc là một trong số rất ít người đã nhận thức được điều đó và ông ta đã tận dụng mỗi thắng lợi trên bất cứ mặt trận nào để leo lên thêm một bậc trên chiếc thang độc lập. Ông ta đã đích thân tham gia vào hoạt động chính trị, điều thật hiếm đối với một người ở cương vị ông ta. Tháng 6/1952, ông giải tán Chính phủ và giữ ghế Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng. Tiếp đó, ông ta phát động cái mà sau này ông ta gọi là cuộc thập tự chinh Hoàng gia giành độc lập.

Lúc đó, nước Pháp không chịu trao nền độc lập hoàn toàn cho Campuchia, với lý do rằng các căn cứ ở Campuchia là cần thiết cho người Pháp để đẩy mạnh cuộc chiến tranh chống Việt minh. Sihanúc giải thích lập trường của mình như sau:

“Tôi nói rõ lập trường của tôi với người Pháp. Mặc dù tôi không muốn thấy Việt minh trên đất Campuchia, việc họ làm ở chính nước họ chẳng liên quan gì đến Campuchia và tôi không muốn Campuchia được dùng làm căn cứ hành quân chống lại họ. Tôi tiếp tục đòi độc lập hoàn toàn”.

Nhằm làm cho Sihanúc hoảng sợ, do đó làm dịu bớt chiến dịch vì độc lập do ông ta tiến hành, người Pháp dựng lên một phong trào Khme Ítxarắc giả, bọn này tiến hành các cuộc tiến công khủng bố đặc biệt nhằm vào nền quân chủ. Sihanúc đối phó lại thật điển hình bằng cách khuyến khích một số sĩ quan và binh lính của quân đội Hoàng gia “đào ngũ” sang phía Khme Ítxarắc thật và bảo đảm họ không bị thiếu vũ khí. Trong một công hàm gửi Tổng thống Pháp Ôriôn ngày 5/3/1953, Sihanúc đã ca ngợi sức mạnh của lực lượng Khme Ítxarắc hơn cả những

điều họ nói về bản thân họ. Ông ta cũng kiên quyết bác bỏ lập luận của người Pháp cho rằng họ cần duy trì chỗ đứng của họ tại Campuchia, cần phải giữ nơi đây làm một căn cứ để chiến đấu chống Việt minh...

Ông ta viết: “Chính sách hiện nay của Pháp tại Đông dương dựa trên tư tưởng cho rằng mục đích chính trong lúc này là thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống Việt minh, nhưng điều đó chẳng có gì liên quan đến lợi ích của nhân dân Campuchia thực lòng gắn bó với những tư tưởng tự do và độc lập”.

Ông ta nói rằng 3/5 lãnh thổ Campuchia đã bị Khme Ítxarắc chiếm (nhưng họ nói chỉ chiếm 1/3). Nhưng, thay vào việc lấy đó làm một lập luận để yêu cầu người Pháp tiếp tục ở lại, Sihanúc lại dùng nó để đẩy mạnh yêu sách đòi độc lập, vạch rõ rằng Khme Ítxarắc đã bắt rễ sâu trong nhân dân, rằng sức mạnh của họ bắt nguồn từ việc họ chiến đấu dưới ngọn cờ độc lập dân tộc.

“Là những người con của đất, nông dân và cả người thành phố [7] những lời tuyên bố yêu nước của họ đã được sự hưởng ứng thuận lợi của dân chúng và cả giới sư sãi, những người có ảnh hưởng to lớn khắp Vương quốc và họ có những người theo họ một cách trung thành trong quần chúng cũng như trong giới thượng lưu của dân tộc... Hiểm họa Ítxarắc tự nó là có thật... Những kẻ phiến loạn này thường phục kích các đội tuần tra của bảo an tỉnh, cảnh sát, quân đội và gần đây – một mình hoặc cùng với Việt minh – đã thu được những kết quả có tác động đối với dư luận...”

Tôi có thể trả lời gì được khi tuyên truyền của Ítxarắc chứng minh cho nhân dân và giới sư sãi rằng Campuchia không phải là thực sự độc lập?

Giải pháp mà tôi đề nghị là giao cho Nhà Vua (Sihanúc) và Chính phủ của Người các trách nhiệm chính về cai trị đất nước. Việc này có thể bao gồm việc chuyển giao các đặc quyền cho đến nay vẫn do người Pháp nắm giữ; điều đó sẽ dẫn đến việc Nhà Vua và Chính phủ Hoàng gia phải tự tìm lấy những biện pháp cần thiết để thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình... Chỉ bằng cách đó chính sách của Pháp mới được nhân dân chúng tôi thông cảm và chấp nhận và tôi cần nhấn mạnh rằng, nhân dân chúng tôi đã trưởng thành nhiều hơn bao giờ hết, họ đòi hỏi những thuộc tính thực sự của độc lập...”.

Câu trả lời của Chính phủ Pháp chắc chắn không phải là điều mà Sihanúc mong đợi:

“Niềm hy vọng của tôi tăng lên khi tôi được mời sang Paris dự ăn trưa với Tổng thống Pháp Ôriôn ngày 25/3/1953. Người ta đã bảo đảm với tôi rằng những thông điệp của tôi gửi Chính phủ Pháp đã được nghiên cứu hết sức kỹ lưỡng. Cuộc thảo luận trong bữa ăn trưa không mang lại kết quả gì; và Tổng thống Ôriôn cho biết rằng tôi rời đất Pháp về Campuchia càng sớm bao nhiêu thì ông ta càng hài lòng bấy nhiêu. Ông ấy còn đi xa đến mức đưa vào trong thông báo chính thức một câu thật xúc phạm, nói rằng Vua Sihanúc “phải trở về Phnom Penh trong vòng vài ngày...”.

Tại sao một nước Pháp chỉ mới gần đây thôi đã phải trải qua cuộc đấu tranh của chính mình chống bọn chiếm đóng Quốc xã lại không thể hiểu được nguyện vọng của nhân dân Campuchia – thực tế là tất cả nhân dân các nước Đông dương: đó là điều tôi không thể nào hiểu nổi. Điều khó hiểu hơn nữa là một Tổng thống thuộc Đảng Xã hội lại có thể có thái độ như vậy. Lại còn có những lời bóng gió nói rằng tôi có thể “mất Ngai vàng” nếu tôi đi quá xa. Phải chăng Ngai vàng là của họ để họ muốn cho thì cho, muốn lấy thì lấy?” [8]

Bất chấp chỉ thị của “người bảo hộ”, Sihanúc lên đường đi Hoa Kỳ qua đường Canada ngày 13/4/1953, tin rằng có thể tìm được ở đó sự ủng hộ đối với yêu cầu cấp bách phải trao trả “độc lập hoàn toàn” cho ba quốc gia Đông dương.

“Đó là chủ đề chính của cuộc thảo luận một tiếng đồng hồ với John Foster Dulles. Phản ứng của ông ấy thật chua chát, tối thiểu là như vậy: “Hãy đánh bại Chủ nghĩa Cộng sản trong khu vực của ông! Sau đó, chúng tôi sẽ làm áp lực với Pháp để làm những gì cần thiết”. Đó là nội dung chủ yếu của lời khuyên kẻ cả của ông ấy. Ông ta khư khư giữ ý kiến về yêu cầu khẩn cấp

phải diệt Việt minh và về tầm quan trọng của sự đóng góp của Campuchia vào việc đó... “Chúng ta đang ở thời điểm quyết định nhất của cuộc chiến tranh. Phải đánh thắng cuộc chiến tranh này. Vì vậy hơn bao giờ hết chúng ta phải thống nhất lực lượng và phương tiện, chứ không phải cãi nhau và chia rẽ. Cuộc tranh chấp của ông với nước Pháp sẽ chỉ có lợi cho kẻ thù chung của chúng ta... Không có sự giúp đỡ của quân đội Pháp thì nước ông sẽ nhanh chóng bị bọn Đỏ chinh phục và nền độc lập của các ông sẽ đi đời”.[\[9\]](#)

Hồi đó Sihanúc là một người thực tế, nếu xưa nay quả đã có người thực tế. Sự hiểu biết về lịch sử của chính đất nước ông ta đã cho ông ta thấy rằng nếu người Pháp thành công trong việc đánh bại Việt minh, thì chỉ qua một đêm tí chút nền độc lập mà ông ta giành được sẽ biến mất. Lịch sử thực dân hóa của Pháp trong khu vực là lịch sử liên tiếp dùng một nước làm căn cứ để khuất phục nước láng giềng. Việc giành độc lập thực sự cho Campuchia tùy thuộc vào thắng lợi toàn bộ của Việt minh.

Sihanúc đã rút ra những kết luận khôn ngoan từ những cuộc tiếp xúc với các nhà lãnh đạo phương Tây. Trên đường từ Hoa Kỳ trở về, ông nhận được một bức điện của Dulles. Trong bức điện, Dulles một lần nữa kêu gọi ông ta hợp tác với Pháp “trong một thời điểm mà nguy cơ cộng sản xâm lăng Lào đã quá rõ ràng và Hoa Kỳ quyết tâm tăng cường và đẩy nhanh viện trợ để cứu nhân dân Khme khỏi sự xâm lược của cộng sản. Bình luận về bức điện này, Sihanúc về sau nhận xét:

“Những người muốn làm tôi nản chí thích làm ra vẻ rằng, đâu đó trong quá trình phát triển của tôi, nhất định là tôi đã bị Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai tẩy não. Nhưng chính những người như Vannxăng Ôriôn, Giêm Photxtơ Đalét – và sau đó Risót Níchxon – phải chịu trách nhiệm về sự giáo dục chính trị của tôi. Trong con mắt những nhà lãnh đạo này, độc lập là một cái có thể mặc cả, chứ không phải vì lợi ích của đất nước nhỏ bé có liên quan”.[\[10\]](#)

Bằng sự kết hợp một cách đúng đắn ngoại giao, hăm dọa và cuối cùng dùng lực lượng vũ trang của mình tước vũ khí vài đơn vị quân đội Pháp – với sự tính toán kỹ càng thời điểm của từng bước đi sao cho khớp với sự lúng túng tối đa về quân sự của Pháp ở Bắc Việt Nam và Lào – Sihanúc đã moi được từ nước Pháp những tiền đề của một nền độc lập hoàn toàn từ ngày 9/11/1953. Từ đó chỉ còn một bước ngắn tới Hội nghị Giơnevơ năm 1954 và sự công nhận quốc tế đối với nền độc lập hoàn toàn của Campuchia. Phần thưởng giành thêm được ở Giơnevơ là việc triệt thoái những kẻ thù tiềm tàng nguy hiểm nhất của ông ta – những du kích Khme Ítxarắc dày dạn chiến đấu và đồng minh Việt minh của họ, kể cả các cán bộ chính trị và quân sự đã cùng nhau chiến đấu trong thời kỳ đầu khó khăn nhất.

III. Hội nghị Giơnevơ 1954

Khi các nhà viết sử vạch rõ trở ngại chủ yếu đối với cách mạng Campuchia, họ đã lưu ý đến những hậu quả của Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông dương và đặc biệt là vai trò của Trung Quốc tại Hội nghị đó. PolPot và phe cánh không có lý do gì để tranh cãi về điều này, vì chúng không đóng vai trò gì trong việc đánh bại người Pháp. Nhưng các chiến sĩ kháng chiến Khme Ítxarắc có tham gia cuộc đấu tranh đó đã bị cướp mất tại Giơnevơ phần của họ trong thắng lợi chung của nhân dân ba nước Đông dương đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp.

Phần bàn về Đông dương của Hội nghị Giơnevơ (Hội nghị này bắt đầu bằng những cuộc thảo luận thất bại về Triều tiên) khai mạc ngày 8/5/1954. Dẫn đầu đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là ngoại trưởng Phạm Văn Đồng. Ngày hôm trước ông đã nhận được một vũ khí cực kỳ thần diệu đối với một nhà thương lượng, đó là chiến thắng của tướng Võ Nguyên Giáp, bạn chiến đấu gần gũi của ông, đánh bại lực lượng ưu tú của quân đội viễn chinh Pháp trong trận Điện Biên Phủ lịch sử.[\[11\]](#)

Trong phiên họp đầu tiên, ông Phạm Văn Đồng nêu vấn đề đại diện của Khme Ítxarắc và Lào Ítxala. Xét cho cùng đây là Hội nghị để chấm dứt chiến tranh ở Đông dương! Pháp là một bên tham chiến; các lực lượng kháng chiến Việt Nam, Campuchia và Lào là bên kia. Đại biểu của những người được phép bảo trợ – “Hoàng đế” Bảo Đại của Việt Nam, Vua Sihanúc của Campuchia và Vua Xavang Vathana của Lào – đã tham gia Hội nghị. Ngoại trưởng Pháp

Gioócgior Bídôn cực lực phản đối sự có mặt của Khme Ítxarắc và Lào Ítxala, chế diễu rằng họ chỉ là những “bóng ma không tồn tại”.

Đó là một câu nói khiếm nhã mà Bídôn đã từng dùng để nói về ông Phạm Văn Đồng trong một cuộc thảo luận tại Liên hợp quốc mấy tháng trước đó. Ông Đồng đã nhanh chóng nhắc lại với Bídôn điều đó.

“Nhưng nay tôi đến đây để thảo luận với ông. Pathét Lào^[12] và Khme Ítxarắc đang chiến đấu cũng như người Việt Nam đang chiến đấu. Họ không phải là những bóng ma. Tại Hội nghị này có những người đang cử động và nói năng và trong số đó có những cái bóng của những bóng ma thực sự, họ không đại diện cho thực tế. Họ đại diện cho một dĩ vãng đã vĩnh viễn qua rồi. Nhưng cũng như ông, họ muốn bám lấy những ảo tưởng. Đó chính là những bóng ma thực sự”.

Đây là một cú đích đáng và càng đích đáng hơn vì toàn bộ đoàn đại biểu Pháp đang mặc comple màu đen để tang cho thất bại Điện Biên Phủ – Bídôn và đồng sự của ông ta vậy là đã vô tình nhấn mạnh trước thế giới tầm cỡ của thất bại đó và sự thật rằng đó là một sự kiện lịch sử, mà tầm quan trọng đã vượt xa khuôn khổ của Hội nghị Gionevơ về Đông dương. Vấn đề “bóng ma” đã trở thành những đầu đề trên báo chí Pháp ngày hôm sau.

Trong tất cả các phiên họp đầu tiên, ông Phạm Văn Đồng nêu đi nêu lại vấn đề đại diện của Khme Ítxarắc và Pathét Lào. Nhưng đó là một tiếng nói đơn độc. Trong khi Bídôn có thể trồng cây vào sự ủng hộ vững chắc của phương Tây (Anh và Hoa Kỳ), ông Phạm Văn Đồng bị cô lập về vấn đề đại biểu cũng như về các vấn đề then chốt khác. Đại biểu cho phe xã hội chủ nghĩa là Ngoại trưởng Liên Xô Viachétxláp Molotốp và Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trung Quốc Chu Ân Lai.

Các đoàn đại biểu Khme Ítxarắc và Pathét Lào đến Gionevơ thật giống như những “khách không mời mà đến”. Sự có mặt của họ được giữ hết sức bí mật và đoàn đại biểu duy nhất mà họ có liên hệ là đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuối cùng Chu Ân Lai thuyết phục ông Phạm Văn Đồng phải có một cách nhìn “thực tế” và “thực dụng” và không nên nêu vấn đề đại diện của Khme Ítxarắc và Pathét Lào ra các phiên họp toàn thể nữa. Và như vậy, vấn đề này bị chôn vùi trong một tiểu ban.

Cuộc tranh luận tiếp tục gay go hơn bao giờ hết, về vấn đề các khu vực tập kết và các giới tuyến sẽ phân định chúng. Đoàn đại biểu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đấu tranh rất dữ cho Khme Ítxarắc có một vùng tập kết, nhưng không được sự ủng hộ của Chu Ân Lai về vấn đề này vì lý do đơn giản là Trung Quốc không có biên giới chung với Campuchia. Sau này, người ta biết rõ là trong khi người Việt Nam để cứu cách mạng Campuchia và Lào và bảo đảm cho các lực lượng cách mạng ở hai nước này những phần thưởng chính đáng của thắng lợi chung, thì Trung Quốc chỉ quan tâm đến việc thiết lập những khu đệm để bảo đảm an toàn dọc biên giới của họ.

Vì vậy, Chu Ân Lai ủng hộ việc lập một vùng tập kết cho Pathét Lào, nhưng vùng này phải được bố trí thế nào đó để phục vụ cho lợi ích an ninh của Trung Quốc hơn là lợi ích của cách mạng Lào. Cuộc thảo luận lớn là về việc phải phân chia nước Lào theo kinh tuyến hay vĩ tuyến. Các căn cứ kháng chiến mạnh nhất của Pathét Lào đều ở miền Trung hoặc miền Nam, nhất là các tỉnh Atôpơ, Xaravan và trên cao nguyên Boloven. Việc lập một khu đệm, trong đó có Phongxalỳ, một tỉnh dân cư thưa thớt ở cực Bắc có biên giới chung với Trung Quốc, là phục vụ lợi ích của Trung Quốc. Ông Phạm Văn Đồng lại phải tiến hành một cuộc đấu tranh đơn độc với một phương Tây thống nhất chống lại ông, còn Chu Ân Lai thì đứng về phía họ. Bị cô lập và buộc phải thương lượng nhân danh các phong trào kháng chiến Campuchia và Lào, ông đã phải có những nhượng bộ không phải được biện minh bằng so sánh lực lượng hoặc thực tế chiến trường, mà là được thúc đẩy bởi lợi ích của Trung Quốc và tinh thần chung về “hòa hoãn” và “cùng tồn tại hòa bình” đang ngự trị trong phe xã hội chủ nghĩa châu Âu lúc bấy giờ. Vậy là các lực lượng cách mạng Lào phải rút khỏi các cứ điểm mạnh trong 10 tỉnh của Lào và tập kết vào 2 tỉnh cực Bắc là Phongxalỳ và Sầm nư. Chu Ân Lai nói rằng điều đó sẽ tạo cho Bắc Việt Nam có một biên giới chung với Lào và, do đó có một “khu đệm”. Nhưng nó có nghĩa là Pathét Lào sẽ phải rời bỏ những vùng căn cứ quan trọng nhất của họ, rời bỏ nhân dân đã từng trung thành

ủng hộ cuộc đấu tranh vũ trang của họ trong nhiều năm.

Nhiều năm sau, một phụ tá cao cấp của ông Phạm Văn Đồng tại Hà Nội nói với tôi:

“Đối với chúng tôi, vấn đề không phải là các khu đệm. Vấn đề là toàn bộ nước Lào, sự thống nhất và độc lập của nước Lào, sự bảo toàn các căn cứ để bảo đảm thắng lợi cuối cùng. Độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đó là khẩu hiệu của chúng tôi – chúng tôi đã làm mọi việc để những nguyên tắc này được chấp nhận và chúng tôi không bao giờ từ bỏ lập trường đó.

Lập trường của chúng tôi là: ‘Chúng ta hãy thực tế. Cố bám lấy nguyên tắc bây giờ là không thực tế. Chúng ta hãy đề cập đến các vấn đề cụ thể. Những vấn đề quân sự – chấm dứt chiến sự. Sau đó sẽ đề cập đến nguyên tắc’. Họ không muốn nói đến quá khứ: ‘Việc đó sẽ chỉ đầu độc bầu không khí. Chúng ta hãy chỉ đề cập đến hiện tại thôi’. Không may cho chúng tôi có những đồng minh nhân danh ‘chủ nghĩa thực tế’ và ‘chủ nghĩa thực dụng’, cũng đã khuyên chúng tôi không nên ‘đầu độc bầu không khí’ mà phải nhượng bộ”.

Theo dõi việc đưa tin về Hội nghị Giơnevơ từ ngày đầu đến ngày cuối, tôi và các nhà báo khác có quan hệ chặt chẽ với các đoàn xã hội chủ nghĩa – không nghi ngờ gì về việc đoàn Trung Quốc không ủng hộ mạnh mẽ đoàn Việt Nam. Nhiều năm sau Hội nghị, các nhà lãnh đạo Việt Nam vẫn còn nói một cách trung thành: “Các kết quả đó đạt được qua thảo luận và thỏa thuận chung”. Điều đó đúng sự thật theo nghĩa đen, nhưng không đúng sự thật thực sự, dù chỉ là một nửa.

Khi Hội nghị thảo luận đến vấn đề quy định một giới tuyến để quân đội Pháp rút về phía Nam và quân đội Việt Minh rút về phía Bắc, ông Phạm Văn Đồng đề nghị một đường ranh giới dọc theo vĩ tuyến 13. Trong tình hình thảm hại của lực lượng Pháp sau thất bại Điện Biên Phủ và số còn lại trong những lực lượng tinh nhuệ của họ thì đang bị bao vây ở đồng bằng sông Hồng và các nơi khác ở miền Bắc, đó không phải là một đề nghị không phải chẳng. Đề nghị đó sẽ cho Việt Minh có 100km biên giới chung với Campuchia và sẽ bù đắp lại việc họ không giành được một vùng tập kết cho các lực lượng Khme Ítxarắc. Nhưng trước “chủ nghĩa thực tế” và “chủ nghĩa thực dụng” đó, từng bước ông Phạm Văn Đồng đã buộc phải lùi đường ranh giới của mình qua vĩ tuyến 14 (như vậy cũng vẫn cho Việt Minh có một biên giới nhỏ với Campuchia), rồi qua vĩ tuyến 15 tới vĩ tuyến 16, tới đó ông kiên quyết giữ lập trường.

Đã hai lần trong lịch sử Việt Nam, vĩ tuyến 16 từng là ranh giới phân chia tạm thời. Sau Thế chiến thứ hai, khi Quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc kéo vào phía Bắc và quân đội Anh vào phía Nam (bề ngoài là để vây quét tàn dư của quân đội chiếm đóng Nhật và đưa chúng về Nhật), đường ranh giới giữa hai lực lượng này chạy dọc theo vĩ tuyến 16 và qua ngoại ô phía Nam của Đà Nẵng. Khi đất nước bị chia cắt giữa nhà Trịnh và nhà Nguyễn vào thế kỷ 17, đường ranh giới cũng chạy dọc theo vĩ tuyến 16. Vĩ tuyến 16 trở thành giới tuyến logic – nếu cần phải có một giới tuyến.

Nhưng người Pháp đòi một đường ranh giới dọc vĩ tuyến 17. Sau một cuộc gặp riêng giữa Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng mới của Pháp, Pie Măngđét Phrăng và Chu Ân Lai, Chu ủng hộ lập trường của Pháp.[\[13\]](#)

Vấn đề vĩ tuyến 17 hay 16 có tầm quan trọng chiến lược trọng yếu. Giữa hai vĩ tuyến đó có quốc lộ số 9 nối Lào với bờ biển Việt Nam. Người Pháp muốn giữ quốc lộ 9 để duy trì sự kiểm soát đối với Lào. Ông Phạm Văn Đồng muốn có nó để có thể tiếp tục sự ủng hộ của Việt Minh đối với Pathét Lào. Người phụ tá của ông Phạm Văn Đồng, sau này thông báo cho tôi về những gì thực sự đã diễn ra ở Giơnevơ, bình luận:

“Người Pháp tìm mọi cách để có thể có được con đường này. Chính tại cuộc gặp gỡ ở Bécnơ giữa Chu và Măngđét Phrăng, người Trung Quốc đã nhượng bộ. Trước cuộc họp đó và sau lưng chúng tôi, họ đã thảo một dự thảo Hiệp định, mà những chi tiết cuối cùng đã được hoàn tất tại Bécnơ. Chúng tôi đứng trước một sự đã rồi. Nhưng còn một vấn đề, chúng tôi kiên trì và không chịu nhượng bộ. Chu Ân Lai khuyên chúng tôi đặt Hà Nội, Hải phòng và Quốc lộ 5 nối liền hai thành phố đó dưới sự kiểm soát của Liên quân Pháp – Việt! Điều đó phù hợp với người Trung Quốc vì khu vực phía Bắc con đường Hà Nội – Hải phòng vẫn có thể cung cấp một khu đệm

đáng kể để bảo vệ biên giới phía Nam của Trung Quốc. Chúng tôi bác bỏ điều này, cũng như bác bỏ một cố gắng sau đó của Pháp muốn đẩy giới tuyến lên đến vĩ tuyến 18.

Nhìn lại, chúng tôi thấy người Trung Quốc đã làm hết mọi việc có thể làm – mà chúng tôi phải trả giá – để tranh thủ Chính phủ mới ở Pháp. Quan hệ của họ với Mỹ vẫn còn xấu và họ cần một người bạn phương Tây”.

Vấn đề lớn thứ hai gắn liền với vấn đề xác định giới tuyến là việc quy định thời gian tuyến cử. Tất cả mọi người dự hội nghị đều đồng ý về nguyên tắc rằng tuyến cử sẽ được tiến hành sau khi cách ly các lực lượng chiến đấu. Ông Phạm Văn Đồng muốn tuyến cử ở Việt Nam được tiến hành càng sớm càng tốt. Người Pháp muốn tuyến cử bị trì hoãn càng lâu càng tốt, cũng như họ muốn giới tuyến càng bị đẩy lên phía bắc càng tốt. Người Trung Quốc ủng hộ người Pháp về thời gian cũng như về không gian.

Chu Ân Lai nói rõ với người Pháp rằng Trung Quốc đến Gionevơ trước hết là bảo vệ quyền lợi của chính mình chứ không phải vì lợi ích của các lực lượng cách mạng Đông dương. Điều này trở nên sáng tỏ một cách tàn nhẫn trong một cuốn sách về Hội nghị Gionevơ, dựa trên những tài liệu về Hội nghị chưa hề được công bố của nhà viết sử và chuyên gia về châu Á người Pháp Phrăngxoa Gioayô. Tác giả kể lại một cuộc họp giữa Chu Ân Lai và Antony Idơn tại Gionevơ một ngày trước khi Bộ Ngoại giao Anh công bố quan hệ ngoại giao giữa hai nước sẽ được nâng lên hàng đại sứ.

“Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc đã nói riêng với Idơn là ông ta nghĩ rằng có thể ‘thuyết phục được Việt Minh rút khỏi Lào và Campuchia’. Qua đó, Trung Quốc đã đi một bước rất dài theo quan điểm của người Campuchia, người Lào, người Anh và người Pháp. Điều đó bao hàm việc thừa nhận rằng Việt Minh đúng là kẻ xâm lược ở hai nước đó, ngược lại với quan điểm lâu nay của Việt Minh. Đó cũng là coi các vấn đề Lào và Campuchia không giống như vấn đề Việt Nam. Ngoài ra, Chu Ân Lai còn nói sẵn sàng công nhận tính hợp pháp của các Chính phủ Vương quốc Lào và Campuchia ngay khi nào ông ta được bảo đảm rằng không một căn cứ quân sự nào của Mỹ được xây dựng ở hai nước này”.[\[14\]](#)

Trung Quốc thực sự đã quyết định quay lưng lại các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Lào và Campuchia để cầu xin ân huệ của các Chính phủ Anh và Pháp. Hiển nhiên là Idơn đã nhanh chóng truyền đi điều đó. Buổi chiều ngày Chu Ân Lai gặp Idơn (ngày 16/6), các đoàn đại biểu Vương quốc Lào và Campuchia cực lực đòi phải “rút toàn bộ” quân đội Việt Minh ra khỏi lãnh thổ của họ. Chu Ân Lai bèn đưa ra một đề nghị 6 điểm, trong đó kêu gọi chấm dứt chiến sự đồng thời ở Lào, Campuchia và Việt Nam. Trong đó đề nghị rằng đại diện các “bên tham chiến” (có nghĩa là Việt Minh và Pháp, không đả động gì đến Khme Ítxarắc và Pathét Lào) phải thương lượng ở Gionevơ để chấm dứt chiến sự, rằng phải “xác định trong một cuộc thương lượng khác về số lượng và các loại vũ khí cần thiết để tự vệ có thể đưa vào các nước này”. Gioayô ghi nhận rằng Trung Quốc đã có những nhượng bộ đáng kể, bởi vì điều đó có nghĩa là:

“Nó cho phép trang bị quân đội Chính phủ hiện nay đang tranh đấu chống du kích Pathét Lào và Khme Ítxarắc, và trong tương lai có thể đẩy lùi mọi hoạt động mới của Việt Minh ở bên ngoài biên giới Việt Nam”.[\[15\]](#)

Trên thực tế, điều đó có nghĩa là Trung Quốc tìm cách phá vỡ tình đoàn kết cách mạng giữa lực lượng nhân dân ba nước Đông dương và góp phần tạo điều kiện cho việc tiêu diệt Pathét Lào và Khme Ítxarắc, vì rằng sẽ cấm toàn bộ mọi nhân viên quân sự và vũ khí mới các loại, trừ những gì cần thiết cho việc “tự vệ” của các quốc gia tay sai của Pháp. Gioayô nhận xét rằng ông Phạm Văn Đồng đã “kiên trì giữ vững lập trường cứng rắn của mình” để bảo vệ Pathét Lào và Khme Ítxarắc.

“Ông tuyên bố: logic của sự thật đòi hỏi người ta phải công nhận phong trào giải phóng ở hai nước này và bác bỏ những lời khẳng định cố dụng ý xấu của những ai muốn giải thích rằng các phong trào đó là do ảnh hưởng từ bên ngoài. Đoàn đại biểu Việt Minh chào mừng mỗi thiện cảm và kính trọng các phong trào đó, sản phẩm của sự áp bức dã man tàn bạo, bắt nguồn sâu xa từ trong nhân dân và không thể nào tạo nên một cách giả tạo và từ bên ngoài được”.[\[16\]](#)

Gioayô bình luận một cách lạnh lùng: “Đó là những lời lẽ gay gắt đến mức mà người ta có thể tự hỏi là những lời lẽ đó nhằm vào ai trong bối cảnh đó”. Chắc chắn là Chu Ân Lai hiểu, nhưng điều đó không ngăn cản ông ta. Ngày hôm sau, ông ta nói với Bidôn vừa bị mất nhiệm rằng:

“Đúng là quân đội tình nguyện Việt Nam đã vào lãnh thổ Lào và Campuchia do những yêu cầu của các hoạt động quân sự trước đây. Phần lớn lực lượng đó đã không còn ở đó nữa. Nhưng những lực lượng còn lại cũng sẽ rút về nốt”.[\[17\]](#)

Về cuộc họp nổi tiếng ở Bécnr, Gioayô kể lại rằng một trong những điều bất ngờ của nó là Chu Ân Lai, trong lời mở đầu đã nói rằng ông ta đã “thúc đẩy Việt Minh nhích lại gần không những với nước Pháp mà với cả Việt Nam của Bảo Đại”. Tiếp đó Gioayô tóm tắt bản báo cáo về cuộc họp mà Măngđét Phrăng gửi ngày hôm sau cho các đại sứ quán Pháp ở London và Oasinhton.

“Ông ta nêu lên 5 điểm đáng ghi nhớ. Trước hết, Trung Quốc đã không tìm cách đòi sự đền bù nhỏ bé nhất nào đối với những nhượng bộ của họ về vấn đề Lào và Campuchia. Thứ hai, Chu Ân Lai không những khẳng định lại sự đồng ý cần thảo luận các vấn đề quân sự trước các vấn đề thuần túy chính trị, mà còn – đây là điều chủ yếu – lần đầu tiên tuyên bố rằng, sau giải pháp quân sự, giải pháp chính trị có thể tiến hành theo nhiều bước trong một thời gian khá dài. Thứ ba, trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc đã thừa nhận sự cần thiết phải đẩy nhanh việc thương lượng về vấn đề tập kết quân đội Việt Nam – Chu Ân Lai đã nói đến thời hạn 3 tuần lễ – và còn nói thêm rằng Việt Minh cũng mong muốn Hội nghị nhanh chóng đi đến kết quả. Thứ tư, Trung Quốc đã không hề đề cập đến vấn đề Pháp công nhận về ngoại giao, cũng như vấn đề Đài loan và vấn đề Trung Quốc gia nhập Liên hợp quốc. Người ta bèn nhanh chóng báo cho Đài bắc biết tin này. Cuối cùng Chu Ân Lai không tìm cách đòi chính phủ mới của Pháp phải có nhượng bộ đặc biệt gì. Tóm lại, người đứng đầu nền ngoại giao Trung Quốc đã không hề tìm cách khai thác những khó khăn chính trị mà nước Pháp đang trải qua”.[\[18\]](#)

Về ba điểm đầu, lập trường của Trung Quốc đối lập hoàn toàn với lập trường của người Việt Nam và các bạn chiến đấu Khme và Lào của họ. Họ đã bị cướp đi khả năng khai thác các thế mạnh trên chiến trường để giành những giải pháp chính trị thuận lợi. Việc đẩy nhanh thủ tục tập kết là có lợi cho người Pháp, vì nó giúp họ rút lực lượng ra khỏi các vị trí không thể giữ được. Kéo dài giải pháp chính trị – trì hoãn càng lâu càng tốt cuộc Tổng tuyển cử để thống nhất đất nước – cũng có lợi cho Pháp. Việc khẳng định đòi các thủ tục ngừng bắn cũng lại có lợi cho Pháp, vì nó cho phép có một giải pháp quân sự trước khi người Pháp bị buộc chặt vào những mục tiêu chính trị cụ thể mà lại không có những phương tiện cần thiết để đạt những mục tiêu đó.

Măngđét Phrăng đã cam kết sẽ từ chức nếu ông ta không đạt được một Hiệp định ngừng bắn trước nửa đêm ngày 20/7. Phiên họp bế mạc đã được định vào 9 giờ sáng ngày 20. Các nhà báo chờ đợi tại Trung tâm báo chí của Hội nghị sẽ khó quên được đêm đó. Đã sắp đến 9 giờ tối; rồi đồng hồ điểm 9 giờ mà chẳng có một lời nào từ phòng họp. Nhiều phút, rồi nhiều giờ trôi qua, uýtky chảy tràn trề ở quầy rượu và kim đồng hồ nhích dần tới nửa đêm. Đến giờ đó, nhiều nhà báo Mỹ chạy tới buồng điện thoại để thông tin cho các báo và hãng thông tấn của họ rằng Măngđét Phrăng đã thua canh bạc này và không còn cách nào hơn là từ chức vào ngày mai. Nhiều giờ nữa trôi qua. Đã quá chậm để có thể đưa tin cho những đợt cuối cùng của các báo hàng ngày ở London. Hầu hết các nhà báo bỏ về, nhiều người tin rằng cuộc chiến tranh mở rộng là điều sẽ diễn ra trước mắt đối với Đông dương.

Điều gì đã xảy ra? Oantơ Biden Smít, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ, đã được cấp trên trực tiếp của ông ta Giôn Phostơ Đalét – để lại tại Hội nghị Giơnevơ để tìm hết cách ngăn cản việc đi đến một Hiệp định.[\[19\]](#) Biden Smít đã từ chối tham gia bất cứ một giai đoạn cuối cùng nào của công việc. Tuy nhiên ông ta yêu cầu mọi tài liệu chủ yếu phải được mang đến cho ông ta tại khách sạn. Ông ta cũng cùng với đại biểu của Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào âm mưu tạo ra càng nhiều trở ngại vào giờ phút chót càng tốt. Bằng bất cứ giá nào cũng phải ngăn

cản một giải pháp trước nửa đêm 20/7! Biết đâu trong một cơn hờn giận, Măngđét Phrăng lại sẽ chẳng xuôi tay và từ chức. Đó là một hy vọng, được phản ánh qua những tin tức mà các nhà báo và các nhà bình luận Hoa Kỳ (đặc biệt là anh em nhà Alsop), vẫn lớn vồn trong đầu Biden Smít và Đalét cho đến phút cuối cùng.

Cuối buổi chiều ngày 20/7, Xam Xary, phái viên riêng của Quốc vương Norodom Sihanuc, đã có một hành động phá hoại bộ phận dự thảo văn kiện. Iđon, Molotop, Chu Ân Lai và Măngđét Phrăng đã thỏa thuận với nhau là các quốc gia liên kết (nước Việt Nam của Bảo Đại, các Vương quốc Campuchia và Lào) không được tham gia vào bất cứ liên minh quân sự nào; cũng không được chấp nhận việc thiết lập bất kỳ một căn cứ quân sự nào của nước ngoài. Chỉ có trường hợp ngoại lệ duy nhất đối với điều khoản thứ hai này là ở Lào, nước Pháp được phép duy trì hai căn cứ huấn luyện quân sự. Chu Ân Lai – mà kinh nghiệm về sự đối đầu phải trả giá cao của Trung Quốc đối với Mỹ ở Triều tiên vẫn còn mới mẻ – đặc biệt kiên trì trong việc bịt kín bất kỳ một lỗ hổng nào mà Hoa Kỳ sau này có thể dùng để tiến vào Đông dương. Chu Ân Lai và Măngđét Phrăng có lợi ích giống nhau về điểm này, ông Phạm Văn Đồng cũng thế.

Nhưng nước Pháp bị mắc kẹt trong một cái bẫy do chính họ đặt ra. Pháp đã trao cho Campuchia bộ phục sức bên ngoài của một nền độc lập vào tháng 11/1953. Vào phút thứ 59 của giờ 11, Xam Xary lên tiếng khẳng định rằng Vương quốc Campuchia, một quốc gia độc lập và có chủ quyền, không thể chấp nhận bất cứ một hạn chế nào đối với sự lựa chọn của mình về những mối liên minh đối ngoại hoặc ngay cả đối với quyền cho phép Hoa Kỳ thiết lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình.

Dường như đây chỉ là sáng kiến cá nhân của Xam Xary (Xam Xary sau này đã tham gia một cuộc đảo chính chống Sihanuc và liên minh với Sơn Ngọc Thành, kẻ thù quyết liệt nhất của Sihanuc, được CIA ủng hộ). Trưởng đoàn đại biểu Campuchia Tép Phan ngày hôm đó đã từng họp với Chu Ân Lai trong 2 tiếng đồng hồ không nêu lên vấn đề nào như vậy. Với mục đích để kéo dài thời gian, quả bom của Xam Xary đã có tác dụng. Nhưng tại một cuộc họp vào 2 giờ sáng ngày 21, Iđon, Măngđét Phrăng và Molotop – trong khi Chu Ân Lai vắng mặt – đã đồng ý đưa vào trong văn bản một đoạn nói rằng: “trong trường hợp nền an ninh bị đe dọa”, Campuchia sẽ được phép thiết lập căn cứ quân sự của nước ngoài trên lãnh thổ của mình. (Đây là điều mà sau này Sihanuc kiên quyết chống). Với lý do để cho “cân xứng”, Măngđét Phrăng đòi áp dụng điều khoản đó đối với Lào. Phải đến phiên họp bế mạc Hội nghị vào 3 giờ 30 phút chiều 21/7, ông Phạm Văn Đồng mới được biết về hai biện pháp mới này nhằm tăng cường sự bao vây tiềm tàng đối với Bắc Việt Nam.[\[20\]](#)

Bài phát biểu ngắn của ông Đồng tại phiên họp bế mạc phản ánh sự cay đắng của ông khi phải chấp nhận những quyết định do sự áp đặt của người khác, bè bạn cũng như đối thủ. Các nhà báo không được dự phiên họp này (cũng như mọi phiên khác), nhưng Gioayô đã tóm tắt những gì đã xảy ra:

“Ông Phạm Văn Đồng chỉ có một câu cảm ơn hai đồng chủ tịch, chứ không có một lời nào biết ơn đối với Trung Quốc. Liệu có thể giải thích sự im lặng này một cách nào khác hơn là dấu hiệu về sự bất bình của Việt Minh đối với đồng minh của họ, những người tuy là nguồn ủng hộ vững chắc trong quá trình thương lượng, nhưng vẫn không ngần ngại tìm cách hạn chế những yêu cầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mỗi khi lợi ích dân tộc của chính họ đòi hỏi?”

Tối 22/7, ông Phạm Văn Đồng và các thành viên khác của đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến dự một cuộc chiêu đãi của Chu Ân Lai để “chúc mừng thắng lợi của Hội nghị”. Họ chờ đợi một cuộc “chúc mừng giữa những người đồng chí”. Họ rất ngạc nhiên khi thấy đoàn đại biểu Liên Xô đã không được mời, trong khi các đoàn đại biểu của “Hoàng đế” Bảo Đại, Vương quốc Lào và Campuchia lại có mặt. Chu Ân Lai trước hết nâng cốc chúc mừng Hoàng đế Bảo Đại rồi đến Vua Lào và Vua Campuchia. Người phụ tá cao cấp của ông Phạm Văn Đồng (mà tôi đã trích dẫn trước đây) nói với tôi:

“Chúng tôi hầu như không thể tin ở mắt và tai mình nữa. Về sau, chúng tôi thấy vấn đề rõ hơn. Trung Quốc muốn các nước Đông dương nằm trong túi mình và hy vọng rằng ba Vương quốc ở đây sẽ được duy trì như những nước triều cống kiểu như Thiên hoàng trị vì đế quốc

Trung hoa với những quốc gia phiên thuộc! Trung Quốc không thể coi thường hơn nữa nội dung xã hội của các quốc gia ấy cũng như của các lực lượng cách mạng ở đó. Nhìn lại những gì xảy ra sau này với Khme đỏ ở Campuchia và việc Trung Quốc xâm lược Việt Nam rõ ràng đã được khởi động bởi thái độ của Trung Quốc tại Hội nghị Giơnevơ và đặc biệt là cuộc chiêu đãi cuối cùng này”.

Chu Ân Lai đã bố trí để tại cuộc chiêu đãi các trưởng đoàn Campuchia và Lào, Tép Phan và Phủi Xananicon ngồi cùng một bàn với vài phụ tá cao cấp của Chu Ân Lai. Tại bàn do Chu Ân Lai chủ trì, Ngô Đình Luyện (em Ngô Đình Diệm, người mới được CIA đưa lên cầm quyền ở Sài Gòn) được xếp ngồi giữa Phạm Văn Đồng và Tạ Quang Bửu, thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngô Đình Luyện và Tạ Quang Bửu đã từng học cùng tại Pháp và Chu Ân Lai tìm hết cách làm cho hai người gọi lại những kỷ niệm thời thanh niên. Có lúc, Chu gợi ý Ngô Đình Luyện sang thăm Bắc Kinh. Khi Luyện hỏi sang đó với danh nghĩa nào, Chu Ân Lai trả lời: “Tại sao các ngài không đặt một công sứ quán ở Bắc Kinh?” Nhận thấy ông Phạm Văn Đồng giật nảy người phản ứng, Chu Ân Lai lạnh lùng nói rằng việc ông Phạm Văn Đồng gần gũi với Trung Quốc hơn về mặt tư tưởng không loại trừ việc Sài Gòn có đại diện ngoại giao tại Bắc Kinh. “Dù sao, hai ngài đều chẳng phải là người Việt Nam cả sao và tất cả chúng ta đây chẳng phải là người châu Á cả đó sao?” Đây nữa lại là một viên thuốc đắng mà ông Phạm Văn Đồng phải nuốt tại Giơnevơ. Lý do khiến Chu Ân Lai ủng hộ việc đẩy lùi càng lâu càng tốt cuộc Tổng tuyển cử để tái thống nhất đất nước đã trở nên quá rõ ràng. Trung Quốc quan tâm tới việc mở rộng ảnh hưởng của chính mình ở Sài Gòn hơn là giúp Việt Minh giành thắng lợi chính trị và tái thống nhất đất nước.[\[21\]](#)

Sextor Roning, đã từng là quyền trưởng đoàn đại biểu Canada tại phần bàn về Triều tiên của Hội nghị và đã được lưu lại làm quan sát viên trong quá trình thương lượng về Đông dương, nhận xét:

“Chính những nhân nhượng của Chu và những nhân nhượng mà ông ta buộc Cụ Hồ Chí Minh phải chấp nhận đã giúp Măngđét Phrăng đạt được các hiệp nghị về Việt Nam, Lào và Campuchia. Mặc dù tướng Giáp đã chiến thắng các lực lượng quân sự của Pháp ở Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng đã phải nhân nhượng điều quan trọng nhất khi ông chấp nhận sự chia cắt tạm thời của Việt Nam trong thời gian 2 năm. Nhân nhượng đó cuối cùng đã ngăn cách việc tái thống nhất”.[\[22\]](#)

Nhà ngoại giao Canada nói gần đúng. Thực ra, nhân nhượng lớn nhất của Cụ Hồ Chí Minh và ông Phạm Văn Đồng là đồng ý tham dự Hội nghị Giơnevơ. Các lực lượng của họ đang ở thế chiến thắng. Cùng với chiến thắng của Pathét Lào và Khme Ítxarắc, họ có thể chấm dứt sự có mặt về quân sự của Pháp trên toàn cõi Đông dương. Nhưng việc đó không phù hợp với điều mà Trung Quốc coi là lợi ích của mình trong khu vực. Như Gioayô đã viết, Trung Quốc có một “cách nhìn về một Đông dương đa dạng trong đó Lào và Campuchia phải là đối trọng của Việt Nam”, một cách nhìn mà “sau cuộc ngừng bắn, đã trở thành một trong những hằng số của chính sách của Trung Quốc ở Đông dương”.[\[23\]](#)

Gioayô, người đã có một công trình nghiên cứu cực kỳ đồ sộ không chỉ về công việc hàng ngày của Hội nghị Giơnevơ mà cả về hậu quả của nó, nhận thấy rằng thái độ của Trung Quốc ở Giơnevơ là phù hợp với chính sách cổ truyền của Trung Quốc, dù là dưới chế độ hoàng đế, cộng hòa hay xã hội chủ nghĩa. Thái độ đó hoàn toàn xa lạ đối với mọi khái niệm của chủ nghĩa Quốc tế Vô sản và tình đoàn kết cách mạng. Những việc làm đó hoàn toàn không xứng đáng với cái giá mà nhân dân Việt Nam, Lào và nhân dân Khme đã phải trả. Gioayô viết:

“Chúng ta hãy tìm cách trả lời câu hỏi này. Liệu chính sách của Trung Quốc đối với Đông dương năm 1954 là có gần gũi hay không với chính sách cổ truyền của đế chế Trung hoa trong khu vực này?

Một trong những nét nổi bật nhất của chính sách đó là Trung Quốc thường xuyên muốn duy trì hòa bình ở sườn phía Nam bằng cách thiết lập một sự cân bằng dựa trên sự kình địch giữa các quốc gia khác nhau trong khu vực. Một ‘nền hòa bình kiểu Tàu’ (pax sinica) giống như việc

khử tác động của các lực ngược chiều. Một chính sách rất gần gũi với chính sách ‘chia để trị’ cổ xưa ở hình thức sơ đẳng nhất, bằng lòng với việc chống bất cứ một ý muốn nào có thể phá vỡ thế cân bằng và buộc nó phải can thiệp trực tiếp. Nhằm mục đích đó, đế chế xưa kia luôn luôn quan tâm gìn giữ sự hài hòa trong mối quan hệ với các nước láng giềng hùng mạnh nhất, đồng thời duy trì quan hệ trực tiếp, càng nhiều càng tốt với các nước láng giềng nhỏ yếu...

Trong thời gian Hội nghị Giơnevơ, ít nhất là trên ba điểm, Trung Quốc đã ngăn cản mục đích của Việt Minh bằng chính sách cổ điển của họ. Trước hết, ngày 16/6, trong khi đề nghị tách vấn đề Lào và Campuchia khỏi vấn đề Việt Nam, Trung Quốc đã góp phần tăng cường tính chất đại diện của các Chính phủ Vương quốc Viêng chán và Phnom Penh ngay sau chiến thắng Điện Biên Phủ; đồng thời làm tiêu tan những hy vọng của Việt Minh nhằm thành lập ở sườn phía Tây và Tây Nam những Chính phủ Cách mạng trung thành với Việt Minh. Cũng như vậy, ngày 23/6, tại Bécnrơ, trong khi cho Măngđét Phrăng biết rằng ông ta (Chu Ân Lai) sẽ thúc đẩy Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhích lại gần Việt Nam của Bảo Đại, rồi ngày 19/7, tại Giơnevơ, trong khi đề nghị một thời hạn 2 năm để tổ chức Tổng tuyển cử trên toàn cõi Việt Nam, Chu Ân Lai đã tỏ rõ ý của Trung Quốc là về phần mình, Trung Quốc không phản đối việc Việt Minh bị đàn áp ở miền Nam... Như vậy là, một Đông dương mà cuộc Cách mạng, cũng như quá trình thực dân hóa của Pháp trước đây, đã làm thống nhất lại, sẽ nhường chỗ cho một Đông dương đa dạng, mà tượng trưng là bữa tiệc cuối cùng của Chu Ân Lai”.[\[24\]](#)

Một ngày sau khi kết thúc Hội nghị Giơnevơ, ông Phạm Văn Đồng tiếp một nhóm nhà báo trong khu vườn tòa biệt thự dùng làm trụ sở của ông tại Vécxoá, trên sườn đồi dẫn xuống hồ Lêmân êm đềm tuyệt đẹp. Một trong những câu hỏi của chúng tôi lúc đó là: liệu Hoa Kỳ có thành công – như những người phát ngôn của họ đã bắt đầu lớn tiếng tuyên bố – trong việc biến Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 thành một Nam Triều tiên từ vĩ tuyến 38 và biến giới tuyến tạm thời thành một ranh giới chia cắt vĩnh viễn hay không? Một nụ cười làm sáng lên gương mặt u buồn, khắc khổ của ông:

“Người Mỹ đến Giơnevơ với những kế hoạch của họ; chúng tôi có kế hoạch của chúng tôi. Trước tiên, họ không muốn có Hội nghị Giơnevơ. Thay cho việc ngừng bắn, họ muốn mở rộng chiến tranh với sự can thiệp của Mỹ như ở Triều tiên. Nhưng như các bạn đã thấy, đã có ngừng bắn. Rồi các bạn sẽ thấy là chúng tôi sẽ thực hiện được việc thống nhất đất nước”.

Về những tin tức nói rằng Hoa Kỳ đang đổ đôla vào để biến Nam Việt Nam thành một “thiên đường” khiến cho nhân dân không muốn thống nhất, ông trả lời một cách tự hào:

“Không thể nào mua được bằng đôla Mỹ một dân tộc đã từng không tiếc xương máu vì thống nhất và độc lập. Không thể nào duy trì được ở miền Nam – ngay cả bằng viện trợ Mỹ – một chính phủ công khai chống lại sự thống nhất của đất nước. Nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là củng cố miền Bắc để giữ gìn hòa bình và thống nhất nước Việt Nam bằng tuyển cử tự do”.[\[25\]](#)

Gương mặt ông lại trở nên u buồn và mắt ngấn lệ, ông nói chậm rãi: “Tôi không biết rồi chúng tôi sẽ giải thích như thế nào về tất cả những gì đã được quyết định ở đây cho đồng bào miền Nam”. 26 năm sau (tháng 4/1980), tôi nhắc lại với ông việc này và ông đáp:

“Chúng tôi lẽ ra đã có thể giành được hơn nhiều, nhiều lắm. Chúng tôi đã thỏa thuận trước với người Trung Quốc về mọi vấn đề – Nhưng Chu Ân Lai đã họp kín với Măngđét Phrăng và tất cả đều bị biến đổi. Nếu lúc đó chúng tôi cứ tiếp tục chiến tranh thì có lẽ chúng tôi đã thắng và được tất cả. Phải nói rằng người Trung Quốc đóng một vai trò cực kỳ nguy hiểm trong suốt cuộc thương lượng và đã phản bội chúng tôi một cách đê tiện nhất”.

Việc các nhà lãnh đạo Việt Nam giữ gìn điều bí mật về vai trò của Trung Quốc tại Hội nghị Giơnevơ là một điều đáng khâm phục về tính thận trọng, ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa – nhưng cũng là một điều đáng tiếc khi họ không thông báo rộng rãi trong một chừng mực nào đó những việc đã xảy ra sau hậu trường ở Hội nghị. Tôi đã từng theo dõi đưa tin về Hội nghị Giơnevơ, đã từng thường trú ở Hà Nội trong nhiều năm để đưa tin về việc thi hành các quyết định của Hội nghị, đã từng có vô số cuộc nói chuyện với Cụ Hồ Chí Minh, ông Phạm Văn Đồng, ông Võ Nguyên Giáp và những người khác, nhưng tôi chẳng

hề được một gợi ý xa xôi nào về những gì xảy ra sau hậu trường ở Gionevơ, cho mãi đến khi Trung Quốc đã phạm điều phản bội tột cùng bằng cách xâm lược Việt Nam!

Rõ ràng Việt Minh đã có những hy sinh đáng kể trong khi chấp nhận các Hiệp nghị Gionevơ. Nhưng họ đã tạo nên ấn tượng rằng họ đã tự nguyện chấp nhận những hy sinh đó vì lợi ích của đường lối chung về “cùng tồn tại hòa bình” lúc đó đang thịnh hành trong thế giới xã hội chủ nghĩa. Hơn một phần tư thế kỷ sau, người phụ tá của ông Phạm Văn Đồng, khi thông báo cho tôi về những gì đã thực sự xảy ra ở Gionevơ bình luận:

“Chúng tôi đã học được một bài học lớn qua những mưu đồ của Trung Quốc – trong những cuộc thương lượng ngoại giao, điều quyết định là phải nắm chắc mọi việc trong tay mình. Đừng để cho người khác can thiệp vào! Chỉ thương lượng vì lợi ích của chính mình. Chính vì vậy mà tại Hội nghị Paris chúng tôi đã giữ vững quyền kiểm soát – điều này làm cho người Trung Quốc hết sức bất bình. Chúng tôi đã tiến hành chiến tranh và có đủ khả năng lập lại hòa bình, hoặc ít ra là bảo đảm cho mình một thế thắng trong trường hợp phải cần đến một vòng nữa trên trường đấu.

Mọi điều mà Trung Quốc và Níchxơn, Kítxinhgiơ đã thỏa thuận trong các cuộc hội đàm ở Bắc Kinh đều nhằm áp đặt các điều kiện, để lợi dụng các chiến thắng của chúng tôi trên chiến trường. Nhân dân Trung Quốc là bạn của chúng tôi. Nhưng những người lãnh đạo Trung Quốc lúc đó đã lợi dụng xương máu của chúng tôi vì lợi ích của chính họ; dùng tình hữu nghị Việt – Trung vào mục đích bành trướng của chính họ.

Vì những sự phản bội ở Gionevơ, cuộc đấu tranh của chúng tôi đã phải kéo dài thêm 20 năm; những kinh nghiệm của chúng tôi về quân sự, chính trị và ngoại giao đã chứng minh một điều: phải tuyệt đối độc lập. Đây là một thực tế sống đặng đến xương máu của chính mình”.

Ngoài các khía cạnh khác, Hội nghị Gionevơ còn là một cuộc thao diễn khổng lồ về đạo đức giả. Người Pháp và đồng minh của họ, vốn chưa hề gọi khu vực này bằng cách nào khác hơn là “Đông dương”, nay bỗng giơ tay kinh hãi khi phát hiện ra rằng các chiến sĩ giải phóng dân tộc cũng coi đó là một chiến trường chung và họ đang chiến đấu chống mọi kẻ thù chung là thực dân Pháp, quan thầy của các “Quốc gia liên hiệp Đông dương”. Nếu điều này không phải là thực tế thì tại sao lại có một Hội nghị Gionevơ về Đông dương?

Một trong những lời tuyên bố kinh tởm, đạo đức giả nhất về mặt này là của ngài Antoni Idon, đại diện của cường quốc đã giúp đỡ về mặt quân sự và vật chất cho người Pháp trở lại Đông dương sau Thế chiến thứ hai. Sau đây là một trích đoạn trong tuyên bố của Idon tại Hội nghị Gionevơ ngày 10/6/1954, trong đó ông ta bác bỏ cả quyền của Khme Ítxarắc và Pathét Lào được tham gia Hội nghị lẫn quyền của quân đội Việt Minh được chiến đấu trên đất Lào và Campuchia.

“Về chủng tộc, tôn giáo và văn hóa, nhân dân hai nước này khác hẳn nhân dân Việt Nam. Quân xâm lược Việt Minh không chỉ vượt qua một biên giới chính trị. Họ đã vượt qua biên giới ngăn cách hai nền văn minh lớn ở châu Á – Văn minh Ấn độ và văn minh Trung hoa”.[\[26\]](#)

Biểu hiện xuất sắc đó của “luật này cho người giàu, luật khác cho người nghèo” vận dụng vào nền ngoại giao quốc tế lẽ ra đã thu hút được sự chú ý của báo chí, nếu như Idon đã không tiến hành trước những biện pháp nhằm che dấu vết chân của mình. Ông ta tiết lộ rằng ngay từ đầu phần bàn về Đông dương của Hội nghị, trong một cuộc họp với quyền trưởng đoàn đại biểu Hoa Kỳ, Oantơ Biden Smít và Ngoại trưởng Pháp Gioócgiơ Bítôn, ông ta đã đề nghị:

“Rằng các cuộc đàm phán phải được tiếp tục tại các phiên họp hẹp, bao gồm những người đứng đầu của cả chín đoàn đại biểu, mỗi người chỉ mang theo hai hoặc ba cố vấn. Sẽ không cung cấp cho báo chí một tường thuật nào về tiến trình đàm phán. (Đề nghị này được tán thành và hôm sau, Molotop và Chu Ân Lai cũng chấp nhận)... Tình hình quân sự có thể buộc chúng ta phải nhân nhượng cộng sản ở Việt Nam và họ muốn áp dụng những nhân nhượng này vào cả Lào và Campuchia. Chúng ta phải ngăn chặn điều này bằng bất kỳ giá nào. Một đảng là cuộc nội chiến ở Việt Nam, một đảng là Việt Minh trực tiếp xâm lăng Lào và Campuchia; không thể đề cập đến chúng trên một cơ sở như nhau”.[\[27\]](#)

Vậy là, tại Giơnevơ, các cường quốc phương Tây, với sự đồng lõa của Trung Quốc, đã chia cắt, thậm chí xóa bỏ Đông dương, với hy vọng tiêu diệt các lực lượng cách mạng ở Lào và Campuchia và hạn chế thắng lợi của Việt Minh vào khu vực phía Bắc vĩ tuyến 17. Đây là một điều báo trước về những gì Trung Quốc sẽ làm năm 1975, khi họ tìm cách thuyết phục Việt Nam dừng mở cuộc tổng tiến công để thống nhất đất nước. Khi lời thuyết phục này thất bại và cuộc tấn công đã thành công, Trung Quốc bèn ủng hộ Khme đỏ trong những cuộc phiêu lưu quân sự điên rồ chống Việt Nam, đồng thời dựng lên những tổ chức chính trị đối lập ở Lào, nòng cốt là những lính đánh thuê người Mèo thừa hưởng của CIA, nhằm “chia để trị” các nước trước đây thuộc Đông dương.

Hiệp định Giơnevơ quy định rút lực lượng Việt Minh khỏi Campuchia. Điều đó tất yếu là phần lớn lực lượng Khme Ítxarắc, vốn gắn bó, xen kẽ một cách chặt chẽ với họ, cũng phải rút đi. Nếu họ ở lại Campuchia, họ sẽ bị đặt vào một thế yếu không thể nào chịu nổi. Trong thời gian 300 ngày để quân đội và cán bộ Việt Minh rút về phía bắc vĩ tuyến 17 và quân đội viễn chinh Pháp rút vào phía nam vĩ tuyến 17, đại bộ phận quân đội và cán bộ Khme Ítxarắc cũng đã rút ra Bắc Việt Nam.

Phần thứ hai: Bối cảnh của tấn thảm kịch Campuchia

IV. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 1)

Việc Khme đỏ trỗi dậy, cầm quyền và suy tàn chắc chắn sẽ là chủ đề tranh cãi trong nhiều thập kỷ tới giữa các nhà viết sử, các nhà khoa học chính trị và xã hội, các nhà tư tưởng, các nhà nghiên cứu về châu Á và những người khác. Câu hỏi cơ bản là bằng cách nào mà những quái thai của nhân cách và đạo đức cách mạng như PolPot, Ieng Xari cùng một nhóm thân nhân^[28] và bè lũ có thể leo dần lên đến tột đỉnh và thực hiện các chính sách diệt chủng của chúng. Những núi đầu lâu và xương người, mà chúng ta vẫn còn tìm thấy khắp nơi ở Campuchia, đang lặng lẽ gào thét đòi hỏi câu trả lời. Hàng triệu người trên khắp thế giới cũng đang đòi hỏi phải trả lời.

Không có một lời giải thích nào. Hầu hết những người biết được những gì đã xảy ra trong nội bộ giới cầm quyền và những người không tán thành, đều đã bị thủ tiêu. Những kẻ thắng cuộc thì không muốn giải thích về những phương pháp và động cơ không thể nào bào chữa được của chúng. Cộng với sự hiếm hoi về tài liệu và sự mâu thuẫn thường xảy ra giữa các tài liệu có được, là việc thiếu những lời khai của những giới cầm quyền cao cấp Khme đỏ càng làm cho việc sắp xếp lại thành một lời giải thích đầy đủ, trở nên cực kỳ khó khăn. Tuy nhiên, các cuộc điều tra được tiến hành cho đến nay đã làm sáng tỏ một số điểm then chốt để hiểu được những mâu thuẫn đã khiến cho một bộ phận của ban lãnh đạo phong trào cách mạng ở Campuchia phản bội lại phong trào đó.

Khme đỏ chưa bao giờ là một tổ chức đồng nhất. Thực ra, từ “Khme đỏ” là do Sihanuc đặt ra để chỉ cánh đối lập cực tả ở Campuchia. Khác với từ “Việt Minh” trong cuộc kháng chiến chống Pháp – một tên gọi tắt Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội – Mặt trận Tổ quốc, đã giương ngọn cờ giải phóng dân tộc – “Khme đỏ” là một nhãn hiệu do một người ngoài cuộc gán cho phong trào. Nhãn hiệu này đã được dùng cho những đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Đông dương ở Campuchia, cho những sinh viên Campuchia mà về sau được gọi là “nhóm Paris”, cũng như những người đi theo cả hai nhóm. Những kinh nghiệm và viễn cảnh khác nhau giữa những người kỳ cựu và “nhóm Paris” đã dẫn đến những bất đồng liên tục và cơ bản về mục tiêu và sách lược của phong trào. Ngay trong nội bộ “nhóm Paris” tình hình cũng như vậy, nhưng bất đồng ít hơn và hầu hết là về sách lược. Cuộc đấu tranh ngày càng tăng cường, thì phe PolPot trong “nhóm Paris” càng đối phó với những bất đồng bằng cách đơn giản là sát hại những người chống đối lại chúng về lý luận cũng như về tổ chức.

Có một điểm mà hầu hết các nhà quan sát đều nhất trí là phong trào cách mạng đã ra đời trong những hoàn cảnh rất đặc biệt, bắt nguồn tận trong bản thân Vương quốc Campuchia. Khi người Pháp bắt đầu công cuộc thực dân hóa Campuchia bằng cách thành lập một “xứ bảo hộ” năm 1863, họ đã ghép một hệ thống thực dân lên một nền quân chủ chuyên chế. Các phong trào dân chủ chẳng có mấy cơ hội nảy nở và chúng nếu có trông thấy ánh mặt trời thì hầu như tất cả đều “hữu sinh vô dưỡng” – nếu chế độ quân chủ không bóp chết chúng, thì chắc chắn các nhà cầm quyền mới, thực dân sẽ bóp chết chúng. Không có một tầng lớp trí thức đáng kể và các vị sư sãi (Phật giáo) là người đại diện cho cơ cấu trí thức hạ tầng duy nhất và rất hạn chế.

Mặc dù triết lý của Đạo Phật là thụ động và không bạo lực, các vị sư sãi đã giữ một vai trò chiến đấu, tiên phong trong việc chống thực dân, một phần vì bọn này đã du nhập vào cùng với chúng một tôn giáo xa lạ – đạo Cơ đốc. Mặc dù các vị lãnh đạo Phật giáo đã tỏ ra hết sức anh hùng và thỉnh thoảng được sự ủng hộ của giới tu hành cấp dưới và quần chúng Phật tử, họ không thể cung cấp một cơ sở tư tưởng cho cuộc đấu tranh vũ trang lâu dài chống một cường quốc thực dân hiện đại. Tuy vậy, các nhà viết sử cũng cần ghi nhận rằng giới tu hành Phật giáo ở Campuchia, cũng như ở Việt Nam và Lào, đã đóng một vai trò yêu nước quan trọng – nhiều người đã chịu hy sinh to lớn – trong cuộc đấu tranh chống cả bọn xâm lược Pháp và Mỹ.^[29]

Khi Campuchia giành được độc lập – dù tính là tháng 11/1953, khi người Pháp trao trả ít ra là độc lập danh nghĩa cho Sihanuc, hay là tháng 7/1954, khi nền độc lập của Campuchia được

ghi vào Công pháp quốc tế ở Gionevơ – thì nước này vẫn là một quốc gia nửa phong kiến. Mặc dù chế độ nô lệ đã được chính thức bãi bỏ, nhưng những tàn tích của nó vẫn tồn tại.^[30] Và tình trạng của ít ra là một bộ phận nông dân Campuchia cũng gần giống tình trạng mà một viên quan cai trị người Pháp đã mô tả năm 1939:

“Những ngọn đòn của số phận giáng vào người nông dân tay trắng; bệnh tật, tang tóc và thiên tai biến anh ta thành miếng mồi ngon của bọn cho vay nặng lãi người Trung Quốc. Từ đó, anh ta vật lộn cật lực, cày và cày thêm nữa, với niềm hy vọng không thể nào đạt được là trả xong món nợ mà việc cho vay nặng lãi cứ làm phình to lên mãi. Mùa màng của anh ta tất nhiên bị thất thu, gia đình anh ta phải đi làm đầy tớ, trước tiên là trẻ con và đàn bà, cho đến ngày mà, bất chấp mọi hy sinh anh ta đã chịu đựng, các chủ nợ tàn nhẫn tước hết của cải của anh ta. Anh ta chẳng còn cách nào khác, ngoài việc đến ở nhà một người bà con mà vận may đã làm trở nên khấm khá, hoặc đi tu”.^[31]

Làm thế nào để tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng trong khi không có giai cấp tư sản lẫn giai cấp công nhân? Đó rõ ràng là một vấn đề lớn được đặt ra trước ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông dương, người đã tự đặt cho mình nhiệm vụ phải giúp đỡ người Campuchia xây dựng các tổ chức cách mạng và Đảng Cộng sản của chính họ. Trong một cuộc nói chuyện tại Hà Nội tháng 5/1980, nhà viết sử và xuất bản sách Việt Nam, Nguyễn Khắc Viện đã tóm tắt tình hình cho tôi:

“Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã phát triển trong một không khí hỗn loạn về tư tưởng, bao gồm những quan điểm dân tộc, truyền thống và một số quan điểm hiện đại. Không có quan điểm rõ ràng, thống nhất. Yếu tố duy nhất rõ ràng là đoàn kết với người Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân. Tình đoàn kết vượt qua biên giới đó phát triển thì tình hình được sáng tỏ. Cuộc đấu tranh và tình đoàn kết đó suy yếu, thì tình hình bên trong Campuchia trở lại hỗn loạn. Sihanuc phản ánh sự hỗn loạn đó. Trong một thời gian dài, ông ta tự mâu thuẫn và dao động, không thấy rõ chính mình muốn gì.

Có lúc, ông ta là một nhà độc tài gia trưởng; lúc khác, là một người yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc và đôi khi, ông ta kết hợp cả hai vai trò. Xu hướng yêu nước thúc đẩy ông ta có lập trường thân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Hoa Kỳ. Khía cạnh độc tài chiến ông ta bóp chết các phần tử dân chủ, những người lẽ ra có thể là đồng minh của ông ta – cứ như vậy, nhân dân Khme bị đẩy trở lại tình trạng hỗn loạn và thành quả tốt đẹp giành được trong thời kỳ đấu tranh chống Pháp đã bị mây mù che phủ. Trong cuộc đấu tranh chống thực dân này, tình đoàn kết của ba nước Đông dương tượng trưng cho một sự đoàn tuyệt với quá khứ phong kiến – dân tộc chủ nghĩa, nhưng cái đà đó về sau không còn nữa. Đó là một nhân tố giúp cho sự trỗi dậy của những người sau này gọi là Khme đỏ; bản thân họ là một sản phẩm của sự hỗn loạn về tư tưởng đã nói ở trên”.

Vai trò của những người cộng sản kỳ cựu và của lực lượng du kích Khme Ítxarắc ở Campuchia trước Hội nghị Gionevơ đã được bàn đến rồi. Trong những năm cuộc giải phóng dân tộc được tiến hành mạnh mẽ nhất, hầu hết những người lãnh đạo sau này của Khme đỏ vẫn còn là sinh viên ở Paris.

Người đến Paris đầu tiên, năm 1946 là Keng Vanxắc, sau này trở thành người dìu dắt Iêng Xary và PolPot. Y là con của “một viên quan lại điển hình, tay sai của thực dân Pháp”, nhu chính y đã kể với tôi hơn 30 năm về sau. Keng Vanxắc theo học tại Trường Cao đẳng Sư phạm Xanh Clu nổi tiếng, ở ngoại ô Paris, sau đó làm chuyên gia tiếng Campuchia cho một trường còn nổi tiếng hơn nữa, đó là Viện nghiên cứu về châu Phi và phương Đông ở London.^[32] Trở lại Paris, Keng Vanxắc trở thành một trong ba người thuộc “Ủy ban Chính trị” của một nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác gồm các sinh viên Campuchia lần lượt đến Paris từ năm 1949. Trong số họ có Rốt Xamaun, Thun Mun, Hu Yun Pohung Pon, May Phát, Mây Nam, Xiêng An, Iêng Xary, Tốc Phơ và Xalốt Xa. Tham gia Ủy ban Chính trị cùng với Keng Vanxắc là Iêng Xary và Xalốt Xa (y chỉ tiết lộ với cô bạn gái người Pháp rằng tên thật của y là PolPot).

Nhiều người trong số sinh viên này lúc đầu là những người yêu nước lý tưởng chủ nghĩa,

nguyên công hiến tài năng mà những điều kiện hiếm hoi được tiếp cận các lý thuyết cách mạng hiện đại – nhờ theo học ở Paris – để cải tạo xã hội Campuchia nhằm phục vụ lợi ích của những người nghèo khổ, nhất là nông dân. Với số liệu dồi dào và các tư liệu khác, những sinh viên này đã chứng minh rằng, mặc dù hầu như không có quan hệ địa chủ – tá điền trực tiếp như ở Việt Nam, Trung Quốc và hầu hết các nơi khác ở châu Á, giai cấp nông dân vẫn bị bóc lột và thường bị bọn con buôn và cho vay nặng lãi làm cho khánh kiệt và mất hết ruộng đất. Trong quá trình học lấy bằng cử nhân và tiến sĩ, một số sinh viên cánh tả Campuchia, nhất là Khiêu Xamphon, Hu Nim và Hu Yun, đã có những công trình nghiên cứu sâu sắc đầu tiên về hệ thống kinh tế – xã hội và những triển vọng đổi thay. Nhưng người ta không phải lúc nào cũng biết chắc được liệu những điều mà những nhà lãnh đạo tương lai của Khme đỏ viết trong những luận án ở Paris là dựa trên sự điều tra thực tiễn hay nghiên cứu lý thuyết. Điều tối thiểu mà người ta có thể nói được là những lời khẳng định kiểu dưới đây, trích trong luận án của Hu Yun, đã báo hiệu trước các chính sách của họ sau này:

“Chúng ta có thể so sánh việc thành lập các tổ chức thương mại trong thời kỳ thuộc địa như một mạng nhện lớn bao trùm khắp Campuchia. Nếu chúng ta coi nông dân và người tiêu dùng như những con ruồi, con muỗi bị sa vào mạng nhện, chúng ta có thể thấy rằng họ là miếng mồi cho bọn thương nhân, tức con nhện đã chăng lưới. Hệ thống thương mại, việc bán và trao đổi nông sản ở nước ta bóp nghẹt sản xuất, làm khô kiệt nông thôn và kìm hãm nông thôn thường xuyên trong cảnh đói nghèo. Những cái mà chúng ta quen gọi là ‘thành phố’ hoặc ‘thị trấn’ là những máy bơm hút kiệt sức sống của nông thôn. Mọi thứ hàng hóa mà các thành phố và thị trấn cung cấp cho nông thôn chỉ là những miếng mồi. Vùng nông thôn rộng lớn nuôi sống các thành phố và thị trấn. Các thành phố, các thị trấn với bề ngoài tươi mát và hiện đại, sống trên mồ hôi nước mắt của nông thôn, cười trên lưng nông thôn...”

Những người lao động trên ruộng đất, cấy, gặt, chịu đựng toàn bộ gánh nặng của thiên nhiên, dãi dầu mưa nắng, với những ngón tay xương xẩu, với da bàn tay và bàn chân khô nẻ, chỉ nhận được 26%... trong khi những người khác, làm việc trong bóng mát, không đựng đến cái gì khác ngoài đồng tiền, nhận được có khi tới 74%... Nông thôn nghèo nàn, da bọc xương và khốn khổ, bởi vì hệ thống thương mại áp bức nó. Cây mọc ở nông thôn, nhưng quả lại đi ra thành phố” [\[33\]](#)

Các luận án tiến sĩ do Hu Yun và Khiêu Xamphon viết tại trường Đại học Sorbon ở Paris đều nói nhiều đến sự bóc lột trực tiếp và gián tiếp đối với nông dân Campuchia. Khiêu Xamphon khẳng định rằng tình trạng lạc hậu kéo dài của các cơ cấu Campuchia sau ngày độc lập là do những điều kiện của việc Campuchia “gia nhập các hệ thống kinh tế quốc tế” (chủ yếu là của Pháp và Hoa Kỳ), việc này ngăn cản – thậm chí chặn đứng mọi khả năng thoát khỏi những cơ cấu kinh tế – xã hội “nửa thực dân nửa phong kiến” của đất nước. Trong lập luận của y, vì một sự phát triển kinh tế tự trị, thậm chí tự cấp tự túc, người ta có thể thấy mầm mống của những quan điểm đã khiến Khme đỏ tự cô lập hầu như hoàn toàn khỏi thế giới bên ngoài (trừ Trung Quốc) sau khi chúng nắm được chính quyền.

“Chấp nhận sự hợp tác quốc tế là chấp nhận một cơ chế trong đó sự mất cân đối về cơ cấu sẽ trầm trọng thêm, tình trạng trầm trọng này có thể kết thúc bằng một sự bùng nổ bạo lực, vì rằng nó sẽ không tránh khỏi tình trạng làm cho đông đảo nhân dân ngày càng không chịu đựng nổi. Thực ra nhân dân cũng đã thấy được những mâu thuẫn đang khóa chặt sự hợp tác của nền kinh tế trong khuôn khổ thị trường hàng hóa và tư bản quốc tế.

Vì vậy, sự phát triển có ý thức và tự chủ là một tất yếu khách quan” [\[34\]](#)

Nhìn lại, người ta có thể hình dung được điều mà Khiêu Xamphon đã cảm thấy sẽ phải xảy đến với giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản mới ra đời của Campuchia. Những điều y viết trong luận án hóa ra lại là một sự mô tả tương đối chính xác, tuy có giảm bớt đi, về những gì thực sự đã xảy ra dưới chế độ Khme đỏ.

“Theo ý chúng tôi, những biện pháp thiết yếu phải được tiến hành sẽ giống như một chương trình chính trị – xã hội nhằm triệt bỏ những quan hệ kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa trước đây và thiết lập một hệ thống tư bản dân tộc đồng nhất, hơn là một chương trình kỹ thuật nhằm động

viên các phương tiện tài chính.

Hãy hiểu đúng đề nghị của chúng tôi...

Chúng tôi không đề nghị thủ tiêu các giai cấp đang chiếm đoạt phần lớn thu nhập. Cải cách về cơ cấu mà chúng tôi đề nghị không nhằm thủ tiêu khả năng cống hiến của các tập đoàn này. Chúng tôi cho rằng, trái lại, có thể và phải tìm cách giải phóng tiềm năng cống hiến của họ bằng cách cố gắng cải tạo những địa chủ, người buôn bán trung gian và cho vay nặng lãi ấy thành một giai cấp của những người sản xuất nông nghiệp hoặc công nghiệp. Vì vậy, chúng tôi sẽ tìm cách tách họ khỏi những hoạt động phi sản xuất và đưa họ tham gia vào sản xuất. Trong các thành phố, chúng tôi sẽ cố gắng thúc đẩy một phong trào nhằm chuyển tư bản từ khu vực thương mại, hiện đang ở trong tình trạng teo dần lại, sang những khu vực trực tiếp sản xuất...

Nhưng để tiến hành một cuộc cải tạo triệt để như vậy, chúng ta không thể bằng lòng với những biện pháp lẻ tẻ. Ít ra là lúc đầu, một hệ thống hoàn chỉnh những biện pháp thật nghiêm khắc, theo ý chúng tôi, là tuyệt đối cần thiết. Và trong số những biện pháp này, trước hết, phải có những biện pháp liên quan đến quan hệ với thế giới bên ngoài. Không có một giải pháp thỏa đáng cho mỗi quan hệ từ bên ngoài, thì chúng tôi không tin rằng lại có thể nói một cách có giá trị cải cách cơ cấu và phát triển tự chủ..."

Trong số những người đầu tiên từ Paris trở về có Xalót Xa (tên thực của y – PolPot – mãi đến những năm 1960 người ta mới biết). Trở về cùng một nhóm nhỏ các sinh viên năm 1953, y liên hệ với Đảng dân chủ, một nhóm trí thức “đứng giữa” đứng đầu là Hoàng thân Canthun, một người anh em họ tiến bộ của Sihanuc. Cùng với Xalót Xa có Khiêu Pônary, về sau trở thành Ủy viên Ban chấp hành Đảng Dân chủ và là vợ của y. Ít lâu sau khi nhóm này trở về, Xalót Xa và một nhóm hỗn tạp các phần tử đối lập, gồm cánh hữu, cánh tả và trung tâm, được Sihanuc mời ra lập Chính phủ. Đây là một trong những hành động của Sihanuc nhằm làm mất tín nhiệm của các lực lượng đối lập trước khi họ được củng cố. Nó cũng báo hiệu trước chiến lược của ông ta là thuyết phục các chính đảng hiện có giải thể và hợp nhất với Xangkum (cộng đồng xã hội chủ nghĩa bình dân) của ông ta, nhằm giành cho Xangkum 100% số ghế trong cuộc tuyển cử năm 1955 đã được Hiệp nghị Giơnevơ quy định. Xalót Xa coi lời mời này như một bước đầu tiên nhằm đàn áp cánh tả và y bỏ vào rừng.

Ở đó, trong tỉnh Kôngpông Chàm, có cơ quan lãnh đạo của Đảng Cộng sản Khme trúng nước, về sau gọi là Đảng Pracheachon (Nhân dân Cách mạng) – đến Kôngpông Chàm, Xalót Xa và vài sinh viên khác mới về nước tiết lộ rằng họ từng là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp trước khi rời nước Pháp và nay muốn gia nhập Đảng Cộng sản Khme.

Theo Quyết định của Đại hội Đảng Cộng sản Đông dương tháng 2/1951 về việc sẽ thành lập ba đảng riêng và việc Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ giúp các đồng chí Lào và Campuchia thành lập đảng của họ. Phạm Văn Ba, một người Việt Nam, phụ trách công tác tổ chức ở Kôngpông Chàm (về sau, Phạm Văn Ba trở thành đại diện Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam ở Paris, và sau đó nữa, ông là đại sứ Việt Nam bên cạnh Chính phủ Khme đỏ của PonPot tại Phnom Penh). Sau này Phạm văn Ba nói với tôi:

“Hồi đó, trong trường hợp có đơn xin gia nhập Đảng, bao giờ chúng tôi cũng phải xác minh với Đảng Cộng sản Pháp, nếu người xin gia nhập nói họ là đảng viên Đảng này. Nguy cơ nhân viên mật vụ của Pháp thâm nhập là rất lớn. Nếu được Đảng Cộng sản Pháp xác nhận thì người đó đương nhiên trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Khme mà không cần thêm thủ tục gì. Đúng hạn, chúng tôi được trả lời rằng tất cả họ đều từng là đảng viên Đảng bộ tiếng Khme của Đảng Cộng sản Pháp. Hồi đó, Đảng Cộng sản Pháp tập hợp đảng viên người nước ngoài thành những đảng bộ theo tiếng mẹ đẻ của họ. Về sau, chúng tôi được Đảng Cộng sản Pháp thông báo thêm rằng toàn bộ ‘nhóm Paris’ đều chịu ảnh hưởng của lý thuyết Trotsky và các lý thuyết cực tả khác.^[35] Lúc đó Xalót Xa đã được phân công vào Ban dân vận, do tôi lãnh đạo”.

Việc thành lập Đảng Pracheachon là một quá trình lâu dài, do những điều kiện khó khăn thời chiến. Bước đầu tiên là tách khỏi Đảng Cộng sản Đông dương ở cơ sở, điều này thường có nghĩa là rút hết người Việt Nam sinh tại địa phương ra khỏi đảng bộ, để cho Đảng mới thực sự

là Campuchia. Tiếp đó, việc tách rời được tiến hành ở cấp huyện. Nhưng chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ mới thành lập được một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời ở cấp toàn quốc.

Nhiệm vụ đầu tiên của PolPot là nghiên cứu căn kẽ tình hình nông thôn để phân định rõ các hình thức bóc lột khác nhau, tình hình tư tưởng nông dân và quan hệ giữa công nhân và nông dân, nhằm đề ra một đường lối đúng đắn trong cương lĩnh tương lai của Đảng. Phạm Văn Ba mô tả PolPot là một người trẻ tuổi “năng lực trung bình, nhưng có khát vọng rõ rệt về quyền lực và những phương kế ngang tắt để leo lên tới đỉnh”. Y không đóng vai trò gì quan trọng trong cuộc kháng chiến. Sau khi hoàn thành cuộc điều tra và phân tích, y được cử đi học tại một trường dành cho cán bộ Đảng. “Về sau, y rõ ràng lấy làm khó chịu vì không có trong danh sách những người được vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng”.

Sau khi đạt được Hiệp nghị ở Gionevơ về việc tập kết lực lượng chiến đấu Việt Minh và Khme Ítxarắc ra miền Bắc Việt Nam, một ủy ban hỗn hợp gồm các sĩ quan Pháp và Việt Nam được thành lập để giám sát việc triển khai lại các lực lượng này. Một số cán bộ Khme Ítxarắc và đảng viên Cộng sản được để lại để tiếp tục công tác bí mật; vì vậy Xalốt Xa được phân công đến vùng Phnom Penh với cương vị Thành ủy viên của Đảng Pracheachon, để tổ chức sinh viên hoạt động cách mạng. Rõ ràng y đã dùng cương vị này để tập hợp một số sinh viên làm nòng cốt cho việc xây dựng phe cánh của y trong Đảng.

Có thêm những người thuộc “nhóm Paris” trở về Campuchia. Dựa vào quyết định năm 1951 về việc thành lập một Đảng Cộng sản Khme riêng, họ tuyên truyền cổ động cho việc thành lập một đảng không có mọi quan hệ với Đảng bộ Khme của Đảng Cộng sản Đông dương trước đây và từ bỏ việc tiếp tục quan hệ với Đảng Lao động Việt Nam. Vì hầu hết các nhà lãnh đạo cách mạng kỳ cựu – nhất là những người hiểu được nhu cầu về một nền dân chủ từ cơ sở và mối liên hệ giữa các chính sách dân tộc và quốc tế – đã tập kết ra miền Bắc Việt Nam, “nhóm Paris” đã có thể nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào cách mạng. Giá như lúc đó ở Campuchia cũng có một tổ chức cách mạng mạnh như tổ chức mà Việt Minh để lại ở miền Nam Việt Nam thì những người từ Paris trở về có lẽ đã phải sát nhập vào đó và đã có thể xuất hiện những chính sách thực tế dựa trên tình hình cụ thể khách quan.

Thực ra “nhóm Paris” khinh thường các đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Đông dương, coi họ là những “lão nhà quê” ít kiến thức lý luận. Những người kỳ cựu cho rằng “nhóm Paris” hoàn toàn chẳng biết gì về tình hình trong nước Campuchia và chỉ được trang bị bằng những câu trích dẫn đúng chỗ của Mác và Lênin. Ngay từ những cuộc gặp gỡ đầu tiên, giữa hai nhóm này đã nảy sinh chia rẽ.

Một trong những bất đồng đầu tiên và quan trọng giữa “nhóm Paris” và những người kỳ cựu là về việc Sihanúc hay đế quốc Mỹ là nguy cơ lớn nhất. “Sihanúc” là lập luận của PolPot và lêng Xary. “Đế quốc Mỹ” là ý kiến của những người kỳ cựu. Cuộc tranh cãi này kéo dài đến tận ngày 18/3/1970.

Một thời gian sau, nhà viết sử Nguyễn Khắc Viện – ngày nay là một trong những học giả được trân trọng của Việt Nam – nói về Khme đỏ:

“Sai lầm lớn nhất của họ là coi Campuchia như là một nước nằm trong một khoảng trống – cô lập trong lãnh thổ của chính mình. Nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng suy nghĩ như vậy thì chúng tôi có lẽ đã chẳng đoàn kết với các lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và quân phiệt Nhật. ‘Nhóm Paris’ đã không nhìn cuộc đấu tranh của Campuchia trong bối cảnh của cuộc đối đầu lớn với đế quốc Mỹ, mà lại tách khỏi cuộc đối đầu đó...”

Trong các cuộc đấu tranh cách mạng chân chính, hoặc là các khái niệm về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế được hòa quyện vào nhau, hoặc là cách mạng sẽ biến thành một kiểu chủ nghĩa dân tộc bí ẩn, tách rời những lợi ích chân chính của nhân dân”.

Trong khi PolPot và lêng Xary tăng cường số người theo chúng trong bộ phận bí mật của Đảng Pracheachon, thì Khiêu Xamphon, Hu Yun và Hu Nim hoàn thành việc học tập ở Paris và trở về Phnom Penh để đeo đuổi sự nghiệp trong nghề dạy học và làm việc với Chính phủ. Ngay

sau khi từ Paris trở về, Khiêu Xamphon và Hu Yun được bổ dụng vào khoa Luật và khoa Kinh tế của trường Đại học Phnom Penh.

Trong số học trò của họ có Nguyễn Hữu Phước, một người Việt Nam gốc Campuchia, sau này là thầy phụ đạo về toán cho Pitor, con trai tôi và đã tìm cách thoát được sang Paris để tránh các chiến dịch tàn sát chống người Việt Nam. Anh ta có cảm tưởng gì về hai người lãnh đạo Khme đỏ tương lai sau này?

“Là giáo sư, cả hai đều dạy theo các sách giáo khoa được chỉ định. Hai người bao giờ cũng đi với nhau, Khiêu Xamphon có dáng dấp dịu dàng hơn Hu Yun, nhưng thực tế lại cứng rắn hơn. Nói chuyện riêng, cả hai đều khẳng định rằng xã hội tương lai phải dựa trên quần chúng nông dân và các giai cấp khác đều phải bị tiêu diệt. Tôi có nhiều lần nói chuyện với Khiêu Xamphon, ngoài các bài giảng trên khoa. Y tỏ ra sắt đá hơn Hu Yun về sự cần thiết phải xây dựng xã hội mới từ số không, dựa trên quần chúng nông dân. “Họ là những người trong sạch”. Y cứ nhắc đi nhắc lại. “Phải thanh toán mọi thứ của xã hội cũ. Chúng ta phải trở về với thiên nhiên và dựa vào nông dân”. Những tư tưởng như vậy là một yếu tố bất biến trong cuộc nói chuyện với Khiêu Xamphon. Nhưng y cũng tin tưởng vào vai trò của một số trí thức chọn lọc, y cho rằng họ là những người xứng đáng nhất để cai trị đất nước và vạch ra một con đường tắt đi tới tiến bộ xã hội và kinh tế. PolPot và Iêng Xary chống lại điều này và sợ rằng việc truyền bá những tư tưởng như vậy sẽ dẫn đến sự ô nhiễm tư bản chủ nghĩa”.

Từ năm 1958 đến 1963, Khiêu Xamphon, Hu Nim và Hu Yun đều phục vụ trong chính phủ của Sihanuc. Hu Yun làm tại Bộ Thương nghiệp và Công nghiệp từ tháng 4 đến tháng 7/1958, tại Cục Ngân sách từ tháng 7/1958 đến tháng 2/1959 và tại Bộ Y tế từ tháng 6/1959 đến tháng 4/1960. Y trở lại Bộ Tài chính từ tháng 8 đến tháng 10/1962 và sau đó chuyển sang Bộ Kế hoạch cho đến tháng 2/1963. Đời hoạt động nghề nghiệp tích cực của y dưới quyền Sihanuc kéo dài ngót 5 năm. Trái lại, cuộc đời thường và vật chất của y chưa đầy hai năm, trước khi y tự cắt mạch máu của mình bằng một cái thìa gậy bằng kim loại tại trung tâm tra tấn và thủ tiêu TunXleng! Khiêu Xamphon làm Quốc vụ khanh về thương nghiệp cho Sihanuc từ năm 1962 – 1963, trong khi Hu Nim, sau này bị đồng bọn Khme đỏ tra tấn đến chết tại Tun Xleng, sử dụng vốn kiến thức về luật được đào tạo tại Pháp trên cương vị đứng đầu một số Vụ và Bộ khác nhau.

Ở Phnom Penh, việc PolPot leo lên cương vị lãnh đạo trong Đảng Pracheachon trở nên thuận lợi khi Tuxamót, bí thư bộ phận bí mật, mất tích năm 1962 trên đường về thăm gia đình. Lúc đó, người ta bàn tán nhiều về việc liệu ông đã bị mật vụ của Sihanuc giết, hay là do “thanh toán lẫn nhau” trong nội bộ Đảng Pracheachon. Theo lời Sihanuc thì Tuxamót bị phe cánh của PolPot – Iêng Xary sát hại, nhằm bảo đảm cho PolPot leo lên cương vị lãnh đạo trong đảng.^[36]

PolPot và phe cánh lợi dụng việc Tuxamót mất tích để triệu tập một “Đại hội bất thường” nhằm bầu một bí thư mới của Đảng. Do đảng hoạt động trong điều kiện bí mật, việc triệu tập một đại hội đông đủ và tiến hành các phiên họp bình thường là cực kỳ khó khăn. Vì vậy, những người dự họp chủ yếu thuộc khu vực Phnom Penh và PolPot được bầu làm bí thư Đảng.

Năm 1963 bắt đầu bằng sự xáo động trong sinh viên, mà thúc đẩy tình hình này lại là lĩnh vực biệt tài của PolPot và Iêng Xary, người đồng nghiệp giáo viên và anh em đồng hao của y. Ở Xiêm Riệp, các cuộc biểu tình diễn ra đặc biệt dữ dội. Sihanuc đã phản ứng quá mức và thanh trừng khỏi chính quyền các phần tử cánh tả, thân Pracheachon. Vì vậy, Khiêu Xamphon bị cách chức Quốc vụ khanh phụ trách kế hoạch hóa kinh tế. PolPot và Iêng Xary coi đây là một kiểu “bố cáo” đáng ngại nên cùng một số trí thức khác bỏ vào rừng. Về sau, Sihanuc đã viết về thời kỳ này:

“Chính vào lúc này, năm 1963, Lon Non đã bắt đầu lập các hồ sơ với những “bằng chứng” rằng cánh tả đang âm mưu lật đổ tôi. Tôi không thể nói là tôi có bằng chứng rằng CIA đã trực tiếp hoặc gián tiếp dính líu vào âm mưu này của Lon Non nhằm đánh lạc hướng tôi, Tuy nhiên, có lý do để giả định rằng sau khi bị vạch trần một cách triệt để như vậy, năm 1963, CIA sẽ chẳng ngần ngại dựng lên một cái gì đó chống lại cánh tả.

Dù sao thì những lợi buộc tội dối trá và những bằng chứng giả cũng đã trở thành chuyện hàng ngày và được Lon Non dùng làm cơ để tiến hành một trong những cuộc săn người chống lại cánh tả, trong đó những người bị tình nghi bị hành quyết ngay khi bị bắt giữ. Kết quả là đợt đầu tiên các trí thức và những người khác, trong đó có hàng trăm người từ Phnom Penh, rời bỏ các thành phố đi vào các căn cứ kháng chiến cũ”.[\[37\]](#)

Đến lúc đó, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã được tiến hành mạnh mẽ ở bên kia biên giới, ở miền Nam Việt Nam. Đó là thời kỳ “chiến tranh đặc biệt”, trong đó Hoa Kỳ cung cấp “cố vấn” quân sự, vũ khí các loại, vận chuyển, hỗ trợ đường không – nghĩa là tất cả, trừ quân đội chiến đấu. Đó là thời kỳ mà Sihanuc, trên cương vị Quốc trưởng, ngày càng có lập trường công khai thù địch đối với sự can thiệp của Hoa Kỳ vào khu vực.. Kết quả là ông ta trở thành đối tượng của nhiều âm mưu đảo chính và ám sát, nằm trong một kế hoạch của Hoa Kỳ nhằm thay thế ông ta bằng một tên bù nhìn được CIA ủng hộ. Những âm mưu này nằm trong một quá trình đã dẫn tới cuộc đảo chính của Lon Non năm 1970. Trong số những kẻ đồng lõa chủ yếu của Lon Non năm 1970 có Xiric Matác, Long Bô-rét và Yêm Xambua, tất cả đều đã dính vào âm mưu chống Sihanuc năm 1963.

PolPot sử dụng cương vị Bí thư Đảng Cộng sản Khme hoạt động bí mật để đẩy mạnh chiến dịch đấu tranh vũ trang chống Sihanuc, trong khi Lon Non và CIA cũng đang ra sức làm đúng như vậy. Đường lối của “nhóm Paris” tiếp tục gây nên sự chống đối đáng kể trong nội bộ đảng, và là nguyên nhân bất đồng giữa phe PolPot, đang nắm giữ ưu thế trong ban lãnh đạo đảng và Đảng Lao động Việt Nam.

Không phải ngẫu nhiên mà PolPot và Lon Non lại cùng đeo đuổi một mục đích. Sau nhiều tháng điều tra ở vùng biên giới và hơn 4 tháng ở Campuchia năm 1981, Ben Kiểcnam, một chuyên gia nổi tiếng người Australia về các vấn đề Campuchia nói tiếng Khme và Chanthu Bua, vợ ông ta người Khme, đã kết luận:

“Nhân quan dân tộc chủ nghĩa của PolPot cũng là một nhân quan truyền thống, có thể so sánh với nhân quan của Lon Non... kẻ đã nói toạc ra hy vọng ‘thống nhất’ những người Khme ở Campuchia, Thái Lan và Việt Nam; người Chăm ở Campuchia và Việt Nam; người Thượng ở Campuchia và miền Nam Việt Nam và cả người Mông ở Thái Lan và Miến điện”.[\[38\]](#)

Cả PolPot và Lon Non đều muốn khôi phục Đế chế Ăngco cổ đại, nhưng đế chế của PolPot chỉ những người Khme “trong sạch” về chủng tộc và những người về chính trị trong sách theo tiêu chuẩn của y sẽ sống sót.

Kiểcnam và Bua viết: “Năm 1963 PolPot và lêng Xary đã bí mật rời Phnom Penh ra vùng dân tộc ít người ở Đông Bắc và có lẽ đã sống ở đó phần lớn của 5 năm tiếp theo. Vừa là bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Khme, PolPot vừa là Bí thư Khu ủy Đông Bắc từ năm 1968 đến 1970, vào thời kỳ một số dân tộc ít người trong khu đã nổi dậy chống chế độ Sihanuc. Ít ra là tháng 5/1970, khi PolPot ở nước ngoài (Bắc Kinh), cả lêng Xary và Xôn-xen cùng ‘phụ trách khu Đông Bắc’. Tháng 7/1975, PolPot tuyên bố rằng phong trào của y đã ‘ra khỏi núi rừng’ và những vùng nông thôn ‘héo lánh’. Năm 1978, y nói với các nhà báo Nam tư rằng y biết ‘rất rõ các dân tộc ít người’ và coi họ thuộc những người ủng hộ y mạnh mẽ nhất”.[\[39\]](#)

Tất nhiên, việc tổ chức người thượng (hoặc “dân miền núi” như người ta thường gọi) không có gì sai trái. Cụ Hồ Chí Minh cũng làm việc đó. Nhưng Người tổ chức họ chủ yếu là để giúp họ tự giải phóng chứ không phải để dùng họ làm những người lính xung kích được rèn luyện và nhồi sọ để tiêu diệt dân thành phố. Những người cách mạng Việt minh tin tưởng ở nhân dân – dù là người Thượng ở vùng biên giới, nông dân ở vùng đồng bằng sông Cửu long hoặc các đồng bằng ven biển hay công nhân và những người dân thành phố khác – và xây dựng hoạt động của mình trên chỗ dựa đó.[\[40\]](#) Một nhân tố quan trọng của tấn thảm kịch ở Campuchia là những người thắng trong cuộc tranh chấp quyền lực đẫm máu ở trong giới lãnh đạo cao cấp nhất chẳng những không hề tìm cách bắt rễ sâu về tổ chức trong lòng nhân dân, mà còn khinh thường nhân dân một cách sâu sắc.

V. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 2)

Năm 1967, Khiêu Xamphon, Hu Yun và Hu Nim biến mất sau khi bị Sihanuc công khai tố cáo là đã xúi giục một cuộc nổi loạn của nông dân ở Battambang. Lúc đó, người ta đồn rằng tất cả đã bị Sihanuc sát hại. Thực ra, họ đã trốn vào rừng để tham gia các lực lượng du kích chống Sihanuc. Đến lúc Khme đỏ nắm được chính quyền năm 1975, đặc biệt Khiêu Xamphon đã biến chất, từ chỗ là một trong những trí thức tiến bộ xuất sắc nhất của Campuchia thành một tên phát-xít. Trong luận án tiến sĩ của y, Khiêu Xamphon đã tán thành sự phát triển của một giai cấp tư sản dân tộc và việc tiến tới một xã hội công bằng hơn bằng cách cải tạo nên giai cấp tư bản của chính Campuchia nhằm phát triển các tài nguyên của đất nước, coi đó là một giai đoạn lâm thời trước khi xây dựng một xã hội Xã hội chủ nghĩa. Vì sao về sau y lại đi đầu trong những chính sách cực tả, nhảy qua mọi bước trung gian, hồng đạt tới “chủ nghĩa cộng sản trong nháy mắt”?

Có ý kiến nói rằng thời gian ngắn ngủi làm Quốc vụ khanh về thương nghiệp năm 1962 – 1963 đã làm cho Khiêu Xamphon tin rằng con đường duy nhất để cứu nước là dùng các phương pháp cách mạng – kể cả đấu tranh vũ trang lật đổ chế độ Sihanuc và giết sạch giai cấp trung lưu ăn bám.

Một ý kiến khác nói rằng việc tiếm quyền của Lon Non và Xiríc Matác – tên này là anh em họ và là người kinh địch quyết liệt trọn đời của Sihanuc, đồng thời là một kẻ cầm đầu mọi phần tử thối nát nhất trong cộng đồng kinh doanh mại bản của Campuchia – đã đẩy nhanh những hậu quả tai hại của sự “hợp nhất quốc tế” mà Khiêu Xamphon đã từng kiên trì báo trước. Đây là một điểm mà Uyliam Socros đã lưu ý trong cuốn sách quan trọng và có sự điều tra tuyệt vời: “Tiết mục phụ: Kítxinhgiơ, Níchxơn và việc tàn phá Campuchia”:

“Từ đầu năm 1971 đến tháng 4/1975 (và về một số mặt thì sau đó nữa), viện trợ của Hoa Kỳ là yếu tố bao trùm trong hầu hết mọi khía cạnh của các vấn đề chính trị, kinh tế và quân sự ở Campuchia. Vì rằng chủ thuyết đòi hỏi phải tỏ ra rằng Hoa Kỳ không đích thân dính líu vào công việc của đất nước nhỏ bé này, viện trợ kinh tế cũng như quân sự, được cung cấp mà không có ràng buộc mấy. Các quan chức của Đại sứ quán ‘kín đáo’ theo dõi tiền do họ cung cấp ảnh hưởng đến những người nhận viện trợ như thế nào.

Các khoản viện trợ đầu tiên là để giúp Campuchia nhập khẩu những hàng hóa thanh toán bằng nguồn tài chính do xuất khẩu mang lại. Mặc dù có sự trì trệ về kinh tế dưới thời Sihanuc, năm 1969 xuất khẩu gạo, cao su và ngô đã mang lại 90 triệu đôla, một tỷ lệ đáng kể trong tổng sản phẩm quốc dân là 450 triệu đôla. Đến cuối năm 1970, Chính phủ đã chi tiêu hơn gấp 5 lần thu nhập và không thu được một đồng nào từ nước ngoài...

Viện trợ kinh tế mỗi năm càng được đổ thêm vào Campuchia nên kinh tế càng sa sút. Người ta có nhìn vào chỉ số giá cả tiêu dùng về thực phẩm; các con số là do Chính phủ cung cấp, có lẽ có thể phỏng chút ít nhưng không nhiều lắm. Nếu lấy 100 là chỉ số giá cả năm 1949, thì tháng 3/1970 – tháng cuối cùng của chế độ Sihanuc, chỉ số lên đến 348. Đến cuối năm 1970, chỉ số là 523; cuối năm 1971 là 828; cuối 1972 là 1.095; cuối 1973 là 3.907 và cuối 1974 là 11.052”.[\[41\]](#)

Liệu còn có thể có sự xác nhận nào quan trọng hơn về sự phân tích của Khiêu Xamphon hơn một thập kỷ trước đó? Các sự kiện đã biện minh một cách bi thảm những điều tiên đoán của y và hẳn đã đề cao y trong con mắt của “nhóm Paris”, đặc biệt là các phần tử cấp tiến nhất. Rồi đến những cuộc ném bom B52 của Mỹ tàn phá phần lớn những cơ cấu xã hội và kinh tế sẵn có của Campuchia. Socros cung cấp tài liệu rất đầy đủ về cuộc leo thang ném bom, từ “Chiến dịch Ánh sáng” ngày 18/3/1969, bên phía Campuchia dọc biên giới với Việt Nam, đến những cuộc ném bom hủy diệt vào nửa đầu năm 1973.

“Trong vòng 14 tháng tiếp theo đó, đã có 3.630 vụ ném bom B52 xuống những nơi nghi là có căn cứ cộng sản dọc theo nhiều vùng biên giới Campuchia. Sau ‘Ánh sáng’ là ‘Ánh trưa’, sau ‘Ánh trưa’ là ‘Ánh nhẹ’, sau ‘Ánh nhẹ’ là ‘Ánh tối’, sau ‘Ánh tối’ là ‘Tráng miệng’, sau ‘Tráng miệng’ là ‘Ánh khuya’; cứ thế chương trình lan rộng từ vùng ‘Đất thánh’ này đến vùng ‘Đất thánh’ khác. Toàn bộ chiến dịch này được gọi là “Thực đơn””.[\[42\]](#)

Hầu hết các cuộc ném bom xảy ra trước khi Sihanuc bị lật đổ và Hoa Kỳ chính thức tham chiến bên cạnh Lon Non. Sau đó, toàn bộ lãnh thổ Campuchia trở thành mục tiêu của các máy bay ném bom khổng lồ của Hoa Kỳ, chưa kể lực lượng không quân của Nam Việt Nam được phát triển nhanh chóng. Cường độ các cuộc ném bom tăng lên sau khi Hiệp định tháng 1/1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được ký tại Paris và các hoạt động của không quân Hoa Kỳ ở Việt Nam ngừng lại. Việc ném bom trở thành điên loạn trong 6 tháng trước khi Quốc hội Hoa Kỳ buộc Níchxơn và Kítxinhgiơ phải đình chỉ ngày 15/8/1973.

“Nhà Trắng phớt lờ sự thỏa thuận với Quốc hội là sẽ không tăng cường độ ném bom trong 45 ngày cuối cùng. Tháng 6 có 5.064 phi vụ chiến thuật ở Campuchia; tháng 7, con số này tăng vọt lên 5.818 phi vụ và trong nửa đầu tháng 8, có 3.072 phi vụ. Trong 45 ngày đó, việc ném bom chiến thuật đã tăng lên 21%. Các cuộc ném bom của B52 cũng tăng, mặc dù loại máy bay này hầu như đã được huy động hết. Đến ngày 15/8, khi chiếc máy bay Mỹ cuối cùng thả hết hàng, tổng số bom ném xuống từ ‘Chiến dịch An sáng’ là 539.129 tấn. Gần một nửa số này, tức 257.465 tấn, được ném xuống trong 6 tháng cuối cùng (trong Thế chiến thứ hai, 160 nghìn tấn bom đã được ném xuống Nhật bản). Trên những bản đồ Campuchia của không quân, hàng nghìn dặm vuông thuộc những vùng đông dân phì nhiêu, được đánh dấu màu đen do sự tàn phá này”.[43]

Bao trùm lên toàn bộ tình hình đó là việc Khme đỏ bị ám ảnh bởi cuộc Cách mạng văn hóa bên Trung Quốc: để cho nông dân “cải huấn” trí thức; đặt nông dân – ít ra là về lý thuyết – lên bậc thang cao nhất của xã hội Trung Quốc; sẵn lòng và tàn sát cán bộ kỳ cựu của đảng và cả giai cấp tư sản dân tộc trước đây từng được dễ dãi chấp nhận. Những người như PolPot và Xonxen, từng theo các khóa nghiên cứu ở Bắc Kinh trong thời kỳ cao điểm của Cách mạng Văn hóa, nhận được một liều thuốc mạnh về tuyên truyền chống Việt Nam và đã truyền cho đồng bọn trong giới lãnh đạo. Khiêu Xamphon, thường được mô tả là “ôn hòa”, nhưng chính là kẻ khát máu nhất, khi đụng đến vấn đề quan hệ với Việt Nam hoặc với các chiến sĩ kỳ cựu Khme đỏ bị “ô nhiễm” do đã chiến đấu kề vai sát cánh với người Việt Nam chống Pháp. Vandì Kaom, một tiến sĩ xã hội học và giáo sư triết học được đào tạo tại Paris, ngày nay là ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Thống nhất cứu nước Khme, đã phân tích cho tôi như sau về sự tha hóa của Khiêu Xamphon:

“Khi Khiêu Xamphon từ Paris trở về, phong trào cánh tả – những người cho rằng phải thay đổi cơ cấu của Campuchia thì mới giải quyết được vấn đề của đất nước – được tăng cường mạnh mẽ. Tham gia Chính phủ, y đã tìm cách giải quyết các vấn đề kinh tế bằng những giải pháp cấp tiến, nhưng giải pháp này, do thực tế tình hình, chỉ là ‘ảo tưởng tả khuynh’. Vì vậy, y sớm rời khỏi Chính phủ.

Cuộc đảo chính của Lon Non và sự can thiệp của Hoa Kỳ đã đẩy nhanh việc tàn phá các cơ cấu sẵn có và Khiêu Xamphon bắt đầu tìm kiếm những tư tưởng mới, giải pháp mới. Y nhìn sang Trung Quốc. Trước đó y đã tiếp thu đường lối Mao – ít ra cách mạng phải do giai cấp nông dân lãnh đạo. Trung Quốc đã lợi dụng tình trạng rất lúng túng trong tư tưởng của ban lãnh đạo Khme đỏ lúc bấy giờ để áp đặt đường lối của chính họ về phong trào cách mạng, bao gồm việc phá hủy các kế hoạch của những nhà cách mạng kỳ cựu muốn đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đây là yếu tố bao trùm trong chính sách diệt chủng sau này. Không tranh cãi với những người đối lập: phải tiêu diệt họ tận gốc rễ!

Khi Sihanuc thành lập Chính phủ Kháng chiến ở Bắc Kinh, Khiêu Xamphon được cử làm Bộ trưởng Quốc phòng và Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang.

Thực ra, y chỉ là một nhân vật hữu danh vô thực. Chính PolPot phụ trách các vấn đề quân sự ngay từ đầu. Nhưng Khiêu Xamphon vẫn là nhà tư tưởng tối cao. Iêng Xary là người thực hiện, là người liên lạc chủ yếu với Bắc Kinh và Hà Nội. Nay đã có đầy đủ tài liệu để chứng tỏ dứt khoát rằng PolPot và Ban lãnh đạo Khme đỏ nằm dưới sự đỡ đầu của Bắc Kinh.

Nếu người Trung Quốc muốn có một lãnh tụ có uy tín lớn, có lẽ họ đã chọn Khiêu Xamphon chứ không phải PolPot, nhưng PolPot là một người máy của Trung Quốc, không phải là người yêu nước Campuchia.

Cuộc đấu tranh chống Lon Non tiếp diễn. Khiêu Xamphon bắt đầu đưa những khái niệm mới vào triết lý của y. Từ tư tưởng cơ bản cho rằng con người vốn là tốt nhưng đã bị nền văn minh làm cho hư hỏng, rằng nền ‘văn minh’ được thể hiện bằng một xã hội công nghiệp hóa thì con người càng hư hỏng, y tiếp thu thêm một tư tưởng nguy hiểm hơn nhiều, đó là sự chuyên chính của một nhóm nhỏ trí thức ưu tú và cả sự giáo dục cũng bị y coi là nguồn gốc làm hư hỏng quần chúng. Chỉ cần một hệ thống xã hội thật đơn giản để duy trì sự ‘trong sạch’ và sự lành mạnh của con người. Một trong những câu nói ưa thích của y là: ‘Con người càng được giáo dục thì càng trở nên dối trá’.

Nhóm ưu tú sẽ làm công việc suy nghĩ, quần chúng sẽ làm công việc lao động – họ càng lao động thì càng ít có thời giờ để suy nghĩ vô ích. Rõ ràng là Khiêu Xamphon đã thừa kế những tư tưởng đó của các hoàng đế cổ đại và của học thuyết về quyền lực tối cao của lãnh tụ. Hoàng đế ở gần trời nhất, do đó biết tất cả! Nhân dân chỉ cần lao động và tuân lệnh! Con người và ruộng đất, mặt trời và nước, đó là tất cả những gì cần thiết cho một cuộc sống trong sạch, bình yên. Về một khía cạnh nào đó, Khiêu Xamphon đã thực hành điều mà y thuyết giáo. Y sống một cuộc đời rất giản dị và làm việc ngoài đồng hời y làm đại biểu Quốc hội. Sau khi Khme đỏ giành chính quyền, y đi xe đạp trong khi PolPot, Iêng Xary và những người lãnh đạo khác đi xe Merxedet có tài xế lái”.

Năm 1970, khi Khiêu Xamphon, Hu Yun và Hu Nim xuất hiện trở lại, đáp ứng lời kêu gọi của Sihanuc về việc gia nhập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Campuchia (FUNK) chống Lon Non do ông ta đứng đầu, trong nội bộ Khme đỏ có ba phái khác biệt:

1. Nhóm sôvanh, dân tộc cực đoan và phân biệt chủng tộc, đứng đầu là PolPot, Iêng Xary, Xonxen, vợ của chúng và Khiêu Xamphon, muốn hình thành một xã hội “cộng sản” độc đáo theo kiểu riêng của Campuchia, chứ không phỏng theo Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam hay bất cứ mô hình nào khác. Chúng chịu sự cổ vũ và ảnh hưởng mạnh mẽ của “Chủ nghĩa Mao” và cuộc Cách mạng Văn hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, có bằng chứng rằng, trong khi xun xoe trước những nhà lãnh đạo Trung Quốc và phụ thuộc nặng nề vào sự ủng hộ vật chất của họ, trong thâm tâm PolPot vẫn coi thường họ.

2. Một nhóm, đứng đầu là Hu Nim, Hu Yun, Phúc Chay và Tin Op đấu tranh đòi áp dụng mô hình Cách mạng Văn hóa Trung Quốc vào điều kiện Campuchia.

3. Một nhóm, đứng đầu là Xô Phim, Keo Mông, Chu Chét và những người khác, tán thành xây dựng một nước Campuchia xã hội chủ nghĩa bằng cách theo mô hình Việt Nam. Nhóm này chủ yếu gồm những đảng viên kỳ cựu thuộc Đảng bộ Khme của Đảng Cộng sản Đông dương trước đây và những người ủng hộ lập trường quốc tế chủ nghĩa của họ.

Mỗi nhóm có căn cứ riêng và trung tâm quyền lực riêng; PolPot lúc đầu ở Đông Bắc trong vùng người Thượng, Hu Nim ở miền Nam và Tây Nam trong vùng núi Voi và núi Đâu Khẩu; còn Xô Phim ở các tỉnh đông dân ở miền Đông nằm giữa sông Mê Kông và biên giới Việt Nam. Chỉ có nhóm thứ ba tôn trọng thỏa thuận với Sihanuc ở Bắc Kinh về việc đoàn kết trong cuộc đấu tranh vũ trang chung chống chế độ Lon Non. Hai nhóm đầu đều ra sức tiêu diệt các lực lượng theo chủ nghĩa dân tộc của Sihanuc và các lực lượng của nhóm thứ ba.

Các nhóm của PolPot và Hu Nim vẫn coi Sihanuc – chứ không phải đế quốc Mỹ – là kẻ thù chủ yếu của cách mạng Campuchia. Chúng tin rằng phải quan niệm cuộc đấu tranh trong nước chúng tách biệt khỏi cuộc đụng đầu toàn cục ở Đông dương và cuộc đấu tranh trên thế giới chống đế quốc Mỹ. Nhưng PolPot không thể tha thứ cả đến mức độ sai lệch trong sự hào hứng của Hu Nim và Hu Yun đối với Cách mạng Văn hóa Trung Quốc. Có lẽ y sợ rằng nhóm Hu Nim sẽ thắng cuộc trong trận chiến đấu giành ân huệ của Trung Quốc.^[44]

Hầu hết những người lãnh đạo “khu miền Đông” của Xô Phim về sau đều bị giết hết, chủ yếu là sau những cuộc khởi nghĩa quân sự chống PolPot bị thất bại. Một số ít sống sót, trong đó có Hêng Xomrin, tuy không phải là đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Đông dương, nhưng là một chiến sĩ hăng say của nhóm “khu miền Đông” chống PolPot.

Mâu thuẫn giữa các phe phái Khme đỏ là một trong những nút thắt khó gỡ nhất trong tấn

thảm kịch Campuchia. Vài tài liệu cơ bản (số tài liệu này rất ít) liên quan đến quá trình thảo gỡ là: (a) một cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Khme, xuất bản ở Khu miền Đông năm 1973; (b) một báo cáo dài của PolPot ngày 22/7/1975 khi các lực lượng vũ trang của các chiến khu được chuyển giao cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Khme; và cuốn “Sách đen” công bố tháng 9/1978, mở đầu cách trình bày của PolPot về lịch sử Đảng Cộng sản Khme và quan hệ của Đảng với Việt Nam.

Dem so sánh cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Khme của Khu miền Đông với hai tài liệu kia thì thấy nổi lên một điều có ý nghĩa to lớn. Việc nghiên cứu kỹ càng các tài liệu đó cho thấy một mâu thuẫn cơ bản giữa chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa dân tộc. Tuy nhiên, mâu thuẫn này thường bị che mờ.

Cuốn “Sách đen” là mưu đồ rõ ràng nhất của Khme đỏ nhằm chứng minh “sự thống trị của Việt Nam”. Đó cũng là sự tổng hợp đầy đủ nhất về tư tưởng của ban Lãnh đạo Khme đỏ mà thế giới bên ngoài có được. Hình thức và nội dung của cuốn “Sách đen” nói lên sự man rợ mà chúng đã dùng để thủ tiêu các đảng viên kỳ cựu của Đảng Cộng sản Đông dương trước đây, rồi đến những người ngay trong nội bộ Ban lãnh đạo Khme đỏ đã đặt dấu hỏi về sự khôn ngoan, lợi ích và có lẽ cả đạo đức của hành động đó.

Dưới đầu đề: “Dùng ngọn cờ cách mạng để chiếm đoạt lãnh thổ”, người ta tìm thấy cách trình bày của Khme đỏ về cống hiến của Việt Minh đối với việc đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp. Với cách gọi “Việt Nam – kẻ thù số một”, chúng coi bọn cầm quyền phong kiến Việt Nam, chế độ bù nhìn Sài Gòn, mà còn cả Việt Minh và Việt Cộng – những người bạn chiến đấu của Campuchia chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và chế độ bù nhìn Sài Gòn – đều là kẻ thù.

“Từ năm 1946 đến 1954, dưới chiêu bài của ‘tình đoàn kết cách mạng’ chống thực dân Pháp, người Việt Nam đã tìm cách chiếm đoạt lãnh thổ Campuchia. Dưới ngọn cờ cách mạng, người Việt Nam đến Campuchia và lập các chi bộ Đảng Cộng sản Đông dương để nắm nhân dân Campuchia. Chúng dùng công cụ đó để tìm cách chiếm đoạt Campuchia...”

Lúc đó, những người Khme tiến hành cuộc đấu tranh ở Campuchia không có lập trường độc lập. Họ dựa hoàn toàn vào người Việt Nam. Họ không hiểu rõ họ làm cách mạng cho ai và vì cái gì. Chính vì vậy mà người Việt Nam đã có thể dễ dàng vào Campuchia. Chúng chia Campuchia thành các khu: Đông, Tây Nam và Tây Bắc. Ở đó, chúng muốn đặt ai lên thì đặt. Chúng thay họ làm mọi việc và muốn làm gì thì làm.

Nhân dân Campuchia, nạn nhân của các hành động xâm lược và thôn tính của người Việt Nam và đã liên tiếp mất một phần lớn đất đai của vùng Hạ Campuchia, nuôi một mối hận thù sâu sắc đối với bọn Việt Nam xâm lược, thôn tính và nuốt sống đất đai của Campuchia. Nhân dân Campuchia biết rõ những hành động phản trắc, những sự lẩn tránh và đạo đức giả của bọn Việt Nam. Nhân dân Campuchia bao giờ cũng sôi sục một mối thù sâu sắc”.[\[45\]](#)

Tháng 5/1980, tôi hỏi ý kiến của ông Nguyễn Khắc Viện về “mối hận thù truyền kiếp” mà Khme đỏ dùng để giải thích sự hung hăng của chúng đối với Việt Nam. Ông trả lời:

“Giữa nhân dân tất cả các nước đã từng gây chiến tranh với nhau, có những tàn dư của ‘hận thù truyền kiếp’. Ngày nay, những phần tử phản động đã nhấn mạnh những khác biệt về văn hóa và những cuộc tranh chấp phong kiến trong lịch sử. Những người tiến bộ thì nhấn mạnh truyền thống đoàn kết trong cuộc đấu tranh chống thực dân. Thái độ đối với vấn đề này là sự thử thách để xem ai là phản động, ai là tiến bộ.

Vấn đề của chúng tôi với nước Campuchia của Khme đỏ không phải là một vấn đề giữa hai nước xã hội chủ nghĩa, như ở phương Tây người ta thường nói, mà là một vấn đề với những lực lượng đã biến thành cách mạng giả danh, cộng sản giả danh.

Đằng sau cái điều diên rồ của PolPot là chính sách có tính toán của Bắc Kinh dùng hấn làm công cụ, trước hết để đánh ngang sườn và sau đó để chinh phục Việt Nam. Không có cái diên rồ và tính tự cao tự đại của PolPot thì Bắc Kinh không thể tạo ra được một nước Campuchia chống Việt Nam! Trong lịch sử đã có những tiền lệ về việc khai thác cái diên rồ đó. Hítle là một

thằng điên, nhưng bọn trùm tư bản vùng Rúa đã khéo sử dụng cái điên rồ của hắn để xúc tiến âm mưu thống trị toàn thế giới của chính chúng”.

Hình ảnh về “mối hận thù truyền kiếp” mà Khme đỏ đã dày công tuyên truyền thật khác với những cảm tưởng mà tôi đã thu lượm được – và lúc đó đã công bố – trong những cuộc gặp gỡ với những người cách mạng kỳ cựu Khme trong chuyến đi thăm Campuchia lần đầu tiên năm 1965. Một trong những trung tâm chính của hoạt động kháng chiến chống Pháp là tỉnh Côngpông Chàm, trong công nhân đồn điền caosu Chúp, đồn điền cao su lớn thứ hai trên thế giới. Lúc đó, tôi đã viết:

“Ở Phnom Penh, tôi may mắn gặp một cán bộ cũ của Khme Ítxarắc đã từng làm công tác tổ chức ở Chúp và chúng tôi đã cùng nói chuyện với một số công nhân đồn điền cũ khác. Một công nhân già cười khoái trá khi chúng tôi nói về những ngày kháng chiến: ‘Chúng [người Pháp] hy vọng vào việc chia rẽ chúng tôi với người Việt Nam. Nhưng chúng không hiểu rằng khi người ta cùng làm, cùng đau khổ và cùng chết, thì chủng tộc chẳng có nghĩa lý gì. Chúng gọi người Việt Nam (họ làm phu hợp đồng trong đồn điền) là Việt Minh và thường theo dõi họ chặt chẽ. Còn đối với người Campuchia chúng tôi, chúng không làm phiền chúng tôi đến thế. Vì vậy, chúng tôi thường làm công tác liên lạc. Chúng tôi thành lập công đoàn bí mật và các chi nhánh Khme Ítxarắc khắp các đồn điền...’.”[\[46\]](#)

Ông kể tiếp về cuộc đình công đầu tiên ở đồn điền, về việc ban quản đốc Pháp phải nhân nhượng sau ba ngày, mặc dù chúng đã ra sức chia rẽ nhân viên văn phòng và công nhân nhà máy với phu đồn điền.

“Người công nhân già tiếp tục: ‘Đối với chúng tôi lúc đó thật là vĩ đại, thật mới. Trước đó, chưa hề bao giờ có chuyện như vậy, cả những công nhân cao tuổi nhất cũng chưa hề thấy bao giờ. Đặc biệt sung sướng là những người từng mang gạo cho cán bộ Ítxarắc. Chúng tôi thấy rõ cán bộ đã nói đúng khi nhấn mạnh rằng đoàn kết là quan trọng, rằng không được để cho bọn Pháp chia rẽ người Campuchia và người Việt rằng đoàn kết thì nhất định thắng’.”[\[47\]](#)

Các tác giả của “Sách đen” và thủ trưởng trực tiếp của chúng, lêng Xary, có lẽ có thể được tha thứ về sự dốt nát của chúng đối với những gì đã toát ra từ cuộc chiến tranh chống Pháp. Hồi đó, chúng đang bận nghiên cứu chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Mao, chủ nghĩa Trốtxki, chủ nghĩa Titô, chủ nghĩa vô chính phủ và các lý thuyết khác ở Paris. Nhưng sau đó, vào cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960, chúng đã có mọi điều kiện để nhận ra rằng tình đoàn kết gắn bó chặt chẽ giữa các lực lượng cách mạng của nhân dân ba nước Đông dương là nhân tố quyết định thắng lợi chung của họ.

Trong tác phẩm “Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979”, Ben Kiếcnam và Chanthu Bua so sánh cuốn “Lịch sử Đảng” của khu miền Đông với những lời khoát lác của PolPot. Trước hết, cuốn Lịch sử Đảng viết:

“Các điều kiện thành lập Đảng ở nước ta về nguyên tắc không khác các điều kiện cách mạng dẫn đến việc thành lập các đảng mácxít – leninit trên thế giới. Qua những gì mà chúng ta biết được về nước Pháp, Anh, Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam... tất cả đều theo một nguyên tắc giống nhau, đó là phong trào cách mạng của nhân dân; mà nhân dân là công nhân (ở các nước công nghiệp) hoặc là nông dân (ở các nước nông nghiệp chậm phát triển).

Việc thành lập Đảng chắc chắn là theo ‘Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản’ của Mác và Ăngghen, Đảng của các học trò của Lênin, của Đại Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng 10, cách mạng dân chủ nhân dân Trung Quốc và cách mạng khắp thế giới’.”[\[48\]](#)

Trong bài diễn văn tràng giang đại hải trước khoảng 3.000 đại biểu quân đội cách mạng ngày 22/7/1975, PolPot khoe khoang:

“Chúng ta đã giành thắng lợi hoàn toàn, vĩnh viễn và dứt khoát, có nghĩa là chúng ta đã thắng mà không cần có sự liên hệ hay dính líu của nước ngoài nào.

Chúng ta đã dám tiến hành đấu tranh trên một lập trường hoàn toàn khác hẳn lập trường

của cách mạng thế giới. Cách mạng thế giới tiến hành đấu tranh với mọi sự viện trợ hàng loạt của các lực lượng bên ngoài, về vật chất, kinh tế và tài chính. Còn chúng ta, chúng ta đã tiến hành đấu tranh cách mạng chủ yếu trên các nguyên tắc độc lập, tự chủ và tự lực cánh sinh. Trên toàn thế giới, kể từ ngày có đấu tranh cách mạng và chủ nghĩa đế quốc ra đời, chưa hề có một nước nào, một dân tộc nào và một quân đội nào đã có thể đuổi sạch bọn đế quốc và giành toàn thắng như chúng ta đã làm”.[\[49\]](#)

Tất nhiên, đây là chuyện nói càn. Các chiến thắng quyết định chống chế độ Lon Non là do các lực lượng Việt Nam và chính Khme đỏ đã công khai yêu cầu họ can thiệp.[\[50\]](#)

Điều duy nhất mà PolPot có thể khoe khoang một cách “chính đáng” là việc y đã nghiền nát các đối thủ, từ những người đi theo Sihanuc, đến các lực lượng được Việt Nam đào tạo và cuối cùng là các đồng chí Khme đỏ của chính y, những người đã từ là bạn biến thành thù, mà không cần đến các lực lượng bên ngoài. Nói toạc ra hơn, trong khi các bộ chỉ huy Khu miền Đông và trong một chừng mực nào đó, Khu Tây Nam có hợp tác trong việc đánh bại Lon Non và các lực lượng Hòa Kỳ – Sài Gòn, thì phe cánh của PolPot trong Ban lãnh đạo Khme đỏ tập trung các nỗ lực quân sự và chính trị vào việc thủ tiêu các đối thủ tiềm tàng và những người mà chúng cho là đối thủ.

Kiếnnam và Bua cũng vạch rõ sự đánh giá khác nhau về Hội nghị Giơnevơ năm 1954 của PolPot, của nhóm Khu miền Đông và cả của Hu Yun thuộc nhóm ủng hộ Cách mạng Văn hóa. PolPot và phe cánh mô tả Hội nghị Giơnevơ như là một vụ bị “Việt Nam bán đứng”, trong đó các thành quả của Cộng sản mà phe cánh PolPot chẳng có tí đóng góp nào, “bị tan thành mây khói”. PolPot coi đây là điển hình về sự “phản trắc” của Việt Nam. Trong cuốn *Lịch sử Đảng* của Khu miền Đông, kết quả của Hội nghị đã được trình bày khác hẳn.

“... chiến thắng đế quốc Pháp và tay sai... cùng với thắng lợi đã giành được của Đảng và nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào và nhân dân toàn thế giới, Đảng Campuchia đã có thể ‘buộc giai cấp phong kiến, tư sản và phản động, bọn địa chủ, phải theo đuổi chính sách trung lập’”.[\[51\]](#)

Nghe nói rằng tại một cuộc mítinh tháng 5/1972, Hu Yun có lẽ cảm thấy cần phải biện hộ cho vai trò của Trung Quốc tại Hội nghị Giơnevơ, đã phát biểu:

“Các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bị thiệt hại nặng sau Thế chiến thứ hai và những người xã hội chủ nghĩa châu Á bị suy yếu nhiều do các cuộc chiến tranh ở Trung Quốc và Triều Tiên, đã đánh giá quá cao sức mạnh của đế quốc lúc bấy giờ và đã gây sức ép buộc các lực lượng cách mạng Đông dương đang gặp khó khăn (!) chấm dứt chiến sự và chấp nhận hiệp ước hòa bình với các lực lượng đế quốc”.[\[52\]](#)

Đây là một sự đánh giá về Hội nghị Giơnevơ có hiểu biết hơn nhiều so với luận điệu thô bạo của PolPot về việc Việt Nam cố tình “bán đứng” Campuchia. Kiếnnam và Bua có trích dẫn lời một người đã chính tai nghe Hu Yun nói rằng y “thấy rõ rằng những người Cách mạng Việt Nam cũng đau lòng (về Hiệp nghị Giơnevơ) như người Campuchia”. Sự “đau lòng” của người Việt Nam càng tăng thêm vì họ đã bảo vệ mãnh liệt lợi ích của Campuchia và Lào. Người ta có thể lập luận một cách hợp lý rằng người Việt Nam hiểu rõ bảo vệ lợi ích Campuchia và Lào cũng là bảo vệ lợi ích của chính họ, sự liên quan giữa các lợi ích này là điều mà PolPot và đồng lõa hoàn toàn bỏ qua. Về thực chất, chính sự khác biệt này giữa quan điểm dân tộc và quan điểm quốc tế về sau đã khiến PolPot từng bước đi theo con đường vị chủng và diệt chủng.

Trong một đoạn nói về việc phát động đấu tranh vũ trang ở miền Nam Việt Nam chống chế độ Ngô Đình Diệm năm 1959 – 1960, các tác giả “Sách đen” nói rằng cán bộ cách mạng ở miền Nam Việt Nam đã thâm nhập vào Campuchia để tìm kiếm sự ủng hộ. Quả đúng như vậy, nhưng sự ủng hộ mà họ tìm kiếm là của khoảng 600 nghìn người gốc Việt sống tại Campuchia. Theo “Sách đen” thì:

“Khẩu hiệu của họ là ‘Đoàn kết giữa ba nước! Campuchia, Lào và Việt Nam là bạn bè kết nghĩa gắn bó, đấu tranh chống kẻ thù chung’. Nhân dân và Cách mạng Campuchia đã tin rằng chúng chân thành. Thực ra, người Việt Nam dùng những khẩu hiệu này để che giấu các hoạt

động chia rẽ và phá hoại và để chui vào phong trào Cách mạng Campuchia. Chúng gây dựng tình hữu nghị với cán bộ và nhân dân Campuchia để sau đó đưa họ vào tổ chức của chúng. Chúng tổ chức những người đã tiến hành đấu tranh chống thực dân Pháp và đưa họ trở lại vào Đảng Cộng sản Đông dương”.[53]

Tiếp đó là một lời chú thích đáng chú ý về sự ngăn ngại mà chúng dùng để gạt bỏ một sự kiện có tầm quan trọng sống còn trong lịch sử cách mạng Đông dương:

“Đảng Cộng sản Đông dương giải tán năm 1951, nhưng chỉ về hình thức. Trên thực tế, Đảng này vẫn tiếp tục tồn tại. Vào thời điểm Đảng Cộng sản Đông dương chính thức giải tán, người Việt Nam đã thành lập cho mỗi nước một đảng. Nhưng ở Campuchia, ‘Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia’ (Pracheachon) chỉ tồn tại trên danh nghĩa”.[54]

Đây là một vụ nói càn trắng trợn! Đảng Cộng sản Đông dương đã thực sự giải tán theo sáng kiến của cụ Hồ Chí Minh sau khi tình thế đã rõ ràng là chủ nghĩa thực dân Pháp sẽ thất bại và quan niệm của nó về một đơn vị hành chính “Đông dương” duy nhất nhất định sẽ sụp đổ. Như đã quy định trước đó 20 năm, khi thành lập Đảng Cộng sản Đông dương, Đảng sẽ được thay thế bằng các đảng riêng biệt cho Việt Nam, Campuchia và Lào vào thời điểm thích hợp. Bất cứ nhà nghiên cứu độc lập nào về những sự kiện chính trị ở ba nước trong thời kỳ đó cũng sẽ đồng ý rằng các đảng riêng biệt – nguy trạng thành các “mặt trận” vì những lý do cách mạng rất chính đáng – thực sự đã được thành lập với sự giúp đỡ của Việt Nam. Và lại, còn ai xứng đáng hơn người Việt Nam để giúp đỡ họ trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung, một cuộc đấu tranh nhất định sẽ kéo dài nhiều năm và có lẽ hàng thập kỷ. Những người cách mạng Campuchia và Lào chắc chắn đã nhận ra rằng đối phó với một kẻ thù chung – lúc bấy giờ là chủ nghĩa thực dân Pháp – họ cần những chiến lược chung và phối hợp với nhau.

Trong “Sách đen”, sự giúp đỡ của Việt Nam, vào thời kỳ gay cấn nhất khi đế quốc Mỹ tìm cách thay thế thực dân Pháp tại các quốc gia Đông dương trước đây, đã bị xuyên tạc:

“Thông qua tiếp xúc, người Việt Nam tìm hiểu xem ai nhất trí và ai không nhất trí với chính sách đấu tranh vũ trang của Đảng Cộng sản Campuchia. Chúng lôi kéo những người lập trường không vững. Chúng bí mật tổ chức họ và tổ chức một chính quyền song song. Chúng kích động và đả kích Đảng Cộng sản Campuchia, nói rằng chính sách của đảng là sai lầm, là “tả khuynh”, phiêu lưu... Đối với những người Campuchia từng học tập ở miền Bắc Việt Nam, chúng phân phối cuốn ‘Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản’ của Lênin. Chúng tăng cường đả kích Đảng Cộng sản Campuchia khi cuộc đấu tranh vũ trang ở Campuchia bị bế gãy năm 1958. Đồng thời, chúng đặt các mối tiếp xúc ở cấp khu hành chính nhằm thúc đẩy sự bất đồng và chia rẽ trong nội bộ Đảng Cộng sản Campuchia. Đồng thời, chúng phá hoại nền kinh tế Campuchia, một mặt, chúng buôn lậu qua chợ đen; mặt khác, chúng ăn cướp lương thực, thực phẩm của nhân dân: nông sản, lợn, gà...”

Đó là những kinh nghiệm cay đắng đến với nhân dân và cách mạng Campuchia. Từ năm 1965, cuộc đấu tranh giữa những người cách mạng Campuchia và Việt cộng trở nên gay go, mãnh liệt. Người Việt Nam đến Campuchia không chỉ để tìm nơi ẩn náu, mà còn để tìm cách thôn tính và nuốt chửng Campuchia. Mặc dù chúng ở trong tình thế cực kỳ khó khăn, người Việt Nam vẫn tiếp tục chuẩn bị khắp nơi các lực lượng chiến lược nhằm lật đổ chính quyền cách mạng Campuchia khi thời cơ thuận lợi.

Ở vùng Đông Bắc Campuchia, người Việt Nam gặp khó khăn trong việc thực hiện chiến lược của chúng, vì ở đó có Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Campuchia”.[55]

Trên cơ sở những kinh nghiệm của bản thân tôi từ năm 1965 đến 1968 – ở sâu trong vùng giải phóng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, ở các vùng chiến sự với các lực lượng Mỹ – Sài Gòn và cư trú tại Campuchia trong những năm đó – tôi có thể vạch trần câu chuyện của “Sách đen” là hoàn toàn nhầm nhứ. Chính tháng 2/1965, Hoa Kỳ bắt đầu ném bom có hệ thống miền Bắc Việt Nam và tháng 3 bắt đầu đưa quân chiến đấu tham gia cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Nghĩ rằng, vào thời điểm gay go này của cuộc đối đầu với cường quốc đế quốc hùng mạnh nhất, người Việt Nam lại hướng nghị lực của họ vào việc lật đổ một

“chính quyền cách mạng” không có thực nào đó ở Campuchia, thì quả là đẩy trí tưởng tượng đến những giới hạn lỗ bịch nhất. Ý kiến này lẽ ra không đáng được nhắc đến, nếu như một số chiến sĩ có uy tín của “cánh tả” ở thế giới phương Tây đã không nuốt phải nó và phun ra trở lại.

Hơn nữa, nói rằng Việt Nam gặp khó khăn ở vùng Đông Bắc Campuchia “vì ở đó có Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Campuchia” là nói láo, có lẽ nhằm ghi nhận rằng chính ở vùng Đông Bắc PolPot đã tập hợp những người sống sót trong cuộc khởi nghĩa thất bại của y chống Sihanuc. Dựa vào cuộc điều tra rất kỹ lưỡng của họ về vấn đề này, Kiểcnam và Bua kết luận:

“Việc thủ tiêu các cán bộ chủ chốt của đảng vào những thời điểm khác nhau của những năm 60 và 70, trong những điều kiện mà nạn nhân rõ ràng bị bất ngờ, cũng là một phương tiện để xây dựng vị trí của nhóm PolPot. Việc nhóm này tiến hành các hoạt động trong vòng bí mật đã được nêu bật khi Iêng Xary, trong một cuộc thảo luận riêng năm 1973 với các cán bộ và đại diện của Cách mạng Campuchia tại châu Âu, đã nói rằng ở Campuchia không có Đảng Cộng sản thực sự hoạt động (điều này cũng có thể liên quan đến việc nhóm này, ở thời điểm đó, vẫn không hoàn toàn kiểm soát được Đảng, một đảng dứt khoát là có tồn tại).

Trên một phạm vi rộng hơn nhiều, thật khó mà hiểu được sự hung bạo tàn nhẫn của các lực lượng vũ trang PolPot, nếu không giả định là chúng đã được huấn luyện để thiết lập quyền uy theo cách đó và đó cũng là cách duy nhất để chúng thực hiện các chương trình.

Rõ ràng là trong Đảng Cộng sản Campuchia đã có những căng thẳng đáng kể ngay từ giữa những năm 1960 và giữa những người lãnh đạo của Đảng đã có những hố ngăn cách sâu rộng về tư tưởng và sách lược. Thế thì, làm sao mà họ lại có thể hoạt động chung với nhau lâu như vậy, trong cùng một phong trào?

Một phần của câu trả lời là nói chung, họ không hoạt động chung với nhau. Đảng thì nhỏ (nhất là trong những năm 1960), nhiều đảng viên thì ở Bắc Việt Nam hoặc Trung Quốc, còn những người khác lại thuộc các nhóm du kích độc lập, phân tán khắp nông thôn”.[\[56\]](#)

Trong những cuộc nói chuyện với Ốc Xakun và bác sĩ In Xakon, Giám đốc và Phó Giám đốc phòng Thông tin của GRUNK (Chính phủ Vương quốc Đoàn kết Dân tộc Campuchia) ở Paris (năm 1970 – 1975) tôi được bảo đảm rằng trong nội địa Campuchia không có Đảng Cộng sản, rằng – như tôi đã công bố lúc bấy giờ – mọi cố gắng để thành lập một Đảng hướng về Liên Xô đều thất bại. Tôi và những người khác tìm hiểu thì được bảo đảm rằng Khme đỏ đã hoàn toàn gắn bó với phong trào kháng chiến của FUNK – GRUNK. Điều này cũng đã được nhắc đi nhắc lại trong các cuộc gặp gỡ ở Bắc Kinh với các nhân vật như anh em Thium Praxít và Thium Mun – về sau xuất hiện như những trụ cột của chế độ Khme đỏ – và trong các cuộc gặp mặt giữa tôi và Iêng Xary ở Bắc Kinh cũng như tại các hội nghị quốc tế.

Cuộc gặp cuối cùng là trong một bữa ăn sáng tại Hội nghị cấp cao các nước Không Liên kết tại Angiê tháng 9/1973. “Chúng tôi bao giờ cũng sẽ giữ Sihanuc làm Quốc trưởng”, lúc bấy giờ Iêng Xary nói, khiến tôi cứ suy nghĩ mãi về việc “chúng tôi” ở đây, những người có quyền quyết định như vậy, là ai? Tôi tìm cách hỏi khéo, y cười nhẹ nhàng và nói: “Các lực lượng cách mạng chân chính của nhân dân Campuchia”. Công bằng đấy chứ! (Một trong những điều may rủi nghề nghiệp của một nhà báo là anh ta không có khả năng làm công việc của một máy phát hiện nói dối).

Do bức màn bí mật dày đặc bao phủ công việc xây dựng Đảng đầy mưu ma chước quỷ ở Campuchia, thật khó biết được những gì đang xảy ra, ngay cả lúc người ta ngồi trên lễ đài ở Phnom Penh trong những năm 1960. Và với việc tấn thảm kịch lớn nhất của thế giới đang đến độ cao trào ở bên kia biên giới, sự xung đột phe phái giữa những người cách mạng Campuchia còn non yếu chẳng có gì là quan trọng.

Kiểcnam và Bua nhắc đến những cuộc tranh chấp phe phái, chắc chắn đó là những bóng dáng đáng ngại về những điều sẽ xảy ra.

“Vài người (lãnh đạo) sẵn sàng thỏa hiệp hơn người khác về lợi ích của đoàn kết nội bộ và có thể có hại cho chính họ sau này. Đoạn đáng buồn sau này là một trong những điều hài hước lớn

nhất trong cuốn *Lịch sử Đảng*, viết năm 1973, năm mà những cuộc thanh trừng nội bộ của PolPot nổ ra gay gắt, chống lại xu hướng trong đó có các tác giả của văn kiện này (tất cả số này về sau đều bị hành quyết).

Chia rẽ về quan điểm chính trị, kèm theo là sự phân biệt về nhân sự thành những nhóm bè phái, khiến chúng ta phải đề phòng và là một nguy cơ đối với Đảng. Các vấn đề này gây ra lo ngại và đau thương bởi vì, đáng lẽ tấn công kẻ thù bên ngoài, chúng ta lại đem máu thịt của chính mình làm mồi cho kẻ thù.

Trong thời kỳ từ năm 1960 đến 1967 trong lịch sử của mình, Đảng đã đối phó thắng lợi với nhiều trở ngại nghiêm trọng để xây dựng đoàn kết nội bộ về mọi mặt. Đó là thành tựu chủ yếu của Đảng”.[\[57\]](#)

Kiếnnam và Bua bình luận: “Đây là thời kỳ PonPot giành được cương vị lãnh đạo Đảng”. Chẳng có thêm bao nhiêu tài liệu về thời kỳ này. Trong số những người có thể – và sẵn sàng – kể lại những gì đã xảy ra, chỉ có rất ít người sống sót qua cuộc khủng bố và diệt chủng mà PolPot và phe cánh của y trong Khme đỏ sau đó đã gây ra cho nhân dân Campuchia.

Phần thứ ba: Nội tình Campuchia những năm 1975-1979

VI. Những người sống sót làm chứng

Xin hãy bảo bất kỳ một đứa trẻ Campuchia nào vẽ lại bức tranh cuộc sống dưới thời Khme đỏ theo trí nhớ của nó. Thường thường, hình ảnh bao trùm bức tranh đó sẽ là một gã thanh niên trong bộ đồ đen đang dùng roi quất ai đó trên công trường hay đang dùng gậy đập chết ai đó trên mép một hố chôn người tập thể. Đó là những hình ảnh thông thường nhất được mô tả bởi nhiều người mà tôi đã có dịp phỏng vấn trong các trại tị nạn bên phía Việt Nam dọc theo biên giới với Campuchia hồi tháng 12/1978 và trong 5 cuộc viếng thăm của tôi tới Campuchia từ tháng 5/1979 tới tháng 3/1981. Đó là những hình ảnh được hàng chục nhân chứng tại tòa án xử tội diệt chủng tổ chức tại Phnom Penh tháng 8/1979 kể lại.[\[58\]](#)

Diễn hình là lời làm chứng của một dược sỹ dưới chế độ cũ tên là Pen Bun Píp. Ngay sau khi Khme đỏ giành chính quyền, ông đã phải bỏ nhà cửa và toàn bộ tài sản của mình tại Phnom Penh.

“Vợ tôi ẵm đứa con mới 10 tháng trên tay, cùng cha mẹ tôi dù tuổi đã cao, cất bước ra đi với nỗi buồn rầu và niềm lo lắng vô cùng tới một phương trời chẳng ai hay, tới một tương lai không ai biết. Cả thấy có 8 người trong gia đình tôi”.

Ông liệt kê nhiều địa danh khác nhau, nơi gia đình ông được lệnh phải dừng lại vài tuần hay vài tháng để làm bất cứ việc gì được giao. Nói chung, họ phải làm việc từ 10 đến 13 giờ mỗi ngày để đổi lấy chưa đến một lạng gạo cho mỗi người mỗi ngày. “Chúng tôi cố tìm ra những thứ lá cây có thể ăn được và các thứ cua ốc để bổ sung cho khẩu phần của mình”. Trong vòng 4 tháng sau khi rời khỏi Phnom Penh, bố mẹ vợ và em gái ông đã chết vì đói, tất cả đều chết hồi tháng 8/1975. Tháng sau đó, những người còn lại trong gia đình ông bị chuyển đến một xã heo hút thuộc tỉnh Battambang.

“Công việc thật không thể chịu nổi. Tôi bị bắt phải làm phân tự nhiên – một thứ hỗn hợp phân người và phân súc vật. Vợ tôi phải đắp đê, các em trai và em gái đều phải đắp đập.

Rồi tôi phải mang ách lên cổ để kéo xe chở lúa. Về sau, cùng 5 người khác, dưới làn roi vọt, sự dọa dẫm và giám sát ngặt nghèo của lính gác Ăngca,[\[59\]](#) tôi phải đeo ách cày ruộng giữa mùa mưa tháng 6/1976, dù rằng ở xã này có biết bao gia súc – cả trâu lẫn bò. Dù làm việc nặng nhọc, tất thấy những gì chúng tôi có được chỉ là một bát cháo nổi lều bều vài hạt gạo, một trăm người mới được khẩu phần một cân gạo”.

Pen Bun Píp kể tên 5 người kia trong tổ cày của ông. Ông là người duy nhất còn sống sót. Ba người, trong đó có 2 nữ thanh niên, chết hồi tháng 10/1976; hai người còn lại, một giáo viên và một y tá, chết tháng tiếp đó. Nguyên nhân? “Quá ư kiệt sức, đói và thiếu thuốc men”. Đối với cái chết của người giáo viên và anh y tá nọ, nguyên nhân là “sự tiêu diệt về thể xác vì họ đã dám kêu rằng không thể tiếp tục kéo cày được nữa”. Pen Bun Píp cho rằng ông ta còn sống sót được là vì đã tỏ ra “dễ bảo và không than thở gì” ngay cả khi ông phải làm thêm việc “ngày và đêm chôn dân làng chết. Hết mùa này, ông bị chuyển sang làm nghề mộc, nghề rừng, nghề sông nước và nghề nông.

“Dù sức tôi yếu, bọn PolPot vẫn bắt tôi phải làm việc cho tới một hôm tôi quỵ ngoài đồng.

Để sống sót, chúng tôi buộc phải ăn thịt chuột, châu chấu, thằn lằn, cóc nhái, rắn rết, giun đất... Khi chúng tôi tới xã Tà am, dân số ở đó khoảng 4.000 người, nhưng đến khi chúng tôi được giải phóng, dân số chỉ còn khoảng 1.000 – vì đói và làm việc quá sức – và những người thoát chết đều trong tình trạng rất thảm thương”.

Trong số những người tham dự phiên tòa xử tội diệt chủng – nơi Pen Bun Píp làm nhân chứng – có người em gái họ gần của Hoàng thân Norodom Sihanuc: bà hoàng Xavetthoong Mônivông. Cũng như tất cả những người dân Phnom Penh, bà cùng 24 thành viên trong gia đình đã bị buộc phải bỏ nhà ra đi ngày 17/4/1975. Bà cũng đã kể lại sự hãi hùng và cảnh tàn

bạo của cuộc di tản này.

Những người cùng gia đình, mà lúc đó mỗi người ở một nơi, chẳng còn cơ hội để đoàn tụ lại nữa. Khi những nơi có loa phóng thanh đến, họ được lệnh ai ở đâu thì cứ từ đó mà đi, mỗi người một ngã. Những người ốm yếu và những người nào không đủ khả năng đi tiếp đã bị bỏ lại bên vệ đường với chút đồ ăn thức uống gì đó mà người ta có thể để lại cho họ. Người ta đặt họ ngồi dựa vào gốc cây cho qua vài giờ ngắn ngủi cuối cùng trong bóng râm và những người nào may mắn thì được đắp bằng một chiếc màn hoặc một tấm áo khi những người cùng gia đình họ bị những báng súng thúc đi tiếp.

Sau nhiều tuần lê bước, bà Hoàng Lôla (gia đình tôi vẫn quen gọi bà như vậy khi chúng tôi sống ở Phnom Penh) cùng với họ hàng bị phân tới một khu vực có bệnh sốt rét nằm giữa Battambang – thành phố lớn thứ hai của Campuchia, ở phía bắc Phnom Penh – và đường biên giới giáp Thái Lan. Khi họ tới nơi đã định, ở đó đang có cuộc săn lùng những người thuộc Hoàng tộc cùng những ai đã từng phục vụ các chính quyền của Lon Non và Sihanuc. Tất cả những người này đều phải bị giết sạch cùng gia đình họ từ đứa trẻ bé nhất cho tới những ông bà già nhất. Bà hoàng Lôla kể: “Một số dân làng nhận ra tôi nhưng không ai phản lại tôi. Chồng tôi là một bác sĩ và khi bệnh sốt rét nhanh chóng hoành hành trong những người dân di tản, ông ấy đã hết sức cứu chữa cho mọi người. Bọn Khme đỏ ở địa phương phát hiện thấy chuyên môn của ông ấy; đầu tiên, chúng hài lòng và sai ông ấy chữa chạy cho thương bệnh binh của chúng. Nhưng rồi chiến dịch giết sạch trí thức nổ ra và bọn Khme đỏ địa phương biết rằng ông ấy hẳn phải là bác sĩ. Một đêm, chúng tới nói rằng Ăngca Lơ (tổ chức cấp trên) cần đến ông ấy. Chúng đưa ông ấy đi. Tôi theo sau cách một quãng, tay ôm con bé, tay dắt con lớn. Chúng đưa ông ấy tới một trảng nhỏ có một chiếc hố đã đào sẵn và lấy một mảnh vải bịt mắt ông ấy lại. Ông ấy thét lên rằng ‘Không cần’. Con gái tôi chạy tới chỗ ông ấy, gào to: ‘Bố ơi, bố!’ Một thằng lính dùng báng súng nện vào đầu nó, rồi bắn chồng tôi. Ông ấy ngã xuống, nhưng vẫn còn giãy giụa, vì thế chúng lại bắn tiếp vào đầu. Chỉ vài ngày sau, con gái tôi cũng chết”.

Trong số 24 người trong gia đình cùng từ giã Phnom Penh ngày 17/4/1975, gần 4 năm sau, bà hoàng Lôla chỉ còn lại một cậu con trai út. Ba đứa còn lại, cùng những người bà con khác đều đã hoặc bị giết hoặc chết vì ốm đau hay đói khát.

Tháng 5/1980, tôi gặp lại bà ở Phnom Penh. Tấn thăm kích đã biến khỏi nét mặt bà. Bà đã tái giá – lại với một bác sĩ – và nhận nuôi 3 đứa trẻ mồ côi, nạn nhân của sự khủng bố của Khme đỏ. Bà giữ một cương vị quan trọng tại Bộ Ngoại giao. Bà nói: “Xin đừng gọi tôi là bà hoàng nữa, những người nào trong số chúng tôi còn sống sót cũng đều được nổi thống khổ làm cho bình đẳng với nhau và gắn bó lại với nhau. Lôla, từ nay về sau chỉ hai chữ đó thôi”.

Trong số những người đã trình bày những lời làm chứng hùng hồn tại phiên tòa xử tội diệt chủng, có một phụ nữ người Pháp, bà Đonido Aphôngxô, sinh ra ở Phnom Penh và có chồng là một người Việt gốc Hoa. Khi Khme đỏ vào Phnom Penh, bà đang làm việc tại Phòng Văn hóa thuộc Đại sứ quán Pháp. Dưới đây là những đoạn trích từ lời chứng của bà:

“Thứ hai ngày 17/4/1975, tôi lên đường đến Sứ quán để tìm hiểu tình hình. Nhưng vừa lên xe, tôi nghe tiếng súng nổ khắp nơi. Đó là quân Khme đỏ đang kéo vào thành phố và bắn súng để báo hiệu rằng chúng đã đến. Ông chồng ngốc nghếch của tôi, vốn đầy lòng nhiệt thành, chạy ra chào đón hoan nghênh chúng trên đường phố. Ai cũng phát cuồng lên vì vui mừng, gào thét: ‘Cheyo Yothreas! Cheyo Yothreas!’ (Quân giải phóng muôn năm!) Tôi chẳng bao giờ quên được cái từ CHEYO ấy, vì sau khi chúng tôi được giải phóng khỏi cái gọi là ách nô dịch của Lon Non, chúng tôi lại bị giam cầm và đày đọa suốt 3 năm trời trong một cảnh nô dịch còn tồi tệ hơn.

Chỉ vài giờ sau khi đến Phnom Penh, bọn Yotheas đi từ nhà này sang nhà khác ra lệnh cho dân chúng Phnom Penh phải di cư khỏi thành phố. Ăngca (tổ chức) đề nghị chúng tôi rời “nhà” mình vài bữa, vừa đủ thời gian để chúng văn hời trật tự. Đã mấy lần tôi cố tìm cách đến Đại sứ quán Pháp mà không được. Tất cả mọi người được lệnh đi xuống phía Nam. Tôi cũng phải làm như vậy. Chúng tôi – gồm chồng tôi, hai con tôi, bản thân tôi, cô em chồng và bốn con cô ấy – đưa hành lý gồm toàn quần áo và đồ ăn thức uống (gạo, rượu vang Xomuya, cá khô, sữa, cá

sardine hộp, cà phê, chè, đường...) lên xe và rời nhà ra đi xuống phương Nam ngày 18/4.

Tôi hoảng hồn khi ra tới đường, thấy cảnh tượng đập vào mắt, tôi khóc như trẻ con. Tất cả đều hoang tàn; các hiệu thuốc, cửa hàng tạp phẩm, tiệm bán đồ cũ, xưởng sản xuất đồ uống lạnh, tất cả đều bị cướp phá một cách có hệ thống. Những nơi này đều được chủ nhân khóa cửa cẩn thận trước khi ra đi. Chính bọn Yotheas là những đứa đầu tiên đột nhập vào cướp đi những gì làm chúng hoa mắt.

Sau khi chúng xong việc thì mọi người được thả sức. Đường phố tắc nghẽn. Mọi người đi lại hết sức khó khăn vì nóng bức, đầu cúi gục vì sức nặng của đồ đạc mang theo. Có ai đã chứng kiến cảnh như vậy chưa? Quét sạch một thành phố hai, ba triệu người – với danh nghĩa để lập lại trật tự”.

Lời chứng của Đonidơ Aphôngxô là một lời chứng hiếm có bởi lẽ bà cùng gia đình đã không ra đi ngày 17/4 như lệnh truyền. Dĩ nhiên, với niềm tin của chồng bà đối với Khme đỏ, họ chẳng hề nghĩ rằng họ đã đánh liều với tính mạng của mình khi không ra đi đúng ngày có lệnh. Bà giải thích rằng thái độ của bọn Khme đỏ rất khác nhau: một số tên chia sẻ thức ăn và thậm chí có thể chia sẻ cả một chai rượu, trong khi những tên khác lại lạnh lùng và tàn nhẫn.

Trong những ngày đầu tiên trên đường đi, họ đã nhiều lần bị chặn lại lục soát. Tại một trong những điểm chặn như vậy:

“Chúng tịch thu tất cả những gì in bằng tiếng nước ngoài, sách giáo khoa, tạp chí, thẻ căn cước, giấy khai sinh, máy thu thanh, băng ghi âm và đồng hồ đeo tay. Tôi xuất trình hộ chiếu và cố làm cho chúng hiểu rằng tôi là người Pháp. Chẳng ăn thua gì, chúng tịch thu hộ chiếu của tôi và tuyên bố rằng chẳng còn gì người Pháp, người Trung Quốc hay người Việt Nam nữa – chỉ còn người Khme thôi. Khi những cuộc tịch thu hoàn tất, chúng ta lệnh cho chúng tôi tiếp tục đi nữa về Phương Nam, nơi Angca đang chờ chúng tôi”.

Về sau, trong khi đi tiếp xuống phương Nam, họ bị chặn lại và được phổ biến về cách cư xử của họ trong tương lai. Chỉ được phép nói tiếng Khme và nếu có ai đó không nói thành thạo thứ ngôn ngữ này, thì người đó phải lập tức bắt đầu học ngay. Khi họ tới chặng dừng chân đầu tiên – một làng nằm trên hòn đảo mang tên Cô Tuốcvin, tên một trong những nhánh của dòng Mêkông Hạ – họ nhận thêm những huấn thị mới.

“Đàn bà, thanh nữ không được để tóc dài nữa mà phải xén tóc ngắn. Trong làng sẽ có người chuyên cắt tóc cho mọi người. Đàn ông, đàn bà và trẻ con được cắt tóc không phải trả tiền. Nếu muốn hảo tâm với thợ cắt tóc, hãy cho anh ta một khúc cá hoặc chút quần áo cũ. Chỉ được mặc đồ đen. Nếu không có quần áo đen, phải đem nhuộm quần áo đi – có thể dùng một loại quả có tên gọi makhouer để nhuộm. Đêm đến không được chuyện trò. Khắp nơi đều có mật thám. Chúng lượn lờ mọi chốn và thậm chí nghe trộm từng nhà”.

Đonidơ Aphôngxô được giao trông ngó mấy vụ liền, còn chồng bà thì bị đưa tới một vùng rừng ngập mặn cách vùng trông ngó một quãng để khai hoang cây trồng.

“Ôi! Ông chồng đáng thương của tôi, giá như ông ấy ít mồm ít miệng hơn thì hẳn ông ấy đã không bị bắt đi trại cải tạo. Ông ấy tin tưởng vào Khme đỏ một cách mù quáng. Thiên – lão trùm Angca ở địa phương làm ra bộ rất thân thiện – đêm nào cũng đến nói chuyện với chồng tôi và ông ấy đã kể cho lão nghe chuyện đời ông ấy. Khi Thiên ốm, chồng tôi đem thuốc men đến cho lão (khi đó chúng tôi vẫn còn thuốc men dự trữ cho 3 tháng). Sai lầm thứ hai của chồng tôi là xin cho một người bạn của ông ấy được tới đảo... Ông ta là người cho chúng tôi thuê nhà ở Phnom Pênh, là người rất thích khoác lác và hay nói tiếng Anh, tiếng Pháp. Hai tháng sau khi tới đảo, ông ta trở thành người đầu tiên được ‘nhập’ trại cải tạo. Một tối, sau bữa ăn, ông ta bị chúng đưa đi, nói rằng: ‘Angca cần ông ta phục vụ’. Hai tuần sau đó, đến lượt hai chục người khác – trong đó, hiển nhiên có chồng tôi. Họ ra đi sau bữa ăn trưa. Tôi không thể có mặt khi họ ra đi vì hôm đó tôi đang thu hoạch ngô. Tối đến, khi tôi về, Thiên bảo: ‘Đừng lo, chỉ hai ngày nữa là ông ấy sẽ về thôi. Angca cần hỏi một số vấn đề vì bạn chồng bà đã tố giác ông ấy’. Ngày, tháng rồi nhiều năm trôi qua. Tôi chẳng bao giờ gặp lại chồng tôi nữa. Những người cùng bị đưa đi với ông ấy cũng không bao giờ trở lại nữa”.[60]

Tại một trong những lớp “tẩy não” được tổ chức định kỳ, những người dân di tản được cho biết rằng họ bị coi là “tù nhân chiến tranh”. “Trước khi quân Khme đỏ chúng ta vào Phnom Pênh, các người đã được lệnh rời khỏi thành phố. Tại sao các người không làm như vậy”. Cuối tháng 2/1975, Khme đỏ đã phát đi trên đài phát thanh một mệnh lệnh rằng tất cả mọi người ở Phnom Pênh và “các vùng chưa được giải phóng” khác phải ra đi tìm đến những “vùng giải phóng”. Thế nên, khi quân Khme đỏ tiến vào “những vùng chưa được giải phóng”, chúng coi những cư dân ở đó là “tù binh”, là “tù nhân chiến tranh”.^[61]

Trong nước Campuchia của Khme đỏ, có 3 loại công dân. Loại A gồm những người đã ủng hộ kháng chiến và đã có mặt trong “vùng giải phóng” vào ngày 17/4/1975. Loại B gồm những người bị bắt trong “những vùng chưa được giải phóng”. Hai loại này trở thành dân “cũ” và dân “mới”. Loại C gồm bất kỳ ai đã từng phục vụ trong các lực lượng vũ trang hoặc các cơ quan chính quyền trong chế độ Lon Non và chế độ Sihanuc. Những người này bị săn lùng và bị trừ khử cùng toàn bộ bà con họ hàng mình.

Giữa tháng 9/1975, Donidor Aphôngxô và những dân “mới” khác ở Cô Tuốcvin được yêu cầu chuẩn bị chuyển đi nơi khác. Một thông tư của Ăngca cho hay rằng họ sẽ chuyển về những tỉnh sanh quán của họ. Họ gói ghém tất cả những tài sản gì còn lại và lên phà qua sông. Hàng đoàn xe tải quân sự đang chờ sẵn để đưa họ – như họ hằng trông chờ – trở về quê hương. Thậm chí Donidor còn mơ đến việc trở về Phnom Pênh.

“Sau khi ghi tên và số người trong mỗi gia đình, lại đến một cuộc kiểm tra hành lý nữa. Các túi xách đều bị dốc sạch một cách hết sức bừa bãi và chúng tôi mất thêm phần lớn tài sản của mình nữa. Chúng tịch thu cuốn album lớn lưu ảnh của gia đình tôi – một thứ tài sản mà tôi rất quý – và bảo rằng: ‘Không lưu niệm, kỷ niệm gì nữa. Phải quét sạch, phải quên đi hết tất cả những gì dính dáng đến chế độ cũ. Đó là một chế độ của bọn mục nát, bọn đồi bại’”.

Lời tuyên bố rằng họ đang được đưa về quê cũ chỉ là một trò lừa bịp điển hình của Khme đỏ. Thực ra, họ bị đưa lên xe tải, tàu hỏa rồi xe bò kéo đi khoảng 10 ngày trước khi bị phân ra đến các làng xã khác nhau dưới chân một dãy núi thuộc tỉnh Battambang. Donidor Aphôngxô bị phân tới xã Tà cheng, có 5 krum (tức là xóm).

“Ngay lập tức dân làng tự phân biệt rất rõ giữa bản thân họ với những người tị nạn. Chúng tôi, dân tị nạn, hình thành một tập đoàn những ‘dân mới’. Họ gọi chúng tôi là ‘dân mới’, còn họ là ‘dân cũ’. Chúng tôi vừa đặt chân tới nơi, những điều nghiêm cấm dưới đây đã lập tức có hiệu lực:

Chỉ nói tiếng Khme.

Không nói chuyện với nhau ban đêm vì Chlop [mật thám – ND] lượn lờ nghe trộm ngoài cửa.

Mỗi ngày ăn không quá hai bữa.

Không được tự mình nấu cơm. Hãy ăn cháo vì vùng này vẫn thiếu gạo”.

Trong nửa cuối năm 1976, nạn đói đã buộc mọi người phải tìm cách ăn trộm ngoài đồng và lòng kiêu đồ ăn trong rừng để sống. Phản ứng của bọn trùm Ăngca địa phương là dùng những kiểu hành quyết tàn ác nhất để gieo rắc sự kinh hoàng vào tận tâm can mọi người. Bị đưa đi “rừng tây” cũng đồng nghĩa với việc bị tra tấn đến chết.

“Mọi người, từ trẻ đến già, gặt cái gì là vớ lấy cái đó: sắn, rau, mía... Nhưng nếu bị bắt quả tang, thì hãy cầu nguyện đi và phó thác linh hồn cho Chúa! Một hôm, một cậu bé tên là Tusơ bị bắt vì dám nhổ trộm mấy củ sắn. Được thông báo về việc này, Tà Linh (Ăngca trưởng của xóm) chỉ nói: ‘Đưa nó đi rừng tây’”.

Donidor Aphôngxô mô tả lại cảnh cậu bé bị “ba tên đồ tể” dẫn đi ra sào và bà đã theo sau cách một quãng khá xa như thế nào để chứng kiến những gì đã diễn ra. Ăn mình trong một bụi rậm để “có thể nhìn thấy mà vẫn không bị lộ”.

“Đứa bé chịu tội, từ thắt lưng trở lên để trần, bị trói vào một thân cây, mắt bị bịt kín. Tên đồ tể Tà Xốc, tay cầm một con dao to, rạch một đường dài vào bụng nạn nhân tội nghiệp làm nó

gào lên đau đớn như hoang thú (tới tận hôm nay tôi vẫn còn nghe tiếng em gào). Máu xối ra từ mọi chỗ và từ ruột trong khi Tà Xốc lần tìm lá gan, cắt rời ra và cho ngay vào một cái chảo đã được Tà Chìa đun nóng. Chúng chia nhau lá gan đã nấu chín, ăn một cách hết sức ngon lành. Sau khi chôn xác đứa bé, chúng bỏ đi, hể hả. Cho đến khi chúng đã đi xa, tôi mới dám rời nơi ẩn náu”.

Một cảnh địa ngục trần gian khác [nguyên văn: cảnh như của Đăngtê – ND] mà Đonido Aphôngxô được chứng kiến đã xảy ra khi bà nằm điều trị trong thời gian bị ốm nặng tại một nơi gọi là Phnom (có nghĩa là núi) Liếp, cách xã Tà Cheng chẳng bao xa. “Tôi vẫn biết là chẳng có thuốc men điều trị gì đâu”, bà giải thích, “nhưng tôi tưởng rằng ít ra tôi cũng sẽ được nghỉ ngơi”. Bà đã nhầm:

“Đêm xuống, chẳng ai ngủ nổi. Chúng tôi chờ chiếc xe tải thường lệ đến. Quãng 9 giờ, nó dừng bánh cách bệnh viện không xa, dưới chân Phnom Trayônô. Những tiếng đàn ông thét ra lệnh, rồi im lặng hoàn toàn. Sau khoảng khắc, có thể nghe thấy những tiếng kêu đau đớn “Ồ! Ái!” Những tiếng kêu đó nhanh chóng khựng lại. Rồi im lặng. Sau một tiếng đồng hồ, xe tải chạy đi. Người ta lại có thể nghe thấy những tiếng kêu nghèn nghẹn. Đó là tiếng kêu của những người bị đánh bất tỉnh rồi bị chôn sống. Hôm sau, để thỏa mãn tính tò mò, tôi đi đến nơi ấy. Những gì trông thấy làm cho tôi chết đứng cả người. Nơi ấy có những đường hào khổng lồ, rộng đến nỗi có thể thu nhận cả bốn năm chục xác người; có những hố chỉ được lấp đất vội vàng trong đêm tối, những cánh tay, ống chân vẫn còn thò ra ngoài. Đêm hôm sau, trước khi ô tô tải đến một lúc, tôi ra nấp sau một bụi tre to để tận mắt thấy tường tận mọi việc.

Chín giờ đúng, một xe tải quân sự chở đầy người chạy đến mép hào. Một, hai, ba người đàn ông nhảy xuống và ra lệnh cho mọi người cùng làm theo như vậy, từng người một và xếp hàng đi theo người lái xe tới một đường hào vừa mới đào. Tổng số có 40 người – tôi đếm thấy như vậy. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đủ mọi lứa tuổi. Hai gã đàn ông theo sau, rìu và xẻng cán ngắn trong tay. Tới đường hào, những gã có rìu và xẻng đứng đối diện nhau, tên lái xe đẩy các nạn nhân về phía chúng, hai người một. Bị một nhát rìu hoặc xẻng, họ bất tỉnh và bị đá xuống hào, hoặc còn sống hoặc đã chết. Một vài người nhìn thấy cảnh diễn ra tìm cách chạy trốn. Vô ích. Họ bị bắt lại ngay. Khi tất cả mọi người đã bị ném xuống hào, bọn chúng lấy đất lấp kín lại và chiếc xe tải chạy đi. Một tháng sau, một máy kéo đến san bằng toàn bộ khu vực này và tên trùm một xã gần đó được lệnh trồng sắn khắp vùng. Cho đến lúc chết, tôi sẽ không bao giờ quên những cảnh hãi hùng này, những cảnh mà chỉ những loài dã thú như bè lũ PolPot – Iêng Xary mới có khả năng làm nổi”.

Lời chứng kiến của Đonido Aphôngxô khá dài và đầy những tình tiết dường như không thể tin nổi. Trong một cuộc phỏng vấn sau khi kết thúc phiên tòa, bà kể với tôi rằng bà đã từng không dám chắc mình có thể qua khỏi cảnh sống trong trại tập trung, khi quanh bà toàn là tàn sát, tra tấn, chết đói cùng những điều kiện sống và làm việc không thể chịu đựng được. Nhưng bà đã quyết tâm phải sống, sống để ra sức tố cáo chế độ này bằng những thực tế chính xác về những gì bà đã được chứng kiến. Đó chính là lý do thúc đẩy bà nhiều lần mạo hiểm với số mệnh để chứng kiến những cảnh hãi hùng như ở sau bệnh viện Phnom Liếp và cuộc hành hình chú bé Tusor.

Những lời kể của bà về sinh hoạt hàng ngày cũng sinh động không kém: lao động nô dịch trên cánh đồng từ 12 đến 14 giờ mỗi ngày, 7 ngày mỗi tuần, với miếng cơm chết đói. Nhiều lần đôi chân bà đã khuyu xuống sau những ngày đói khát khủng khiếp. Đã hai lần bà suýt chết đuối do đuối sức ngã xuống kênh dẫn nước. Một lần bà đã bị chó cắn xé khi bà giành giật với nó một mẩu da của một con bò mới thịt – và chịu thua. Cũng có lần, bà đã phải đánh nhau với cậu con trai mới 14 tuổi đầu của mình để giành một nhúm gạo sấy mà hai mẹ con đã ăn trộm được. Đến đầu tháng 1/1979, bà đã kề bên cái chết vì đói và ngay cả tên trùm ăngca của địa phương cũng công nhận rằng bà không còn khả năng làm đồng nữa. Một buổi sáng, bà lần ra khỏi túp lều của mình thử đi xin ít đường thốt nốt với hy vọng nó sẽ giúp bà phục hồi sức lực. Bà cố tìm đến nhà tên chủ tịch huyện: vợ hắn ta đã có lần tỏ lòng tốt với bà.

“Vừa tới nơi thì tôi thấy ngay tình thế tồi tệ. Toàn bộ bọn Nearaday (xã trưởng) được vũ

trạng tận răng đang tập hợp ở đó. Bốn, năm người thợ may đang bận rộn, làm hết tốc lực, may túi dệt và các thứ túi khác theo hình ruột tượng để chở gạo. Tôi được biết rằng trong hai ngày qua nhà máy xay đã xay sát khoảng 40 bao gạo mỗi ngày. Đến tối, chúng chất bừa bãi các thứ vào xe bò, cả vợ con chúng nữa. Chúng rời Xahakar (hợp tác xã) đi lên mạn bắc, thậm chí chẳng buồn ngoái ngàng gì đến chúng tôi – điều này chẳng làm chúng tôi ngạc nhiên, bởi lẽ chúng vẫn thô lỗ như vậy. Cái đêm chúng ra đi, mọi thứ đều bị cướp phá: cả cánh đồng mía phía sau nhà Tà Xốc lẫn những kho muối và thóc, lợn và cả thóc trong nhà máy xay đều bị ăn trộm. Chẳng ai có thể chặn bắt những người cướp phá đã từng bị đè nén một thời gian dài đến vậy.

Rồi tôi hay tin quân giải phóng đã đến Phnom Liép. Mọi người được đề nghị đi khỏi vùng này theo hướng đông. Ai nấy khăn trùm khăn gói, chẳng cần xin phép ai. Những tên ủng hộ Nearaday còn chưa đi tìm cách giữ chúng tôi lại: ‘Các người đi đâu? Ai bảo các người đi? Lẽ nào các người không biết rằng cái chết đang chờ các người trên đường đi hay sao? Không cơm gạo, không thuốc men, không xe cộ – chắc chắn các người sẽ phải chết vì Xiêm Riệp cách đây những 60km kia mà!’ Chẳng ai đếm xỉa đến chúng, có người còn nói: ‘Nếu phải chết, chẳng thà tụi tao chết ở nơi khác còn hơn là vùi xương ở cái khu rừng khốn nạn này’.

Đonido Aphôngxô không tin là bà có thể đến nơi được. Bà đang bị phù nề vì đói, đôi chân sưng tấy lên, nên bà ở lại bồi bổ sức lực cho mình bằng số thức ăn đột nhiên thừa thãi. Người ta thịt bò, cứ 20 người thịt một con: “Suốt 3 ngày ấy, tôi ăn quá nhiều đến nỗi bị đi ỉa chảy – gạo và rau đầy rẫy”. Sau ba ngày ăn no, hai mẹ con bà lên đường, vai chất đầy đồ ăn. Lúc đầu họ chỉ đi được khoảng 100 thước là lại phải nghỉ. Sau nhiều quãng ngắn một, sau vài đêm nghỉ lại ở những làng xóm đi qua, họ đã tới Xiêm Riệp. Họ phải mất 2 tuần mới đi được 30 dặm. “Ngay cả những người có xe bò hoặc xe tay cũng phải đi từng chặng ngắn một và cũng phải mất 7-8 ngày mới tới nơi”.

Bà kể lại những ấn tượng đầu tiên về quân đội Việt Nam đến giải phóng:

“Nhiều ngày liền, tôi sống nhờ vào lòng tốt của quân giải phóng. Dù chẳng biết mình là ai, nếu họ thấy mình đói, họ cũng cho mình cái gì đó để ăn – cơm, cá khô, cháo thịt, mỳ sợi...

Những người lính giải phóng này không có gì giống với những điều bẽ lũ PolPot – Iêng Xary (bọn Nearaday) mô tả về họ; theo chúng, họ là những kẻ chuyên cắt cổ người, giết trẻ em, hút máu người. Họ chỉ là những bộ xương, chẳng có gì ăn, phải sống bằng vỏ trấu. Tôi không thể không kể những chuyện này cho những người lính giải phóng: họ lắng nghe một cách thích thú. Là những người đã từng sống chung với bọn lính của PolPot – Iêng Xary, chúng tôi có thể cam đoan rằng bọn giết người và cắt cổ người thực thụ chính là bẽ lũ PolPot – Iêng xary. Chẳng hạn ở Phnom Xrốc, những ai không kịp chạy đi đều bị cắt cổ hoặc ít nhất cũng bị móc mắt (rõ ràng là để họ không thể nhận mặt bọn đồ tể và những kẻ đã tra tấn mình – Tác giả).

Những người lính giải phóng này cư xử rất đúng đắn với chị em phụ nữ và thật bất ngờ với tôi, họ bị cấp trên cấm tuyệt đối, không được lấy bất cứ thứ rau quả nào ở địa phương. Họ chỉ dựa vào những gì của Chính phủ họ chở đến bằng máy bay. Họ không lấy gì của đất nước này, họ chỉ có đem thêm đến để phân phát dưới dạng hàng viện trợ”.[\[62\]](#)

Lời chứng của Donido Aphôngxô – người sau này đã tới Paris làm việc tại Bộ Ngoại giao Pháp – là cực kỳ có giá trị. Những lời miêu tả của bà cùng những điều bà đã trải qua là bằng chứng hết sức đầy đủ về bản chất man rợ nguyên thủy, kẻ cướp của các lực lượng Khme đỏ. Các lực lượng giải phóng không cướp bóc tài sản riêng của mọi người. Những điều Khme đỏ đã làm chỉ chứng minh cho thái độ coi thường của chúng đối với bản thân dân tộc chúng, đối với nền văn hóa và truyền thống của dân tộc ấy. Phản ứng của chúng khi Donido Aphôngxô van vỉ được giữ cuốn album gia đình thật là điển hình: “Hãy quên đi quá khứ”.[\[63\]](#) Dưới con mắt của các lãnh tụ Khme đỏ, lịch sử của đất nước Campuchia chỉ mới bắt đầu từ ngày 17/4/1975. Tất thảy những gì trước đó đều bị phải lãng quên, đều phải bị xóa sạch.

VII. Một xã hội nô lệ ở thế kỷ XX

Ở nước Campuchia của Khme đỏ, mọi thứ đều được thực hiện nhân danh Ăngca. “Ăngca Lo

cần đến đồng chí”, tên đội trưởng đội hành quyết sẽ chỉ nói vậy khi hắn đến vào lúc nửa đêm để lôi nạn nhân đi. “Angca đề nghị đồng chí cho mượn chiếc đồng hồ”, “Angca sẽ cấp cho”, “Angca muốn làm cho các đồng chí trở thành những người cách mạng thực sự”. Dưới cái vỏ bọc của những lời lẽ có vẻ cách mạng, bè lũ PolPot – Iêng Xary đã áp đặt lên nhân dân Campuchia một hệ thống biến họ thành nô lệ và thi hành quyền lực của chúng đối với họ trên cơ sở của sự khủng bố, sự tàn bạo và sự diệt chủng.

Mặc dù người ta chưa nhất trí được với nhau về cái nhãn hiệu thể hiện hệ tư tưởng cho cái xã hội này, nhưng rõ ràng là, những định nghĩa kinh điển trong các từ điển về khái niệm nô lệ đã mô tả một cách hoàn hảo thân phận những công dân Campuchia bình thường dưới ách Khme đỏ. Dù rằng họ quả là không bị mua đi bán lại – vì chẳng có tiền tệ và cũng không có hệ thống giá trị trao đổi – thì dưới thời Khme đỏ, người dân Campuchia cũng không được lựa chọn công ăn việc làm, không thể thay đổi nơi làm việc, không có quyền tự do đi lại bất kỳ đâu. Cuộc sống của họ không có gì khác ngoài việc phải lao động từ 12 đến 14 giờ một ngày, 7 ngày một tuần, không được trả lương, chỉ được một suất ăn chết đói mà họ không thể tùy ý sử dụng. Bất kỳ công dân nào cũng có thể bị bắt đi và nện vào đầu cho đến chết, mà chẳng được biết là đã phạm tội gì hoặc chẳng được ai bào chữa. Họ hàng gia đình không được phản đối hoặc đòi bồi thường gì cả, vì những chuyện đó sẽ dẫn đến cái chết chắc chắn cho bất kỳ ai dám phản đối hoặc thậm chí phê phán chính quyền, bằng việc khóc thương vợ chồng hay con cái bị giết.

Nếu như trước kia, chỉ những tù binh người nước ngoài – người Thái, người Lào, người Chăm và các dân tộc khác – bị đẩy vào cảnh nô lệ trên đất nước Campuchia, thì một trong những nét độc đáo của xã hội Khme đỏ là PolPot đã nô dịch chính dân tộc của hắn. Lúc đầu, thân phận nô lệ được quy định cho những ai không có mặt trong những vùng do Khme đỏ kiểm soát vào thời điểm “giải phóng” ngày 17/4/1975. Nhưng chẳng bao lâu sau, thân phận này được quy cho toàn thể dân tộc, trừ giới lãnh đạo có đặc quyền. Danh chính ngôn thuận mà nói, và không danh chính ngôn thuận tới mức hiển nhiên hơn nhiều mà nói (trong những khóa học tập chính trị mỗi tuần hai hay ba lần mà thành viên của tổ chức nào cũng đều phải tham gia), đó là cuộc chiến tranh sống chết giữa dân nông thôn và dân thành thị, diễn ra trong khi vũ khí trấn áp nằm gọn trong tay dân nông thôn và những tên Khme đỏ “bảo hộ” cho họ. Trong khi giới lãnh đạo Khme đỏ đề ra khẩu hiệu “trả thù giai cấp” để hô hào thành viên của chúng ở mọi cấp phát động “tinh thần cảnh giác và nghiêm khắc cách mạng” ngày càng cao trong khi xử lý “kẻ thù giai cấp” thì thực ra sự phân bố giai cấp chẳng dính dáng gì đến việc ai là người xử lý và ai là người bị xử lý. Giới lãnh đạo Khme đỏ hoàn toàn xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản và tư sản có sở hữu tài sản và một số trường hợp có liên quan đến giai cấp phong kiến. Đa số những người bị giết hoặc cố tình bị bỏ cho chết vì đói khát hoặc bệnh tật vốn là những tiểu nông, ngư dân, công nhân và những người có học thuộc những thành phần xuất thân khác nhau, nhưng hầu hết là xuất thân trong tầng lớp nghèo khổ. Làm sao có thể nói khác được khi mà số người chết trong chưa đầy bốn năm trời là từ 2 đến 3 triệu?

Sau giải phóng, Angca Lơ cho truyền đạt xuống một chỉ thị hướng dẫn bọn thừa hành ở các địa phương về chính sách đối với những người bị lưu đày – số người này chiếm đến 2/3 dân số – diễn đạt dưới hình thức một khẩu hiệu: “Giữ chúng – không lái gì! Giết chúng – không lỗ gì!” Giáo sư Keng Vanxắc – cựu Chủ nhiệm khoa Văn chương trường Đại học Phnom Penh, một trong những nhà macxít xuất sắc của Campuchia và là người diu dắt ở Paris một số lãnh tụ tương lai của Khme đỏ – đã giải thích cho tôi rằng những từ Khme Camnenh (nghĩa là Lãi) và Khat (nghĩa là Lỗ) viết trong cái chỉ thị – khẩu hiệu ở trên không phải là những thuật ngữ trừu tượng hay triết học gì; chúng thể hiện những giá trị vật chất và thương mại như vẫn được sử dụng trong công tác kế toán thông thường.

“Con người bị hạ xuống thành một đối tượng của lãi và lỗ. Những người nào có khả năng thoát khỏi bàn tay của các đơn vị hành quyết, thoát khỏi lao động cưỡng bức, cảnh thiếu thốn thuốc men, thoát khỏi bệnh tật, đói khát, sẽ trở thành những vật có lãi. Nếu không, họ sẽ bị giết chết và cái chết của họ chẳng hề gây ra chút lỗ nào!”

Keng Vanxắc cũng chỉ ra rằng trong thực tế Angca là “một bộ máy đàn áp và khủng bố khổng lồ như một thứ hỗn chất gồm Đảng, Chính phủ và Nhà nước, không phải hiểu theo nghĩa thông

thường của những từ này, mà đặc biệt nhấn mạnh vào đặc tính thần bí, khủng khiếp và tàn nhẫn của nó. Theo một cách hiểu nào đó, nó là một quyền lực chính trị siêu hình, vô danh, có mặt ở khắp mọi nơi, là thương đế huyền bí, gieo rắc cái chết và sự khủng bố nhân danh chính nó”. Vì mọi cán bộ Khme đỏ đều có thể đương nhiên hành động nhân danh Angca, nên gã ta hoặc mẹ ta – được miễn giải bất kỳ ý thức trách nhiệm cá nhân nào khi phạm tội giết chóc hay tra tấn nhân danh Angca.

Tại phiên tòa xét xử tội diệt chủng tổ chức ở Phnom Penh tháng 8/1979, Dit Muntty, một giáo viên trung học đã thoát chết nhờ thành công trong việc không để lộ ra mình là một “trí thức”, đã đưa ra một trong những bản mô tả lý thú và thất vọng về việc Angca đã nô dịch nhân dân Campuchia như thế nào.

“Angca là hiện thân của một quyền lực quân phiệt và chuyên chế tuyệt đối nằm trong tay Khme đỏ. Nó có quyền sinh quyền sát đối với mọi người. Để gieo rắc sự bất đồng giữa người thành thị và người nông thôn, Angca chia mọi người thành 3 loại: dân cũ, dân mới và kẻ thù. Loại thứ nhất bao gồm những người sống trong vùng giải phóng hoặc trong những vùng đã đi theo Khme đỏ trước khi chính quyền Lon Non sụp đổ. Loại thứ hai bao gồm những người bị lưu đày khỏi Phnom Penh và những nơi khác. Những người này bị coi như nô lệ. Họ phải chịu mọi thứ nhục hình của “dân cũ”. Dân cũ có nhiều quyền hành và ân huệ hơn dân mới. Chính dân mới là người phải làm tất cả những công việc nặng nhọc. Suốt 6 tháng trong 1 năm, Angca bắt họ phải đắp đê, đào mương máng. Mỗi ngày họ phải làm việc 13 tiếng, từ 3 giờ sáng đến 10 giờ 30, từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 và từ 19 giờ đến 21 giờ, để đổi lấy 150gr gạo mỗi người và ngày nào cũng vậy.^[64] Đối với họ, không hề có ngày nghỉ, ngay cả khi ốm đau, họ cũng không có quyền nghỉ ngơi. Bị cái chết đe dọa, họ phải liên tục làm việc cả ngày lẫn đêm, dưới cả mưa lẫn nắng. Loại thứ ba, bao gồm những nhân viên quân sự và dân sự dưới chính quyền cũ, toàn bộ trí thức, học sinh và sinh viên từ lớp 7 trở lên. Tất cả những người này đều phải bị giết bởi lẽ họ là kẻ thù.

Đất đai khô cằn, điều kiện sống chật vật, thuốc men thiếu thốn. Nhiều người đã chết vì đói. Ở công xã Xăngcát Xamôrich, mỗi ngày có từ 4–6 người chết. Mọi người ở đây ốm yếu đến nỗi có lúc họ không còn sức để chôn người chết nữa, vì thế họ đã chất xác chết lên xe bò và bỏ lại trong rừng”.

Trong số các nạn nhân, có mẹ của Dit Muntty. Bằng việc tả lại cái chết của bà, anh đã trình bày một cách hùng hồn, điều chắc chắn là số mệnh của hàng trăm nghìn đồng bào của mình: chết đói ngay trên mảnh đất vốn đã từng là một trong vùng xuất khẩu lúa gạo hàng đầu ở châu Á.

“Mẹ tôi cũng bị chết đói. Bà là một phụ nữ dịu hiền, khiêm tốn và dễ thương. Bà mới 45 tuổi, nhưng bị tiêu tụy bởi tâm trạng đau buồn, bởi lao động cưỡng bức, bởi suy dinh dưỡng và thiếu thuốc men, trong bà như một cụ già 80 tuổi. Tôi bị đưa đi đắp đê ở xa trong 5 tháng trời và khi tôi trở về, mẹ tôi đang hấp hối. Bà kêu: ‘Cho mẹ chút gì để ăn đi. Mẹ chết đói mất thôi’. Liều thân, tôi lao bừa đi và cũng kiếm được một bát cơm. Bất hạnh thay, mẹ tôi không thể nuốt nổi nữa. Giọng bà nhỏ dần, nhỏ dần, đến khi lịm đi. Vừa khóc lóc, tôi vừa khê lay người bà và hỏi xem bà còn nhận ra tôi nữa không. Bà mở mắt, nhìn tôi, chớp chớp mắt ra điều nhận ra tôi – rồi chết”.

Lời chứng có tính xác thực, thuyết phục và đầy xúc động của Dit Muntty nằm trong số những lời chứng quan trọng nhất đã được trình bày tại phiên tòa xử tội diệt chủng. Đối với tôi, đó là sự tổng hợp của tất cả những gì tôi đã phát hiện ra từ thực tế hàng trăm cuộc phỏng vấn, lúc đầu với những người tị nạn, rồi về sau với những người “trên đường” và những người cuối cùng đã trở về được làng quê mình hoặc nhà mình ở Phnom Penh. Rõ ràng là một người quan sát sắc sảo có một trí nhớ tốt và một ý thức cao về giá trị con người, Dit Muntty đã mô tả cuộc sống dưới thời Khme đỏ, đó là một trong những bản cáo trạng có hiệu quả nhất đối với chế độ này và chẳng cần nói ra, đối với những ai – đặc biệt là những trí thức phương Tây – đã trở thành những kẻ biện hộ cho cái chế độ ấy. Trong lời chứng của anh, không có một câu, một chữ nào lại không được sự xác nhận của những người đã từng sống dưới ách Angca, trong cái xã

hội mà lêng Xary đã huênh hoang là “điều chưa từng có trong lịch sử”. Với câu nói này, người ta có thể hết sức sốt sắng nói thêm: “Và có lẽ chẳng bao giờ có lại nữa”.

“Chúng tôi được ăn uống rất tồi, ăn mặc rách rưới và bị biến thành nô lệ. Quyền con người bị chà đạp, quyền được sinh hoạt với gia đình và quyền tự do hôn nhân được thay thế bằng ‘ăn tập thể’ và hôn nhân cưỡng bức mỗi lần từ 30–50 hoặc 60 cặp. Chúng tôi, những người ‘không ai cần đến’, không có quyền trở về quê hương và tái lập hạnh phúc và cuộc sống gia đình. Quyền cư trú, tự do đi lại trong nước, quyền tự do chính kiến, hội họp, tín ngưỡng, quyền làm việc, nghỉ ngơi hoặc học hành đều bị cấm đoán hoàn toàn. Mọi công dân không được ‘tự do bình đẳng’ khi hầu hết mọi người bị giam cầm bằng vũ lực trong các hợp tác xã và chết gục vì đói, trong khi Khme đỏ, đại diện Ăngca, có thể đi lại tự do và ngồi mát ăn bát vàng. Chúng đã thực sự phá hủy mọi cơ sở giáo dục, buộc trẻ em từ bỏ việc học hành. Trẻ em từ 13–14 tuổi bị cưỡng bức tòng quân, còn các em từ 6–12 tuổi thì chăn trâu bò và đi nhặt phân rơi.

Khme đỏ phỉ nhổ tất cả truyền thống, luân lý và tập quán của dân tộc. Chúng phá hủy chùa chiền, đền miếu hoặc biến những nơi này thành nhà tù, buộc các nhà sư phải bỏ áo cà sa.

Ăngca muốn phát triển nông nghiệp, nhưng chúng lại giết hết cán bộ kỹ thuật và cán bộ nông học. Trong khi đó chúng phải đóng cửa hết nhà máy này đến nhà máy khác do thiếu nguyên liệu và công nhân.

Không có tiền tệ, cũng chẳng có chợ búa. Ăngca thực hiện một thứ ‘kinh tế đóng cửa’. Chỉ có thương mại với một nước duy nhất là Trung Quốc, một nền ngoại thương coi thường lợi ích của nhân dân Campuchia, chỉ thừa nhận lợi ích của Bắc Kinh”.

Nếu ở Campuchia đã xảy ra nạn đói thì đó chẳng phải là do mất mùa. Sản lượng lúa vẫn cao, nhưng hoặc bị đưa vào kho dự trữ dùng cho quân đội hoặc bị xuất khẩu sang Trung Quốc. Tại phiên tòa xử tội diệt chủng, đã có những tài liệu cho thấy Trung Quốc ép Campuchia phải chuyển gạo ngày càng nhiều sang Trung Quốc. Một số ở phương Tây biện hộ cho chế độ này đã lấy việc Campuchia “thậm chí còn có gạo xuất khẩu” để chứng minh rằng hệ thống canh nông của Ăngca hoạt động hữu hiệu! Lúa gạo cùng gỗ, da cá sấu, cá khô, cá xông khói, hồng ngọc, xiricon, các loại đá quý khác và một ít cao su là những mặt hàng chủ yếu của Campuchia xuất khẩu sang Trung Quốc để đổi lấy vũ khí mà bè lũ PolPot – lêng Xary nhập của Trung Quốc.

Dit Muntty trình bày tiếp:

“Các cuộc hành quyết thường xuyên xảy ra. Đêm nào cũng vậy, hai hay ba người dân ‘mới’ bị triệu đi ‘hợp’ và biến mất không để lại chút dấu tích. Không ai dám hỏi han gì về số mệnh của những người bất hạnh này; thân nhân cũng không dám khóc, vì sợ kết tội là ‘đồng lõa’. Nếu có ai đó bị gọi đi vào một thời điểm không bình thường – nhất là vào ban đêm – người đó chắc sẽ bị giết. Chúng tôi sống trong nỗi lo sợ bất tận, như cá trong chậu, chẳng biết bao giờ sẽ đến lượt mình bị giết. Để thoát chết, người ta phải hết sức thận trọng. Không ai dám tin ai, bởi mật thám trà trộn giữa chúng tôi. Khme đỏ đã lập nên một hệ thống do thám rất có hiệu quả – những đứa trẻ từ 6–8 tuổi phải làm mật thám đối với cả cha mẹ chúng.

Các xã trưởng, được coi là cán bộ, được tuyển chọn trong số những người ít học nhất và để duy trì quyền lực của mình, chúng có thừa nhiệt huyết. Công lý luôn sẵn sàng ra tay. Bất kỳ ai không may làm vỡ chỉ một chiếc đĩa cũng sẽ bị gán cho là tay chân của CIA và KGB hoặc của Việt Nam.

Cuộc thảm sát lớn nhất nổ ra tháng 6/1977. Bạn Xeng Meng Téch của tôi là nạn nhân đầu tiên. Anh ấy vừa cùng gia đình bắt đầu ăn cơm trưa thì hai tên địa phương quân bước vào. Chúng bắt anh đi và đánh anh ấy đến chết dưới một gốc cây thốt nốt cách nhà 1km. ‘Tội’ duy nhất của anh ấy là đeo một cặp mắt kính dày!”

Tháng 6/1977 đánh dấu sự khởi đầu của một làn sóng thần những cuộc hành quyết ở các tỉnh. Những đoàn xe bò, làm người ta nhớ lại những đoàn xe chở tù nhân ra máy chém hồi Cách mạng Pháp lốc lăn bánh tới những pháp trường, lén chặt những nạn nhân vô tội.

“Suốt thời kỳ này, người ta phổ biến bằng miệng ở khắp nơi chỉ thị rằng: ‘vì thiếu đất trồng’

Ăngca đang cho xây dựng hàng trăm ngôi nhà kiểu mẫu ở nơi khác cho ‘dân mới’ tại những vùng nhiều đất trống. Tối tối, người ta tập trung các gia đình lại để chuyển đến nơi mới. Những đoàn xe trâu bò kéo và một con thuyền được dùng để chở những gia đình bất hạnh này tới những ‘làng mới’. Từ nơi ấy, chẳng có ai trở lại bao giờ. Chỉ riêng ở làng tôi, 36 gia đình với tổng số 202 người, đàn bà, người già, trẻ nhỏ đã bị đưa đi bằng những đoàn xe như vậy và từ đó đến nay vẫn biệt tăm. Tôi tin chắc rằng sẽ đến lượt mình – bị Ăngca đưa đi đến đó, nơi chưa có ai trở lại. Đêm nào cũng vậy, chúng tôi trông chừng chiếc thuyền và đoàn xe tới và chúng tôi không thể nào ngủ nổi cho đến khi âm thanh ghê rợn của chúng xa dần khỏi làng. ‘Nó đấy! Thế là lại thêm một lần thoát chết’. Vợ tôi thì thầm.

Chúng tôi sống trong tình trạng luôn luôn sợ hãi, vợ chồng tôi đã kiếm được và luôn thủ trong túi vài chục hạt quả độc có chứa độc tố stricnin. Nếu bị triệu di chúng tôi sẽ tự đầu độc mình. Đó là cách duy nhất để khỏi phải chịu đau khổ hơn nữa. Tất cả những người ‘dân mới’ do xe bò và thuyền chở đi đều được đưa tới trường Staung – ngôi trường này đã bị biến thành một trung tâm tù đầy và tra tấn. Tới nơi, mọi dấu vết của những người bất hạnh này đều biến mất. Những cuộc giết chóc đều theo một mẫu cố sẵn. Đầu tiên là những nhân viên quân đội và cảnh sát, rồi tới những nhân viên dân sự, trí thức, nhân viên kỹ thuật, bác sĩ, giáo viên và giáo sư, tiếp đến là sinh viên và học sinh”.

Dit Munty đã giấu nghề nghiệp và nguồn gốc giai cấp của mình, bị đưa đi làm đủ kiểu lao động chân tay: đốn gỗ, đánh cá, trồng rau, trộn phân. Lờn chứng của anh kết thúc bằng một thông báo nào lòng là sau khi chế độ PolPot bị lật đổ, thời gian đó anh bị đưa đến một “đội đánh cá” ở Tônglê Sáp tức “Hồ Lớn”, anh trở lại xã Staung và thấy nơi ấy lạnh tanh như sa mạc. [65]

“Mọi người đều ra dựng lều trại dọc theo quốc lộ dưới sự bảo vệ của Mặt trận Khme thống nhất cứu nước, vì sợ Khme đỏ bắt đưa vào rừng. Không ai có thể cho tôi biết chính xác điều gì đã xảy ra với vợ con tôi. Cho tới tận bây giờ, tôi vẫn chẳng được tin gì về vợ con tôi cả”.

Để liệt vào danh sách có “lỗi” trong cuốn sổ cái của Ăngca, những ai có đủ sức khỏe cơ bắp để thoát khỏi những thiếu thốn kinh khủng trong sinh hoạt hàng ngày đều đã phải trở thành những người cách mạng “trong sạch và cứng rắn”. Thế là trẻ em được dạy rằng tổ cáo cha mẹ chúng chính là một việc làm tốt giúp cho cha mẹ chúng được “trong sạch hơn”, để rồi họ có thể có một vai trò cao quý hơn trong xã hội mới. Một trong những khuyết tật vốn có lớn nhất của dân thành thị là “xu hướng thiên về chủ nghĩa cá nhân” của họ. Nhu cầu làm cho họ gột rửa được điều này là một trong những chủ đề thường xuyên nhất của những lớp “giáo dục chính trị” được tổ chức đều đặn.

Pin Yathay, tác giả của cuốn sách sơn gai ốc nhan đề *Cõi không tưởng chết chóc (L’Utopie Meurtrière)*, đã dùng những gì bản thân và gia đình mình đã trải qua để cho thấy Khme đỏ đánh giá “tiến bộ” về mặt tư tưởng như thế nào. [66] Trong vòng chưa đầy một năm sau khi cùng gia đình bị lưu đày khỏi Phnom Penh, ông đã mất 19 trong số 23 người ruột thịt của ông do bệnh tật và đói. Tại cái “hợp tác xã” mà gia đình ông được phân tới ở Đôn Êy, thuộc tỉnh Puốc Xát, Pin Yathay đã tới ngưỡng cửa của tử thần sau một trận sốt rét khủng khiếp, tiếp đó là bệnh phù thũng do đói. Con trai cả của ông, Xadát, bị một vết thương nhiễm trùng rất nặng ở chân và cũng bị phù thũng. Khi một cán bộ Khme đỏ đến đưa cậu bé đi, Pin Yathay cho hẳn xem vết thương đã nhiễm trùng và van xin hẳn cho phép con trai ông được nghỉ một hai ngày chờ cho vết thương lành. Gã Khme đỏ trả lời:

“Đồng chí vẫn còn xu hướng cá nhân chủ nghĩa. Vì đồng chí ốm yếu mà đồng chí muốn giữ con lại cùng. Cho đến nay, đồng chí đã vượt qua tất cả thử thách trừ lần này. Tuy nhiên đồng chí cần phải làm cho bản thân mình trong sạch đi. Hãy làm cho mình thoát khỏi mọi thứ tình cảm. Đứa trẻ này thuộc về Ăngca. Đồng chí không được ao ước giữ nó cho mình làm gì”. [67]

Cậu bé Xadát bị lôi đi và 5 ngày sau thì chết. Pin Yathay lại bị trách mắng thêm lần nữa vì đã xin nhìn xác con mà chẳng được.

Một lần khác, Pin Yathay bị bắt khi đang đưa đồ ăn đồ uống cho bà vợ góa của một người bạn

từ ngày còn ở Phnom Penh, sau khi chồng và hầu hết gia đình bà đã chết ở Đôn Êy. Bà ta yếu đến nỗi không thể lê bước nổi khỏi giường, vì thế Pin Yathay cùng vợ là Any cố hết cách giúp bà. “Giúp đỡ bà ấy không phải là nhiệm vụ của các đồng chí”, tên Khme đỏ lên tiếng và ngăn ông lại, “Việc làm này chỉ chứng tỏ rằng các đồng chí vẫn chưa gột sạch được những tình cảm trắc ẩn, bạn bè. Các đồng chí phải thanh toán những tình cảm như vậy và những xu hướng cá nhân chủ nghĩa đi. Còn bây giờ hãy quay về!” Hai ngày sau, người đàn bà ấy – nguyên là một viên chức của Ngân hàng Thương mại Khme ở Phnom Penh – qua đời. Hai đứa con của bà bị đưa đi biệt tăm.^[68]

Một trong những cuộc thuyền chuyển – thường xuyên xảy ra trong những năm đầu lưu đày – gia đình Pin Yathay cùng những người khác sống cùng làng bị đưa tới Xrama Liếp thuộc tỉnh Tà keo, nam Phnom Penh. Cuộc thuyền chuyển này được công bố một cách dối trá là để đưa dân về quê cũ. Đến khi họ vừa dỡ đồ đạc từ trên xe bò xuống, tên trùm Khme đỏ ở địa phương cho họ biết ngay rằng chuyển đi tiếp về quê đã bị hoãn lại. Khi đó là cao điểm của thời vụ nông nghiệp tháng 7/1975 và họ sẽ ở lại Xrama Liếp cho tới khi trồng cấy xong đã.

“Tất nhiên Ăngca sẽ lo cho việc ăn ở của các đồng chí. Ăngca sẽ chăm lo mọi thứ. Về phần mình, các đồng chí phải tôn trọng kỷ luật, trật tự. Các đồng chí phải cố gắng tự làm trong sạch mình”.

Pin Yathay trình bày: “Chủ đề thử thách và tự làm trong sạch cứ lặp đi lặp lại trong những bài giảng tẻ ngắt của Khme đỏ. Gã hung biện lớn tiếng thuyết trình cuốn kinh thánh về những ước vọng của Ăngca đối với chúng tôi. Lời lẽ tuôn chảy của hắn tăng bốc lên tận mây xanh việc cải tạo con người: ‘Ăngca muốn làm các đồng chí trở thành những người cách mạng chân chính’, ‘Hãy cố làm chủ bản thân và chịu trách nhiệm đối với vận mệnh của chính mình bằng cách lao động cật lực nhằm đáp ứng nhu cầu của bản thân mình. Điều cần thiết là phải xử sự như những người cách mạng tốt, tẩy sạch những vết nhơ của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa phong kiến’”.^[69]

Những từ “đáp ứng nhu cầu của bản thân mình” chính là một phần trong một tổng thể những lời nói láo. Chẳng bao giờ những người lao động nô dịch được sử dụng những gì họ làm ra. Sản phẩm họ làm ra được chất vào những kho chứa của công xã, rồi từ đó đi đâu nữa thì ai mà biết được! Tôi chưa hề biết đến một trường hợp nào về sự liên quan giữa những gì được làm ra và được sử dụng của các thành viên các “hợp tác xã” hoặc “công xã”. Hình phạt đối với hành động tìm cách chiếm dụng thành quả lao động của chính mình tất yếu là việc bị đưa ra đấu tố trước công chúng rồi bị giết một cách khủng khiếp.

Tuyển cử được coi là đã tiến hành hồi tháng 3/1976. Khi trình trọng công bố “kết quả”, ban lãnh đạo Khme đỏ cho hay dân số Campuchia khi đó xấp xỉ 7-8 triệu người, trong đó có nói rõ số “cử tri đã được đăng ký” và tỷ lệ người đã đi bỏ phiếu. Tôi chưa hề gặp được người nào đã từng tham gia vào cuộc tuyển cử này. Về cuộc tuyển cử đó, Pin Yathay viết:

“Chúng tôi trông chờ được người ta hỏi ý kiến. Vô ích! Ở vùng tôi, không ai tham gia tuyển cử. Ở một số xã, người ta chỉ đưa ra một ứng cử viên duy nhất... Kết quả tuyển cử được công bố trong một bầu không khí chung thờ ơ, lãnh đạm.

Khme đỏ lấy việc huy động người ra đồng làm việc để biện minh cho tình trạng không tham khảo ý kiến cử tri ở một số khu vực. Chúng làm ra vẻ rằng họ quá bận rộn ngoài đồng hay trên thuyền đánh cá đến nỗi không thể bỏ phiếu được. Thực ra có ai để ý đến tiếng nói của chúng tôi đâu. Chúng tôi chẳng có nghĩa lý gì hết. Có thể chúng tôi không được phép bỏ phiếu vì chúng tôi là ‘dân mới’”.

Chính sau cuộc tuyển cử này và sau việc chỉ định một chính phủ mới, Sihanuc “từ chức” Quốc trưởng, còn người bạn cũ đồng thời là cố vấn của ông – Pen Nút – “từ chức” Thủ tướng. Khi ấy, người ta thông báo rằng Sihanuc sẽ được nhận trợ cấp hàng năm là 8.000 đô-la. Pin Yathay viết rằng thông báo này làm ông và những người khác tin rằng Sihanuc cùng gia đình sắp lên đường tới “một nước thân hữu nào đó”. Chỉ sau khi Pin Yathay chạy thoát sang Thái Lan tháng 6/1977, ông mới biết rằng ngay sau trò hề “từ chức”, Sihanuc đã bị quản thúc tại

nhà và vẫn còn ở trong nước.

“Trong các cuộc họp hành chính trị, Khme đỏ che đậy sự đe dọa của chúng một cách qua loa. ‘Các người phải lao động chăm chỉ để trở thành những người cách mạng tốt. Nếu các người chần chừ giữa đường, bánh xe cách mạng sẽ nghiền nát các người. Ở nước Campuchia mới, chỉ một triệu người cũng đủ để tiếp tục cuộc cách mạng. Một triệu người cách mạng tốt là đủ đối với xã hội mà chúng ta đang xây dựng. Chúng ta không cần số còn lại. Chúng ta thà giết chết mười người bạn còn hơn là để sống sót một kẻ thù’. Lời cảnh cáo thật rõ ràng. Khme đỏ chẳng cần có bằng chứng gì cũng có thể bắt người bị tình nghi, cho dù người đó là bạn của chế độ mới.

Bất kỳ xã trưởng nào cũng đều có quyền ra lệnh giết bất cứ ai. Chúng sẵn sàng thanh toán những chuyện quan hệ riêng tư hoặc cướp bóc của mọi người. Chúng nguy trang tội ác của chúng bằng những bài diễn thuyết chính trị. Chúng tôi không được tự vệ để chống lại hệ tư tưởng này. Khme đỏ chỉ hứa hẹn đem lại cho chúng tôi nước mắt, máu và niềm tuyệt vọng... ‘Các người phải chứng minh cho Ăngca biết rằng các người không ngần ngại gì mà không chịu hy sinh nào đó, các người phải lao động chăm chỉ. Nếu ngã xuống, hãy tự nâng mình đứng dậy và tiếp tục lao động’.”[70]

Pin Yathay và nhiều người trong số những người tôi có dịp nói chuyện, nói rằng đi liền với những lời dọa dẫm và hò hét sau cái gọi là cuộc tuyển cử tháng 3/1976 là việc tăng cường tình trạng khủng bố và cường độ công việc đối với những người lao động nô dịch. Lời đe dọa giảm dân số xuống còn một triệu người đã làm cho luận điểm chính thống rằng mục tiêu của khủng bố “chỉ là” kẻ thù giai cấp trở nên vô nghĩa.[71]

Do tình trạng đói kém lan rộng trên thực tế đã trở nên phổ biến nếu đem so sánh báo cáo của nhân chứng ở hầu như tất cả các tỉnh với nhau – mức sống của “dân cũ” và “dân mới” dường như chẳng còn khác biệt lắm nữa. Hồi đầu tiên, “dân cũ” có thể được sử dụng nhiều hơn những thứ họ làm ra và đồng thời cũng được hưởng hoa quả và những thứ lâm sản có thể ăn được. Nếu “dân mới” làm như vậy, họ sẽ đương nhiên bị giết tức khắc. Nhưng chẳng bao lâu, “dân cũ” đã mất những đặc quyền này. Vì sự đồng cam cộng khổ giúp người ta xóa bỏ khác biệt, nên toàn bộ “dân mới” và một bộ phận ngày càng tăng “dân cũ” bất kể thuộc nguồn gốc giai cấp nào – trở thành mối đe dọa thực sự hoặc tiềm tàng đối với chế độ.

Những cuộc nổi dậy và phản đối rải rác nổ ra khắp nông thôn. Pin Yathay kể lại một “hiện tượng khác thường” xảy ra tháng 11/1975 trong khi gia đình ông có mặt tại Vin Vông dưới chân dãy Đâu khấu. Hàng trăm “dân mới” dưới sự lãnh đạo của 5 giáo viên phổ thông tuần hành tới trụ sở Khme đỏ ở địa phương để phản đối việc vận chuyển chậm trễ – hoặc không cấp phát – khẩu phần lương thực. Tại trụ sở, một trong những giáo viên bước lên và phát biểu đôi lời, tóm tắt những nỗi thống khổ của những người biểu tình, nhưng vẫn ca ngợi đúng mức công đức của Ăngca! Cái cốt lõi của lời khiếu nại là:

“Khẩu phần ăn uống thật kỳ quặc! Chẳng có thịt cũng không có rau. Công việc thì quá nặng nề – không hề có gì chăm lo sức khỏe chúng tôi cả. Không có thuốc men cũng không có phòng khám”.[72]

Đáp lời, gã trùm Khme đỏ của xã mắng nhiếc người phát biểu vì đã tỏ ra “vô ơn bạc nghĩa” đối với tất cả những gì Ăngca đã làm cho mọi người:

“Phải chẳng những lời khiếu nại, than thở này là kết quả của việc chúng tôi hàng ngày giáo dục? Phải chẳng đây là cách các đồng chí gột rửa những xu hướng cá nhân chủ nghĩa? Không đâu, các đồng chí ạ! Đây không phải là cách mạng đâu. Hãy về ngay và giữ trật tự. Sẽ có khẩu phần”.[73]

Trong vòng một tuần, năm giáo viên kia biến mất không để lại dấu tích gì.

Pin Yathay nhận xét rằng từ đó trở đi, lính tuần tra khắp vùng trong xã, lần lượt bắt đi các nạn nhân, “từng người một, vào ban đêm”. Dân làng bắt đầu bắt gặp xác người trong những cánh rừng quanh đó.

“Khme đỏ đã đạt được mục đích của chúng. Chúng khủng bố tinh thần dân chúng trong xã bằng cách cho phép họ bắt gặp một số xác người bị chặt, cắt và đã thối rữa.

Không thể có nổi dậy nữa. Việc 5 giáo viên bị biến mất đã làm cho chúng tôi bị tổn thương và xúc động sâu sắc. Chúng tôi quá dễ bị đánh quì... Nổi dậy như thế nào bây giờ? Chúng tôi không có vũ khí. Và cho dù chúng tôi có khả năng kiếm được một số vũ khí và giết được khoảng dăm chục tên Khme đỏ trong xã, thì sau cuộc nổi dậy chúng tôi sẽ làm gì? Phía ngoài Vin Vông đều là rừng... Thật khó mà lập ra chiến khu chỉ với vài chục khẩu súng, một chút dự trữ đạn dược và với khẩu phần lương thực cực kỳ ít ỏi, để chống lại một tổ chức độc đoán”.[\[74\]](#)

Những phong trào kháng chiến quan trọng và thành công đã và đang ra đời trong những điều kiện thậm chí còn ít thuận lợi hơn và trên thực tế đã và đang hoạt động ngay trong nước Campuchia. Nhưng những khó khăn trong việc thông tin liên lạc là những trở ngại to lớn trong việc tôi luyện một phong trào kháng chiến trên phạm vi cả nước. Và trên hết, chưa có một tổ chức lãnh đạo nào để chỉ đạo và phối hợp một cuộc đấu tranh như vậy. Những cuộc đấu tranh vũ trang như đã xảy ra đều do các đơn vị vũ trang làm binh biến tiến hành chống bọn cầm đầu Angka. Bằng cách ghép vào tội tử hình mọi cuộc giao tiếp giữa các cộng đồng dân cư và mọi việc đi lại trên đường, Khme đỏ đã thu hẹp khả năng nổi dậy của nhân dân xuống mức tối thiểu.

Đồng minh lớn nhất của Khme đỏ là nạn đói. Đến lúc những người nô lệ cảm thấy nhu cầu nổi dậy, hàng ngũ của họ đã bị tiêu hao và những người còn sống sót đã bị suy yếu và tàn tạ tới mức họ không còn khả năng nổi lên chống bọn Khme đỏ, chẳng khác gì khả năng của những nạn nhân ở trại Ausovít nổi dậy chống lại bọn cảnh vệ quốc xã được ăn uống tốt và được vũ trang đầy đủ. Theo ước tính của Pin Yathay, ngay từ hồi đầu tháng 5/1976, cứ 10 người bị lưu đày ở Đôn Êy, đã có 8 người chết vì đói, vì bệnh tật hay bị giết chết.

“Chúng tôi ngày càng nhụt chí. Khme đỏ vẫn cứ nhìn cảnh khốn cùng thảm thương của chúng tôi mà chẳng mảy may xúc động. Quần áo chúng tôi nát tả, chất liệu thuốc nhuộm thô sơ lại làm cho quần áo của chúng tôi bướm ra.

Số người chết nhiều đến mức trong số 7 trại ban đầu nay chỉ còn 2. Khi chúng tôi tới, 5 trại đã được dựng lên. Nhưng dần dần chúng bị bỏ hoang vì chẳng còn ai ở nữa. Quá nửa dân số đã bị mất đi, những người còn sống sót kéo tới làm tăng thêm số người ở 2 trại cũ, ít nhiều được dịch bệnh và chứng ngã nước tha mạng. Hai trại này chống lại nạn đói khá nhất: vì trước hết 2 trại đó gồm những người ‘dân cũ’, được hưởng khẩu phần lương thực khá khá...”.[\[75\]](#)

Pin Yathay bị đưa đi vài tháng cùng một đội đánh cá ở Tônglê Sáp. Khi ông trở về:

“Chẳng có gì thay đổi. Mọi người vẫn tiếp tục chết, cả những ‘dân cũ’ cũng đang chết dần. Trong số ‘dân cũ’, những ai còn tính nhạy cảm – và quan trọng nhất, còn ý thức – chỉ còn biết lắc đầu thể hiện sự hoài nghi, trạng thái mất tinh thần và thái độ nổi dậy. Thảm họa đã nhấn chìm tất cả chúng tôi”.[\[76\]](#)

Tình cảnh tuyệt vọng lại một lần nữa làm cho một vài người có tinh thần vững hơn phải tính đến một cuộc nổi dậy. Trong khi cùng làm việc với đội đánh cá, Pin Yathay được nghe những lời đồn đại về đấu tranh vũ trang và cũng nghe thấy âm thanh của những trận đùng đò nhỏ nay đây mai kia quanh vùng hồ, như thể Khme đỏ đang săn lùng một hoặc nhiều nhóm kháng chiến trong vùng. Nhưng ông vẫn khẳng định rằng trong vùng không thể có được khởi nghĩa vũ trang. Việc từng cá nhân tìm đường trốn thoát và họp lại với những người khác ngoài chiến khu cũng chẳng khác vậy là mấy.

“Để ngăn ngừa bất kỳ ý định chạy trốn nào, Khme đỏ đã dựng lên một thứ tổ chức cực kỳ chặt chẽ theo thứ bậc. Những xã này, cách biệt trong một cánh rừng thù địch, bị vây kín bằng hàng rào. Giữa các khu dân cư với nhau, không thể có nổi sự tiếp xúc thực sự và liên tục... Thậm chí chúng tôi không có cả khả năng vật chất để tham khảo ý kiến của nhau, nói chuyện hay mưu tính với nhau... Chúng tôi không có điều kiện để tiến hành một cuộc nổi dậy.

Quần quật tối ngày, nên có giây phút nào rỗi rãi, chúng tôi đều dành vào việc kiếm thức ăn.

Những ý định nổi dậy đều bị dập tắt một cách tàn ác. Một hôm tại Vin Vông, trong một khoảnh khắc giận giữ, một thanh niên giết chết một tên cảnh vệ Khme đỏ. Lập tức anh ta bị những tên cảnh vệ khác giết... Không được sự hỗ trợ về hậu cần từ bên ngoài, hoặc không có một cuộc binh biến trong hàng ngũ Khme đỏ, thì mọi ý đồ lật đổ chế độ độc tài của Ăngca đều vô ích".^[77]

Giáo sư Keng Vanxắc đã trình bày một trong những bản phân tích sâu sắc nhất về hệ thống Ăngca trên cơ sở hàng trăm cuộc phỏng vấn những người còn sống sót và việc nghiên cứu những tài liệu của Khme đỏ có thể có được. Dưới đây là lời tóm tắt của ông về một vài trong số những phương châm và giáo lý cốt yếu của Ăngca:

“GIÁO DỤC: Cách mạng, cùng với nhân dân lao động nghèo khổ, không phải ở trong trường học, mà là nhờ Đảng và qua hoạt động mà có. “Trường Đại học thật sự chính là trên cánh đồng, ngoài công trường, trong nhà máy. Cái cốt yếu không phải là kiến thức, không phải bằng cấp, không phải khoa học, không phải kỹ thuật mà là Giác ngộ Vô sản, giác ngộ của những nông dân lao động nghèo khổ chiến đấu cho tư tưởng của Đảng. Trên cơ sở có giác ngộ người ta có khả năng làm được mọi thứ, giành được mọi thứ, thành công trong mọi thứ’.^[78]

CUỘC SỐNG: Không phải là cuộc sống cá nhân, mà là cuộc sống ‘tập thể’, theo đơn vị và theo đúng khẩu hiệu của Đảng, bao hàm nghĩa hoàn toàn phục tùng Ăngca.

GIA ĐÌNH: Bị đảo lộn. Gia đình là một môi trường thuận lợi cho việc tái lập bè cánh và sự phân hóa giai cấp trong xã hội. Vì thế, cuộc sống gia đình bị thu lại tới biểu hiện đơn giản nhất của nó. Vợ chồng phải chia lìa, chỉ được gặp nhau khi Ăngca cho phép. Cha mẹ và con cái phải tuân thủ những đòi hỏi có tính tập thể chủ nghĩa như nhau.

LAO ĐỘNG: Lao động cưỡng bức, ‘tập thể’ dưới sự giám sát của binh lính vũ trang, cùng với những hồi kèn tuyên truyền âm ỉ dưới tiêu đề: ‘tiến công thắng lợi’ trên khắp các mặt trận. Đó là vấn đề lao động cưỡng bức dựa trên sức người. Do vậy, đàn ông đàn bà bị đeo ách vào cổ để kéo cày thay cho trâu bò. Hàng triệu người bị sử dụng như súc vật, chẳng cần đếm xỉa gì tới năng lực trí thức của họ để làm những việc mà một cỗ máy có thể làm xong trong vài ngày. Khme đỏ quan niệm và tổ chức cung cách làm việc như là một hình phạt chứ không phải là sự giải phóng con người.

HỢP TÁC XÃ: Đây là một đơn vị xã hội và hành chính, một cơ cấu kinh tế và chính trị, ‘kho hàng’ của ‘tập thể’, là điểm tập trung mọi quyền hành, tập trung của cải và phân phối thực phẩm, do đó là điểm kiểm soát bằng dũa dày (rất có hiệu quả).

CƯ DÂN: Được chia làm hai loại rõ rệt: Khme đỏ là chủ và nhân dân là ‘tù binh chiến tranh’, phải chịu kiếp nô lệ và chết dần chết mòn. Các chủ nhân (cán bộ, ủy viên các ủy ban, đặc biệt bọn Yothea hoặc binh lính có vũ trang) có mọi thứ quyền hành và đặc quyền đặc lợi. Chúng nó xối chán chê và cảm thấy muốn làm gì thì làm. Còn nhân dân không được quyền đụng chạm đến bất cứ cái gì, thậm chí cả với hạt lúa họ trồng ra hay những sản phẩm gia súc gia cầm mà họ nuôi được cũng vậy.

Những người dân di tản thường kể lại một kiểu tình huống hay xảy ra như sau: vì thiếu đường ghê gớm, một số người kiếm được một ít khúc mía, đem trồng trước túp lều của họ. Khi cây mía mọc cao được chừng một mét, Khme đỏ vũ trang đến. Chúng cẩn thận đếm đi đếm lại số thân cây. Sau đó, chúng treo lên một tấm biển viết: ‘Tất cả số mía này thuộc về Ăngca, bất cứ ai đụng đến sẽ phải chết’.

CÁCH BIỆT: Mọi người bị lừa vào các trại lao động cưỡng bức. Những trại này được tách ra thành từng khu gồm 10 đơn vị một; mọi người bị cấm đi từ khu này sang khu khác. Những người dân tị nạn từng sống trong cái thế giới trại tập trung này của Khme đỏ sử dụng một hình tượng rất sinh động để kêu than về cảnh không được tự do đi lại này: *Vos dei oy doer*, có nghĩa là Khme đỏ đi đo từng phần đất mà mỗi người được phép đi lại trong đó.

THƯỜNG XUYÊN LƯU ĐÀY: Việc làm này nhằm triệt tận gốc mọi người về mặt môi trường xã hội – thậm chí về mặt ruộng đất – mà họ đã bắt đầu trở nên quen thân. Mục tiêu là ngăn chặn sự nảy nở của bất kỳ một bản năng nào về của cải, tài sản cũng như việc tái thiết gia đình,

phe cánh hoặc tổ nhóm dưới bất kỳ hình thức nào đi chăng nữa. Sự gán bó với ‘tổ ấm’ của mình, với vợ chồng con cái cha mẹ của mình – lẽ nào đó chẳng phải là nguồn gốc của mọi thứ ác hại hay sao?

HỢP HÀNH: Việc làm duy nhất được phép thực hiện là những khóa học giáo dục chính trị, do Đảng tổ chức và áp đặt. Tự phê vĩnh cửu! Nhưng cái đáng sợ hơn lại là cuộc ‘sát hạch tiểu sử’... Mỗi năm hai lần, mọi người lại trở thành ‘thí sinh’ và phải trình bày lịch sử đời mình để mọi người phát giác – dù cho cái giá phải trả là gì chăng nữa – và để tố cáo những ‘lỗi lầm’ mắc phải trước kia, hiện nay và những lỗi lầm dự kiến sẽ mắc phải trong tương lai, trên cơ sở những dự tính và suy nghĩ. Những người tị nạn Khme đỏ đã thề rằng nhiều ‘thí sinh’ đã tự vẫn trước hoặc sau lời tuyên án của Ban Giám khảo. Sau các cuộc ‘sát hạch tiểu sử’, thường có những khóa tẩy não và nhồi sọ. Chủ đề cơ bản là tính chất không thể sai lầm của Đảng, được hậu thuẫn bởi thái độ sùng bái chủng tộc chủ nghĩa của một ‘dân tộc nhỏ đã đánh bại đế quốc Mỹ khổng lồ’.

TUYÊN TRUYỀN: Phải tự bằng lòng! Những người Campuchia theo chủ nghĩa Mao là ưu việt! Chúng huênh hoang đã ‘vượt trước người Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam trong lĩnh vực chủ yếu – lĩnh vực Học thuyết và Thực hành cách mạng’. Đường lối duy nhất đúng đắn, ‘trong sạch và cứng rắn’ là đường lối của riêng chúng. So với chúng, những người cộng sản khác có lẽ như những tên xét lại đáng thương! Dưới con mắt nhìn của chúng, đa số là những bọn cơ hội chủ nghĩa tầm thường. Trong các tác phẩm của mình viết cho cán bộ và đảng viên của Đảng, bọn Khme đỏ chưa bao giờ nhắc tới những ‘cha đẻ’ của chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mao; chúng đã ăn cắp tư tưởng và bài bản của những người này để xuất hiện trước mặt những đồng bào đồng nát của chúng như những ‘á thánh á thần’ đã làm nên cuộc cách mạng thực thụ.

XÃ HỘI KHME ĐỎ: Xã hội không có giai cấp này sẽ được hình thành chỉ gồm toàn người Khme đỏ. Xã hội ấy đã và đang thực hiện chức năng của nó mà không cần đến tiền nông, không lương bổng, không chợ búa – do đó cũng không ngân sách, cũng không có vấn đề cân cân thanh toán, thúc đẩy nền kinh tế, không lạm phát, không khủng hoảng kinh tế, chính trị hay xã hội – ít nhất thì chúng cũng tuyên bố như vậy! Và không có tiền nông và thương gia, không có lao động trả công thì sẽ không có cơ sở cho những tệ nạn xã hội như sùng bái lợi nhuận, chủ nghĩa cá nhân, xung đột giành giật địa vị cá nhân, ghen ghét, cạnh tranh, hủ bại, suy đồi...

Một mặt, sẽ chỉ có lao động nô dịch – để bị giết hoặc bỏ mặc cho chết một khi họ không còn đủ sức lê bước ra đến cánh đồng. Mặt khác, lại sẽ có những tên chó giữ nhà nhằm nhằm súng vào những ‘nông dân lao động nghèo khổ’, bị bỏ đói tới mức cùng cực nhất. Nhờ có cuộc Cách mạng của những người Campuchia theo chủ nghĩa Mao, cái ‘xã hội hứa hẹn’ này cũng đã từng tồn tại. Nó đang trong quá trình ‘giải phóng’ dân tộc Khme bằng cách áp đặt lên họ một cái chết từ từ nhưng chắc chắn và thảm khốc”.^[79]

VIII. Làm thế nào để trở thành một người Khme đỏ “tốt”

Một trong những khó khăn trong việc trở thành một người Khme đỏ “tốt” là biết được “đường lối đúng” để thực hiện hoặc phục tùng ở mỗi nơi mỗi lúc. Ban Lãnh đạo Khme đỏ chủ trương càng bị ràng buộc vào giấy tờ ít bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.^[80] Hầu hết những quyết định về chính sách đều được truyền đạt xuống cấp dưới bằng miệng và việc cử xã trưởng thường dựa vào khả năng của họ ghi nhớ những vấn đề và những quyết định về chính sách được phổ biến tại các hội nghị. Vì hầu hết bọn họ đều mù chữ, nên có lẽ cũng chẳng có cách nào khác nữa. Nhờ được điều này sẽ giúp ta hiểu được vì sao lại có sự không nhất quán giữa những tài liệu do các nhân chứng trình bày về hoạt động của hệ thống này ở các vùng địa lý khác nhau.

Nội dung các chỉ thị rõ ràng đã bị nhận thức và áp dụng một cách bậy bạ. Khi các viên xã trưởng, huyện trưởng và thậm chí cả tỉnh trưởng nữa, trở về đến cơ sở của mình, các chỉ thị hằn đã trở nên mờ mờ ảo ảo trong đầu họ và việc áp dụng các chỉ thị ấy cũng bị ảnh hưởng như vậy. Cho nên, khi có thể được, thì người ta ra chỉ thị dưới hình thức các khẩu hiệu, đơn giản: “Tất cả cho nông nghiệp”, “Lúa gạo là tất cả”, “Tự túc là chìa khóa để chiến thắng”, “Làm thủy nông ở mọi tỉnh”... Hầu như không cần nhắc lại khẩu hiệu “Quét sạch kẻ thù giai cấp”, trừ khi

cần phải đẩy mạnh quá trình này hoặc cần mở rộng diện nạn nhân.

Một nguyên tắc có tầm quan trọng bao trùm đối với mọi người Khme đỏ “tốt” là phải tuân lệnh tuyệt đối và mù quáng. Đây cũng là điều kiện tiên quyết để được sống sót. Thắc mắc đối với mệnh lệnh chính là ngấm ngấm phê phán Ăngca và ngay cả ở cấp cao nhất, thì điều đó có nghĩa là tự sát. “Đồng chí Bò”, một trong những chương sách cay đắng nhất của mình, Pin Yathay không chỉ mô tả phẩm chất lý tưởng của một công dân mà cả của một cán bộ:

“Khme đỏ thường lấy các chuyện ngụ ngôn để lý giải những mệnh lệnh và hành động trái khoáy của chúng. Chúng so sánh người ta với con bò: ‘Đồng chí trông thấy con bò kéo cày kia chứ. Người ta bảo nó ăn ở đâu thì nó ăn ở đó. Nếu người ta đưa nó đến một cánh đồng khác ít cỏ, thì nó vẫn cứ quen mồm nhai một cái gì đó. Vì bị canh giữ nên nó không thể đi đâu cũng được. Khi người ta bảo nó kéo cày, thì nó kéo. Nó chẳng bao giờ nghĩ đến vợ con cả’. Một sự so sánh ô nhục và điên khùng như vậy đã có lúc làm ta bật cười, nhưng bây giờ những cái cười như vậy hẳn sẽ phải toát ra mồ hôi, nước mắt của chúng ta.

Chính vì dựa trên kiểu lập luận như vậy mà Khme đỏ đã để cho gia đình chúng tôi, con cái chúng tôi phải chết. Con bò, một con vật biết vâng lời đến mức tuyệt hảo, là khuôn mẫu mà chúng tôi phải bắt chước. Trong các cuộc họp, Khme đỏ hay nói về loài trâu bò như nói về người. Chúng thường nói: ‘Đồng chí Bò’. Con bò có đầy đủ những phẩm chất mà chúng yêu cầu một người đi đày phải có. Chẳng bao giờ con bò lại không chịu làm việc. Nó biết vâng lời, không bao giờ than vãn và chẳng bao giờ vứt bỏ ách cày. Nó phục tùng những chỉ thị của Ăngca một cách mù quáng.

Ai cũng hiểu rõ bài học rút ra từ câu chuyện ngụ ngôn ấy, thậm chí cả những kẻ nổi loạn, những công dân cứng đầu cứng cổ nhất cũng hiểu như vậy. Chúng tôi không có quyền than thở, cũng chẳng có quyền suy lý. Chúng tôi phải tự ru ngủ cái trí thông minh của mình đi... Một người cách mạng ‘tốt’ phải cư xử như một con vật lễ phép và nô lệ, một con vật đã được thuần hóa. Người ấy không được có khuynh hướng cá nhân, không tình cảm, không tham vọng. Những sáng kiến duy nhất được cho phép là những sáng kiến được tập thể đánh giá là tốt. Những sáng kiến đó nhất nhất phải có tính thực tiễn. Chẳng hạn người lao động phải biết cách chữa một cái cày hỏng như thế nào...”^[81]

Thực ra, như Keng Vanxắc và các chuyên gia có uy tín khác đã từng nhấn mạnh, 2.000 năm tồn tại của các nền quân chủ và các chế độ nô lệ kiểu này hay kiểu khác ở Campuchia đã để ra một thái độ khúm núm, qui lụy bẩm sinh đối với bất kỳ kẻ nào nắm quyền hành, không thể một sớm một chiều mà xóa sạch được. Thời Sihanuc, biểu tượng của thái độ này là lễ nghi mà theo đó ai đến gặp ông ta, về bất cứ vấn đề gì, cũng đều phải quỳ một đầu gối xuống, hai tay chắp lại, ngón tay để sát cằm, coi đó là sự thể hiện lòng tôn kính đối với nền quân chủ và đạo Phật, đối với đảng Điumvirét mà Sihanuc là hiện thân. Thật kỳ cục như tôi đã nhiều lần được thấy, chính Lon Non ở Phnom Penh và Iêng Xary ở Bắc Kinh lại là những kẻ khúm núm nhất về phương diện này!

Mù quáng vâng lệnh là một điều hết sức khó khăn đối với những người, như Pin Yathay chẳng hạn, đã từng được đào tạo ở nước ngoài về những bộ môn khoa học chính xác. Khi được lệnh sơ tán khỏi Phnom Penh, anh ra đi với vài ba cuốn sách lấy từ tủ sách của mình. Đó là những cuốn sách liên quan tới chuyên môn của anh – kiến thiết đê, đập và đường xá. Đọc đường anh đi, ở trạm kiểm soát đầu tiên, Ăngca cần “mượn” máy ảnh, đồng hồ, đài bán dẫn và các đồ vật tương tự khác. Đến trạm thứ hai, đến lượt các loại ấn phẩm. Pin Yathay nài nỉ xin được giữ sách theo người; anh cho người ta thấy biểu đồ, bản vẽ để chứng minh rằng nội dung của chúng là có ích cho công việc chung, rằng chúng không có nội dung chính trị. Vô ích! “Những sách này có tư tưởng đế quốc!” Tất cả bị quẳng xuống đường để rồi xe cộ qua lại nghiền nát thành rác bụi.

Điều mĩa mai là, một trong những nhiệm vụ đầu tiên mà anh cùng gia đình được giao là phải làm ngày làm đêm trên một công trình thủy lợi thuộc tỉnh Tà keo. Loại việc này – đào kênh và đắp đập – được giao cho hầu hết những người đi đày trong những tháng khổ nạn đầu tiên. “Các công trình khổng lồ là nơi tôi luyện tình đoàn kết về tư tưởng”, chúng bảo họ như vậy. Đối với

những chuyên gia như Pin Yathay, đây là những bài tập về “quy tắc thực nghiệm” trong tình cảnh tuyệt vọng.

“Mặc dù là những kẻ xây dựng khắt khe, Khme đỏ thường vẫn bất chấp những quy luật của khoa học tự nhiên. Làm sao có thể xác định đúng được độ nghiêng của cánh đồng bằng mắt thường! Thế nhưng Khme đỏ lại đem ra chế giễu sự giúp đỡ của khoa học kỹ thuật, lẽ ra có thể khắc phục được những sai sót của việc ước đoán kia. Người ta thực hiện những công trình rất lớn ngược hẳn lại ngay cả những quy tắc thông thường. Mỗi cán bộ lãnh đạo Khme đỏ đều làm theo ý thích riêng của mình. Đâu có thiếu sức lao động. Hàng nghìn đàn ông đàn bà tuân theo lệnh của các cán bộ dân sự. Kết quả của cái chủ nghĩa tài tử Khme đỏ này thật đáng đau lòng. Kênh mương chảy sai hướng. Đê đập bị hỏng ngay từ trận mưa đầu tiên, phải xây đắp lại, rồi lại bị nước cuốn phăng... Điều bất ngờ là kết quả của tất cả những công việc này tự nó xem ra chẳng phải là quan trọng! Điều thiết yếu là phải biết cách học cho được những bài học kinh nghiệm. Sau những nỗi bất hạnh như vậy, chúng ta cần phát huy tính chủ động của mình sao cho những nỗi bất hạnh tương tự không bao giờ tái diễn nữa...”

Tôi biết rằng người ta không thể đem cái quy tắc thực nghiệm ra để đào kênh mương dài tới 5km được. Nhưng tôi phải ngậm miệng. Khme đỏ giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đội dân công của từng xã một. Giống như một bài toán đố, người ta tính rằng các phần việc ấy rồi phải khớp lại với nhau, trong khuôn khổ một công trình lớn duy nhất. Chẳng hạn, làng này làng nọ phải chịu trách nhiệm về phần này của con đường, phải đào phần nọ của con kênh, phải đắp phần kia của con đê...

Khme đỏ không muốn bị các trí thức và chuyên gia làm vướng chân vướng cẳng. Chúng cho rằng bằng cấp chỉ là những mảnh giấy vô dụng... Cái đáng kể chính là công việc cụ thể mà người ta có thể đánh giá và xác nhận được – cày hoặc đào. Đó là công việc cao quý vì người ta có thể trông thấy được, sờ mó được...”.

Pin Yathay miêu tả trời mưa ra sao, rồi những người đàn bà bị dày ải, trong đó có vợ anh, đã cấy lúa ra sao và nước được đưa vào ruộng ở mức cần thiết ngang mắt cá chân như thế nào để cho mạ phát triển.

“Rủi thay, một tháng sau khi cấy, đồng ruộng khô kiệt. Thiếu một hệ thống tưới nước hợp lý, lúa chết lụi. Không có nước, cả công trình của chúng tôi phá sản. Bị thất bại này làm cho thối chí, Khme đỏ giao cho chúng tôi nhiệm vụ khác, với công dụng khác”.

Điểm chủ yếu mà Pin Yathay muốn nói khi nêu ra những chuyện này là qua vài tháng đầu tiên dưới ách Khme đỏ, anh đã hiểu rằng sự tuân lệnh mù quáng, không thắc mắc, ngay cả trong những vấn đề đi ngược lại chuyên môn và những gì anh đã được đào tạo, chính là yếu tố cốt yếu để thoát chết.

“Tôi tìm ra chìa khóa để thoát chết: giả điếc, giả câm! Không hiểu gì hết! Không nghe thấy gì hết! Tôi cố làm ra ngu dốt và nói thật ít”.

Anh có thể kể ra biết bao ví dụ về những người đã dám mở miệng nói hoặc dám tỏ ra nghi ngờ trí tuệ của Ăngca và vì thế nửa đêm đã bị dẫn đi không bao giờ trở lại nữa.

Sau công trình kể trên, một công trình lớn nữa mà Pin Yathay tham gia làm là công trình xây dựng một con đập khổng lồ ở vùng Vin Vông cuối năm 1975. Anh cho biết: “Một lần nữa Khme đỏ lại bất chấp những quy luật về thủy lực học và vật lý học”. Nhưng những tên Khme đỏ ít tuổi “trong sạch và cứng rắn” cứ khẳng khẳng cho rằng điều quan trọng là “giác ngộ chính trị” kia! Chúng chỉ biết khinh miệt các quy luật của khoa học tự nhiên và “kiến thức sách vở”. Pin Yathay cho tôi biết rằng khi đó anh hiểu rằng anh đang tham gia vào một việc làm tai hại nhưng anh không dám nói một lời. Tỏ ra nghi ngờ trí tuệ của các phương pháp hoặc chỉ bóng gió nói tới khả năng thất bại, có nghĩa là đã phạm những tội ghê gớm nhất, vì đã hàm ý rằng Ăngca không phải là không có sai lầm! An ninh ngặt nghèo hơn bao giờ hết. Lần đầu tiên, họ làm việc dưới sự giám sát của cảnh vệ vũ trang. Con đập được xây dựng vào mùa khô, ngang qua một lòng sông tạm thời không có nước.

“Chúng tôi chong chắt tất cả các thứ tạp nham mà chúng tôi đã chở đến đây trong những sọt tre đan – đất, bùn lẫn với cỏ, lá cây, sỏi cuội, cành cây; tuốt tuột. Chúng tôi đổ tất cả những thứ này xuống thành đập, chẳng cần xem xét đến cấu tạo an toàn, chẳng cần rải đều ra hoặc đầm nén xuống. Tôi không tin rằng con đập làm vội vã cấu thả này lại có thể tồn tại nổi qua một năm trong mùa nước lên, dù cho kích thước của nó cực kỳ lớn, phải nói là khổng lồ mới đúng.

Hàng nghìn đàn ông, đàn bà ngày đêm bỏ sức ra ở công trường này. Kết quả không thể tránh khỏi là nhiệt tình cách mạng bị sử dụng một cách bừa bãi. Khme đỏ đã mất hết khả năng phê phán đúng sai, mất tất cả ý thức về tỷ lệ cân đối... Một đẳng cấp (mới) gồm các bậc lãnh chúa và cán bộ có quyền ra mọi quyết định. Chúng có quyền sinh quyền sát đối với chúng tôi...”

Đến thời gian cao điểm của mùa lũ, con đập Vin Vông sụp đổ. Dòng sông giận dữ cuốn trôi đi không chỉ mọi dấu tích của con đập mà cả những túp lều lụp xụp ở hai bên bờ sông. Hơn một trăm người bị đầy ải, chủ yếu là người già và trẻ em, bị chết đuối và mất tích. Phía dưới công trình đập chẳng còn gì hết, ngoài sự tàn phá. May mắn cho Pin Yathay, tổ làm việc của anh đang ở một vùng đất cao hơn phía trên con đập.

Người ta có thể tìm thấy trong những hành động quá đáng tồi tệ nhất của cuộc Cách mạng văn hóa Trung Quốc, nguồn cổ vũ cho hầu hết những việc làm xuẩn ngốc tội lỗi của Khme đỏ; bọn này đã bắt chước một cách nguyên thủy hơn nhiều. Mặc dù khẩu hiệu ưa thích của Cách mạng Văn hóa cũng là “chính trị là thống soái”, nhưng các lực lượng lao động trong các công xã Trung Quốc cũng đã xây dựng được các hệ thống thủy nông tương đối đúng đắn về mặt khoa học và kỹ thuật – kể cả các cống đá phức tạp và các đường hầm xuyên núi. Trong khi ở đỉnh cao của Cách mạng văn hóa, kiến thức sách vở bị chính thức nhạo báng thì khoa học kỹ thuật – và những ai làm chủ được các ngành này – cũng vẫn được xã viên công xã đánh giá cao. Những trí thức thành thị bị Mao Trạch Đông đưa về nông thôn để được “nông dân nghèo giáo dục”, nhưng nhìn chung họ đã được xã viên công xã sử dụng tốt nếu họ bộc lộ được kỹ năng thực hành. Còn dưới ách Khme đỏ, trí thức thành thị bị đưa về nông thôn để bị tiêu diệt: họ phải vận dụng bao trí tuệ để giấu giếm tài năng của mình để nhằm thoát chết.

Vì rằng tuân lệnh Ăngca không chút thắc mắc là một trong những quy tắc hàng đầu đối với một người Khme đỏ “tốt” và đối với những người dưới quyền hần ta, cần phải có những hình phạt quyết liệt đối với những ai “bất tuân thượng lệnh”. Những hình phạt này không chỉ được áp dụng cho những người dân bị đầy ải, những người này sẽ bị đưa đi đập vỡ sọ giữa đêm khuya, mà còn áp dụng ngay cho cả những kẻ chuyên đập sọ người khác nếu chúng chẳng may buột miệng thắc mắc đối với một chỉ thị nào đó của Ăngca. Ăngca là sự siêu phủ định – sự phân lập các quyền lực của Nhà nước. Nó không chỉ là Đảng, Nhà nước và Chính phủ; nó còn là ngành hành pháp, lập pháp và tư pháp. Quyết định của nó là sự phán quyết cuối cùng. Tên trùm Khme đỏ ở địa phương là hiện thân của tất cả các quyền lực ấy.

Để đảm bảo rằng “những người nghèo nhất trong số những người nghèo” sẽ trở thành những chủ nhân mới, thường là những kẻ “nghề ngỗng dở dang”, thậm chí theo tiêu chuẩn của công dân nghèo đi nữa – lại được cử làm trùm Ăngca địa phương (Làng xã nào trên thế giới mà lại không có một vài gã “nghề ngỗng dở dang” như thế. Do không thể có nghề nghiệp ổn định, chúng thường sa đà vào con đường rượu chè, rồi được những người bà con thân thích bao dung, vì muốn giữ gìn danh dự họ hàng, cứu chúng khỏi nhà tù hoặc chết đói!) (–Về phân loại giai cấp, chúng cũng thuộc giai cấp vô sản, nhưng là “vô sản lưu manh”, như Chí Phèo ở Việt Nam hay AQ ở Trung Quốc; không phải là giai cấp vô sản có tổ chức – giai cấp công nhân, có sứ mệnh làm cách mạng xã hội chủ nghĩa). Khme đỏ ban cho những kẻ “ngoài lề xã hội” nông thôn này quyền sinh quyền sát đối với những ai dưới quyền chúng. Và chúng đã không ngần ngại áp đặt ý chí của chúng, bằng những biện pháp tàn ác nhất, đối với những người “dân mới” hoặc “thanh toán nợ nần” với những người “dân cũ” mà chúng cảm thấy họ có lúc đã từng sỉ nhục chúng trước kia, hoặc kiểm soát bất cứ một thứ của cải vật chất gì có thể cướp đoạt được nhân danh “yêu cầu” của Ăngca. Chúng chỉ phải chịu trách nhiệm và mặc nhiên bị hành quyết – nếu bị bắt quả tang đang ăn cướp một vật gì mà một cán bộ Khme đỏ cấp trên cũng đang thòm thèm!

Một người Khme đỏ “tốt” – giống như trăm nghìn người chồng khác – chỉ được có quan hệ tình dục với vợ mình và cũng chỉ vào thời gian và địa điểm do lãnh đạo địa phương quy định. Nhưng trong số những người dân bị dày ải, đâu có ít thiếu nữ, thiếu phụ xinh xắn, tinh tế, nói chung chưa bị ràng buộc gì hoặc bị tách khỏi chồng do các công trình lao động, do đói khát hoặc do chết chóc. Các ông trùm Khme đỏ xuất thân nông dân thô kệch không hề thờ ơ trước vẻ duyên dáng của họ. Và chúng có quyền – mà cũng chẳng cần viện dẫn Ăngca – dồn ép đòi hỏi của chúng. Pin Yathay liên hệ tới một trường hợp điển hình ở công trường Vin Vông:

“Một phụ nữ bị bọn lính bắt quả tang trong khi đang làm tình với một Khme đỏ. Một thời gian dài trước khi xảy ra chuyện này, con trai chị đã bị dày đến một trại thanh thiếu niên, còn chị buộc phải sống xa chồng... Gã Khme đỏ kia thì chẳng phải hạng xoàng. Hắn là phó chỉ huy Trại 2. Khi bị Khme đỏ hỏi cung, chị khai ra thêm hai tên khác. Đó là Chlốp (nhân viên do thám) và tên bí thư Trại 2. Cả ba tên Khme đỏ dính vào vụ này đều là bọn ác ôn thực sự, đao phủ trăm phần trăm. Lương tâm chúng đã chồng chất nhiều tội ác. Cả 4 người, người thiếu phụ và 3 tên Khme đỏ đều bị đưa vào rừng hành quyết.

Những người ‘dân mới’ coi người thiếu phụ này như một nữ anh hùng chân chính của sự kháng cự thụ động. Chị đã tố cáo tên Chlốp và tên bí thư, những tên cán bộ khát máu nhất trong trại. Không nghi ngờ gì nữa, chị đã trả thù cho chồng chị và cho bạn bè, những người đã bị hai tên quỷ ác này tra tấn và sát hại. Chúng tôi khâm phục hành động của chị... Sự kết hợp giữa những tham vọng của tên trùm trại với chủ nghĩa anh hùng của người thiếu phụ nọ đã giúp chúng tôi thanh toán được mấy phần tử nguy hiểm...”

Một trong những điều hài hước của cái chế độ do Ăngca đưa ra là, nhân danh thiết lập một xã hội “trong sạch” và không thể bị làm hư hỏng, nó lại tạo ra một giai cấp cai trị mới, theo cách riêng của nó, cũng đòi bại chẳng kém gì các chế độ trước cả. “Quyền lực làm hư hỏng con người” và điều này không bao giờ có thể đúng hơn khi một cán bộ cấp xã hoặc cấp công trường lại có quyền sinh quyền sát đối với những người dưới quyền hắn. Một trong những hình thức hư hỏng phổ biến nhất thời chính quyền Lon Non là việc các sĩ quan cao cấp rút đô-la Mỹ để cấp nuôi các đơn vị lính “ma”. Các sĩ quan cấp dưới cũng kiếm ăn như vậy bằng cách vẫn giữ nguyên những tên đã chết hoặc đào ngũ trong danh sách đơn vị. Tương tự như vậy, các cán bộ Khme đỏ chỉ báo cáo một phần số người chết trong ngày hoặc báo cáo chậm hàng tuần, hàng tháng để giữ lại khẩu phần gạo của họ. Mỗi một ống bơ gạo (đơn vị đo lường dùng để cấp phát gạo) có giá trị cụ thể tính theo những lạng vàng, ngọc hay áo quần, giá trị ấy dao động theo quy luật cung cầu của chủ nghĩa tư bản. Những gia đình như gia đình Pin Yathay còn sống sót được và còn cụm lại được như thế là nhờ có những khẩu phần bổ sung mà họ phải mua ngoài chợ đen tuần từ các kho bí mật của Khme đỏ ra. Tất nhiên, phải làm việc này một cách hết sức thận trọng, vì nó sẽ dẫn đến cái chết ngay tức khắc đối với cả người mua lẫn người bán nếu bị lộ. Việc giao dịch được tiến hành thông qua những người trung gian, tuổi thọ của những người này chẳng kéo dài là mấy. Họ sẽ không tránh khỏi phải giờ đầu chịu báng, vì người ta phát hiện thấy họ có gạo “chợ đen”. Thỉnh thoảng, như người thiếu phụ trong vụ phạm tội trai gái, họ sẽ tố giác những thủ phạm chính trước khi bị giết. Nhưng thường thì họ nín lặng, vì biết rằng nếu khai ra tên Khme đỏ chịu trách nhiệm thì cả gia đình họ sẽ bị giết.

Đối trá và lừa đảo là một phần trong cách cư xử hàng ngày, hàng giờ của một người Khme đỏ “tốt”. Làm sao có thể khác được khi mà bản thân hắn ta liên tục phải thu nhận và truyền đạt những mệnh lệnh đối trá và lừa đảo của cấp trên? Không có một điều kiện nào có thể đem lại đạo đức luân lý cho hắn. Sự nghiệp của Ăngca biện minh cho những điều đối trá tệ hại nhất. Nhân danh Ăngca, hắn giết chóc và trộm cắp. Pin Yathay liên hệ tới vụ Úc Xam Xem, phụ trách cơ quan Thuế vụ Phnom Penh thời Sihanuc. Tháng 1/1976, khi lãnh đạo Ăngca công bố Hiến pháp mới, ông đang sống ở một mình (ông đã bị tách khỏi gia đình) và nổi tiếng là một người làm việc không mệt mỏi. Trong Hiến pháp có một điều khoản nêu rõ rằng công dân được phép giữ tư trang của mình. Thấy các cán bộ Khme đỏ bắt đầu đeo đồng hồ, ông cũng đeo theo. Vài ngày sau, một ủy viên Ủy ban Khme đỏ xã nói Ăngca “đề nghị mượn” đồng hồ của ông. Ông trả lời rằng ông cần có đồng hồ để làm việc đúng giờ giấc. Trưởng nhóm đến yêu cầu: “Anh đeo đồng hồ đã nhiều năm rồi. Hãy đưa cho tôi dùng ít lâu”. Tin tưởng một cách ngây thơ vào Hiến

pháp – đã có nhiều cuộc “sinh hoạt chính trị” tại đó các cán bộ Khme đỏ ca ngợi nội dung Hiến pháp, đặc biệt đoạn nói về quyền lưu giữ những đồ vật thuộc sở hữu cá nhân – Úc Xam Xem vẫn không nhượng bộ. Mười ngày sau, ông được phái vào rừng và không bao giờ trở về nữa. Một tuần sau khi ông biến mất, chiếc đồng hồ của ông xuất hiện trên cổ tay của một tên Khme đỏ. Pin Yathay nghe thấy tên này khoác lác với các đồng chí của hắn về việc hắn làm thế nào để đoạt được đồng hồ đó “từ tay tên phản bội thường nói thứ tiếng của bọn thực dân Pháp”.

Bản thân bản Hiến pháp ấy đã là một dối trá rồi và các cán bộ Khme đỏ đã sớm biết rõ điều đó. Trừ điều khoản nói về việc thành lập các công xã theo kiểu Trung Quốc, còn chẳng có điều khoản nào được thực hiện cả. Tội gì không tiếp tục dối trá trộm cắp nếu không bị trừng phạt? Người duy nhất mà anh chàng Úc Xam Xem xấu số có thể đến đòi hưởng quyền do Hiến pháp quy định là tên trùm Khme đỏ xã – kẻ đã đòi mượn đồng hồ của anh ta.

Các cán bộ Khme đỏ “tốt” phải biết học cách nén tình cảm hay nhân tính, thậm chí với cả vợ con mình, nếu như có vợ con. Lòng trắc ẩn và tình bằng hữu hoặc giúp đỡ những người trong cảnh hoạn nạn, tất cả đều là những dấu hiệu nhơ nhuốc của “khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa”. Đó là những “vết nhơ của một quá khứ tư sản” và phải bị dẹp đi. Nếu một cặp vợ chồng Khme đỏ muốn được coi là “kiểu mẫu” thì họ phải sống mỗi người một nơi và chỉ gặp nhau khi nào được cấp trên trực tiếp đồng ý. Phải dập tắt cuộc sống gia đình, vì nó là hạt nhân của tài sản cá nhân, của chế độ thị tộc, rồi cuối cùng là của nhà nước tư bản chủ nghĩa. Những tình cảm con người bình thường bị coi là những biểu hiện của sự yếu đuối cách mạng và phải bị thanh toán.

Thật thú vị khi thấy rằng bọn Quốc dân đảng Trung Quốc đã từng rất cảnh giác trước bất kỳ một dấu hiệu nào của tình cảm nhân đạo trong số các tù nhân của chúng để dựa vào đó mà dò ra ai là đảng viên cộng sản. Bọn nhân viên phục vụ được cài vào các xà lim để theo dõi xem ai đã chia xẻ từng mẩu thức ăn với người khác, chăm nom săn sóc vết thương cho người khác, thậm chí đôi lời an ủi đồng viên người khác sau những buổi tra tấn hoặc làm bất kỳ việc gì thể hiện tình thương hay tình đoàn kết. Người đó bị đánh dấu là đảng viên cộng sản. Đối với Khme đỏ, người như vậy là một tên phản động.

Ý kiến về một xã hội toàn Khme đỏ – tức là các tổ chức quân sự và dân sự của Ăngca – đã được nhắc đi nhắc lại trong bao lời phát ngôn từ cấp lãnh đạo tối cao xuống tới những kẻ tiến hành các buổi họp nhồi sọ ở cơ sở. Chỉ cần một hoặc hai triệu chiến sĩ “trong sạch và cứng rắn” để xây dựng “xã hội mới” này. Một cán bộ Khme đỏ “tốt” phải nhận thức được điều này và có hành động tương ứng. Nhiệm vụ của những công dân bị nô dịch “mới” – những người khi chết sẽ được những công dân “cũ” thay thế – là tạo ra hạ tầng cơ sở của cái “xã hội mới này cho giai cấp chủ nô hưởng thụ. Khi cả nô lệ “cũ” và “mới” cùng biến mất, thì thay chân họ sẽ là chính những người “trong sạch và cứng rắn” – bọn này được trông cậy sẽ phục vụ cho một nhóm ưu tú làm nhiệm vụ suy nghĩ thay cho chúng. Ăngca chính là cái cơ chế hoàn thiện để bồi dưỡng và thực hiện một khái niệm quái đản như vậy. Người ta đã hoạn bỏ về thể xác để chúng dễ bảo và quên lãng số phận của chúng. Còn bọn người “trong sạch và cứng rắn” đã bị hoạn cả về tư tưởng, tinh thần lẫn tâm lí để không có khả năng tư duy độc lập. Với tư cách là những tên lính gác nghiệt ngã đối với những người nô lệ “cũ” và “mới”, các cán bộ Khme đỏ cũng đang “vững bước” trên con đường trở thành nô lệ.

IX. Rèn đúc những người trong sạch cứng rắn

Giả sử Khme đỏ còn nắm được chính quyền thêm vài ba năm nữa thì hoàn toàn có khả năng chỉ còn những cán bộ trẻ “trong sạch và cứng rắn” là sống sót. Những người qua khỏi sự khủng bố của Khme đỏ cũng như các quan sát viên ngoại quốc đều đã có nhận xét rằng cán bộ Khme đỏ thật trẻ, đặc biệt là các “đơn vị tiên phong”^[82] và chúng thích thú ra mặt khi được khua dao, búa, rìu và thi nhau nghĩ ra những kỹ thuật giết người có hiệu quả hơn. Những thước phim tư liệu về bọn trẻ tàn quân Khme đỏ trong các trại ở biên giới Thái Lan – đang tập lẫn lộn bò toài và các yếu lĩnh cơ bản – là những bản cáo trạng đối với cái chế độ đã sản sinh ra chúng. Bị tách khỏi những ảnh hưởng xã hội của cuộc sống gia đình và làng xóm, được làm quen với thói khinh thường mọi giá trị tôn giáo, luân lý và triết học (nếu chúng còn biết rằng trên đời này có

tồn tại những giá trị ấy!), trên mặt chúng chẳng lộ vẻ gì khác ngoài sự lãnh đạm, nghi ngờ và thù hằn chai đá.

Trong một cuộc nói chuyện tại trường Đại học Columbia ngày 4/3/1980, Xítny, H.Xchanbót của tờ *Thời báo New York* – một trong những người đã đưa tin về cuộc tiến quân vào Phnom Penh của Khme đỏ và đã bị giữ lại tại Đại sứ quán Pháp trước khi di tản theo đường bộ sang Thái Lan – đã nêu ra câu hỏi về việc nên làm gì với bọn sát nhân còn ở tuổi thiếu niên này. “Không thể để cho cái đội quân gồm những thằng bé mới từ 12 đến 16 tuổi đầu này của PolPot nhập vào xã hội bình thường được”. Ông nói: “Chúng sẽ giết hại những người bình thường mất”. Đối với ông, rõ ràng là bọn chúng đã đi quá xa trên con đường vô nhân đạo, đến nỗi không thể cứu vớt chúng được nữa.

Điều này đã có thể xảy ra như thế nào?

Chính người chị em con cô con cậu rất gần gũi với ông Hoàng Sihanuc, bà Lôla, là người đầu tiên đã soi sáng vấn đề này cho tôi. Trong thời gian bị đày ải, bà đã thành công trong việc “thuần hóa” mấy tên thú vật ít tuổi này tới mức chúng đã đôi lần tâm sự với bà.^[83] Lôla kể rằng bọn lãnh đạo Khme đỏ đã gặt hái “vụ mùa” đầu tiên gồm những tên sát nhân trẻ tuổi tại các căn cứ rừng núi hẻo lánh, nơi xuất phát của cuộc đấu tranh vũ trang của chúng chống Sihanuc trong những năm cuối cùng của chế độ ông ta. Một bản viết sẵn có tính chuẩn mực để trả lời những câu hỏi liên quan đến mọi chi tiết trong cuộc sống thực sự gian truân và cay đắng của lớp người đáy cùng xã hội, ở những nơi lạc hậu và xa xôi nhất này của đất nước. “Tại sao các bạn phải làm việc vất vả mà vẫn sống khổ sở, trong khi những kẻ khác không làm gì mà lại được cưỡi ô tô đi dạo mát?” “Tại sao có một số người được học hành còn các bạn không được đến trường?” Có thể đoán trước được những câu trả lời.

Kẻ có tội chính là những người dân thành thị; bọn áp bức bóc lột chính là bọn tư sản thành thị. Nhưng cái khái niệm tư bản, đế quốc, áp bức ấy được gán cho tất cả những ai sống ở thành thị. “Ta phải giết chúng, nếu không chúng sẽ tiếp tục áp bức và sau chót sẽ giết ‘chúng ta’”. Vô vàn ví dụ về cách cư xử tàn ác của những người dân thành thị cứ được lặp đi lặp lại ngày này qua ngày khác. Thuốc độc đã trở nên có công hiệu. Lòng căm thù đã được khơi dậy đối với mọi mặt của cuộc sống thành thị, từ sách vở, học hành, văn hóa đến xe cộ và cả các phòng thí nghiệm khoa học. Làm thế nào mà người ta trở thành một thầy giáo hoặc một giáo sư đại học được? “Bằng cách ăn cắp thành quả lao động của nông dân nghèo khổ”. Bọn người giàu có lấy đâu ra tiền để sắm xe hơi, nhà lầu? “Nhờ lúa gạo, cá và chuối của bạn”.

Keng Vanxắc giải thích rằng thuật ngữ của bọn Khme đỏ dùng để chỉ kẻ thù một mặt một còn của chúng – giai cấp tư sản – là Xămbôbép, nghĩa đen là một khuynh hướng coi sự tiện nghi, đầy đủ và thịnh vượng là một “lối sống tốt hơn”. Đây là một tội lỗi tột cùng và bất kỳ một ý nghĩa nào theo hướng này đều phải bị đập nát vĩnh viễn cùng những kẻ dám có ý nghĩ lầm lạc theo hướng này hoặc những kẻ nào có những thuộc tính của một Xămbôbép.

“Bị xếp vào loại ‘tư sản’ (cần phải thanh toán sạch bọn này), trước hết là những kẻ có nước da trắng, khỏe mạnh, ăn ngon mặc đẹp – bởi lẽ tất cả những cái đó chính là dấu hiệu bề ngoài của một tên Xămbôbép. Và trên thực tế Khme đỏ dùng những tiêu chuẩn như vậy để nhận ra ‘kẻ thù giai cấp’ và hành quyết họ thật gọn. Chỉ cần lật lòng bàn tay là đủ – có chai tay thì sống, không có thì chết...”.^[84] Khme đỏ theo thuyết của Kinh thánh nói rằng: “Chiên nghèo sẽ thừa hưởng trần gian” và biến hóa nó đi thành lời lẽ thậm chí nghe còn dân dã hơn: “Người nghèo nhất trong số những người nghèo sẽ thừa hưởng cả trái đất – ngay tức khắc”. Nhưng trước hết phải quét sạch kẻ thù giai cấp đã. Đó là nhiệm vụ chủ yếu của các chiến sĩ trẻ “trong sạch và cứng rắn”. Chúng đồng thanh gào lên trả lời các câu hỏi viết sẵn cho tới tận khi phản xạ của chúng trở nên tự động hóa. Khi đó, chúng được nhận súng.

Giao súng cho những kẻ mù chữ sau khi đã nhồi sọ chúng như vậy, Keng Vanxắc kêu lên: “Có ai còn có thể ngạc nhiên về hậu quả của nó nữa?”

Ông kể tiếp:

“Đây là những đứa trẻ vốn nhút nhát của vùng rừng núi, trong tay chưa từng có một công cụ gây chết chóc gì ngoài cái súng cao su để bắn chim, hề thấy bóng người lạ đến làng mình là vội lỉnh đi trốn, hề thấy mùi quyền lực là hoảng cả lên. Nhưng chỉ qua một đêm, chính chúng đã trở thành quyền lực, có súng trong tay để thực thi quyền lực đó và chẳng bao giờ chúng đặt câu hỏi rằng vì sao chúng sử dụng quyền giết chóc hoặc sử dụng như thế nào”.

Trong một tiểu luận nhan đề “Niềm say mê tìm kiếm sự trả thù”, Keng Vanxắc lý giải tác dụng của nỗi nhồi sọ này.

“Cái đáng sợ hơn bản thân Khme đỏ là sự trung thành của chúng đối với sứ mệnh! Ăngca Lo đã nuôi dưỡng trong chúng quyền hành động như ‘chủ nhân duy nhất của hành động của mình’. Do đó, chúng cứ tưởng mình là những á thần á thánh thực thụ đang tham gia vào việc cùng sáng tạo của một ‘con người mới’!

Vốn là những nô lệ, bị hạ xuống ngang với thú vật dưới thời quân chủ của các đấng Vua – Thần rồi lại thành những nô lệ để bị thần phục và cam phận hơn bao giờ hết dưới thời quân chủ của các đấng Vua – Phật, luôn bị săn lùng phải ẩn náu trong rừng rậm, bị khép vào tội Lưỡng thứ hư không – cả dưới trần gian lẫn trên các tầng trời – những người đàn ông và đàn bà ấy, những thanh thiếu niên ấy, vừa bước ra cuộc sống khổ tui và được giải thoát khỏi cuộc sống hèn hạ kéo dài tới tận lúc đó, trong khoảnh khắc bỗng được thăng tiến thành những chủ nhân, những á thần á thánh! Xin hãy hình dung về tự phụ, về kiêu ngạo về quyền hành của chúng, khi bộc lộ hết mình trước thanh thiên bạch nhật và đòi hỏi sự phục tùng! Trước đây chỉ có các ông hoàng, các bậc tu hành, giai cấp phong kiến, giai cấp tư sản và người giàu có mới có khả năng ban phát sự sống và cái chết, điều hạnh phúc và nỗi bất hạnh. Còn nay, nhờ có Cách mạng, những người con trai con gái của công, nông dân, người nghèo, người yếu, người cùng khổ đã tới lúc trở thành những người duy nhất quyết định những vấn đề sống chết! Thế là một trong những ‘lời tiên đoán từ nghìn xưa’ (rất gần gũi với tâm lý dân Campuchia – TG) đã trở thành hiện thực: ‘Giàu mà đổ thì bìm bìm sẽ leo!’ Hơn nữa, Khme đỏ tin tưởng vững chắc rằng chúng hành động nhân danh một hệ tư tưởng chân chính. Không rời Chính đạo – đó là một hằng số trong những niềm tin của người Khme. Xưa nay họ vẫn luôn nhiệt thành gắn bó với đạo thuyết và kinh bốn...

Điều này ít ra cũng giải thích được một phần sự cuồng nhiệt man rợ của chúng khi chúng kiên trì theo đuổi cuộc cách mạng của mình trên một mảnh đất đã được chế độ chuyên chế truyền thống chuẩn bị sẵn”.[\[85\]](#)

Kết quả là những thanh thiếu niên có súng trong tay vững tin rằng sứ mệnh của chúng là một sứ mệnh chân chính và có tính chất lịch sử. Nhiệm vụ của chúng là săn lùng và giết hết “kẻ thù giai cấp” của đất nước và của bản thân chúng. Được chúng hỗ trợ, Khme đỏ đã thành công trong việc thanh toán những lực lượng của Sihanuc đối lập cũng như những cán bộ kỳ cựu của Đảng Cộng sản Đông dương trước đây. Trên khắp đất nước này, tiếng nói của lẽ phải đã bị dập tắt!

Về sau, quá trình xây dựng phản ứng bằng nỗi sọ như đã mô tả ở trên được áp dụng không chỉ đối với cán bộ mà cả đối với các công dân, bắt đầu từ các em bé. Ở một số vùng chứ không phải là tất cả, trẻ em từ 5–9 tuổi mỗi ngày được “giáo dục” trong một giờ. Khme đỏ coi trẻ em ở nhóm tuổi này là những tờ giấy trắng, người ta muốn viết gì thì viết. Ở vùng Pin Yathay sống, trẻ em từ 10 tuổi trở lên thôi không đi học nữa. Các em bị tập hợp lại thành các đội, phải làm việc với số giờ tương đương với người lớn. Các em ít tuổi hơn cũng phải làm việc cả ngày, trừ giờ tới lớp học từ 11–12 giờ trưa. Tuy nhiên Pin Yathay lưu ý rằng, người ta dùng những phương pháp rất hù dọa để xác định tuổi của các em.

“Thực ra, khái niệm về tuổi tác đã biến mất. Chẳng còn đâu những hồ sơ về sinh đẻ, giá thú, chẳng thể nào kiểm nổi một tờ giấy khai sinh. Cứ nhìn một đứa trẻ mà ước lượng tuổi. Khme đỏ tự ý chỉ định xem đứa trẻ nào thuộc vào nhóm từ 5–9 tuổi. Những đứa trẻ này được miễn làm việc từ 11–12 trưa. Thường thường những đứa trẻ 11 tuổi cứ vờ như mới 9 tuổi, để được học và có một tiếng đồng hồ nghỉ ngơi.

Tại trường học tui trẻ này được giải lao thật: chúng ngồi yên nghe giảng và học thuộc các bài hát cách mạng chứ không phải cấy lúa hay vỡ đất. Trước khi Phnom Penh thất thủ, đa số trẻ em Campuchia biết đọc biết viết. Các em học đọc, học viết, học đếm ở trường – một việc làm muôn thuở và bắt buộc ở nước chúng tôi. Giống như ở Pháp, chúng tôi có trường tiểu học, trung học và các cơ sở cao học... Thế nhưng những đứa trẻ này đều khai là với Khme đỏ là mù chữ, chỉ để có thêm một giờ nghỉ ngơi”.[\[86\]](#)

Chăn Ven, một giáo sư vật lý, đứng đầu tổ chức kháng chiến chống Lon Non ở tỉnh Côngpông Thom, đã mô tả chất lượng của những trường học “mỗi ngày một giờ” này của Khme đỏ như sau:

“Vì những giáo viên có trình độ sư phạm đã bị giết cả rồi, nên thay thế họ là những người gần như chẳng biết đọc biết viết gì cả. Nhiệm vụ hàng đầu của họ là hỏi học trò để thu thập tin tức về lai lịch và hoạt động của cha mẹ các em cũng như của những người dân khác trong hợp tác xã. Bằng cách này, họ có được một mảng thông tin phong phú và xác thực. Trong số những câu hỏi có liên quan đến xử sự của cha mẹ các em ở nhà có câu: ‘Em có được ăn thêm gì không?’ Tui trẻ sẽ trả lời thật.

Trẻ em được phân thành lớp theo lứa tuổi chứ không theo trình độ học vấn. Thế mới có thể đưa các em ra lao động được. Các em không có sách bài tập cũng chẳng có phấn. Các em đều phải ngồi bệt xuống đất và một số em, gái cũng như trai, trần như nhộng. Chỉ có vài cuốn sách tập đọc và sổ học, sách cho các lớp đều như nhau, chẳng còn sách nào khác.

Ngoài phần lao động chân tay – đi nhặt phân và đắp bờ ngoài ruộng lúa – thì cơ sở cho chế độ giáo dục này còn liên quan tới lòng thù hận đối với dân thành thị trước kia, với việc phát hiện và quét sạch những kẻ thù còn lẩn trốn cũng như bất cứ ai đến từ Việt Nam. Việt Nam là kẻ thù truyền kiếp, Bắc Kinh là người bạn chân chính của Campuchia Dân chủ, Ăngca là ân nhân của trẻ em...

Hàng ngày, các lớp chỉ học vào khoảng nửa giờ – từ giữa trưa đến 1 giờ chiều. Ngoài giờ học, trẻ em phải chăn trâu bò, nhặt phân trâu bò (mỗi em từ 8–10 tuổi phải nhặt mỗi ngày từ 20–30kg phân)...

Phương pháp giáo dục... bao gồm việc ghi nhớ các đoạn ngữ và các khẩu hiệu mà các em không thể nào hiểu nổi. Nói cách khác, công tác giáo dục trẻ em chủ yếu gồm việc dạy chúng yêu Ăngca; khinh miệt những mắt xích thiêng liêng gắn bó chúng với cha mẹ chúng và có khả năng tự tay giết cha, giết mẹ và những bà con họ hàng khác, nếu như những người này bị nghi ngờ làm gì đó có thể có hại đến cách mạng. Bọn phản trắc muốn biến con cái chúng ta thành những người máy, chỉ suy nghĩ những gì Ăngca đã khắc vào tâm trí chúng, chỉ hành động theo mệnh lệnh hoặc khẩu hiệu của Ăngca.

Cần lưu ý rằng nếu trẻ em không đạt được những chỉ tiêu được giao, thì các em sẽ bị mất khẩu phần, bị đánh đòn, bị trừng phạt bằng đủ mọi biện pháp ngay trước mặt bạn bè để làm gương”.

Những thanh niên con cái các gia đình “mới” gồm những người thành thị tản cư không được coi là đủ tư cách để trở thành thành viên của giới Khme đỏ “ưu tú” và cũng không được tuyển vào lực lượng vũ trang, ngay dù họ tình nguyện cũng vậy. Lai lịch thành thị, phi cách mạng của họ bị coi là một nguồn gốc làm “hư hỏng” những người “trong sạch và cứng rắn” và số phận của họ là phải tuyệt mệnh do bị tiêu diệt trực tiếp và gián tiếp.

Những đứa trẻ được tuyển vào các lực lượng cách mạng bắt đầu cuộc đời binh nghiệp của chúng từ năm 12 tuổi. Chúng bị tách khỏi gia đình, đưa đi khỏi làng quê để nhồi sọ theo khuôn mẫu PolPot. Ngay từ rất sớm, chúng đã được rèn luyện để làm quen với cái mà Sihanuc đã từng định nghĩa là một “thái độ sùng bái đối với sự tàn ác”.

“PolPot và Iêng Xary tin rằng, mà tin như vậy là đúng, bằng cách làm cho chúng quen với ‘trò chơi tàn ác’ ngay từ rất sớm, những Yotheas (tên lính) này cuối cùng sẽ vui thú với cảnh tàn sát và với cảnh phát động chiến tranh.

Trong 3 năm bị ‘quản thúc’ tại Phnom Penh, tôi đã thấy bọn Yotheas gác ‘trại’ của tôi nhiều lần vui thú khi chơi ‘trò chơi tàn ác’ lấy súc vật (chó, mèo, khỉ, tắc kè...) làm vật hy sinh và đồng thời tôi cũng thường nghe thấy chúng phàn nàn không được cử ra mặt trận đập bể sọ bọn Việt Nam”.[\[87\]](#)

Những chi tiết nghe đến ghê người của Sihanuc giúp lý giải cho trạng thái tinh thần của bọn lãnh đạo Khme đỏ và thú tính của những người máy – sát nhân trẻ tuổi của chúng.

“Trong số những biện pháp được tính đến tôi luyện tính cứng rắn cho bọn Yotheas trước hết phải kể đến ‘trò chơi tàn ác’. Bọn thiếu niên mới nhập ngũ bắt đầu việc ‘tôi luyện cho cứng rắn trái tim và khối óc’ bằng cách dùng gậy và lưỡi lê giết chó, mèo và ‘các loại súc vật có thể ăn thịt được’ ở trong trại. Ngay cả sau chiến thắng ngày 17/4/1975, khi không còn người để giết chóc, tra tấn nữa, Khme đỏ vẫn ‘giữ cho sung sức’ bằng cách ném súc vật vào ‘lửa địa ngục’. Tôi đã được chứng kiến một ví dụ tại Hoàng cung, nơi tôi bị ‘quản thúc’. Gã Camaphiban – tức chính ủy phụ trách việc cai quản các ‘tù nhân Hoàng tộc’ cùng đơn vị của gã rất khoái trá đối với việc dùng bắt chuột, đem nhốt vào lồng rồi châm lửa đốt. Chúng rất hứng thú thưởng thức cảnh chuột chạy tứ phía tìm cách thoát thân, rồi đến thăm cảnh những con vật nhỏ bé ấy bị thiêu sống. Đó là cảnh diễn ra hàng ngày...

Một ‘trò chơi’ khác là tra tấn khỉ, một loài vật ‘cũng biết đau khổ như con người’. Bọn chúng dùng rìu chặt đuôi khỉ. Chúng xích khỉ lại và bắt khỉ chạy theo chúng; chúng kéo dây mỗi lúc một căng làm cho vòng xích quấn quanh cổ khỉ dần dần thắt chặt. Không ai có thể chịu nổi cái cảnh ấy, tiếng thét ấy, vậy mà bọn Yotheas lại cho là hết sức thích thú.

Cách Hoàng cung không xa có một trại nuôi cá sấu đặc biệt của một đại đội Yotheas. Chúng lấy khỉ sống để nuôi cá sấu. Ngày ngày, bọn Yotheas ném khỉ xuống hồ và vui thú đứng nhìn cảnh những chú khỉ bất hạnh thét lên khủng khiếp và cố trèo ra khỏi hồ mà không được, rồi sau đó bị khuất phục, ngây ra trước cái nhìn như thôi miên của những con cá sấu quái đản, rồi bị cá sấu vồ lấy, ăn ngấu nghiến”.[\[88\]](#)

Tại phiên tòa xử tội diệt chủng ở Phnom Penh, người ta đã đưa ra bằng chứng về việc trẻ em bị dùng làm thức ăn nuôi cá sấu tại một Trung tâm nuôi cá sấu ở Xiêm Riệp. Trong một cuộc viếng thăm nơi đặt cơ sở kinh doanh tàn nhẫn này, chúng tôi đã gặp những nhân chứng kể lại rằng họ đã nghe thấy những tiếng kêu thét khủng khiếp sau khi những xe tải chở đầy trẻ em chạy đến nơi này. Trí óc con người không thể chấp nhận nổi nhiều lời kể như vậy. Bản thân tôi cũng không thể tin được câu chuyện về trẻ em và cá sấu này, nếu như tôi không được đọc lời kể của Sihanuc về cái kiểu rèn luyện thú tính mà ông ta đã được chứng kiến. Sau cái đó, mọi sự đều trở nên có thể cả!

Cho đến tận đầu năm 1977, hầu hết các vụ giết người đều được tiến hành bằng cách đang đêm lôi người đi, mỗi lần từ 1–2 người. Nhưng từ tháng 4/1977 trở đi, do các cuộc khởi nghĩa vũ trang và nổi dậy lan rộng, lệnh hành quyết hàng loạt đã được ban ra. Bọn người máy – sát nhân được đặt đúng môi trường, thực hiện nhiệm vụ mà chúng đã được rèn đúc, với cả nhiệt tình và có lẽ coi đó là điều gần nhất với niềm vui mà chúng có thể cảm nhận được. Chỉ có thể thấy nụ cười trên mặt những tên sát nhân còn ít tuổi này khi chúng đang tàn sát đồng bào của chúng, khi chúng lên gân và thi nhau xem thằng nào có khả năng giết chết người[\[89\]](#) chỉ bằng một cú bổ bằng rìu hay một cú đánh bằng xẻng hoặc cuốc.

Trong số những nơi đã diễn ra những cuộc tàn sát hàng loạt hồi năm 1977 và 1978, có nơi gần Chúp, đồn điền cao su lớn nhất của Campuchia, trong một tỉnh cách mạng nhất nước: Côngpông Chàm. Các đội điều tra do phiên tòa xử tội ác diệt chủng chỉ định, đã ước tính rằng có khoảng hai vạn người đã bị giết ở ngay vùng phụ cận xã Chia Pô Ri. Man Biên, 26 tuổi, trú quán tại Chia Pô Ri, một trong vô số nhân chứng ở vùng này, đã kể lại như sau:

“Trong số các nạn nhân, một số là công nhân đồn điền Cao su Chúp, một số khác bị đưa từ huyện Cà rách của Côngpông Chàm, số còn lại là binh sĩ của các lực lượng vũ trang PolPot và cán bộ khu miền Đông. Họ bị giết từ 4 giờ chiều hôm đó đến sáng sớm tinh mơ ngày hôm sau, cứ thế liên tục 10 ngày liền. Họ bị trói tay, bị đẩy lên ô tô tải. Bọn đồ tể bịt mắt họ lại, dẫn từng

nhóm ra pháp trường. Chúng dùng lê đâm hoặc lấy búa đập chết họ; những người chưa chết hẳn cũng bị đẩy xuống những huyết đào sẵn. Quanh xã Chiapô Ri có khoảng 40 hố bom do máy bay Mỹ ném xuống năm 1973. Còn những hố khác do các lực lượng PolPot đào, có sự hỗ trợ của máy ủi, mỗi hố sâu chừng 2,5m đến 3,6m dài chừng 9m và rộng 4,5m. Cách xa pháp trường 500m, dân làng vẫn có thể nghe rõ tiếng kêu la thảm thiết của các nạn nhân. Từ nơi chôn trau cách đó 300m tôi đã nghe thấy tiếng thét của họ”.

Một nhân chứng khác nhớ được một chiếc rìu và một chiếc búa ở một trong những bãi pháp trường, nói rằng: khoảng tháng 7, 8/1978, ông đã trông thấy những đoàn xe tải, mỗi chuyến chở chừng 100 người chạy đến vùng phụ cận Chiapô Ri.

“Nạn nhân gồm có đàn ông và đàn bà, hầu hết là công nhân đồn điền cao su, nhưng cũng có cả cán bộ và dân quân của PolPot nữa. Còn những người khác, tôi không biết bị đưa từ đâu tới, nhưng đại thể từ hướng xã Ôrang Au. Bọn nhân viên PolPot đẩy những người đã bị trói tay này lên xe, chạy đến vùng đồn điền cao su. Từ trên xe bước xuống, họ liền bị bịt mắt. Rồi bọn sát nhân dùng búa và gậy sắt đánh chết họ. Là những đứa trẻ từ 15–18 tuổi, bọn đồ tể còn chưa đủ sức đánh một cú chết người, nên chúng phải nện vài ba lần. Trong 5 hố lớn để chôn người tại đồn điền cao su, chúng chôn sống luôn những ai còn ngắc ngoải giấy chết. 5 hố này do những quả bom cực lớn của Mỹ đào nên, mỗi hố sâu chừng 5,5m, đường kính 9,3m. Bọn đồ tể chất xác người kín các hố này rồi lấy đất phủ lên”.

Có nhiều nhân chứng cho các cuộc thăm sát ở Chúp, cũng như các cuộc thăm sát cùng mức độ xảy ra ở Xvây riêng, Xiêm riệp, Battambang, Puốc xát và các tỉnh khác. Tất cả những người mà tôi đã từng nói chuyện đều nhấn mạnh đến niềm hoan lạc điên cuồng của bọn đao phủ trẻ tuổi khi chúng thực hiện những nhiệm vụ ghê tởm, mệt lử người, vừa tán chuyện với nhau về độ cứng của chiếc xương sọ của một nạn nhân nào đó, vừa tính với nhau xem phải nện bao nhiêu nhát mới đập vỡ được chiếc sọ ấy. Những lời cầu khẩn van nài, đặc biệt của các nữ nạn nhân, chỉ làm nổ ra những trận cười.

Rõ ràng, để đưa tụi trẻ tới trạng thái tâm thần như thế, tất cả những gì liên quan đến đạo đức, triết lý, tôn giáo, giáo dục và văn hóa con người đều phải bị nén lại và thậm chí, khi có thể, bị triệt hạ. Cũng có một kế hoạch phát triển văn hóa 4 năm đấy. Thế nhưng cũng như lời lẽ dùng để chỉ “Cách mạng” thực ra có nghĩa ngược lại, cái kế hoạch 4 năm này nhằm triệt phá nền văn hóa vốn đã có cho đến khi đó ở Campuchia. Trong “Kế hoạch 4 năm 1977–1980 về văn hóa, văn học và nghệ thuật”, chỉ thị của Ăngca viết:

“Chúng ta phải tiếp tục thanh toán khỏi nền văn hóa nghệ thuật mọi tàn dư của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phong kiến và tất cả các giai cấp khác trước đây cầm quyền”. Chính trong khuôn khổ của chỉ thị này, mà Nhà thờ lớn đạo Thiên chúa giáo của Phnom Penh đã bị triệt phá từng viên đá một.

Phải xóa bỏ những thư viện, trung tâm nghiên cứu, nhà bảo tàng, đền đài – bất cứ cái gì phản ánh sự đóng góp phong phú hàng nghìn năm của Campuchia cho nền văn hóa dân tộc và thế giới. Phải thanh toán những ai tích cực tham gia bất kỳ hình thức hoạt động nghệ thuật nào, dù là nghệ thuật truyền thống hay nghệ thuật hiện đại. Hãy để cho bọn người máy – sát nhân, bọn không còn một chút tình cảm con người hoặc quan điểm nghệ thuật, mỹ thuật dưới bất kỳ hình thức nào, hãy để cho bọn ấy được sáng tạo ra một nền văn hóa, văn học, nghệ thuật mới theo kiểu Ăngca!

Cho tới tận trước khi những hạt giống hủy diệt được bọn Khme đỏ gieo rắc, thì Campuchia là cả một nhà bảo tàng bảo tồn văn hóa, từ những đền đài cổ kính Ăngco tới những người thợ thủ công truyền thống làm đồ bạc, ngà, gỗ quý và các chất liệu khác, từ điệu vũ Ápsara cổ điển nổi tiếng thế giới cho tới những đội vũ nhạc dân gian ở các làng quê! Mặc dù số liệu là một phương tiện rất không đầy đủ trong việc mô tả những gì đã xảy ra, nhưng ít nhất chúng cũng cho ta biết một phần của sự thật.

Trong số 54 diễn viên đội múa Ápsara Hoàng cung nổi tiếng thế giới, chỉ còn 4 người sống sót.

Trong số 195 diễn viên múa cổ điển của các đội múa truyền thống khác, chỉ 48 người còn sống.

Trong số 199 diễn viên, nhạc công và học viên của đội múa dân gian, chỉ còn 38 diễn viên múa và 9 nhạc công sống sót.

Trong số 196 học sinh môn nghệ thuật tạo hình, chỉ còn 14 người sống sót.

Trong khi trình bày bảng số liệu trên đây tại phiên tòa xử tội diệt chủng, một đại diện của Bộ Văn hóa đã đưa ra báo cáo tóm tắt dưới đây về những gì đã xảy ra đối với ngành văn hóa – nghệ thuật dưới thời Khme đỏ:

“Ngay sau khi lên nắm quyền, tập đoàn PolPot – Iêng xary đã ra lệnh phá hủy tất cả nhạc cụ, tất cả trang phục sân khấu truyền thống, tất cả những văn kiện liên quan đến nghệ thuật. Những nơi lao động nghệ thuật của các nghệ sỹ ví dụ như các nhà hát ở Phnom Penh và các tỉnh, trường Đại học Mỹ thuật, rồi khoa Âm nhạc, hầu hết đều bị hủy diệt hoặc tàn phá, chỉ trừ vài ba trường hợp ngoại lệ.

Các nghệ sỹ, dù là nam hay nữ, già hay trẻ đều bị tàn sát một cách hết sức tàn nhẫn, bằng những cú cước bổ, gậy tre hay que sắt đập. Họ bị đâm bằng lưỡi lê hoặc thanh sắt nhọn. Nhiều người bị móc mắt, mổ bụng hay bị chôn sống. Những ai ít bất hạnh nhất, nếu có thể nói được như vậy, thì bị chết dần chết mòn trong lao động khổ sai cường bức để đổi lấy chút xú thức ăn. Cứ thế mà chết...”

Tiếp đó là một danh sách dài ghi tên một số nam nữ diễn viên, nhạc sỹ, nhạc công, nghệ sỹ múa nổi tiếng nhất cũng như những người xuất sắc khác trên tất cả các lĩnh vực của nền văn hóa Campuchia hiện đại. Không hiểu bọn dã thú ít tuổi này đã cảm thấy chúng có sức mạnh gì khi chỉ bằng một hai nhát cước bổ xuống, chúng đã đánh gục một diễn viên nổi tiếng của đoàn Ápsara Hoàng cung? Đến đây thì bọn dân dã sân trại quả là đã chiến thắng được “kẻ thù giai cấp” rồi.

Sau tháng 4/1975, khi Khme đỏ kêu gọi sinh viên, kỹ thuật viên, kỹ sư, bác sỹ, nhà ngoại giao và những người khác trở về để giúp cho công cuộc xây dựng lại đất nước, khoảng 1.000 người đã trở về Campuchia. Thế nhưng chỉ còn 85 người sống sót, chủ yếu họ do đã che giấu được tung tích của mình. Đa số những người còn lại đã bị sát hại tại trung tâm tra tấn – hành quyết Tun Xleng. Thời Sihanuc, Tun Xleng vốn là một ngôi trường, trường Trung học Pônhe Yát. Sau cuộc đảo chính của Lon Non tháng 3/1970, trường được đổi tên thành trường Trung học Tun Xleng. Cuối năm 1975, trường bị PolPot biến thành trung tâm tra tấn – hành quyết chủ yếu ở Phnom Penh. Còn có một trung tâm phụ quan trọng đặt tại trường Trung học Đeccáctơ – nơi 3 con tôi theo học trong thời gian 4 năm gia đình tôi sống ở Phnom Penh.

Chăn Ven hiện là Bộ trưởng Giáo dục trong Chính phủ Hêng Xomrin, đã trình bày trước phiên tòa xử tội ác diệt chủng một bản báo cáo chi tiết về những điều xảy ra đối với ngành giáo dục dưới ách Angca. Dựa trên một tài liệu nghiên cứu trên phạm vi toàn quốc, ông đã đưa ra bảng số liệu dưới đây về số người chết. Những số liệu ở cột thứ nhất lấy từ năm 1968, những số liệu ở cột thứ hai lấy theo một cuộc điều tra dân số tiến hành ngày 1/8/1979.

1968/1979

– Hệ giáo dục cao học: Giáo sư và giảng viên 725/50; Sinh viên 11.000/450.

– Hệ giáo dục trung học: Giáo viên 2.300/207; Học sinh 106.000/5.3000

– Hệ giáo dục tiểu học: Giáo viên 21.311/2.793; Học sinh 991.000/322.379

Đài truyền hình duy nhất của Phnom Penh cùng khoảng 400 nghìn máy thu hình đã bị phá hủy. Trong số 66 kỹ thuật viên và nhân viên làm việc ở đây, chỉ còn 7 người thoát chết; chỉ có 5 người trong số khoảng 300 nhà báo là còn sống sót.

“Việc lui tới thăm viếng các thư viện và nhà bảo tàng không chỉ bị coi là vô ích mà còn bị coi là lãng phí thời gian, là phi pháp, vì chỉ làm cho người đọc và những khách tham quan phát

hiện ra cái đẹp hoặc những tư tưởng mà họ (Khme đỏ) chưa bao giờ coi là chính thống. Chính vì vậy mà hàng trăm nghìn cuốn sách đã được phân loại trong Thư viện Quốc gia Phnom Penh, trong Thư viện Phật học, Thư viện Khme Môn, trong Viện Sư phạm và trong các Học viện khác đã bị lục soát và vứt ngổn ngang bừa bãi ra vườn cũng như ra đường. Phần lớn những người làm công tác thư viện đều bị thủ tiêu – 35 trong số 41 người công tác tại Thư viện Quốc gia đã bị sát hại...

Những đồ cổ, biểu hiện cho nền văn minh rực rỡ của nhân dân Khme, loại bằng vàng bạc bị bẻ gãy cầm quyền ăn cắp; loại bằng đồng đen, đồng đỏ và những hợp kim khác bị cướp đoạt tới 70%. Tượng gỗ tượng đá cũng phải chịu tình cảnh tương tự. Những bức tượng rất đẹp trong trường Đại học Mỹ thuật, trung tâm đào tạo cán bộ khảo cổ và nghiên cứu khảo cổ học, đã bị phá hoại. Đa số các nhà khảo cổ học, nặn tượng và sinh viên khoa Khảo cổ đều bị giết. Ông Ly Vu Ong, chủ nhiệm khoa kiêm phụ trách nhà Bảo tàng Quốc gia, đã bị giết ở Kiên Xvây ngay sau khi buộc phải rời khỏi Phnom Penh. Ông bị buộc phải đào mồ chôn mình trước khi bị những nhát cuốc chim bổ vào đầu. Người được chứng kiến cảnh này là Phim Nêon, hiện làm việc tại nhà Bảo tàng Quốc gia”.[\[90\]](#)

Những kẻ đi đầu của cái gọi là “phái tả cách mạng”, bảo vệ chủ trương quét sạch mọi vết tích của văn hóa phong kiến và tư sản, hãy biết điều mà nhớ lại những nhận xét của Lênin đối với những quan điểm tương tự như vậy do Bordanov đưa ra nhân danh “nền văn hóa vô sản” chẳng bao lâu sau cuộc Cách mạng Bonseovich.

“Chủ nghĩa Mác đã có được ý nghĩa lịch sử với tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp vô sản cách mạng bởi lẽ, chẳng những không phủ nhận những thành tựu có giá trị nhất của kỷ nguyên tư sản, ngược lại, nó đã đồng hóa và tái tạo tất cả những gì có giá trị trong suốt hơn hai nghìn năm phát triển của tư duy và văn hóa con người. Chỉ có sự hoạt động hơn nữa trên cơ sở này và theo hướng này, được cổ vũ bởi kinh nghiệm thực tiễn của chế độ chuyên chính vô sản như là giai đoạn cuối cùng trong cuộc đấu tranh chống lại mọi hình thức bóc lột, mới có thể được công nhận là sự phát triển của một nền văn hóa vô sản chân chính...”[\[91\]](#)

Chẳng cần phải là một người Mácxít – Lêninít, thì người ta cũng có thể coi nhận định trên đây là một lời tố cáo quyết liệt – từ trước – những kẻ đốt sách, phá hủy bảo tàng thư viện, những bọn dám vứt bỏ những truyền thống và nền văn minh của chính mình, cố tình bắt tay vào việc biến một thế hệ thanh niên thành những tên người máy – sát nhân vô văn hóa, mất hết tính người.

Trong bài phát biểu tổng kết tại Phiên tòa xử tội ác diệt chủng, vị đại diện Bộ Văn hóa đã nêu ra một điểm có ý nghĩa liên quan tới thái độ của Chính phủ mới ở Campuchia đối với cái mà thoát nhìn tương là một bộ phận bỏ đi, không thể cứu vãn nổi, của thế hệ thanh niên Campuchia hiện nay:

“Toàn bộ nền văn hóa phải bị xóa bỏ và thực tế đã bị xóa bỏ trong thời chế độ PolPot – Iêng Xari. Hậu quả của tình trạng này thật vô cùng to lớn. Ngoài biết bao nghệ sĩ, nhà khoa học đã chết, ngoài biết bao của cải vật chất bị phá hủy, chúng tôi phải nhấn mạnh rằng những mất mát về mặt con người là không thể tính nổi. Những trẻ em, những thanh thiếu niên đã từng bị cái ‘Cách mạng Văn hóa’ của PolPot – Iêng Xari đầu độc nặng nề phải trở lại làm những người Campuchia với một nền văn hóa Khme thực sự”.

Những hành động biểu hiện một cách độ lượng lòng tin ở bản chất con người và khả năng cứu vớt những gì dường như tuyệt vọng nhất của những “linh hồn đã mất” phải thay thế cho giải pháp đơn giản là giết đi 15 nghìn thanh thiếu niên đã bị đầu độc dưới thời PolPot – Iêng Xari.

Phần thứ tư: Những mối quan hệ tam giác

X. Cuộc chiến tranh biên giới

Cuối tháng 3/1964, tôi đang ở Phnom Penh, chờ được gặp Quốc trưởng Hoàng thân Norodom Sihanuc, với những tình cảm xáo trộn. Trước đó vài ngày, tôi đã thực hiện chuyến vượt biên trái phép lần thứ hai trong vòng hai tháng từ vùng giải phóng miền Nam Việt Nam vào lãnh thổ Campuchia (chuyến thứ nhất là từ Campuchia sang Việt Nam). Sihanuc không thể có cách gì mà chính thức biết được rằng tôi đã ở Campuchia nếu như tôi không ghé thăm Xon Xan, Thủ tướng của ông ta, trước đó vài ngày để cho ông ta xem một tấm bản đồ. Tấm bản đồ này do Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Nguyễn Hữu Thọ cho phép tôi giới thiệu với Sihanuc – được tô bằng màu đỏ ở những vùng dưới sự kiểm soát vững chắc của Mặt trận, màu xanh da trời ở những vùng do Chính quyền Sài Gòn kiểm soát và vùng màu vàng là vùng đang tranh chấp. Hầu hết những vùng dọc biên giới Việt Nam với Campuchia được tô màu đỏ ở diện rộng. Khi đó, Sihanuc đi vắng ít ngày, nhưng Xon Xan đề nghị tôi cố chờ ông ta trở về. Vì tôi cũng còn một số tài liệu khác mà Sihanuc quan tâm, nên tôi quyết định ở lại.

Mấy hôm sau, bước chân lên những bậc thềm của điện Chamca Môn – nơi ở của Sihanuc, tôi vẫn còn phân vân không hiểu mình sẽ được tiếp đón như thế nào. Sihanuc là người rất nhạy cảm đối với bất kỳ sự vi phạm nào đối với tính chất trung lập của nước ông, mà như vậy thật là đúng. Thật ra, cũng vì để tránh cho ông ta khỏi bị rầy rà nên tôi đã đến đất nước này với một cái tên khác và cũng không xin phép xuất cảnh và tái nhập cảnh. Tôi cảm thấy rằng khi Sài Gòn hoặc Mỹ tố cáo ông cho phép “nước Campuchia trung lập” trở thành một căn cứ cho những cuộc vượt biên bí mật vào Nam Việt Nam, thì ông ta có thể trả lời bằng cách tổng giam tôi hoặc trục xuất tôi với tư cách một người nào đó đã vào Campuchia một cách phi pháp và đã hai lần xâm phạm biên giới Campuchia – Việt Nam. Suy nghĩ này đè nặng đầu tôi khi tôi được dẫn lên thềm vào phòng khách. Nhưng kìa, một Sihanuc đang tươi cười tiến lại phía tôi, hai tay nắm lấy tay tôi và nói: “Ông Bócsét, tôi hiểu là ông đã lập nên một chiến công tuyệt vời. Xin nồng nhiệt chúc mừng ông”. Một người phục vụ xuất hiện với một cái khay và hai cốc sâmpanh rồi một người thợ ảnh chụp cảnh hai chúng tôi chạm cốc với nhau. “Tôi biết ông có một tấm bản đồ rất thú vị”, Sihanuc nói. Tôi trải tấm bản đồ lên bàn, còn ông ta sững sốt, tròn mắt vì ngạc nhiên.

- Tôi muốn biết tôi phải thảo luận với ai về vấn đề biên giới – ông ta nói.
- Không phải với Sài Gòn mà là với luật sư Nguyễn Hữu Thọ – tôi trả lời.

Một “món quà” nữa mà ông Nguyễn Hữu Thọ nhờ tôi chuyển cho Sihanuc là một loạt tài liệu gồm cả những giáo trình huấn luyện hoạt động lật đổ, gián điệp và phá hoại, do các lực lượng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam thu được khi đánh chiếm một sở chỉ huy của Khme Srây (Khme Tự do – ND) ở đồng bằng sông Mêkông (bị bắt kèm theo những tài liệu này là 4 tên trung sĩ Mỹ, cố vấn cho các lực lượng Khme Srây do CIA dựng nên, khi đó đang được nuôi dưỡng để lật đổ Sihanuc). Ông Nguyễn Hữu Thọ cũng giao cho tôi nhiệm vụ thông báo với Sihanuc rằng nếu quân Sài Gòn tấn công Campuchia trên phạm vi rộng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng sẽ tấn công chúng từ phía sau. Như bản đồ đã chỉ rõ, Mặt trận ở vào vị trí thuận lợi để làm việc này.

Sihanuc hỏi tôi cặn kẽ về những điều tôi đã mắt thấy tai nghe. Ông ta có ấn tượng ra mặt trước những báo cáo của tôi về sức mạnh và tổ chức rộng khắp của “Việt cộng” cũng như việc họ được sự ủng hộ của nhân dân ở những nơi tôi tới, kể cả ở tận vùng ngoại ô Sài Gòn. Khi tôi định ngỏ lời xin lỗi vì đã xâm phạm đường biên giới nước ông ta, ông ngắt lời tôi: “Phía bên kia đang hàng ngày xâm phạm biên giới chúng tôi, giết hại nông dân của chúng tôi”.

Tuy vậy, ông ta khuyên tôi sau này nên cho ông ta biết để ông phái một đội lính hộ tống tôi đến điểm vượt biên. Ba cuộc đi sau này, tôi đã tận dụng lời đề nghị đó. Dĩ nhiên, trong chuyến đi đầu tiên của tôi, một trong những khoảnh khắc nguy hiểm nhất là lúc vượt biên trở lại. Tôi

ẩn trong một con hào bên lề đường dưới lớp cỏ mọc cao trong khi một đơn vị tuần tra cơ giới Campuchia đi qua, tay súng lăm lăm sẵn sàng nhả đạn, đèn pha từ từ quét đi quét lại theo chiều ngang rộng vài mét giữa con đường và ranh giới nơi tôi ẩn náu. Những tên lính biên phòng này nổi tiếng là “nhanh tay cò súng” nhả đạn vào bất kỳ một gã kẻ cướp nào, mà tôi thì đúng là một gã kẻ cướp rồi còn gì nữa!

Sihanuc cũng thuộc loại “nhanh tay cò súng”. Trong vòng ba tháng kể từ khi chúng tôi gặp nhau (chính xác là vào ngày 20/6), ông ta gửi cho ông Nguyễn Hữu Thọ một bức thư. Sau này khi bày tỏ sự quan tâm tương xứng với những lời kể của tôi về tình cảm thân hữu mà những lãnh tụ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã giành cho ông ta cũng như thái độ kính trọng của họ đối với việc ông ta đã dũng cảm bảo vệ tính trung lập của nước mình, Sihanuc đã bày tỏ nguyện vọng được gặp ông Nguyễn Hữu Thọ. Về vấn đề biên giới thì:

“Chúng tôi rút lại mọi tuyên bố đòi hỏi chủ quyền lãnh thổ của mình để đổi lấy một sự công nhận dứt khoát rõ ràng đối với những đường biên giới đang tồn tại và chủ quyền của chúng tôi đối với những hòn đảo ven biển mà chính quyền Sài Gòn đã đòi một cách phi pháp...”

Trong một bức thư tiếp sau, để trả lời thư của ông Nguyễn Hữu Thọ, Hoàng thân Sihanuc còn trình bày lập trường của ông ta một cách rõ ràng.

Việc trao đổi thư từ giữa Sihanuc với ông Nguyễn Hữu Thọ, với nội dung mà tôi được khẳng định trong một cuộc gặp gỡ với ông Nguyễn Hữu Thọ (khi đó là Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ở Hà Nội hồi tháng 12/1978, được tiếp theo bằng các cuộc gặp gỡ bí mật giữa đại diện của Campuchia và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ở Bắc Kinh tháng 10 rồi tháng 12/1964. Phải nói rằng Sihanuc ngay từ năm 1964 đã tin tưởng rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẽ là người chiến thắng ở Nam Việt Nam. Nếu không thì bỏ công sức ra thương lượng để làm gì? Trong vấn đề này, rõ ràng là ông ta có tầm nhìn xa trông rộng hơn những kẻ có cương vị như ông ta ở Sài Gòn và Viêngchăn.

Sihanuc biết tự bảo vệ tài ngoại giao của mình, nhưng ông ta thường không đạt được mục tiêu do đánh giá quá cao giá trị các con bài của mình. Ông ta tin rằng mình có trong tay cây át chủ bài – thậm chí là cây phăngteo – trong cuộc xung đột ở miền Nam Việt Nam. Ông ta có thể cung cấp đất thánh cho những du kích đang bị o ép của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, cung cấp bệnh viện và các phương tiện hậu cần kể cả việc cung cấp cảng Sihanucvin để tiếp nhận những chuyển hàng trang thiết bị quân sự chở từ Liên Xô và Trung Quốc tới, và gạo để chuyển tới biên giới.

Tháng 3/1965, theo sáng kiến của Sihanuc, một hội nghị nhân dân 3 nước Đông dương được triệu tập tại Phnom Penh. Lúc này, Mỹ đã bắt đầu cuộc chiến tranh không quân chống miền Bắc Việt Nam và đang đổ bộ lính chiến đấu vào miền Nam Việt Nam. Đoàn đại biểu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ miền Bắc và đoàn đại biểu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ miền Nam đã dùng hội nghị này để nhắc lại lập trường của mình là “tôn trọng chủ quyền, độc lập, trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia và cam kết tiếp tục làm như vậy, không làm bất kỳ điều gì trái với nguyên tắc này”.

Mỹ đổ lực lượng quân sự vào miền Nam Việt Nam ngày càng đông, hoạt động tác chiến với sự tham gia của quân Mỹ gia tăng, và chiến sự đã lan sang cả những làng xóm của Campuchia ở vùng biên giới với Việt Nam. Sihanuc đề nghị tổ chức một hội nghị quốc tế bản đảm tính bất khả xâm phạm của biên giới nước ông. Hoa Kỳ và các đồng minh phương Tây của họ coi lời đề nghị này chẳng là cái gì cả.

Tháng 8/1966, tôi tới thăm vùng giải phóng ở miền Nam Việt Nam lần thứ 4 và trở lại Phnom Penh vài giờ đồng hồ trước khi Tổng thống Pháp Saclo Đờ Gôn tới. Trong túi tôi đã có sẵn một bài trả lời phỏng vấn của ông Nguyễn Hữu Thọ trước đó hai ngày, trong đó ông tuyên bố rằng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam “công nhận chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong giới hạn những đường biên giới hiện tại của mình”. Tôi đã gửi cho Sihanuc và Đờ Gôn mỗi người một bản sao bài trả lời phỏng vấn này dưới dạng tài liệu công bố của tôi và Sihanuc thuyết phục Đờ Gôn đưa sự tán thành của Pháp đối với nguyên

tắc này vào bài diễn văn nổi tiếng của ông tại Phnom Penh ngày 1/9/1966.^[92]

Sau khi Đờ Gôn rời khỏi Campuchia, Sihanuc tổ chức một bữa tiệc trưa dành cho các phóng viên nước ngoài thường trú tại Campuchia và số ít nhà báo đã tháp tùng Tổng thống Pháp nhưng còn ở lại Campuchia thêm vài ngày nữa. Sihanuc tuyên bố rất hài lòng với kết quả của cuộc viếng thăm và đặc biệt với việc chấp nhận công thức về nền độc lập của Campuchia. Ông ta đã tỏ lòng biết ơn ông Nguyễn Hữu Thọ là người đầu tiên nêu ra một công thức hoàn toàn phù hợp với những quan điểm của riêng ông ta; tỏ lòng biết ơn tôi đã nêu ra công thức này trong bài trả lời phỏng vấn. Ông ta cũng trình trọng công bố rằng trong tương lai bất kỳ nước nào muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Campuchia đều sẽ phải khẳng định chấp nhận công thức này và bất kỳ nước nào đã có quan hệ ngoại giao rồi, nếu muốn duy trì đại diện ngoại giao ở Phnom Penh, cũng đều phải làm như vậy.

Trong thời gian Đờ Gôn đến thăm Phnom Penh, còn có đoàn đại biểu của Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam do ông Trần Bửu Kiếm, ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam dẫn đầu, ở Phnom Penh theo lời mời của Sihanuc để thảo luận những vấn đề về biên giới. Một lần nữa, Sihanuc lại tìm cách khai thác lợi thế mà Mặt trận dân tộc Giải phóng đã tạo cho ông ta. Ông ta đã sử dụng công thức của Mặt trận Dân tộc Giải phóng về cơ sở chủ quyền của Campuchia – điều mà ông ta đã mất khá nhiều thời gian để tìm kiếm – giành được sự chấp thuận của Đờ Gôn. Rồi ông ta lại lấy sự chấp thuận ấy làm một vũ khí để tìm kiếm những nhượng bộ thêm nữa của người Việt Nam. Điều này thật khôn khéo về mặt chiến thuật nhưng nghèo nàn về chính trị.

Khoảng 9 tháng sau, ngày 9/5/1967, Chính phủ Vương quốc Campuchia công bố một văn kiện chính thức kêu gọi tất cả các nước mong muốn thiết lập quan hệ bình thường với Campuchia “công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong giới hạn những đường biên giới đã định trong các bản đồ sử dụng trong năm 1954”. Sau ba tuần, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đưa ra câu trả lời đầu tiên đối với tuyên bố này của Sihanuc. Câu trả lời đó nói Mặt trận Dân tộc Giải phóng:

1. Khẳng định lại lập trường trước sau như một của mình là công nhận và cam kết tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong khuôn khổ những đường biên giới hiện tại.
2. Công nhận và cam kết tôn trọng những đường biên giới hiện tại giữa Nam Việt Nam và Campuchia.

Một tuần lễ sau, Hà Nội cũng công bố một văn kiện tương tự, Sihanuc mừng rỡ, lập tức lấy hai tuyên bố này để ép những nước đã có quan hệ ngoại giao với Campuchia cũng làm như vậy. Sau chót, tất cả các nước này đều làm như vậy, một số trong các nước đó rõ ràng phải làm việc này một cách miễn cưỡng. Ngay cả Hoa Kỳ, do mong muốn khôi phục lại quan hệ ngoại giao (vốn đã bị cắt đứt theo quyết định của Sihanuc hồi tháng 5/1965) cuối cùng phải dẹp tính tự ái của mình sang một bên mà tán thành công thức này. Nhờ đó, quan hệ ngoại giao giữa hai nước đã được khôi phục hồi tháng 6/1969.

Ngoài những lời cam kết “tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong khuôn khổ những đường biên giới hiện tại” do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời đưa ra tại Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông dương hồi tháng 4/1970, vấn đề biên giới vẫn bị bỏ lửng cho tới tận khi các lực lượng Khme đỏ tiếp quản Phnom Penh. Tháng 3/1970, Lon Non lật đổ Sihanuc. Rồi sau đó, Hoa Kỳ^[93] và Nam Việt Nam công khai vi phạm biên giới và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia với có phá hủy vùng đất thánh và các đường tiếp tế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Trong suốt thời gian này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã sát cánh cùng Khme đỏ chiến đấu nhằm đánh bại cuộc xâm lăng của Mỹ ở Đông dương.

Cuộc đấu tranh chống Lon Non được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Mặt trận đoàn kết Dân tộc Campuchia (viết tắt là FUNK) do Sihanuc thành lập ít lâu sau khi ông ta bị lật đổ và được sự liên minh ngay tức khắc của Khme đỏ. Trong cuốn sách của ông ta nhan đề “Biên niên sử chiến tranh và hy vọng” (xuất bản ở Paris sau khi người Trung Quốc thuyết phục được PolPot và lên

Xari cho phép ông ta rời khỏi đất nước), Sihanuc đã hết sức đề cao người Việt Nam vì đã phải gánh chịu phần nặng nề nhất của cuộc chiến trong những trận đánh quyết định nhất chống Lon Non. Ông ta trút sự khinh bỉ lên đầu PolPot và đồng bọn vì âm mưu cướp công Việt Nam:

“Với tất cả sự nghiêm túc, PolPot, Ieng Xari, Khiêu Xămphon và Nuôn Chia (Chủ tịch Quốc hội) đã quả quyết trên đài phát thanh (lúc đầu đặt trong vùng rừng rú, sau chuyển về Phnom Penh) rằng bằng vũ khí thô sơ, đơn giản, quân của họ đã thành công trong việc quét sạch gần như tất cả các sư đoàn bộ binh, sư đoàn thiết giáp và không quân của địch.

Có tinh thần yêu nước thì có gì là sai trái; nhưng cố tình có một thái độ sô vanh và thiếu trung thực, tới mức không chịu công nhận rằng các chiến hữu và đồng minh Bắc Việt Nam đã đóng vai trò hơn hẳn, ít nhất cũng là như vậy, trong việc chặn đứng, rồi sau đó đẩy lùi quân Mỹ và Nam Việt Nam xâm lăng trong các năm 1970, 1971 và 1972 thì thái độ đó không chỉ là sự sỉ nhục đối với các đồng minh ấy mà còn là một sự sỉ nhục đối với lịch sử...” [94]

Với việc Sihanuc đưa ra ngày tháng cụ thể để minh họa cho vai trò quyết định của các lực lượng Việt Nam, rõ ràng là ông ta ám chỉ tới những hành động, bằng việc chặn đứng cuộc xâm lăng của quân đội Mỹ – ngày Sài Gòn tháng 5/1970 và bằng đập tan các cuộc phản công Chenla 1 và Chenla 2 của Lon Non, đã tạo ra cho các lực lượng của FUNK một vùng giải phóng rộng lớn sạch bóng các lực lượng quân sự và hành chính của Lon Non. Rõ ràng Sihanuc chưa nhận thức được vai trò của các chiến sĩ pháo binh Việt Nam trong cuộc tiến công cuối cùng đưa Khme đỏ vào Phnom Penh ngày 17/4/1975. Nhưng ông ta đã nhắc tới những trận đánh then chốt trong đó các đơn vị pháo binh, thiết giáp và bộ binh Việt Nam đã đóng vai trò quyết định.

“Cho tới tận cuối cuộc chiến hồi tháng 4/1975, các lực lượng vũ trang Khme đỏ cũng vẫn chưa có khả năng thành lập bất kỳ đơn vị thiết giáp hoặc pháo binh nào cho ra hồn cả...” [95]

Sihanuc kể đến nhiều chiến công của bộ đội Việt Nam, chẳng hạn các trận đánh của các đơn vị đặc công vào sân bay Pô chen tông, vào các kho chứa dầu ở cảng Côngpông Xom – những chiến công mà Khme đỏ đã cướp công. Nhiều lần ông ta đề cập tới những ảo tưởng điên rồ của PolPot và bè lũ rằng chính chúng chứ không phải người Việt Nam, mới là những người thực sự đánh bại người Mỹ, không chỉ ở Campuchia mà ở toàn cõi Đông dương!

“Thật bất hạnh, PolPot đã để cho cái đầu của hắn quay cuồng có phần quá sớm về ‘những chiến thắng’ của hắn tới mức đem ví mình với những danh tướng vĩ đại trong lịch sử thế giới: Alexander của Maxêdoan, Xêda của La mã, Napoleon Bonapart và cả gã Quốc xã Hitle...”

Tháng 9/1975, lần đầu tiên trở lại đất nước Campuchia đã được ‘giải phóng’ theo lời mời của Ban lãnh đạo Khme đỏ, tôi kinh ngạc khi thấy Khiêu Xămphon, Xon Xen và những người khác kể cho tôi nghe – với nụ cười rộng mở và vẻ rất thỏa mãn – rằng binh lính của họ ‘bất bình’ với ‘Đảng’ vì Đảng không ‘bật đèn xanh’ cho họ thu hồi vùng Campuchia Krom và các huyện giáp giới Thái Lan...

Theo Xon Xen, khi đó là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng thì ‘quân đội cách mạng Campuchia’ quang vinh của hắn tính rằng đội quân của tướng Giáp chỉ đáng ‘vừa một miếng nuốt’, còn cái quân đội thảm hại của Kucrit Pramot và Crialngaxac Chomanan (Thái Lan) còn tồi tệ hơn nữa!” [96]

Thực ra, nếu không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của các chiến hữu Việt Nam thì còn lâu sau khi người Việt Nam giải phóng xong Sài Gòn, Khme đỏ vẫn phải chiến đấu trong những cánh rừng rậm của Campuchia. Cuối năm 1974, PolPot tới thăm Bắc kinh, để lộ ra rằng hắn dự định tiến hành một cuộc phản công quyết thắng dứt điểm vào đầu năm 1975. Để làm được việc đó, hắn ta cần có pháo hạng nặng. Dích thân Mao Trạch Đông khuyên hắn nên tiếp tục chiến tranh du kích. Mao nói: “Các đồng chí đã chiến đấu ngót 5 năm rồi. Các đồng chí cần phải tiếp chiến đấu tiếp 5 năm nữa và phải dựa vào lực lượng của chính mình”. PolPot rất thất vọng. Trong thời gian quá cảnh ở Việt Nam trên đường về nước, hắn đề nghị người Việt Nam giúp đỡ. Ban lãnh đạo (Việt Nam – ND) nói với hắn: “Chúng tôi sẽ giải phóng Sài Gòn, chúng tôi sẽ giúp các bạn giải phóng Phnom Penh”. Sau đó phía Việt Nam đã gửi sang pháo 130mm và 122mm cùng các

chiến sĩ pháo binh. Khme đỏ chưa hề huấn luyện được một đơn vị pháo nào của họ cả.

Ngày 17/4/1975, quân Khme đỏ chiến thắng tiến vào Phnom Penh. Hai tuần sau, ngày 1/5 – một ngày sau khi giải phóng Sài Gòn và là ngày các lực lượng Việt Nam chiến thắng tràn xuống giải phóng toàn bộ vùng đồng bằng sông Mêkông – các lực lượng Khme đỏ tiến hành các cuộc tiến công quy mô nhỏ nhưng ác liệt dọc toàn tuyến biên giới Campuchia tiếp giáp với các tỉnh vùng đồng bằng sông Mêkông của Nam Việt Nam, từ tỉnh Hà Tiên ở vùng cực nam tới tỉnh Tây Ninh nằm ở phía bắc vùng đồng bằng sông Mêkông.

Ngày 5/5, một số lượng lớn lính Khme đỏ đổ bộ lên đảo Phú Quốc. Người ta giải thích một cách lịch sự với chúng rằng chúng đang ở trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng chúng chẳng cho thấy có dấu hiệu nào là sẽ rút lui cả. Viên chỉ huy đảo Phú quốc về sau kể lại cho tôi nghe: “Chúng tôi làm một cuộc biểu dương lực lượng, và thế là chúng rút. Chẳng phải bắn phát đạn nào”.

Sáu ngày sau, các lực lượng Khme đỏ từ đất liền và từ đảo Hòn Trốc (Poulo Vai) tiến đánh đảo Thổ Chu (Poulo Panjang) của Việt Nam. Ngày 25/5, Quân đội Nhân dân Việt Nam tổ chức phản công, đuổi quân Khme đỏ khỏi đảo Thổ Chu, truy kích chúng tới tận Hòn Trốc. Nhiều người dân ở đảo Thổ Chu đã bị giết và bọn Khme đỏ đã bắt theo chúng 515 người dân của đảo này. Sau khi được đảm bảo rằng sẽ không còn cuộc tấn công nào trong khu vực này nữa, bộ đội Việt Nam đã rút khỏi Hòn Trốc, trao trả lại 500 tù binh Khme đỏ bị bắt trong các cuộc tấn công. Nhưng chẳng ai còn gặp lại 515 người Việt Nam bị Khme đỏ bắt trên đảo Thổ Chu nữa. Các đơn vị Việt Nam đổ bộ không tìm thấy vết tích gì của họ trên đảo Hòn Trốc cả. Điều có nhiều khả năng xảy ra nhất là họ đã bị giết ngay trên những chiếc thuyền bắt họ đi, xác bị ném xuống biển.

Ngày 2/6, khi gặp ông Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, PolPot giải thích rằng nguyên nhân của những sự cố trên đảo (cũng như các sự cố xảy ra dọc biên giới trên bộ) là do quân Khme đỏ “không thông thuộc địa lý địa phương”. Nhưng điều không thể hình dung được là một hành động quan trọng như cuộc đổ bộ lên đảo Phú Quốc xảy ra chỉ 17 ngày sau khi “giải phóng” Phnom Penh, lại có thể là kết quả của một quyết định tự phát nào đó. Hiển nhiên, những hành động này đã được tính toán từ trước.

Tại các cuộc trao đổi đầu tiên ở cấp Đảng và Chính phủ nhằm ngăn chặn tình hình đang xấu đi nhanh chóng dọc biên giới, người ta đã thỏa thuận sẽ tổ chức một hội nghị ở cấp cao nhất vào tháng 6/1976. Các cuộc đàm phán trù bị đã được tổ chức ở Phnom Penh từ ngày 4 đến ngày 8/5 để ấn định chương trình nghị sự và giải quyết những vấn đề có vẻ dễ dàng. Hai bên nhanh chóng đạt được thỏa thuận về việc chọn đường biên giới trên bộ trên cơ sở bản đồ tỷ lệ xích 1:100.000 của Sở Địa lý Đông dương phù hợp với điều mà Sihanuc đã quy định là “những bản đồ được sử dụng phổ biến trước năm 1954”. Sau đó đoàn đại biểu của Phnom Penh xuất hiện với một tấm bản đồ giả đến vùng về. Một mảnh giấy dán đè lên một phần tấm bản đồ gợi thể hiện phần bổ sung chừng vài chục dặm vuông cho phần đất Campuchia dọc biên giới nơi mà Khme đỏ hiển nhiên tin rằng có những mỏ khoáng sản. Để đạt được một giải pháp, phía Việt Nam đã nhượng phần đất này. Ngày 8/5, hai bên đồng ý sử dụng đường Brêviê để xác định phần lãnh thổ trên đất liền của hai bên nhưng không dùng đường này để xác định biên giới trên biển. Phía Việt Nam dự định tới phiên họp sau sẽ đưa ra một đề nghị thỏa hiệp, nhưng đoàn đại biểu Khme đỏ đã đột nhiên hoãn đàm phán. Rất nhiều đề nghị của phía Việt Nam nhằm tiếp tục hội đàm, hoặc vẫn ở cấp đó hoặc ở cấp cao hơn như đã đề nghị hồi đầu, đều bị ban lãnh đạo Khme đỏ bác bỏ.

Trước khi kết thúc đàm phán, hai bên đã đạt được một hiệp định 3 điểm. Phần chủ yếu của hiệp định này ghi rõ rằng “mọi xung đột đều phải được giải quyết trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị và tôn trọng lẫn nhau và các ủy ban liên lạc của hai bên cần điều tra và gặp nhau để giải quyết những xung đột đó”. Về sau, tôi được ông Huỳnh Văn Luận, một cán bộ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh (một trong những tỉnh bị tấn công thường xuyên nhất), kể cho nghe như sau về tác động của các hiệp nghị giới hạn – tương tự như hiệp định hồi tháng 5/1976 liên quan đến việc hai bên cùng điều tra và giải quyết những vụ đụng độ trên biên giới như sau:

“Tỉnh chúng tôi có 240km biên giới chung với Campuchia. Một con đường mòn do nông dân

của cả hai bên đắp nên chạy suốt từ phía Nam lên phía Bắc, tới một dòng sông đánh dấu nơi biên giới phía đông và cũng là nơi gặp gỡ một con đường mòn được xác định rõ ràng khác. Nhiều thế hệ qua, con đường kia vẫn được coi là đường biên giới. Mỗi quan hệ giữa những người nông dân ở cả hai bên đều luôn luôn tốt đẹp. Họ nói được ngôn ngữ của nhau, chẳng có vấn đề gì cả. Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, nạn đói thường xảy ra ở vùng này. Chính quyền Mỹ – Sài Gòn cưỡng bức nông dân chúng tôi phải di cư, lừa họ vào các trại tập trung gọi là ‘ấp chiến lược’. Ngay sau ngày giải phóng, dân làng trở về quê cũ và lại bắt đầu cấy trồng trên mảnh đất của mình. Chiến dịch chống nạn mù chữ được phát động; ai ai cũng đều chỉ nghĩ tới chuyện tái thiết trong hòa bình.

Nhưng dọc theo con đường biên giới phía bên kia, Khme đỏ bắt đầu cho xây dựng các đồn binh. Chúng phái các lực lượng chính quy tới đóng tại các vị trí phòng thủ, đẩy nhân dân Campuchia lùi vào sâu cách biên giới từ 10–20km để tạo thành một vùng đệm và ngăn chặn bất kỳ sự tiếp xúc nào với nhân dân chúng tôi – nhân dân Campuchia rất quan tâm đến sự phát triển của chúng tôi. Sau đó, Khme đỏ bắt đầu đặt mìn và xây dựng những tuyến chông tre theo kiểu “con nhím” ở bên phía chúng tôi...

Từ ngày 17/4/1975 đến tháng 6/1976, Khme đỏ đã nhiều lần vi phạm lãnh thổ chúng tôi, có lần đã chiếm 302ha của Đồng Phú và còn tiến hành do thám nữa. Trong thời gian đó, chúng tôi đã bắt sống 60 tên thám báo Khme đỏ. Chúng khai chúng có hai nhiệm vụ chủ yếu: (1) Xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Việt Nam và nghiên cứu cách bố phòng về quân sự của chúng tôi trên khu vực biên giới cũng như những phương pháp củng cố chính quyền cách mạng của chúng tôi; (2) dần dần mở rộng mạng lưới cơ sở ở Tây Ninh và kéo dần xuống phía Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhiều lần chúng tôi đề nghị tiến hành thương lượng. Từ tháng 8/1975 đến tháng 6/1976, đã có hai cuộc gặp gỡ ở cấp Ban Chấp hành Trung ương, 2 cuộc gặp ở cấp tỉnh, 5 cuộc gặp ở cấp huyện và hơn hai chục cuộc gặp ở cấp các đồn biên phòng. Ở mỗi cuộc gặp này, các ‘đồng chí’ Khme đỏ đều thừa nhận có thâm nhập, đều hứa sẽ ‘sửa chữa khuyết điểm’. Chỉ thị ở phía chúng tôi là bằng mọi giá phải giữ được tình hữu nghị và tránh đụng độ hơn nữa, cho tới tận tháng 6/1976 khi Khme đỏ tấn công ấp Tiên Thuận, nằm sâu trong lãnh thổ của chúng tôi đến 3km. Các lực lượng của chúng tôi phản công, đẩy lùi quân Khme đỏ, bắt sống 12 tên. Để chứng minh cho thiện chí của mình, ngay chiều hôm đó, chúng tôi đã thả chúng ra. Tại một gặp gỡ ở cấp tỉnh – giữa Tây Ninh và Xvây riêng – Khme đỏ đã nhận ‘lỗi’ và hứa rằng sẽ không mắc phải nữa. Nhưng thực ra, những cuộc tấn công và những vụ thâm nhập vẫn gia tăng.

Sau lời ‘xin lỗi’ đó, Khme đỏ không chịu tiếp xúc thêm với chúng tôi. Để phản đối những cuộc tấn công tiếp theo, chúng tôi chỉ có thể gửi thư sang – tổng số đã có 10 lá thư trước khi chúng tôi chịu không thể tiếp tục được nữa – thông qua các đồn biên phòng. Không có thư trả lời. Bất chấp những nỗ lực của chúng tôi, cố gắng sử dụng những tuyến tiếp xúc mà hai bên đã thỏa thuận với nhau, cũng chẳng có thêm các cuộc tiếp xúc nào nữa, và Khme đỏ đẩy mạnh tấn công”.

Đến đầu năm 1977, Khme đỏ tiến hành các cuộc tấn công thường xuyên, thường là với quy mô lớn – dùng từ 2–3 trung đoàn tập trung đánh một điểm trên biên giới. Những cuộc tấn công này nhằm lấn chiếm, cố thủ và sử dụng mỗi điểm đã chiếm được để tiến sâu thêm vào Việt Nam. Sau một loạt những cuộc tấn công (của Khme đỏ – ND) vào các tỉnh đồng bằng sông Mêkông,^[97] Quân đội Nhân dân Việt Nam mở một cuộc phản công hạn chế hồi tháng 4/1977, đánh đuổi các lực lượng PolPot khỏi Việt Nam và đề nghị đàm phán. Trong nhiều tháng liền sau đó, câu trả lời của Khme đỏ là dùng pháo tầm xa bắn phá các làng xóm vùng biên giới. Ngày 7/6, Hà Nội lại đề nghị mở lại đàm phán. Ngày 18/6, Phnom Penh trả lời bằng cách bác bỏ đề nghị đó với lý do là những cuộc đàm phán như vậy “tuy là cần thiết, nhưng chỉ có thể được tiến hành một khi tình hình trở lại bình thường và không còn xung đột biên giới nữa”. Nói cách khác, chừng nào mà Khme đỏ còn muốn tiếp tục tấn công thì chừng đó chẳng thể nào có chuyện đàm phán!

Tình hình tồi tệ đi một cách nhanh chóng trong nửa cuối năm 1977. Gần như không ngày

nào qua đi mà không có tấn công ở nơi nào đó dọc biên giới Xvâyriêng – Tây Ninh. Và từ Tây Ninh kéo dài xuống mãi tận Hà Tiên giáp vịnh Thái Lan, tình hình cũng như vậy. Nhiều cuộc tấn công vào Tây Ninh đã có sự tham gia của lực lượng cơ sở sư đoàn (một sư đoàn quân Campuchia lúc đó có khoảng 10 nghìn lính). Đến tháng 11/1977, dọc vùng biên giới tỉnh Tây Ninh thường xuyên có 3 sư đoàn tác chiến. Theo Huỳnh Văn Luận, không chỉ có các đơn vị quân chính quy thâm nhập, mà còn có cả các đơn vị pháo binh bắn phá ban ngày và các đơn vị thám báo tấn công ban đêm. Chính trong hoàn cảnh ấy, phía Việt Nam đã mở cuộc phản công hồi cuối năm 1977, đẩy quân Khme đỏ khỏi Việt Nam, lừa chúng trở lại bờ sông Mêkông và qua cả sông Mêkông về các vị trí phòng thủ chung quanh Phnom Penh.

Trong một cuộc tọa đàm ở Paris cuối tháng 10/1978, ông Nguyễn Cơ Thạch, khi đó là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao[98] nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã mô tả quá trình tiến triển nhanh chóng của mối quan hệ với Campuchia như sau:

“Thời kỳ 1970–1975, Khme đỏ coi Việt Nam là người bạn số 1, Bắc Triều tiên là người bạn số 2 và Trung Quốc là người bạn số 3. Kẻ thù số 1 là Mỹ – CIA, số 2 là bọn tàn quân của các lực lượng Lon Non; số 3 là ảnh hưởng của Sihanuc. Sau chiến thắng tháng 4/1975, Trung Quốc chuyển lên vị trí số 1 trong số các bạn bè, Việt Nam tụt xuống hàng thứ 7. Kẻ thù số 1 vẫn là Mỹ – CIA, kẻ thù số 2 là bọn tàn quân Lon Non, Thái Lan đã chiếm vị trí của ảnh hưởng của Sihanuc trở thành kẻ thù số 3! Đến tháng 4/1977, kẻ thù số 1 lại là Việt Nam, tiếp đến là tàn quân của Lon Non và KGB (Cơ quan an ninh Liên Xô – ND) giữ vị trí số 2 và 3. Còn Trung Quốc vẫn là số 1 và Bắc Triều tiên là số 2 trong số bạn bè”.

Ông cũng xác nhận rằng, tiếp theo đường lối tuyên truyền hồi tháng 4/1977 của Khme đỏ coi Việt Nam là “kẻ thù chủ yếu”, thì tháng 6/1977, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Campuchia đã ra một nghị quyết chính thức coi “Việt Nam là kẻ thù số 1, kẻ thù vĩnh cửu của chúng ta. Chúng ta phải chuẩn bị tấn công Việt Nam”. Theo ông Nguyễn Cơ Thạch, nghị quyết này được gửi cho tất cả các cấp trong các lực lượng vũ trang và từ đó trở đi những cuộc tấn công qua biên giới với quy mô ngày càng tăng.

Vì sao lại không thể có nổi một giải pháp bằng thương lượng để giải quyết những vấn đề giữa hai quốc gia láng giềng, dưới sự lãnh đạo của – cứ giả định như vậy đi – hai Đảng Cộng sản đồng chí với nhau?

Bây giờ thì đã rõ: khi đó Bắc Kinh điều hành công việc của Khme đỏ. Chính cái Ban Lãnh đạo Trung Quốc đã từng ép Việt Nam hồi năm 1967–1968 không chấp nhận các cuộc đàm phán hòa bình với Mỹ, ban lãnh đạo đó không hề tự ngăn mình khi ra lệnh cho PolPot phải khước từ bất kỳ mối quan hệ có ý nghĩa nào với Việt Nam. Trong lúc Việt Nam kiên quyết không chịu bị nhét vào trong chiếc túi của Trung Quốc, thì PolPot lại tự mình nhảy vào đó. Đã nhiều lần Trung Quốc bị tố cáo là muốn đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng và hẳn cũng rất muốn đánh người Việt Nam tới người Campuchia cuối cùng.

Nhưng làm thế nào để một nước Campuchia khi đó có 5–6 triệu dân dám nghênh chiến với một nước Việt Nam đã từng dày dạn chinh chiến có tới hơn 50 triệu dân? Tôi hỏi ông Nguyễn Cơ Thạch, ông ta đặt lại câu hỏi: “Vì sao một nước Ítxraen có 3 triệu dân lại dám xâm lăng một nước Ai Cập có tới 35 triệu dân? Bởi vì Khme đỏ được đảm bảo rằng sau lưng chúng là cả 800 triệu người Trung Quốc, cũng như sau lưng Ítxraen có cả sức mạnh của Hoa Kỳ làm chỗ dựa”.

Vào thời gian chúng tôi có cuộc tọa đàm này, các nguồn tình báo phương Tây ước tính có khoảng 7–8 nghìn “cố vấn” quân sự Trung Quốc ở Campuchia. Ông Nguyễn Cơ Thạch tin rằng con số thực tế còn lớn hơn hai lần con số trên đây và các vị này hoạt động xuống tận cấp trung đội trong các cuộc hành quân chiến đấu. Họ điều khiển pháo binh và các loại vũ khí phức tạp khác – việc làm chủ những vũ khí này vượt quá trình độ học vấn của các cán bộ Khme đỏ.

Trong bản tuyên bố ngày 31/12/1977, Chính phủ Campuchia Dân chủ (Khme đỏ) lần đầu tiên “đưa ra công khai” vấn đề liên quan đến tình hình chiến sự dọc biên giới Campuchia – Nam Việt Nam. Về nhiều khía cạnh, đó là một văn kiện đáng chú ý. Văn bản gốc của bản tuyên bố này dường như là bản bằng tiếng Pháp do Đại sứ quán Campuchia tại Bắc Kinh công bố

ngày 31/12. Những đoạn mà tôi vẫn sử dụng là trích từ bản dịch tiếng Anh của Hà Nội. Tuy nhiên, các dịch giả đã đưa thêm một đoạn lưu ý dưới đây:

“Nhìn khái quát, bản dịch tiếng Pháp của bản Tuyên bố này trung thành với bản gốc bằng tiếng Khme do Quốc trưởng Khiêu Xamphon công bố cùng ngày trên đài phát thanh Phnom Penh. Tuy nhiên về đoạn 9 (và là đoạn cuối cùng – TG) của tuyên bố này thì bản tiếng Khme và tiếng Pháp hoàn toàn khác nhau. Do đó ở đây chúng tôi gắng dịch một cách trung thành từ bản tiếng Anh”.

Bản thân bản tuyên bố này là một lời đả kích hiểm độc nhất chống lại đất nước, Đảng và dân tộc Việt Nam. Nó hô hào nhân dân Campuchia “quét sạch kẻ thù bành trướng và thôn tính lãnh thổ” và tuyên bố sẽ giáng cho họ “những thất bại nhục nhã”. Người Việt Nam được gọi bằng những từ có nghĩa xấu: “Duôn” và “Anamít”. Để cổ vũ cho cái nhuệ khí của đám thanh niên đại diện cho một bộ phận ngày càng tăng trong các lực lượng vũ trang Khme đỏ – đặc biệt là lực lượng xung kích – người ta đã đưa ra bản tổng kết dưới đây về tỉ lệ thương vong trong các cuộc xung đột biên giới:

“Năm 1975, cứ 100 tên địch bị giết hoặc bị thương thì bên Campuchia có 5 người hy sinh hoặc bị thương. Chúng ta đã đánh đuổi chúng và không cho chúng chiếm đóng lãnh thổ của ta.

Năm 1976, nếu số bị giết hoặc bị thương của bên địch là 100, thì của ta là 5. Chúng ta hoàn toàn đánh đuổi chúng và không cho chúng xâm phạm mảnh đất Campuchia.

Năm 1977, trong những cuộc tấn công quy mô lớn của chúng từ tháng 1 đến tháng 11, nếu chúng ta giết và làm bị thương 100 tên, thì bên ta có từ 3–5 người hy sinh hoặc bị thương. Chúng ta đã bảo vệ trọn vẹn đất nước ta. Từ đầu tháng 12/1977 cho tới nay, số thương vong của quân thù đã lên tới 100 tên bị giết hoặc bị thương so với bên ta từ 3–5 người hy sinh hoặc bị thương. Chúng ta đã bảo vệ toàn vẹn đất nước ta. Chúng ta đang tiếp tục tấn công tiêu diệt chúng và tổng cổ chúng khỏi Campuchia...” [99]

Dựa vào sản phẩm này của những bộ óc rõ ràng là điên rồ, Khiêu Xamphon đã đi đến những kết luận sau đây:

“Thứ nhất: Nếu xâm lược nước ta, nhất định chúng sẽ phải chịu thất bại về chính trị và phải chịu những thất bại về chính trị ngày càng trầm trọng hơn.

Thứ hai: Trong mấy năm qua, chúng bị thiếu lương thực nghiêm trọng... Chúng đang thiếu hàng triệu tấn lương thực. Chúng đang phải ăn xin, thậm chí đi xin cả bọ để quốc lương thực; chúng đã mất hết mọi ý thức về phẩm giá.

Thứ ba: Nhân dân chúng đang chống lại chúng và ở Nam Việt Nam không có nơi nào là an toàn cả.

Thứ tư: Bọn Duôn kẻ thù không thể chế tạo được súng ống, xe tăng, đạn dược và máy bay. Chúng chẳng thể sánh với dù là một phần nhỏ của Mỹ. Nếu theo gót Mỹ, chúng sẽ chỉ tự chuốc lấy thảm họa mà thôi. Chính sách của chúng là một chính sách phiêu lưu, mạo hiểm, sẽ dẫn chúng vào một con đường không lối thoát...” [100]

Bản tuyên bố này hẳn là bản một mũi tên nhắm hai mục tiêu. Một mặt, nó thông báo với thế giới bên ngoài về “những cuộc tấn công xâm lược ăn cướp bất ngờ trên quy mô lớn” của Việt Nam, và mặt khác, ở điểm 9 đã được sửa đổi một cách đặc biệt, chúng huyênh hoang khoe với dân chúng rằng Khme đỏ đã “bảo vệ Tổ quốc một cách trọn vẹn” và đang tiếp tục “tấn công tiêu diệt” quân xâm lược. Thực ra, vào thời điểm công bố bản tuyên bố này, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã dùng lực lượng mạnh tấn công, đuổi các lực lượng PolPot khỏi các vị trí chúng chiếm đóng bên trong lãnh thổ Việt Nam và đang đuổi chúng trở về Niếc lương, phía bên kia sông Mêkông. Về sau, khi bộ đội Việt Nam rút hết khỏi lãnh thổ Campuchia, PolPot vớ ngay lấy cơ hội này và tuyên bố đã giành được “thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử Khme”, rằng chỉ với độ 100 quân Khme đỏ hy sinh, hơn 29 nghìn quân Việt Nam đã bị tiêu diệt!

Trong cuốn sách của mình, Sihanuc đã trích dẫn một bản tin của đài phát thanh Phnom Penh

truyền đi ít lâu sau bản Tuyên bố ngày 31/12/1977, trong đó các nhà lãnh đạo Khme đỏ tuyên bố rằng Campuchia có khả năng tiêu diệt toàn bộ dân Việt Nam! Bằng cách nào?

“Với tất cả sự nghiêm túc của mình, các nhà lãnh đạo Khme đỏ đã ra lệnh cho quân và dân của họ tiêu diệt người Việt Nam với tỷ lệ 1 người Campuchia diệt 30 người Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Khme đỏ tính toán như sau: ‘Chỉ cần hy sinh 2 triệu người Campuchia, chúng ta cũng có thể tiêu diệt 60 triệu người Việt Nam và ta vẫn còn 6 triệu người Campuchia để xây dựng và bảo vệ đất nước’.”[\[101\]](#)

Những chính phủ nào hiện còn đi tiên phong ủng hộ sự nghiệp của Khme đỏ tại Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác hãy tỏ ra biết điều mà suy nghĩ, cân nhắc về kiểu tội lỗi khủng khiếp này, rất dễ tìm thấy bằng chứng của nó. Sihanuc, người đảm nhận cái trách nhiệm bảo vệ cái chế độ này ở Liên hợp quốc và lên án Việt Nam tham gia lật đổ nó – để đổi lấy tờ giấy phép chạy trốn khỏi đất nước mình – dù sao cũng đã phải nêu ra những đánh giá dưới đây về những hành động khiêu khích không thể tha thứ nổi mà Việt Nam đã phải chịu đựng. Do cuốn sách bao gồm lời đánh giá này được ông ta viết vào giữa năm 1979, trong khi ông ta ở Bắc Kinh với tư cách là khách mời của Chính phủ Trung Quốc, lời lẽ của ông ta càng có trọng lượng lớn hơn:

“Ngày 17/4/1975, cái gọi là Campuchia Dân chủ giành chính quyền... Nó đã xử sự như thế nào đối với nước Việt Nam cộng sản, một nước cũng như nó, đã nổi lên như một người chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống Mỹ?

1. Từ năm 1973 trở đi, Khme đỏ đã tàn sát hàng nghìn người Việt Nam bị gán cho tội ‘làm gián điệp’ và làm ‘đội quân thứ năm’ cho Việt cộng. Những Việt kiều còn bị đuổi về Việt Nam.

2. Chúng sát hại một cách ồ ạt những người cộng sản Campuchia thân Việt Nam, kể cả những Khme đỏ nào bị nghi là thân Việt Nam.

3. Chúng ra lệnh cho người Campuchia không được bán cho người Việt Nam bất kỳ cái gì, không được giúp đỡ người Việt Nam bằng bất kỳ cách nào. Và điều này xảy ra vào đỉnh cao của ‘cuộc đấu tranh chung’ chống đế quốc Mỹ và tay sai của chúng ở Sài Gòn và Phnom Penh.

4. Sau khi ký Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973, Khme đỏ đã ra lệnh cho tất cả các lực lượng Việt Nam (Bắc Việt và Việt Cộng) đóng ở Campuchia phải triệt thoái các căn cứ và đường vận chuyển của mình, rời khỏi Campuchia. Bằng cách đó, các đơn vị Khme đỏ muốn ‘trừng phạt’ các đơn vị Việt Nam vì Chính phủ của họ đã ‘phản bội sự nghiệp chung’.

5. Sau chiến thắng ngày 17/4/1975, Khme đỏ ra sức chiếm lấy những vùng đất trước đây thuộc Khme Krom, phạm những hành động tàn ác khủng khiếp giết hại rất nhiều dân thường Việt Nam (kể cả người già, phụ nữ và trẻ em). Các nhà báo phương Tây sau đó đã xác nhận tại chỗ ở Nam Việt Nam những hành động này.

6. Chính phủ PolPot khước từ mọi đề nghị về một giải pháp hòa bình do Chính phủ Hà Nội liên tục nêu ra, đặc biệt đề nghị ngày 5/2/1978 (khi đó, sau khi loại trừ mối đe dọa trực tiếp của Khme đỏ đối với biên giới của mình, Ban lãnh đạo Hà Nội đề nghị rút các lực lượng vũ trang của cả hai bên ra khỏi đường biên giới được hai bên công nhận, với sự giám sát chung hoặc giám sát quốc tế ở khu phi quân sự đã được thiết lập, đồng thời tiến hành các cuộc hội đàm cao cấp ở Phnom Penh, Hà Nội hoặc bất kỳ nơi nào khác mà hai bên cùng thỏa thuận, nhằm giải quyết vấn đề biên giới và các vấn đề khác – TG).

7. Chế độ PolPot ngoan cố không chịu sử dụng vai trò của Norodom Sihanuc, người mà theo ý kiến của ngay cả Cộng hòa Nhân dân Trung hoa, có vẻ là người duy nhất có khả năng ‘trị được người Việt Nam’ và làm cho họ tôn trọng đường biên giới trên đất liền, trên biển và chủ quyền của Campuchia.”[\[102\]](#)

8. Chính sách diệt chủng, tàn sát, lao động khổ sai, nô dịch, trại tập trung, thanh trừng về chính trị do các nhà lãnh đạo Khme đỏ tiến hành chống lại chính dân tộc mình, thậm chí chống lại chính những người đã ủng hộ mình, đã làm cho cả thế giới phải kinh hoàng và ngày càng làm cho ‘Campuchia dân chủ’ bị cô lập tuyệt đối hơn.”[\[103\]](#)

Lúc đầu, thật khó mà tin nổi những bản báo cáo về những hành động tàn bạo không kể xiết của quân Khme đỏ trong các cuộc tấn công của chúng qua biên giới vào Việt Nam và Thái Lan. Suốt một thời gian dài – thậm chí quá u là dài – nhà đương cục Việt Nam không lên tiếng về những điều đang diễn ra ở vùng biên cương của họ. Nếu như những người khách du lịch có bắt gặp một bằng chứng nào đó – một xóm quê bị đốt trụi, những đoàn xe bò kéo đưa những người nông dân Việt Nam rút khỏi làng xóm biên giới của mình vào sâu trong nội địa, những tiếng súng nổ từ nơi xa – thì lời giải thích chính thức thường là một câu nói mập mờ về “những đơn vị quân Khme đỏ địa phương vô kỷ luật” nào đó. Người ta có cảm giác là, vì Ban Lãnh đạo Khme đỏ không kiểm soát chặt chẽ được lính của họ ở một số nơi, nên tình hình xảy ra không phải là chính sách chính thức của Khme đỏ.

Nhà đương cục Thái Lan thì không chịu im lặng như vậy. Họ cho công bố đầy đủ mọi chi tiết về những hành động man rợ đối với các làng xóm biên giới của họ và cho phép các nhà báo tới tận nơi để nhìn tận mắt. Bộ Ngoại giao Thái Lan đã cho công bố Sách trắng về những sự kiện này và đã gửi công hàm phản đối chính thức tới Chính phủ Campuchia Dân chủ về một vụ đặc biệt tàn ác xảy ra ngày 28/1/1977 tại 3 làng biên giới của Thái Lan. Trong tài liệu do Phái đoàn Thường trực của Thái Lan tại Liên hợp quốc công bố ngày 3/2/1977, có những đoạn sau:

1. Ngày 28/1/1977, vào khoảng 2 giờ sáng, chừng 300 lính Campuchia có vũ trang đã thâm nhập lãnh thổ Thái Lan và tấn công các làng Ban Noong Đô, Ban Klông Kô và Ban Nọi Parai nằm bên trong lãnh thổ Thái Lan.

2. Các lực lượng Campuchia, sử dụng những loại vũ khí tàn sát, đã càn quét 3 làng này mà không hề báo trước vào giữa đêm khuya. Tất cả những người chứng kiến hiện trường sau cuộc tấn công đều choáng váng trước mức độ dã man chưa từng có của các lực lượng Khme đỏ tấn công vào những làng xóm Thái Lan không hề được vũ trang. Dưới đây là những số liệu ban đầu mới thu thập được thương vong và thiệt hại:

Tại Ban Noong Đô: 21 người Thái bị giết, trong đó có một phụ nữ có thai. Thiếu nhi và trẻ sơ sinh bị chém giết man rợ. Tất cả nhà cửa đều bị đốt trụi.

Tại Ban Klông Kô: 9 người Thái bị giết, tất cả nhà cửa đều bị đốt trụi.

Tại Ban Noiparai, toàn bộ 200 dân làng bị buộc phải bỏ nhà và rất nhiều người bị trọng thương.

3. Chính phủ Thái Lan xin chuyển tới Chính phủ Campuchia dân chủ sự phản kháng mạnh mẽ đối với những hành động tàn ác dã man trên đây, có đó là một sự vi phạm trắng trợn chủ quyền dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ của Thái Lan, cũng như trái với Thông cáo chung Thái Lan – Campuchia ngày 31/10/1975, mà Thái Lan vẫn tôn trọng triệt để. Chính phủ Thái Lan cho rằng đây là một hành động vô nhân đạo và là sự vi phạm nghiêm trọng đến luật văn minh quốc tế và luân thường đạo lý...”

So với tài liệu công bố tại Liên hợp quốc, công hàm phản đối đầy đủ có thêm những chi tiết sau:

“Bọn sát nhân này không chỉ bắn chết bất kỳ người nào mà chúng trông thấy kể cả những phụ nữ không tấc sắt trong tay. Chúng băm nát thân hình, cắt cổ trẻ sơ sinh và thiếu nhi. Trước khi bị đánh đuổi trở lại bên kia biên giới, bọn sát nhân Khme đỏ còn cố gắng đốt trụi hoa màu và giết sạch súc vật đang làm tròn sứ mệnh khát máu của chúng...”

Bức công hàm này còn trích dẫn những báo cáo tại chỗ của các phóng viên tờ *Thời báo, Tuần tin tức* và các báo khác. Dưới đây là đoạn trích trong tờ *Tuần báo*, dẫn lời kể của một nông dân Thái Lan có vợ và 5 con trong số 8 người con bị giết.

“Một tên lính Khme đỏ bắn xuyên qua vai phải vợ tôi, giật thẳng bé mới 1 tháng tuổi khỏi tay vợ tôi và cắt cổ nó. Gần như mọi trường hợp, nạn nhân đều bị cắt cổ bằng dao có lưỡi mề như lưỡi cưa”.[\[104\]](#)

Công hàm trả lời của Khme đỏ đề ngày 11/2/1977 không phủ nhận những tội ác này. Tuy

nhân, nó tuyên bố rằng 3 làng đó nằm trong lãnh thổ Campuchia và rằng lời phản kháng của Thái Lan chính là “một hành động can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia”, vì Campuchia có “toàn quyền sắp đặt lại công việc nội bộ của mình!” Sự bất bình chính thức hoàn toàn chính đáng của Thái Lan khi đó khác hẳn với chính sách sau này của Thái Lan cấu kết và che chở cho bọn tàn quân Khme đỏ chạy trốn tới những vùng biên giới Campuchia – Thái Lan và tiếp tục tồn tại nhờ sự che chở của Thái Lan và sự ủng hộ về hậu cần của Trung Quốc – Thái Lan.

Việc chính phủ Thái Lan cho rằng, những hành vi tàn bạo đối với những dân làng của mình là đáng kinh hoàng tới mức phải cho công bố một cuốn “Sách trắng” về vấn đề này, tự nó nói lên tất cả. Nhưng những điều đã xảy ra với các làng xóm biên giới Thái Lan chỉ là rất nhỏ nếu đem so sánh với những tội ác đối với các làng quê biên giới của Việt Nam, mà công chúng thế giới hầu như không biết một tí gì. Sự im lặng chịu đựng kiên trì quá lâu đó đã bị kẻ thù của Việt Nam lợi dụng và đã gây nhiều lúng túng cho bạn bè của Việt Nam.

Phải tới tận ngày 6/1/1978, 6 ngày sau khi Ban Lãnh đạo Khme đỏ công bố “Lời tuyên bố gửi bạn bè” nhằm tố cáo điều trong thực tế là một cuộc phản công của Việt Nam; Vụ Báo chí của Hà Nội thu xếp cho các nhà báo nước ngoài tới thăm hiện trường của một trong những cuộc tàn sát. Nhưng khi đó đã là 4 tháng sau khi có cuộc tấn công! Dẫu sao, những người còn sống sót cũng đã cung cấp cho các nhà báo những cứ liệu chi tiết làm cho họ không thể nghi ngờ về những gì đã xảy ra: những đứa trẻ bị xé đôi, phụ nữ có thai bị mổ bụng, đầu, tay và chân bị chặt rời, gan bị moi ra bị nướng và bị ăn. Những gậy sắt, rìu, dao và gậy gộc, bất kỳ cái gì có thể đập chết người đều được sử dụng. Cuộc tấn công để lại 500 người chết (trong đó có 25 gia đình bị giết sạch), xảy ra ngay lúc nửa đêm ngày 25/9/1977 tại xã Tân Lập huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh, nằm sâu trong lãnh thổ Việt Nam chừng 7km. Lời kể của những người còn sống sót phù hợp với những chi tiết đã nêu trong “Sách trắng” của Bộ Ngoại giao Thái Lan. Cả 5 ấp của xã đều bị đốt trụi. Không có căn cứ quân sự nào ở đó, cũng như ở bất cứ vùng biên giới nào mà tôi đã tới trong các chuyến viếng thăm nhiều nơi của tôi. Những điều đã xảy ra ở Tân Lập và vô số làng xã khác dọc biên giới Nam Việt Nam với Campuchia, nhất là trong các năm 1977 và 1978, là một cuộc truy hoan của bọn ác quỷ khó có gì sánh được trong thời đại ngày nay.

Theo đánh giá của Việt Nam, có minh họa bằng bản đồ quân sự thể hiện sơ đồ bố trí các đơn vị quân Khme đỏ, thì vào thời gian xảy ra vụ thảm sát Tân Lập, dọc theo biên giới dài 240km giữa Tây Ninh và Xvây riêng luôn có 3 sư đoàn Khme đỏ hoạt động, ở một số nơi chúng thâm nhập vào sâu tới 10km bên trong lãnh thổ Việt Nam. Trong những cuộc tấn công đó, khoảng 1.000 người Việt Nam đã bị giết hoặc bị thương và ít nhất bằng ấy người đã bị bắt về phía bên kia biên giới. Khi tôi thăm Tây Ninh hồi tháng 12/1978, tôi được ông Huỳnh Văn Luận, cán bộ Ủy ban Nhân dân tỉnh cho biết là từ tháng 9/1977 đến tháng 11/1978, hơn 2.000 người Việt Nam đã bị giết trong các cuộc tấn công qua biên giới và 71 nghìn người đã phải sơ tán khỏi các làng xã biên giới, bỏ lại khoảng 37 nghìn mẫu Anh đất trồng trọt (1 mẫu Anh bằng khoảng 0,4 ha – ND). Có một lần, khi ông Huỳnh Văn Luận và tôi đang đi dọc theo Quốc lộ số 22 qua huyện Tân Biên, chúng tôi bị ăn một trận pháo kích từ phía Campuchia bắn sang. May mắn thay, chúng tôi vừa phanh xe dừng lại theo đề nghị của tôi để phỏng vấn mấy nông dân ở ấp Trà Ròng nhỏ bé đã bị bọn biệt kích Khme đỏ đốt trụi trước đó vài đêm. Viên đạn pháo đầu tiên nhằm vào chiếc commăngca của chúng tôi, rơi xuống mặt đường vào đúng nơi mà đáng ra xe đã đi đến nếu như chúng tôi không đột ngột dừng lại.

Mặc dù bọn ăn cướp ở Trà Ròng đã bị dân quân tự vệ địa phương đánh đuổi trước khi chúng có thể gây ra cuộc thảm sát như ở Tân Lập, cũng còn có đủ người thoát chết trong những cuộc tấn công trước đó vào tỉnh Tây Ninh để mô tả những cuộc truy hoan bằng chém giết và những cuộc tàn sát không kém gì ở Tân Lập. Người ta kể lại rằng, trong tất cả các vụ tàn sát, bọn sát nhân với dao đâm, rìu chặt, búa bổ, giành nhau về thao tác kỹ thuật đao phủ, chính là những gã thanh thiếu niên giết người với nụ cười rộng nở trên khuôn mặt. Lời mô tả này phù hợp với ghi nhận của nhiều nhà báo nước ngoài về tuổi đời quá trẻ của bọn lính PolPot, đặc biệt là trong các “đơn vị tiên phong”.

Trong số những vụ thảm sát khủng khiếp nhất mà quân Khme đỏ đã gây ra ở Việt Nam, có

một số xảy ra ở tỉnh An Giang thuộc đồng bằng sông Mê Kông^[105] từ ngày 14 đến ngày 18/4/1978. Sau khi tới thăm vùng này đầu tháng 12/1980, tôi đã có thể hình dung lại những gì đã diễn ra ở thôn Ba Chúc. Ba Chúc nằm ở vùng Bảy Núi thuộc tỉnh An Giang, có biên giới chung với tỉnh Takeo của Campuchia. Ngày 14/5/1978, hai sư đoàn Khme đỏ, xuất phát từ căn cứ ở dãy núi Voi (dãy núi này chạy thoải thoải vài km theo đường biên giới Việt Nam – Campuchia), đến đánh chiếm vùng này. Chúng bao vây thôn Ba Chúc và tàn sát bất cứ ai mà chúng bắt được. Tôi đã nói chuyện với chị Hà Thị Nga, một phụ nữ có nét mặt bị thảm tới mức không thể tưởng tượng được.

“Vào khoảng nửa đêm, chúng tôi được tin bọn PolPot đã kéo đến. Đây chẳng phải là lần đầu tiên, vì thế mọi người chạy trốn tứ phía. Tên chỉ huy Khme đỏ dùng loa phóng thanh ra lệnh cho tất cả mọi người tập hợp tại chùa Phi Lai để nghe hắn nói chuyện. Ai không tuân lệnh sẽ bị giết. Nhiều người rời nơi ẩn náu và đến chùa. Hầu hết bị bắn chết ở đó, trẻ em thì bị đập chết. Chồng tôi và 6 đứa con tôi bị giết, còn tôi và một số chị em khác bị đưa đến một nơi khác gần biên giới. Tại đó, tất cả chúng tôi đều bị bắn vào lúc 8 giờ sáng ngày 18. Tôi vờ chết và nằm dưới đồng xác người cho tới tận đêm. Trong số khoảng 100 người họ hàng của tôi, chỉ còn 3 anh chị họ tôi là sống sót”.

Tại chùa Phật Phi Lai, vị sư sống sót Di Vạn Hạnh với chòm râu thưa và đôi mắt sắc cho biết rằng ông không có mặt ở Ba Chúc tuần lễ ấy, nhưng vợ và ba con ông đều bị giết rồi. Ông chỉ cho tôi xem những vết máu trên tường nhà chùa và cả nền chùa “đẫm máu” (theo lời ông kể) khi Khme đỏ rút đi. Trên cột, trên tường nhà chùa vẫn còn những dấu tay đẫm máu của những đứa trẻ đã bị sát hại ở đó.

Trong số những người thoát chết một cách kỳ lạ, có một cô gái – cô Nguyễn Thị Ngọc Huệ; khi cuộc tấn công xảy ra, cô mới 21 tuổi. Cô bị bỏ lại, vì bị coi là đã chết, trong một đồng xác người, trong đó có cả cha mẹ và 2 chị cô. Cuộc tàn sát này diễn ra vào giữa trưa ngày 16/4 và chỉ là một trong nhiều cuộc tàn sát có từ 60–100 người bị giết mỗi cuộc. Cô kể lại:

“Khi biết tin quân PolPot đến, cha tôi chạy vội ra chùa để khẩn vái. Nhiều người đã đến đó rồi và đang khẩn vái. Quân lính vào chùa, hỏi xem ai là sư trụ trì. Chúng ra lệnh cho cụ gọi tất cả bốn đạo rời khỏi nơi ẩn nấp về xếp hàng ở mấy thửa ruộng gần đó. Một ông già xuống sông uống nước. Chúng đá mạnh vào lưng ông làm ông té xuống sông và chết đuối. Tội Khme đỏ ồ lên cười. Rồi chúng chia đàn ông, đàn bà và trẻ em thành từng nhóm và bắt đầu bắn. Cha tôi chết ngay tại chỗ. Tôi cũng bị trúng đạn ngã xuống và bị những người khác đè lên (một viên đạn xuyên từ dưới vai phải lên trên ngực phải cô. Một viên khác làm trớt da đầu cô – TG). Tôi chắc chết. Nhưng sau khi mặt trời lặn, tôi tỉnh lại và cùng một chị nữa trầy trật chui ra khỏi đồng xác người, rồi đi trốn, cho tới khi quân ta đến và Khme đỏ rút đi”.

Trong số các cán bộ của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, tôi vui mừng được gặp lại ông Hồ Duy Kế, một người bạn cũ ở huyện Củ Chi thuộc Sài Gòn mà tôi đã gặp trong chuyến đầu tiên tới thăm vùng giải phóng hồi cuối năm 1963 đầu năm 1964. Cùng đi với ông, có ông Nguyễn Văn Úc, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Ba Chúc. Các ông cho biết trong số 1,5 triệu dân ở An Giang, có khoảng 75% là người Việt gốc Khme. Mục đích của những cuộc tấn công như cuộc tấn công vào Ba Chúc là thanh toán triệt để người Việt, kích động người gốc Khme vùng lên và tuyên bố An Giang là tỉnh thứ 19 của Campuchia.

Cuộc tấn công vào Ba Chúc tháng 4/1978 chỉ là một trong số nhiều cuộc tấn công nhằm vào tỉnh An Giang, bắt đầu từ ngày 5/3/1975. Người ta ước tính rằng, chỉ riêng trong cuộc tấn công vào Ba Chúc, ít nhất cũng có 2.500 người bị giết; khi tôi tới thăm, người ta đã tìm thấy đầu lâu và xương của hơn 2.000 người. Nhưng vùng Bảy Núi có nhiều hang động và dân làng đã chạy vào đó ẩn náu; bọn Khme đỏ đuổi theo và dùng lựu đạn giết sạch. Cha mẹ phải bịt miệng con đến ngạt thở để tiếng khóc của các cháu không làm lộ nơi ẩn náu của nhiều người. Toàn bộ nhiều ấp đã bị giết sạch tới sinh mạng cuối cùng.

Trong cuộc hành quân này, 20 nghìn người gốc Khme (Khme Krom) đã bị lừa về Campuchia. Được biết rằng 4.000 người đã bị giết hoặc bị chết vì đói khát và ốm đau, 2.000 người đã trốn trở lại Việt Nam. Không biết số phận những người còn lại ra sao. Một khi đã qua biên giới vào

đất Campuchia, những người già cả bị tập trung vào những khu vực đặc biệt với chế độ ăn uống chết đói, không có thuốc men gì cả. Những người còn lại bị chia nhóm tùy theo họ được coi là có khả năng quân sự hay khả năng lao động. Những ai chống lại đều bị giết ngay tức khắc. Những người chạy thoát trong số những người bị bắt qua biên giới cũng như những người sống sót qua vụ thảm sát Ba Chúc, đều nhất trí với nhau khi mô tả niềm hoan lạc của bọn trẻ, hẳn chưa đến tuổi hai mươi, khi thực thi việc chém giết của chúng.

Ông Hồ Duy Kế, người đã hỏi cung một số tên tù binh, kể rằng chúng đã được tôi luyện, rèn đúc để tin rằng giết được “nhiều người Việt Nam” là con đường chắc chắn để được thăng quan tiến chức trong các lực lượng Kme đỏ.

“Chúng được giáo dục để tin rằng bị Việt Nam bắt có nghĩa là chết, song chúng biết rằng rút lui cũng có nghĩa là chết. Chúng có thể chém giết, hãm hiếp, cướp bóc mặc lòng – làm gì cũng được miễn là đừng rút lui; rút lui có nghĩa là chết, đối với cả gia đình chúng lẫn bản thân chúng. Những thao tác ‘giết hàng loạt’ và nhiều khả năng sáng tạo ra các trò man rợ, đặc biệt là việc nhanh chóng giết được nhiều người mà không tốn đạn và lựu đạn, đều được khen thưởng. Sau mỗi ngày hoạt động, đều có các cuộc họp ‘sơ kết’ nhằm trao đổi kinh nghiệm giết người với ‘giá thành thấp’. Những tên có phương pháp giết người đã man nhất thì được bộ chỉ huy Khme đỏ khen ngợi nhiều nhất và được tuyên dương để làm gương cho những tên khác trong đơn vị đua theo”.

Ông Phạm Văn Ba, Bí thư Đảng bộ Đảng Cộng sản trong đó có PolPot tham gia sinh hoạt hồi năm 1954 và về sau là Đại sứ đầu tiên của Việt Nam tại Campuchia của Khme đỏ, kể cho tôi rằng trong những cuộc tiếp xúc chính thức định kỳ với PolPot trong quãng thời gian năm 1975–1977, PolPot thường cho “những sự cố” trên biên giới là “những sai sót đáng tiếc” do “có địch trà trộn trong hàng ngũ chúng tôi” hoặc do lính của hắn ta dốt nát trong những vấn đề như địa hình học hoặc kỹ năng xem bản đồ. Ông Phạm Văn Ba nêu ví dụ cụ thể về một cuộc gặp gỡ ngày 2/9/1977 giữa ông và PolPot, Iêng Xari và Nuôn Chia. “Trong khi trao đổi ý kiến với nhau, về mặt thể thức nghi lễ, PolPot thường phát biểu với tôi bằng một giọng lễ độ vì tôi nguyên là bí thư chi bộ của hắn. Nhưng trong thực tế, hắn vi phạm tất cả những quy tắc mà đáng ra các đồng chí đảng viên với nhau phải tôn trọng”. Nhắc tới mức độ nghiêm trọng ngày càng tăng của các sự cố trên biên giới, ông Phạm Văn Ba kể cho tôi rằng, cuộc đối thoại ngắn ngủi giữa ông và PolPot đã diễn ra như sau:

– Phạm Văn Ba: Việt Nam không hề có ý định đô hộ, xâm lược hoặc duy trì bất kỳ sự có mặt nào của mình ở Campuchia. Chúng tôi muốn Campuchia là một người bạn của Việt Nam. Chúng tôi vẫn còn phải tính đến chủ nghĩa đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác muốn nuốt chửng chúng tôi. Chính vì thế, chúng tôi muốn rằng ở hậu phương, chúng tôi phải có bạn, chứ không phải thù. Chúng tôi chỉ muốn Campuchia là bạn mà thôi.

– PolPot: Đồng chí có thực sự tin rằng Campuchia có thể chinh phục hay đô hộ Việt Nam không?

– Phạm Văn Ba: Tôi ghi nhận câu hỏi của đồng chí. Nhưng chúng tôi có bằng chứng về ý đồ của các đồng chí định chiếm đảo Phú Quốc. Chúng tôi có chứng cứ, tư liệu rằng các đồng chí định đánh chiếm Sài Gòn, rằng các đồng chí mơ ước đô hộ Việt Nam.

– PolPot: Những điều đó không phải là lợi ích thực sự của chúng tôi. Vấn đề là trong hàng ngũ của chúng tôi có địch trà trộn vào.

Trước cuộc gặp gỡ này, ông Phạm Văn Ba chỉ được phép tự do đi lại trong vòng 50–100 thước Anh (1 thước Anh = 0,914m) quanh nơi ở của mình, cũng như đại sứ của một nhóm nước khác có mặt ở Phnom Penh (có những trường hợp ngoại lệ đáng chú ý là Trung Quốc và Bắc Triều Tiên: đại sứ hai nước này được đi lại tương đối tự do khi họ muốn). Sau đó, ông Phạm Văn Ba bị quản thúc tại nhà. Sau cuộc phản công của Việt Nam cuối năm 1977, ông bị trục xuất khỏi Campuchia và quan hệ ngoại giao giữa hai nước bị cắt đứt.

Nỗ lực chính của Hà Nội nhằm gạt bỏ nguy cơ đụng đầu toàn cục dường như không thể tránh khỏi là đề nghị 3 điểm vào ngày 5/2/1978. Bản đề nghị viết:

1. Chấm dứt ngay lập tức mọi hoạt động quân sự thù địch trong khu vực biên giới: các lực lượng vũ trang của mỗi bên phải rút vào trong phạm vi lãnh thổ của mình, cách biên giới 5km.

2. Hai bên gặp nhau ngay tức khắc tại Hà Nội, Phnom Penh hoặc một nơi nào đó trên biên giới, để thảo luận và ký kết một hiệp định tôn trọng lẫn nhau và một hiệp định biên giới giữa hai nước.

3. Hai bên cùng đạt tới một thỏa thuận về một hình thức phù hợp của sự bảo đảm và giám sát quốc tế.

Bản sao lời đề nghị này được gửi tới Tổng Thư ký Liên hợp quốc Kuốc Vanhem, tới các chính phủ có đại diện tại Ủy ban Phối hợp Phong trào Không liên kết, khi đó do Xri Lanca (Xâylan) làm chủ tịch. Phnom Penh không trả lời, nhưng ngay sau khi lời đề nghị được đưa ra, từ ngày 9-11/2, tỉnh lỵ Tây Ninh bị pháo kích bằng pháo Trung Quốc cỡ 122mm và 130mm, các huyện lỵ thuộc 3 tỉnh đồng bằng sông Mêkông là Long An, An Giang và Đồng Tháp cũng bị bắn phá.

Tháng 5/1978, Hà Nội đề nghị Liên hợp quốc chỉ định một phái đoàn làm trung gian giải quyết các vấn đề biên giới và các vấn đề lớn khác giữa Việt Nam và Campuchia. Đề nghị này bị Trung Quốc cản phá.

Sau đó, tại Hội nghị các Bộ trưởng Ngoại giao phong trào Không Liên kết họp tại Bengrát tháng 7/1978, – tôi có tham dự Hội nghị này – Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh đã đề nghị ghi vào chương trình nghị sự việc chỉ định một phái đoàn “giúp đỡ” gồm các thành viên không liên kết, làm trung gian cho việc giải quyết các vấn đề bất đồng Việt Nam – Campuchia. Ngoại trưởng Xri Lanca A.C.S Hamít, với tư cách Chủ tịch Phong trào đã sẵn sàng, cũng như Ngoại trưởng Ấn độ A.B Vagiopaiê, Chủ tịch tiểu ban Chính trị, là nơi quyết định chương trình nghị sự. Nhưng Ngoại trưởng Nam tư Giôxíp Vorêvêch, với tư cách đại biểu của nước chủ nhà và chịu áp lực rất mạnh của Trung Quốc – tuy không là thành viên Phong trào Không liên kết nhưng lại hoạt động cực kỳ tích cực ở ngoài hành lang – đã thuyết phục ông Hamít của Xri Lanca rằng đây là một “đề nghị sẽ gây chia rẽ” vì chỉ một trong hai bên xung đột đi tìm kiếm sự trung gian. Cứ ép thông qua đề nghị này – chắc chắn là nó sẽ nhận được sự ủng hộ áp đảo – sẽ là “can thiệp vào công việc nội bộ” của nước Campuchia của PolPot! Bị Xri Lanca ép, Việt Nam đã rút lui đề nghị của mình vì lợi ích của việc “duy trì sự thống nhất của Phong trào Không liên kết”.

Hôm khai mạc hội nghị Bengrát, tôi gặp Milan Macôvích, phụ trách công tác liên lạc với đại biểu nước ngoài và đồng thời là một người bạn của tôi khi tôi còn ở Phnom Penh, lúc đó ông là Đại biện lâm thời của Nam tư ở đó. Câu hỏi đầu tiên của ông là: “Anh có biết cái gì đang diễn ra ở Campuchia không?”, tôi trả lời rằng tôi không biết và chính việc thiếu thông tin đó là đáng lo ngại nhất. Tất cả những đề nghị của tôi được tới thăm [Campuchia – ND] đều bị làm ngơ. Macôvích nói: “Thật kinh khủng, ở phương Tây chúng tôi có điều kiện thuận lợi nhất để biết tình hình, vì chúng tôi luôn có một Sứ quán đóng ở đó. Tất cả bạn bè của hai ta đều bị giết cả rồi”. Rồi ông xòe tay, đếm trên đầu ngón tay, bắt đầu từ Huốt Xambát – người đã từng là Bộ trưởng một số bộ dưới thời Sihanuc và trong khi là Đại sứ của Campuchia tại Liên hợp quốc đã ngay lập tức đứng về phía chính phủ kháng chiến. PolPot sau đó đã chỉ định anh ta làm Đại sứ của Khme đỏ tại Bengrát. “Anh ấy về nước để dự một cái gọi là hội nghị các đại sứ và giống như tất cả những ai tuân lệnh trở về, anh ấy đã bị bắt và bị giết”.

Ông ta hỏi xem tôi có gặp Vítôrôvích, nhà làm phim người Nam tư, người phương Tây duy nhất đã làm một bộ phim ngay trong lòng nước Campuchia của PolPot. Tôi trả lời là tôi đã từng gặp, nhưng từ khi ông ta đến thăm chúng tôi tại nhà riêng ở Campuchia từ nhiều năm trước, tôi không thấy ông ta đâu nữa. Macôvích cho biết có thể Vítôrôvích sẽ tới Hội nghị ngày hôm sau – và ông ta đến thật. Sau khi chào nhau, ông ta hỏi tôi câu đầu tiên: “Anh đã xem phim của tôi chưa?” Tôi chưa xem nhưng vợ tôi, Vétxa – khi đó đang đứng cạnh tôi, trả lời là đã xem trên vô tuyến truyền hình của Pháp. Khi được hỏi cảm tưởng về bộ phim này, Vétxa trả lời: “Đối với ai đã từng sống ở Campuchia thì thật kinh khủng. Bộ mặt tươi cười duy nhất là bộ mặt của PolPot”. Vítôrôvích có vẻ rất mãn nguyện: “Thế là mọi người đã hiểu được hàm ý của tôi – ông ta nói – những gì chúng tôi đã trông thấy còn tồi tệ gấp trăm lần những gì chúng tôi có thể đưa

lên phim ảnh hay những lời bình luận mà tôi có thể viết cho phim”. Rõ ràng là những tính toán ngoại giao đã là một nhân tố ức chế!

Điều hết sức đặc biệt ở Bengrát – rồi tiếp đó ở tại một cuộc họp tháng 2/1979 của Ủy ban phối hợp các nước Không liên kết ở Maputô (Môdambích), và còn đặc biệt hơn nữa tại Hội nghị cấp cao các nước Không liên kết ở La Habana tháng 9/1979 – là Nam Tư đã đi đầu trong việc ngoan cố bảo vệ chế độ PolPot. Về sau, Nam Tư đã tiếp tục làm như vậy tại Liên hợp quốc. Chỉ có thể lý giải việc làm này của nước phương Tây duy nhất có được “thông tin tốt nhất” về Campuchia bằng mối quan hệ thân thiết của Nam Tư với Mỹ, cũng như mối tình hữu nghị mới được xây đắp giữa họ với Trung Quốc.

Chính tại hội nghị Bengrát này, đoàn đại biểu của PolPot đã đề nghị khai trừ Việt Nam khỏi phong trào Không liên kết. Đề nghị này không được một lá phiếu ủng hộ nào, bất chấp những hoạt động hành lang rất tích cực của các nhà ngoại giao và các nhà báo Trung Quốc. Tại phiên bế mạc, khi người ta đang đọc những bài phát biểu có tính chất nghi thức đối với Chủ tịch Phong trào, chúc mừng thành công của Hội nghị, thì phái đoàn PolPot vênh vang bỏ ra ngoài. Iêng Xari – trưởng đoàn Campuchia Dân chủ, người mà tôi từng gặp nhiều lần – từ chối đề nghị phỏng vấn của tôi và khi chúng tôi đi ngang nhau ở hành lang, hắn nhìn tôi trừng trừng như thể tiếc rẻ vì đã không có trong tay một chiếc rìu hay một chiếc xẻng ngắn cán để nện cho tôi một nhát như hắn đã nện cho biết bao “đồng chí” gần gũi nhất của hắn.

XI. Sự dính líu của Trung Quốc

Khi các lực lượng Việt Nam và Hêng Xomrin tràn ngập căn cứ chính của Khme đỏ ở Tà xanh – cách biên giới Thái Lan 10 dặm – hồi cuối tháng 3/1979, họ thu được nguyên vẹn toàn bộ kho lưu trữ của Khme đỏ. Họ đã bắt hụt PolPot và Iêng Xari. Khi bộ đội xông lên, họ còn trông thấy hai tên này đang được khiêng đi trên những chiếc kiệu, với tốc độ rất nhanh về phía biên giới Thái Lan. Iêng Xari cuống cuống bỏ chạy tới nỗi hắn ta bỏ lại cả tấm hộ chiếu Trung Quốc của mình! Trong số những tài liệu lưu trữ được bảo quản một cách cẩn thận trong những ống tre dài, có những tài liệu rất hay cho thấy những hoạt động quân sự phối hợp Trung Quốc – Khme đỏ.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống quân Lon Non, chính người Việt Nam là những người đầu tiên đã được (Campuchia – ND) kêu gọi sang giúp đỡ đào tạo và xây dựng các đơn vị quân sự cho cuộc kháng chiến; chính người Việt Nam đã biết bao lần tới cứu thoát các lực lượng của Khme đỏ; và cũng chính người Việt Nam đã vận chuyển theo “đường mòn Hồ Chí Minh” vũ khí và các đồ tiếp tế khác có tính thiết yếu để tiếp tục cuộc chiến tranh cho Khme đỏ. Thế mà sau ngày 17/4/1975, chính người Trung Quốc là người nắm lấy những hoạt động quân sự và lập tức bắt tay vào việc mở rộng cái mà lúc đó đã trở thành lực lượng vũ trang Khme đỏ (trong khi những người theo Sihanuc và những người khác [thân Việt Nam – BT] đã bị thủ tiêu về mặt thể xác) từ 6 sư đoàn hồi cuối cuộc chiến với Lon Non thành 23 sư đoàn khi Khme đỏ bị lật đổ.

Trong số những tài liệu do PolPot và Iêng Xari bỏ lại, có một bài phát biểu của Phó Tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc, tướng Vương Thượng Vinh, sau khi thảo luận với Xôn xen, tư lệnh danh nghĩa của các lực lượng vũ trang Khme đỏ vào ngày 2/2/1976. Bài này bắt đầu bằng việc nhắc tới những cuộc thương lượng hồi tháng 6/1975, hai tháng sau khi Khme đỏ giành chính quyền ở Phnom Penh và nhắc tới những phái đoàn quân sự từ Bắc Kinh tới Phnom Penh tháng 8 và tháng 10 năm đó “để xem xét tình hình”. Bài nói cũng nhắc tới việc chuyển giao vũ khí năm 1976: “Về vấn đề đó, hai bên đã trao đổi quan điểm trong cuộc đi thăm Bắc Kinh tháng 4/1975 của đồng chí Iêng Xari”. Hai bên thỏa thuận sẽ chuyển sang 13.300 tấn vũ khí, nhưng chỉ mới chuyển được 3.200 tấn do đó còn lại một vạn tấn, “trong đó có 4.000 tấn súng ống, đạn dược và 1.301 xe cộ các loại”.

“Chúng tôi nghĩ rằng – trừ xe hơi, nhiều quá không thể chuyển hết trong tháng 3 được (mỗi chuyến tàu biển của chúng tôi không thể chở quá được 200 chiếc); hàng trăm khẩu pháo 120mm còn phải kiểm tra chất lượng và vấn đề đạn đại bác cỡ 120mm – phần còn lại sẽ được chuyển sang tháng 3. Các đồng chí đã đồng ý gia hạn việc chuyển giao xăng dầu và thùng rỗng,

chúng tôi đang trao đổi vấn đề này với các ngành có trách nhiệm của chúng tôi”.

Tướng Vương Thượng Vinh trình bày cái mà hẳn ta mô tả là một “dự thảo hiệp định tương đối tóm tắt” về nguyên tắc cho việc “tổ chức và tăng cường” lực lượng bộ binh của Campuchia. “Lúc này ta chưa thể đề cập cụ thể tới các quân binh chủng khác do có liên quan tới kiểu loại chất lượng khác nhau và số lượng rất lớn” trang thiết bị. Hẳn ta gợi ý rằng chi tiết của các vấn đề đó nên để Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang hai bên cùng xem xét rồi sẽ phê chuẩn trong một hiệp định riêng rẽ. Bản dự thảo do hẳn ta đề nghị bao gồm việc chuyển giao vũ khí từ năm 1976 tới cuối năm 1978. Bản hiệp định này đề cập tới thời hạn chuyển giao nhiều hơn so với số lượng chuyển giao. Tuy nhiên có một số vấn đề cũng được đề cập rất cụ thể:

“Năm 1976, chúng tôi sẽ ưu tiên chuyển giao trước những trang thiết bị và vũ khí cần thiết cho việc đào tạo cơ bản cán bộ tại chỗ. Số này gồm:

1. Một phần trang thiết bị cho một trung đoàn pháo phòng không, một phần trang thiết bị cho một trung đoàn radar và trang thiết bị cho một sân bay quân sự.

Bốn tàu hộ tống và bốn thuyền cao tốc phóng ngư lôi cho lực lượng hải quân.

Một phần trang thiết bị cho một trung đoàn xe tăng, một phần trang thiết bị cho một trung đoàn liên lạc, một phần trang thiết bị cho ba trung đoàn pháo binh và trang thiết bị cho một tiểu đoàn công binh cầu phao nhằm sử dụng cho lực lượng bộ binh.

Những trang thiết bị và vũ khí sẽ được chuyển giao khác gồm có:

2. Súng phòng không dùng cho lực lượng không quân sẽ được chuyển giao trong năm 1977. Trang thiết bị radar sẽ được chuyển giao trong năm 1977-1978. Máy bay chiến đấu, kể cả máy bay ném bom, sẽ được chuyển giao theo nhịp độ đào tạo các tổ lái máy bay và việc xây dựng các trường bay mới. Phần trang thiết bị sân bay khác sẽ được chuyển giao tùy theo tiến độ xây dựng sân bay mới. Đối với 6 tàu hộ tống hải quân bổ sung, 4 tàu sẽ được chuyển giao trong năm 1977 và 2 tàu trong năm 1978. Đối với 8 thuyền cao tốc phóng ngư lôi bổ sung, trong hai năm 1977-1978, mỗi năm sẽ chuyển giao 4 chiếc.

Trang thiết bị cho 3 trung đoàn pháo mặt đất, trừ đại bác 130mm, sẽ được chuyển giao từ đầu năm 1977, các trang thiết bị khác sẽ được chuyển giao trong 6 tháng cuối năm 1976. Trang thiết bị cho trung đoàn xe tăng sẽ được chuyển giao dần trong năm 1977-1978. Trang thiết bị và vũ khí cho trung đoàn thông tin liên lạc sẽ được chuyển giao trong năm 1977. 300km dây thông tin sẽ được chuyển giao trong năm 1976, như vậy là còn 1.000km nữa. Đề nghị các đồng chí nêu đề nghị cụ thể về vấn đề này để chúng tôi có thu xếp đáp ứng thích hợp...

3. Về thủ tục và phương thức vận chuyển: phần lớn trang thiết bị sẽ được vận chuyển bằng đường biển và bốc dỡ tại cảng Sihanucvin (Côngpông Xom). Máy bay sẽ được tháo rời và cho vào container để vận chuyển, sẽ lắp ráp tại Campuchia. Tàu ngầm và tàu chở dầu có thể chạy thẳng tới Campuchia, nhưng vấn đề tương đối phức tạp là làm thế nào để bảo đảm việc đi lại trên biển và an ninh cho tàu – những vấn đề cụ thể của vấn đề này phải được thảo luận sau này”.

Hầu hết phần còn lại của tài liệu này đề cập đến những chi tiết kỹ thuật, trong đó có sự khó khăn đối với người Trung Quốc trong việc chuẩn bị văn bản bằng tiếng Campuchia cũng như bằng tiếng Hoa. Ngay việc dùng tiếng Pháp cũng gặp khó khăn. “Có lẽ làm văn bản bằng tiếng Hoa là đủ rồi. Nếu các đồng chí thấy có thể dùng tiếng Anh thay cho Pháp hay tiếng Khme, chúng tôi có thể đáp ứng yêu cầu của các đồng chí”.

Vương Thượng Vinh còn nêu lên vấn đề cố vấn kỹ thuật. Hẳn ta nêu ra một con số ước tính khá khiêm tốn: số chuyên viên kỹ thuật cần thiết dùng cho các ngành khác nhau, kể cả phi công và nhân viên bảo dưỡng trong công tác vận chuyển hàng không, là 500 người – đầu tiên hãy thế đã. Cần có khoảng 600 người để đào tạo cán bộ ngành hàng không và hàng hải cho Khme đỏ. Chúng tôi tới Campuchia vừa để giúp đỡ các đồng chí, vừa để học hỏi các đồng chí. Nhưng chúng tôi cho rằng số người sang sẽ tăng dần lên. Về lâu dài, sẽ khó mà tránh được vấn đề này vấn đề kia nảy sinh từ tình hình đó”.

Vương Thượng Vinh gợi ý rằng trong năm 1976, Campuchia nên cử 471 người sang Trung Quốc để đào tạo về hàng không và 157 người sang đào tạo về hàng hải, “việc tuyển lựa và thời hạn sẽ trao đổi sau”. Về 5 công trình quân sự lớn do người Trung Quốc xây dựng, hắn nói:

“Chính phủ chúng tôi đã đồng ý đảm nhận việc xây mới một căn cứ hải quân, một sân bay, một kho vũ khí, mở rộng một xưởng sửa chữa vũ khí và mở rộng cảng Kép. Vì đây là những công trình cần được cung cấp những loại trang thiết bị đồng bộ của chúng tôi, nên Bộ Ngoại thương sẽ chịu trách nhiệm về những công trình này. Quy mô và lịch trình chính xác hoàn thành các công trình này sẽ được thảo luận với các đồng chí sau khi xem xét, nghiên cứu tổng quát. Xin các đồng chí cho biết khi nào thì cán bộ khảo sát và thiết kế có thể tới Campuchia được”.

Tướng Vương nói rằng Trung Quốc cũng đã đồng ý gửi nhân viên kỹ thuật và những phụ tùng thay thế cần thiết để tu sửa những trang thiết bị quân sự thu được của quân Lon Non.

Viên tướng này cũng lưu ý tới một vấn đề lớn trong việc thực hiện chương trình viện trợ quân sự: thiếu người Campuchia làm phiên dịch tiếng Hoa:

“Năm 1976 chúng tôi cần hơn 100 phiên dịch cho các cán bộ kỹ thuật, khảo sát và thiết kế và cả cho sinh viên sẽ đi đào tạo ở Trung Quốc nữa. Thế mà cho tới nay chúng tôi mới chỉ có 10 người. Chúng tôi hy vọng các đồng chí sẽ cố gắng giải quyết một phần vấn đề này”.

Hắn Xôn Xen sẽ phải hết sức bối rối khi giải thích rằng các sinh viên nói tiếng Hoa đã không được miễn trừ trong cuộc tổng tàn sát trí thức – đứng hàng ưu tiên bị giết là những ai biết nói tiếng nước ngoài kia mà – thậm chí dù đó là tiếng Hoa!

Một bản phụ lục kèm theo liệt kê những chủng loại và số lượng vũ khí, đạn dược sẽ được chuyển giao từ năm 1976–1978. Ví dụ, một trung đoàn xe tăng sẽ có 72 xe tăng hạng nhẹ (kiểu 62) và 32 xe tăng lội nước (kiểu 63). Vũ khí cho ba trung đoàn pháo sẽ có mỗi trung đoàn 36 khẩu pháo 130mm và 85mm, cối 122mm và 18 khẩu pháo cao xạ 37mm hai nòng. Mọi thứ đều được nêu ra một cách chi tiết cẩn thận nhất. Ví dụ, Trung Quốc đang chuyển 10.058 quả đạn cho pháo 85mm gắn trên xe tăng. Trang thiết bị cho một trung đoàn thông tin gồm 459 máy vô tuyến điện, 2.203 máy điện báo dã chiến, 910km dây thông tin các loại và 1.300 bộ ăngten. Phần chuyển giao cho lực lượng không quân gồm có 30 máy bay chiến đấu (mẫu 6) cùng 6 nhân viên huấn luyện phi công lái máy bay chiến đấu và 17 máy bay ném bom cùng 3 nhân viên huấn luyện phi công lái máy bay ném bom.

Tất cả những trang thiết bị quân sự này đều được cung cấp trên cơ sở viện trợ không hoàn lại. Việc bản phụ lục nêu cụ thể vấn đề này khi nói đến số hàng chuyển giao này cho thấy một cách kín đáo rằng, những công trình xây dựng lớn – căn cứ hải quân, sân bay, kho vũ khí và các công trình khác với các chi tiết phải thảo luận với Bộ Ngoại thương – phải được thực hiện trên cơ sở mua bán giữa hai nước, có hoàn lại.

Rõ ràng Khme đỏ đang thực hiện một chính sách “súng trước gạo” bất chấp những báo cáo quần lòng về tình trạng chết đói ở khắp các tỉnh gửi về. Những người nông dân ở các hợp tác xã chẳng bao giờ sờ được tay vào hạt lúa mà họ phải quần quật trồng cấy nên. Người ta đưa lúa đi đến những kho chứa, rồi nửa đêm chất lên ô tô, chất xuống xà lan chở đi đâu ai mà biết được! Theo đoạn trích từ một tài liệu về kế hoạch kinh tế 4 năm của Khme đỏ từ năm 1977–1980, dự kiến phải xuất khẩu từ 3–3,5 triệu tấn gạo. như vậy, từ năm 1977 phải bắt đầu xuất 400 nghìn tấn gạo rồi đến 1980 thì tăng lên tới 1,1–1,3 triệu tấn gạo. Vì những số liệu sản xuất gạo trung bình thường được tính theo mức của những năm 1960 trước chiến tranh tương đối được mùa – khoảng 2,5 triệu tấn một năm, nên những chỉ tiêu xuất khẩu trên đây là quá lớn và giải thích khá nhiều cho tình hình đói kém lan tràn từ năm 1975 trở đi. Mặc dù bản báo cáo cụ thể này (ngày 22/12/1976) không nêu rõ gạo được xuất khẩu cho nước nào, nhưng rõ ràng nước đó phải là Trung Quốc, bạn hàng thương mại có ảnh hưởng duy nhất khi đó của Campuchia.

Vì sao Khme đỏ thực hiện chính sách “súng trước gạo”? Iêng Xari đã từng giải thích như sau: “Với khoản hoa lợi do nông nghiệp đem lại, chúng ta đang xây dựng công nghiệp có nhiệm vụ phục vụ công cuộc phát triển nông nghiệp”.^[106] Đây đúng chỉ là một trong những lời đại bịp!

Có công nghiệp nào được xây dựng đâu. Những công trình công nghiệp đó – những xưởng sản xuất vũ khí và những xưởng sửa chữa vũ khí Khme đỏ thu được – chắc chắn không để phục vụ nông nghiệp. Vì sao lại đi xây dựng một căn cứ hải quân, một sân bay quân sự trong khi còn có những nhiệm vụ cấp bách như nhiệm vụ xây dựng lại kinh tế? (đã bị chiến tranh tàn phá – BT).

Có thể thấy một phần nguyên nhân căn bản trong một đoạn trích dẫn từ biên bản một cuộc gặp gỡ cấp cao, giữa các nhà lãnh đạo Trung Quốc với các nhà lãnh đạo Campuchia ở Bắc Kinh ngày 29/9/1977. Tham dự cuộc gặp gỡ, về phía Trung Quốc có Chủ tịch Hoa Quốc Phong, các Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Cảnh Tiêu và Thứ trưởng Ngoại giao Hàn Niệm Long – “cổ trọng pháo” của ban lãnh đạo khi đó. Về phía Campuchia có: PolPot, Iêng xari và “Von Vet” (mật danh của Xon Xen). Đoạn trích dẫn trong báo cáo của PolPot, theo tài liệu thu được ở căn cứ Tà Xanh, viết:

“Nếu cách mạng ở Đông Nam Á nhân cơ hội này tăng cường thể tấn công, thì tình hình sẽ được cải thiện và chúng ta sẽ giải quyết được những vấn đề của chúng ta. Chúng tôi đã trao đổi và thống nhất quan điểm với bạn bè ở Miến Điện, Malaixia, Indonexia và Thái Lan.^[107] Đó sẽ là một thắng lợi rất lớn về mặt chính trị. Dù cho về chi tiết vẫn còn một số vấn đề phức tạp, nhưng ở phía bắc, chúng tôi có sự ủng hộ của các bạn Trung Quốc. Ở Đông Nam Á, giữa chúng ta với bạn bè có sự nhất trí. Phương diện có tính chiến lược này là động lực thúc đẩy chúng ta”.

Vậy còn phải vũ trang chống lại ai? Campuchia có biên giới chung với 3 nước: Thái Lan, Lào và Việt Nam. Hiển nhiên PolPot chẳng lo lắng gì về Thái Lan; hẳn ta cũng khó có thể phải bận tâm tới Lào với dân số chưa đến 3 triệu! Toàn bộ trọng tâm bản báo cáo của hẳn hướng vào tầm quan trọng của việc giành được thể chủ động và điều này trùng hợp với một thời kỳ mà các lực lượng Khme đỏ đang tấn công vào sâu lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới. Hẳn ta nói bóng gió vẫn tắt đến vấn đề này:

“Đối với Việt Nam, chúng ta đã tiến hành tương đối nhiều cuộc thương lượng nhưng đều vô ích và người ta chẳng biết đến thế kỷ nào mới giải quyết được các vấn đề ấy... Nếu như trước đây, tôi đã từng cảm thấy thoải mái thì hôm nay đây, tôi lại còn cảm thấy thoải mái hơn với việc các bạn Trung Quốc ở bên cạnh chúng ta...”

Cả Trung Quốc lẫn Campuchia đều biết rằng trong việc làm này, Mỹ đã “bật đèn xanh” cho chúng. Trong hồi ký của mình, Henry Kítxinhgiơ để lộ ra rằng tại một bữa cơm thân mật của ông ta với Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Kiều Quán Hoa ở câu lạc bộ Thế kỷ, New York ngày 13/11/1971, hai người đã nhất trí với nhau rằng họ có chung lợi ích trong việc ngăn không cho Campuchia “trở thành một nước chư hầu của Hà Nội”.^[108] Kiều Quán Hoa có mặt ở New York với tư cách là trưởng phái đoàn đại diện Trung Quốc tại Liên hợp quốc. Nói theo ngôn ngữ ngoại giao, trong tình hình quan hệ Mỹ - Trung khi đó, cái “lợi ích chung” này chỉ có thể có nghĩa là cấu kết để phá vỡ mối quan hệ giữa Việt Nam với Campuchia. Tất nhiên Kítxinhgiơ đang làm động tác thăm dò người Trung Quốc trên cơ sở tìm kiếm một sự nhất trí cụ thể về chiến lược để chính thức hóa khi Níchxơn đi thăm Trung Quốc sau đó vài tháng. Giới lãnh đạo Việt Nam tin rằng những thỏa thuận đạt được trong chuyến thăm viếng đó đã cổ vũ Trung Quốc nam tiến và khả năng của các lực lượng vũ trang Trung Quốc tới đâu sẽ “day cho Việt Nam một bài học đến đó”. Ở tập đoàn PolPot – Iêng Xari, Trung Quốc đã tìm thấy một đồng minh tình nguyện và hăng hái thực hiện nhiệm vụ này.

Việc Khme đỏ không chịu tham gia vào những cuộc thương lượng dẫn tới Hiệp định Paris ngày 27/1/1973, chắc chắn một phần ít nhất là do tác động của việc Bắc Kinh khẳng khái phản đối một giải pháp bằng thương lượng cho cuộc chiến tranh Việt Nam. Từ năm 1967, người Trung Quốc đã đi đầu trong việc chống lại thương lượng dù dưới hình thức nào, thương lượng đều bị coi là “phản bội”. Ngày 27/1/1967, tôi phỏng vấn ông Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Ngoại giao của Bắc Việt Nam. Ông cho biết nếu Mỹ ngừng ném bom Bắc Việt Nam thì các cuộc thương lượng với Mỹ để chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam có thể bắt đầu. Đây là sự khởi đầu của một quá trình dẫn tới các cuộc hội đàm Paris. Nhưng ở Bắc Kinh và ở Đại sứ quán Trung Quốc tại Paris, ông bị công kích là một tên “phản bội” cách mạng Việt Nam vì đã tham gia vào quá trình này.

Trong cuốn “Sách đen”, cuốn sách cẩm nang của Khme đỏ (!) cũng nêu lên quan điểm trên đây, phản đối thương lượng và cho rằng Việt Nam đã không thông báo gì cho họ về tiến trình và kết quả của cuộc thương lượng. Tuy nhiên, ngay trong tài liệu của chúng, người ta vẫn thấy rõ ràng là người Việt Nam vẫn đều đặn thông báo cho ban lãnh đạo Chính phủ Kháng chiến Campuchia về tiến triển của các cuộc thương lượng ở Paris. Người Việt Nam cũng khuyên Campuchia nên thương lượng một giải pháp của chính họ để chấm dứt đổ máu, sẵn sàng giúp đỡ nếu các nhà lãnh đạo kháng chiến Campuchia không muốn đàm phán trực tiếp. Việc coi thái độ trên đây của Việt Nam là “sự phản bội” phản ánh nhận thức chính trị thấp kém và định kiến chống Việt Nam tới mức cuồng dại của ban lãnh đạo PolPot – lêng xari rõ ràng hơn bất kỳ một tình hình thực tế nào khác.

Trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ ghi nhận rằng:

“Rõ ràng một trong những thảm kịch của Hiệp định Paris về Việt Nam (ngày 27/1/1973–TG) là không thống nhất nổi một cuộc ngừng bắn ở Campuchia. Nhưng không còn ai nghi ngờ gì về việc lỗi này nằm ở đâu. Tôi thường xuyên ép Lê Đức Thọ về một cuộc ngừng bắn ở Campuchia, ông ta lấy cớ là ít có ảnh hưởng đối với Khme đỏ”.[\[109\]](#)

Kítxinhgiơ hiển nhiên đang ra sức gỡ bỏ cho Mỹ trách nhiệm đối với các cuộc ném bom tàn ác ở Campuchia bằng B52 từ khi ký Hiệp định Paris ngày 27/1/1973 tới khi Nghị viện (Mỹ – ND) có hành động ngăn chặn vào tháng 8 năm đó. Trong quãng thời gian đó, các máy bay ném bom B52 đã ném xuống Campuchia 240 nghìn tấn bom (trong Thế chiến thứ hai, một lượng bom nhiều gấp rưỡi như vậy đã ném xuống Nhật bản – không kể hai quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima và Nagasaki). Kítxinhgiơ tỏ ra tiếc rằng Nghị viện đã có hành động như vậy, vì như thế là gây trở ngại cho học thuyết “sử dụng sức mạnh” – một yếu tố chủ chốt trong quan điểm ngoại giao của ông ta. Ông ta cũng tự cho rằng ông ta thương lượng vì một cuộc ngừng bắn ở Campuchia, cuộc ngừng bắn đó đáng lý ra đã đưa Sihanuc trở về “vai trò giữ thăng bằng” như trước năm 1970 của ông ta – một việc mà trước kia Mỹ đã cố hết sức để phá hoại.

“Tài liệu này cho thấy rằng (tôi sẽ nêu rõ vấn đề này trong tập 2) chúng ta đã chuẩn bị sẵn sàng, thực sự nóng lòng, cho Sihanuc trở lại dưới những điều kiện đó và rằng một cuộc thương lượng đang bắt đầu. Chính việc Nghị viện ra lệnh tạm ngừng các cuộc ném bom hồi giữa năm 1973 đã làm chấm dứt cuộc thương lượng đó. Khi ấy, nắm chắc phần thắng, Khme đỏ chẳng còn lợi ích gì trong việc thương lượng nữa – và vai trò giữ thăng bằng của Sihanuc đã đến lúc cáo chung”.[\[110\]](#)

Lời lẽ của Khme đỏ trong “Sách đen” cho chúng ta thấy rõ ràng là người Việt Nam biết rằng sẽ có các cuộc ném bom bằng B52 (ở Campuchia – ND) cũng như việc họ đã từng biết trước và dồn sức sẵn sàng chờ đón một cuộc ném bom Hà Nội dịp Nôen năm 1972. Trong quá trình thương lượng tại Paris, người Việt Nam đã khuyên Khme đỏ nên theo gương họ, chấp nhận một giải pháp bằng thương lượng với những điều khoản có thể bảo đảm một thắng lợi về chính trị trong tương lai của mình. Đem so sánh hai báo cáo của Kítxinhgiơ và Khme đỏ với nhau thì dường như là nếu Khme đỏ không từ chối thương lượng về một cuộc ngừng bắn, nếu Khme đỏ không khước từ tất cả mọi thứ trừ một giải pháp trên chiến trường, thì những cuộc ném bom này có thể sẽ thực sự không xảy ra.

Trong hoàn cảnh như vậy, điều lớn nhất mà những nhà thương thuyết Việt Nam có thể làm được ở Paris liên quan tới Campuchia là ghi vào Hiệp định Paris sự xác nhận Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Campuchia và Lào.

a) Các bên tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam phải triệt để tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Campuchia và Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào, đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước đó. Các bên phải tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào.

b) Các nước khác sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Campuchia và Lào, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c) Công việc nội bộ của Campuchia và Lào phải do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d) Những vấn đề liên quan giữa các nước Đông Dương sẽ do các nước Đông Dương giải quyết, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau”.[\[111\]](#)

Hiệp định Paris đã chấm dứt sự can thiệp công khai của Mỹ (nếu không kể tới 7 tháng ném bom) vào cuộc chiến ở Campuchia và bổ sung thêm vào lá chắn hợp pháp cho việc rút quân Việt Nam khỏi Campuchia. Việc rút quân này đã được đề cập đến trong khuôn khổ những quy định tại Hội nghị Cao cấp nhân dân ba nước Đông dương tháng 4/1970, rằng quân đội của một nước này chỉ có thể vào lãnh thổ của nước kia nếu có lời mời chính thức. Ngay “Sách đen” của Khme đỏ cũng còn phải nêu rõ việc Việt Nam tôn trọng quy định này (cũng như điều 20 của Hiệp định Paris).

Sau khi iêng Xari có các cuộc thảo luận ở Bắc Kinh tháng 4/1975, thậm chí trước khi Việt Nam giành thắng lợi hoàn toàn đối với chính quyền Sài Gòn, thì rõ ràng là sự hợp tác trong thời chiến giữa Việt Nam và Khme đỏ đã trở thành sự đối đầu trong thời bình. Trong tình hình như vậy, thật khó mà tìm ra được ai là người nổ phát súng đầu tiên. Nhưng cũng có thể dự đoán một cách có cơ sở bằng cách xem xét xem bên nào kiên trì đưa ra sáng kiến chấm dứt tình trạng bắn phá. Về phương diện này, lợi thế hiển nhiên thuộc về phía Việt Nam.

Cả trong cuốn sách của mình[\[112\]](#) lẫn trong các cuộc nói chuyện với tôi, Sihanuc đều đưa ra bằng chứng có giá trị về thái độ của Khme đỏ đối với Việt Nam và sự quỵ lụy của PolPot – iêng Xari đối với Bắc Kinh. Đã có thời Sihanuc tin tưởng rằng giữa Campuchia và Việt Nam sẽ không có các vấn đề về lãnh thổ. Ông ta kể lại các cuộc gặp gỡ ở Bắc Kinh tháng 3/1970 với ông Phạm Văn Đồng, tại đó họ đã nhất trí sẽ ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh vũ trang chống Lon Non.

“Thủ tướng Phạm Văn Đồng tới thăm tôi và trước mặt Thủ tướng Chu Ân Lai, ông đã nhân danh Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố rằng Việt Nam sẽ luôn luôn tôn trọng đường biên giới trên bộ cũng như các hòn đảo thuộc Vương quốc Campuchia...”

Trong bầu không khí phấn khởi chung cuối Hội nghị cấp cao nhân dân ba nước Đông Dương (ngày 24–25/4/1970) ông Phạm Văn Đồng đã hứa với Norodom Sihanuc – cũng lại trước mặt Chu Ân Lai – rằng sau ‘chiến thắng chung của chúng ta đối với chủ nghĩa đế quốc Mỹ’, ông Phạm Văn Đồng và tôi, Sihanuc sẽ cùng đến một nơi nào đó trên biên giới Việt Nam – Campuchia để đặt một ‘cột mốc biên giới hữu nghị’ là biểu tượng cho sự tôn trọng giữa hai nước láng giềng anh em đối với toàn vẹn lãnh thổ và độc lập dân tộc của nhau”.[\[113\]](#)

Trong những lần nói chuyện với tôi hồi tháng 12/1978 (?), nhiều lãnh tụ Việt Nam khác nhau, kể cả các ông Phạm Văn Đồng, Nguyễn Hữu Thọ và Nguyễn Cơ Thạch đã hé ra rằng họ không hề có ý nghi ngờ gì rằng Sihanuc sẽ vẫn làm Quốc trưởng và Mặt trận thống nhất Dân tộc Khme (FUNK) sẽ vẫn là cơ quan lãnh đạo ở Campuchia, sẽ không có vấn đề biên giới cũng chắc chắn không có xung đột vũ trang giữa hai nước.

Chính Sihanuc là người đã để lộ ra rằng ban lãnh đạo Khme đỏ đã tính trước một “cuộc hành quân giải phẫu ba phần Việt Nam”. Trong một cuộc trao đổi ý kiến với Sihanuc trong khi ông ta bị quản thúc tại nhà ở Phnom Penh từ tháng 7/1976 cho tới tận cuối năm 1978, Khiêu Xamphon đã giải thích cho ông ta một cách chính xác dự tính này dẫn đến đâu. Sihanuc trình bày tóm tắt như sau:

“Thứ nhất: Tuyệt đối không cho bất kỳ người Việt Nam nào có quyền sống ở Campuchia. Biên pháp của Khme đỏ để thực hiện chủ trương này bao gồm cả việc tiêu diệt số lớn những kiều dân nào ‘bị nghi là tay chân hoặc gián điệp của Việt Minh hay Việt Cộng’ và đồng thời dùng vũ lực tổng cổ tất cả các Việt kiều khác. Phải làm xong việc này trong nửa cuối năm 1973 (tác giả nhấn mạnh).

Thứ hai: Ra lệnh cho tất cả đàn ông lẫn đàn bà Campuchia làm việc gấp đôi, thậm chí gấp 10

lần so với người Việt Nam sao cho – như Khiêu Xamphon đã từng lý giải – Campuchia có thể trở nên hùng mạnh hơn Việt Nam trên mọi lĩnh vực: quân sự, kinh tế và tư tưởng...

Thứ ba: Chấp nhận một cuộc đối đầu vũ trang trên phạm vi rộng với Việt Nam. Nhằm mục đích gì? Đối với những vùng đất thánh của người Việt Nam ở Campuchia, chúng ta phải chiến đấu tới cùng để quét sạch. Chúng ta cũng cần có một định nghĩa ‘công bằng’ hơn về các đường biên giới trên đất liền và trên biển giữa Campuchia và Việt Nam. Cuối cùng, chúng ta phải dũng cảm đương đầu với mối đe dọa của ‘Chủ nghĩa bành trướng của Liên Xô – Việt Nam’. Không có Campuchia ‘Dân chủ’ cản đường, thứ chủ nghĩa ấy chắc sẽ tràn ngập khắp phần còn lại của Đông Nam Á, và thậm chí còn hơn thế nữa. Ngày 7/1/1979, chúng ta đã được chứng kiến cuộc đối đầu vũ trang trên phạm vi lớn này kết thúc như thế nào rồi”.[\[114\]](#)

Chắc chắn Sihanuc không ở trong trạng thái tình cảm thân Việt Nam khi ông ta viết những dòng này. Lúc đó ông ta đã và đang kêu gọi các lực lượng vũ trang Liên hợp quốc hoặc các lực lượng vũ trang khác mà ông ta có thể lãnh đạo, vào đuổi quân Việt Nam khỏi Campuchia. Nhưng ông ta còn có đủ trung thực để công nhận cội nguồn của sự đụng đầu Khme đỏ – Việt Nam và còn có đủ dũng cảm để viết lại những gì ông ta đã được trông thấy, ngay cả khi ở Bắc Kinh. Ông ta cũng đáng được khen vì đã viết tất cả những điều đó trên giấy trắng mực đen ở Bắc Kinh vào lúc mà, như ông ta đã vài lần lưu ý, ông ta còn bị lệ thuộc “từng miếng cơm hàng ngày” vào Chính phủ Trung Quốc.

Mặc dù ông ta đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Trung Quốc là “người bạn vĩ đại nhất” của Campuchia, ông ta vẫn ngầm quy cho Trung Quốc trách nhiệm về mọi phương diện hoạt động ở trong lòng đất nước ông ta. Tổ ý nghi ngờ một cách gay gắt về lời tuyên bố của Khme đỏ rằng chính chúng là người đã “giải phóng nhân dân, dân tộc và quốc gia Campuchia khỏi mọi sự giám hộ của ngoại bang và khỏi sự phụ thuộc vào ngoại bang”, Sihanuc viết:

“Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thật lòng và thực sự chống thực dân và chống đế quốc, đã và đang phải đảm nhiệm cho cái gọi là ‘Campuchia Dân chủ’ về tài chính, về những cái giống như kinh tế, công nghiệp, quốc phòng, cảng sông, cảng biển, ngoại giao ‘quốc gia, dân tộc’ v.v... Tất cả những cái này chỉ có thể hoạt động bình thường nhờ có sự viện trợ nhiều mặt và ồ ạt, cũng như nhờ ‘sự hợp tác’ cực kỳ quan trọng và độ lượng do Bắc Kinh ban cho...”

PolPot và Iêng Xari ra sức đem vinh quang phủ lên mình bằng cách huênh hoang lần đầu tiên đã giành được nền độc lập hoàn toàn trong suốt 2.000 năm qua. Thật nực cười! Thực ra, dù cho ý của Trung Quốc có thể là thế này hoặc thế kia... thì chính sách ‘đối ngoại’ của Chính phủ PolPot – Iêng Xari trong thực tế vẫn luôn luôn được sự dẫn dắt của Chính phủ Trung Quốc”.[\[115\]](#)

Trong sách của mình, Sihanuc tỏ ra khôn ngoan không nêu bất kỳ một lời chỉ trích nào đối với việc ban lãnh đạo Trung Quốc chẳng may làm bất cứ việc gì để giúp giải phóng ông ta khỏi cảnh quản thúc tại gia trong ba năm trời. Ông ta viết: “Đêm đêm, khi đi ngủ, tôi không hề được bảo đảm rằng ngày hôm sau tôi vẫn còn sống”.[\[116\]](#) Khi tôi hỏi ông ta xem ban lãnh đạo Trung Quốc có giải thích gì về nguyên nhân họ bỏ rơi ông ta trong tình cảnh như vậy không? Ông ta cười hài hước và nói:

“Bà phu nhân Chu Ân Lai (Đặng Dĩnh Siêu) giải thích rằng Campuchia là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, can thiệp nhân danh tôi sẽ có nghĩa là can thiệp vào công việc nội bộ của một quốc gia có chủ quyền và điều đó không bao giờ được phép xảy ra. (Giọng của ông ta nâng lên một quãng tám). Thưa Monsieur [ông – ND] Bócsét, điều đó thật hết sức nhớ nhãng! Trung Quốc kiểm soát mọi cái ở đất nước Campuchia của Khme đỏ”.

XII. Trung Quốc chuẩn bị tấn công Việt Nam

Trong vòng một tháng từ cuối tháng 11 đến cuối tháng 12/1978 tôi đã ở Việt Nam trong khung cảnh rất ảm đạm tại những vùng dọc theo biên giới tây nam tiếp giáp Campuchia và biên giới phía bắc tiếp giáp Trung Quốc của Việt Nam. Đó là một tháng u ám bởi bóng đen của những sự kiện đang lơ lửng trên đầu.

Điềm xấu đầu tiên mà tôi được biết khi tới Thành phố Hồ Chí Minh là nữ nghệ sĩ nổi tiếng

nhất và tài năng nhất của Nam Việt Nam – Thanh Nga đã bị giết hai trước đó 4 đêm. Thanh Nga đã nhận được một lời cảnh cáo bằng điện thoại rằng chị sẽ bị giết nếu dám đóng vai Thái hậu Dương Vân Nga – một nữ anh hùng của thế kỷ thứ X. Chồng của Dương Vân Nga, ông vua trị vì thời ấy, đã bị quân Trung Quốc chiếm đóng giết hại vì đã chống lại ách thống trị của chúng. Thái hậu tiếp tục cuộc kháng chiến và khuyến khích một viên tướng trẻ thành công trong việc đánh đuổi quân chiếm đóng. Sau đó, bà Thái hậu góa bua đã thách thức cái luân lý của đạo Khổng bằng cách kết hôn với viên tướng kia. Thế là, bà đã trở thành biểu tượng của sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Thanh Nga bỏ qua lời cảnh cáo và đã đóng vai này rất thành công. Chị đã bị bắn chết khi cùng chồng từ nơi biểu diễn trở về nhà ngày 16/11/1978.

Hơn một năm trước đó, chị cũng đã làm ngơ trước một cú điện thoại cảnh cáo tương tự yêu cầu chị không đóng vai Trưng Trắc, người chị trong số hai chị em Bà Trưng nổi tiếng. Hồi thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên, hai Bà Trưng đã lập nên một đội quân và lãnh đạo họ đánh đuổi bọn Trung Quốc chiếm đóng trong ba năm trời. Trong một buổi biểu diễn, có một kẻ đã ném một quả lựu đạn lên sân khấu và một mảnh lựu đạn đã găm vào vai phải Thanh Nga.

Trong cả hai vụ, bọn gây án đều tẩu thoát. Khi tôi đặt câu hỏi là ai chịu trách nhiệm về những vụ này, tôi chỉ nhận được câu trả lời như sau: “Hỏi người phương Bắc ấy!”

Tôi tới thăm Nghi Đoàn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận 5, nơi có nhiều tư sản mại bản người Việt gốc Hoa kinh doanh. Đó là một người to lớn, luôn tươi cười, là một người Hoa thiếu số, đại biểu Quốc hội, Thành ủy viên Thành ủy Đảng Cộng sản Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh. Tôi muốn tìm hiểu xem bầu không khí đã dẫn tới hai cuộc ám sát Thanh Nga đã được tạo ra như thế nào. Cùng có mặt với Nghi Đoàn là hai cán bộ của Ủy ban Nhân dân quận 5, một trong hai người đó cũng đồng thời là Thành ủy viên Tp. Hồ Chí Minh. Câu trả lời của họ dài, chi tiết và đáng buồn. Nghi Đoàn nói là chính, thỉnh thoảng lại quay sang các đồng sự của mình để khẳng định ngày tháng và số liệu.

“Quận 5 là trung tâm buôn bán kinh doanh của người Hoa, cũng là trung tâm của tư sản mại bản và thương gia tư sản cỡ bự. Nói về Sài Gòn trong những ngày ấy, người ta phải nói tới quận 5 như hang ổ của bọn tư sản mại bản cỡ bự. Một trong những vấn đề chủ yếu trong công tác hành chính ở thành phố này là mọi công việc buôn bán đều nằm trong tay các tư sản mại bản và các tư sản người Hoa. Đó là trung tâm mua bán lúa gạo với ‘Vua gạo’ May Hy nắm quyền kiểm soát. Đó là trung tâm ngân hàng với hơn 30 ngân hàng và các cơ sở dịch vụ ngân hàng thu hút tiền vốn của Mỹ, Anh, Pháp và Hồng Kông, nhưng luôn có sự tham gia của tư sản mại bản người Hoa. Để giữ được chức giám đốc nhà băng, người ta phải là một quan chức cao cấp trong cơ quan chính quyền hoặc là một sĩ quan cao cấp trong các lực lượng vũ trang. Không nhất thiết phải có vốn – họ được trả một khoản tiền vì đã cho người ta sử dụng tên tuổi – nhưng các tư sản mại bản người Hoa tài trợ và kiểm soát mọi hoạt động thực tế. Họ thao túng mọi hoạt động tài chính, toàn bộ nội – ngoại thương, và hoạt động thương mại trong miền.[\[117\]](#)

Trong số những tư sản mại bản này, một số không chỉ có quan hệ với Đài Loan, mà cả với Bắc Kinh nữa...”

Nghi Đoàn nhắc tới tên một vị Trần Thanh nào đó, ông này là người Hoa Đài Loan, đứng ra tài trợ cho một nhà máy sản xuất mì chính rất có lãi ở Sài Gòn, với 48% là vốn của Đài Loan và phần còn lại là của chính ông ta. Ít lâu sau ngày Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, Trần Thanh chuyển giao vốn của mình cho Bắc Kinh và trở về quê mình ở tỉnh Quảng Đông (thủ phủ là Quảng Châu). Tại đó, ông ta cho xây dựng một đại lộ hiện đại để gây ấn tượng cho ban lãnh đạo Trung Quốc về “lòng ái quốc” của ông ta và về tính có ích (cho Trung Quốc – ND) tiền tàng của bản thân ông ta cũng như của cái hội đồng hương của ông ta ở Việt Nam.

“Trước giải phóng, ở quận 5 có 40 trường học (tiểu học và trung học) và 6 nhà thương, tất cả đều nằm trong tay Trần Thanh và các tư sản mại bản người Hoa khác. Trần Thanh là Giám đốc nhà thương Triều Châu – tên làng quê ông ta ở Quảng Đông. Trong nhà thương này có mặt vụ của cả Bắc Kinh lẫn Đài Loan – thậm chí ngay từ thời ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu – đã gửi cán bộ tới “giúp” Trần Thanh điều hành nhà thương. Với các trường học cũng vậy. Chúng đều

nằm trong tay những người như Trần Thanh. Đa số giám đốc và giáo viên được đưa từ Đài Loan tới, nhưng Bắc Kinh cũng cài mật vụ của mình vào. Nguyên tắc là sẽ không thể bành trướng được ảnh hưởng của Trung Hoa lục địa ra nước ngoài, nếu như không dựa vào hệ thống giáo dục đối với thanh thiếu niên người Hoa. Nhiều năm trước khi giải phóng Sài Gòn, Bắc Kinh đã bắt đầu việc chuẩn bị cơ sở trong lòng các nhà tư sản mại bản và các thương gia cũng như trong lòng lứa trẻ. Sau giải phóng, những tổ chức bí mật này chuyển sang hoạt động phản cách mạng dưới những tên gọi như: ‘Hiệp hội Thanh niên Trung Hoa Cứu quốc’ và ‘Hội học tập tác phẩm của Mao Chủ tịch’. Chúng bắt đầu tung truyền đơn ủng hộ Mao. Dĩ nhiên chúng tôi đã bám sát việc chuẩn bị cho những hoạt động như vậy ngay từ lúc Bắc Kinh bắt đầu xuất khẩu Cách mạng Văn hóa về phía chúng tôi. Chúng tôi đã có một số biện pháp để hạn chế hậu quả bất lợi. Đồng thời chúng tôi phát hiện ra rằng các cơ quan mật vụ ở Quảng Đông và các tỉnh khác ở phía nam Trung Quốc trực tiếp tung người vào đây. Chúng đem theo thẻ căn cước đóng dấu giả [Nghị Đoàn cho tôi xem mấy tấm căn cước đóng dấu giả và chỉ cho tôi thấy rằng cần phải có sự kiểm tra hết sức chuyên nghiệp mới có thể phân biệt thẻ giả với thẻ thật – TG]. Thanh niên người Hoa từ đây được phái đi theo học các lớp học cấp tốc làm mật vụ, rồi lại được phái trở lại. May mắn là chúng tôi đã nhanh chóng hiểu ra tình hình này”.

Tháng 3/1978, có việc quốc hữu hóa các cơ sở thương mại buôn bán và các cửa hàng bán lẻ cỡ lớn. Trong số khoảng 3.000 thương gia lớn bị đánh, có 600 người Việt và còn lại là người Hoa. Nghị Đoàn giải thích rằng chính sách đối với người Việt và người Hoa chẳng khác gì nhau, nhưng vì người Hoa có số lượng nhiều hơn và có vai trò quan trọng hơn về mặt tài chính nên “họ phải gánh chịu hậu quả lớn hơn”. Hành động này đã gây ra một cơn lũ phản đối từ Bắc Kinh trong đó người ta tố cáo rằng các “cư dân” người Hoa và “Hoa kiều” đã bị “khủng bố”, “xua đuổi và bài xích”.

“Một ‘Hiệp hội đấu tranh của cư dân người Hoa’ xuất hiện. Một trong những tờ truyền đơn của hội này hô hào người Hoa ‘vùng lên – đoàn kết với nhau – xứng đáng với nhiệm vụ bảo vệ Trung Hoa mẫu quốc’. Một tờ truyền đơn khác của nhóm ‘Cứu quốc’ còn đi xa hơn nữa, kêu gọi ‘đấu tranh chống giai cấp thống trị người Việt – kẻ thù của dân tộc ta... Đoàn kết lại vì một tương lai sán lạn’.

Với kiểu kích động như vậy tiếp diễn, sẽ dễ dàng thổi bùng không khí của chủ nghĩa chủng tộc và chủ nghĩa sô vanh trong đó Thanh Nga đã bị sát hại”.

Sau đó tôi hỏi Nghị Đoàn và các đồng chí của anh ở Ủy ban Nhân dân quận 5 rằng đằng sau dòng “thuyền” người Hoa ra đi là cái gì. Họ trả lời:

“Về những thuyền đó ư? Chúng tôi muốn người Hoa ở lại cùng chúng tôi. Sau khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp, chúng tôi cố gắng thu hút những người trước kia là thương gia tham gia những hoạt động sản xuất nhằm phát triển các xí nghiệp khu vực – thậm chí nếu đó là các xí nghiệp tư bản. Chúng tôi sẵn sàng xuất vốn cho vay, từ 10 đến 20 nghìn đồng (chuyển thành trang thiết bị do Nhà nước cung cấp theo giá tương đương, thì số tiền này cũng xấp xỉ tương đương với số tiền tính bằng đô-la – TG) để bổ sung cho số vốn của riêng họ nhằm phát triển những xí nghiệp này. Nhưng nhiều người trong số họ có tâm tính của kẻ chuyên bóc lột – không thể chịu nổi viễn cảnh cuộc sống bên ngoài những villa sang trọng của họ. Thế là tìm mọi cách trốn ra nước ngoài. Có cả một mạng lưới những bọn buôn bán chợ đen khá lớn – bọn này trước đây sống bằng nghề buôn lậu ma túy, còn nay sống bằng nghề buôn người. Mạng lưới này chịu sự điều khiển của những người Hoa có quan hệ gần gũi với Hồng Kông và những nơi khác ở nước ngoài, kể cả Bắc Kinh. Khi bắt được những người đang tìm cách chạy trốn, chúng tôi cố gắng dùng lý lẽ thuyết phục họ sống một cuộc sống bình thường. Nhưng cuối cùng họ vẫn ra đi, cho dù phải vài lần thất bại. Bờ biển thật là dài. Đối với những ai sẵn lòng bỏ ra một đồng tiền chi cho bọn cướp ‘thuyền thủng’, việc ngăn chặn họ thật hết sức khó khăn. Và chúng tôi còn phải giải quyết nhiều vấn đề cấp bách hơn là việc lập ra một tổ chức khả dĩ chặn được họ”.

Chẳng bao lâu các cơ sở thương mại lớn bị quốc hữu hóa, ở phố Tân Hàng thuộc quận 5 xảy ra một vụ chưa từng có. Ngày 20/3/1978, cũng như đối với các nơi khác trong thành phố, cán

bộ đến quận 5 vận động mọi người tình nguyện tham gia hoạt động công dân vào các ngày thứ Bảy – một việc làm phổ biến và được hưởng ứng rộng rãi trong những năm đầu sau giải phóng. Họ ào ào tổ chức một cuộc biểu tình, băng cờ khẩu hiệu xung quanh chủ đề: “Chúng tôi là người Hoa – không có nghĩa vụ phải làm việc tình nguyện”. Những người tham gia biểu tình vẫy cờ Cộng hòa Nhân dân Trung hoa và đem theo chân dung chủ tịch Mao. Khi các cán bộ cố giải thích sự cần thiết phải tiếp tục lao động tình nguyện, thì từ các căn gác cao, gạch đá và chai lọ ném xuống họ như trút. Người ta phải gọi cảnh sát tới và các phóng viên chụp ảnh người Trung Quốc đã sẵn sàng ghi chép lại những hình ảnh này về việc người Việt Nam “áp bức” người Trung Quốc thiếu số. Sau vụ này và sau một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ, Bắc Kinh công bố đưa 2 tàu tới Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh để bắt đầu cho di tản những người lúc đó được người ta mô tả là những “Hoa kiều và cư dân Hoa kiều bị bài xích”.

Để thấu hiểu tầm quan trọng của những từ ngữ này, cũng như hiểu tầm quan trọng của việc những người biểu tình ở phố Tân Hàng không chịu lao động ngày thứ Bảy vì họ là người Hoa, chúng ta cần biết rằng năm 1955, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Lao động Việt Nam đã ký kết một hiệp định ghi rõ rằng những cư dân gốc Việt ở Trung Quốc và cư dân gốc Hoa tại Việt Nam thuộc phạm vi quyền hạn tương ứng của các Đảng Cộng sản Trung Quốc và Việt Nam trong vòng 2 năm sẽ trở thành công dân Trung Quốc và công dân Việt Nam. Kể từ khi hiệp định này được ký kết, họ có cùng quyền lợi và nghĩa vụ như những công dân khác của Trung Quốc và Việt Nam (ở nơi họ sinh sống – BT). Vấn đề này đã được thực hiện một cách rất triệt để, tỉ mỉ ở Việt Nam và các công dân gốc Hoa đã giữ những vị trí cao trong Đảng, Chính phủ và trong nền kinh tế. Thế nhưng, tại một Hội nghị Hoa kiều hải ngoại tổ chức tại Bắc Kinh cuối năm 1977 đầu năm 1978, quan điểm này đã bị đảo ngược lại. Người ta nói với những đại biểu của 20 triệu Hoa kiều ở Đông nam Á rằng nếu như trong mình họ còn mang theo dòng máu Trung Quốc thì họ phải giữ vững lòng trung thành đối với “mẫu quốc” và đóng góp của cải và tài năng vào chiến dịch “Bốn hiện đại hóa”.

Đáp lại công bố của Bắc Kinh về việc đưa 2 tàu thủy đến chở những người Hoa nào muốn rời khỏi Việt Nam, Chính phủ Việt Nam tuyên bố không phản đối bất kỳ người Hoa nào muốn ra đi, cũng không phản đối việc những tàu thủy kia nhưng chỉ được tới những cảng do Việt Nam quy định và phù hợp với thủ tục hàng hải quốc tế thông thường. Hà Nội quy định ngày tàu có thể vào cảng tại Hải Phòng và Vũng Tàu – cách Tp. Hồ Chí Minh 50 dặm về phía đông nam – chứ không phải là cảng Tp. Hồ Chí Minh. Khi con tàu đầu tiên tới cảng Hải Phòng, viên thuyền trưởng giải thích nguyên nhân tàu tới đó là để “cho hồi hương những Hoa kiều bị bài xích và xua đuổi”. Đây là một công thức mà người Trung Quốc biết rõ là người Việt Nam không thể nào chấp nhận được.

Sau mấy tuần thương lượng, 2 con tàu nhỏ neo trở lại Trung Quốc, chẳng chở theo hành khách nào. Nhưng Bắc Kinh đã tuyên truyền rất rùm beng về cái “sứ mệnh cứu nạn” và uy tín của họ trong người Hoa tăng lên vùn vụt.

Sau này tôi được một quan chức cấp cao tại Hà Nội cho biết rằng ban lãnh đạo Bắc Kinh:

“Bằng phương thức bí mật đã vạch kế hoạch gây rối loạn trên phạm vi lớn khi 2 con tàu vào cảng Hải Phòng và đặc biệt ở Tp. Hồ Chí Minh. Bầu không khí tâm lý đã được tạo ra và người ta tính rằng sẽ cho nó phóng hết ga. Nhưng ‘trong cái bí mật cũng lại có cái bí mật’. Chúng tôi đã biết những âm mưu khiêu khích và bọn trùm khiêu khích đã được ‘mời đi nghỉ’. Toàn bộ tính toán đã bị thất bại thảm hại”.

Đúng như vậy. Ấn tượng của tôi về khu vực do người Hoa ngụ trị ở Tp. Hồ Chí Minh hồi đầu tháng 12/1978 là tình hình ở đó rất dễ “bùng nổ” và các phần tử gây rối ở đó đang chỉ còn chờ châm ngòi nổ là bật dậy hành động. Các nhà tư sản mại bản có thông đồng với bọn vô lại gangxtơ y như ở Thượng Hải “ngày xưa”. Chúng có vẻ không chịu nằm yên để cho người ta tiến hành quốc hữu hóa. Và Bắc Kinh cũng có vẻ không cam chịu thất bại thảm hại của “các con tàu tị nạn”!

Từ Tp. Hồ Chí Minh, đi ô tô ngược lên phía bắc ngót hai giờ đồng hồ là tới thị xã Tây Ninh. Tại đó, điều làm tôi cảm thấy choáng váng là câu trả lời của những chỉ huy quân sự tỉnh về việc họ đánh giá mục đích các cuộc tấn công vượt biên của Khme đỏ như thế nào. “Bọn tù binh khẳng định rằng chúng được chỉ thị tấn công xuống phía nam, củng cố dần dần những căn cứ để rồi từ đó đánh chiếm Tp. Hồ Chí Minh”. Tôi xin không tường trình về việc này vì thấy nó có vẻ ngớ ngẩn quá.

Vài ngày sau khi thăm Tây Ninh, tại cơ quan lãnh đạo tỉnh Đồng Tháp vùng đồng bằng sông Mê Kông, tôi lại được nghe những câu trả lời tương tự của anh Mai Văn Hai, thu ký Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tại một nơi cách biên giới một quãng mà anh cho là an toàn, anh Mai Văn Hai miêu tả cho tôi nghe về “tình hình tiểu-chiến-tranh” diễn ra dọc biên giới. Những tiếng nổ xa xa và những tiếng đạn đại bác nổ lác rác xác nhận cho lời kể của anh. Trong khi anh đang trình bày vắn tắt với tôi về tình hình quân sự, một liên lạc viên đến đưa cho anh một bản báo cáo rằng đêm trước, hai trung đoàn quân Khme đỏ đã tấn công một trong những huyện vùng biên giới.

“Chúng nã pháo vào thị trấn Hồng Ngự bằng đại bác 130mm, nhưng chúng tôi đã được báo tin và đã kịp thời sơ tán cả thị trấn. Chúng đã thực sự chiếm được một số nơi thuộc các huyện biên giới, vào sâu tới 8km. Chúng lợi dụng những trận lụt vừa qua và những dòng sông chảy từ Campuchia và Việt Nam để đưa các đội thuyền sông do Trung Quốc chế tạo chở pháo hạng nhẹ bắn phá làng mạc sâu trong lãnh thổ của chúng tôi (mùa thu năm 1978, các tỉnh đồng bằng sông Mê Kông phải chịu một trong những trận lụt lớn nhất trong lịch sử Việt Nam – TG). Chúng cũng cho các nhóm biệt kích thâm nhập, ăn mặc như nông dân của chúng tôi, tấn công ngư dân chúng tôi. Chúng phải trả giá đắt cho những cuộc tấn công như vậy, nhưng chúng vẫn tiếp tục kéo tới”.

Tôi hỏi anh Mai Văn Hai: bọn tù binh Khme đỏ khai như thế nào về nguyên nhân của các cuộc tấn công tiếp tục trên tuyến biên giới? Anh trả lời: “Chúng tin rằng chúng đang tham gia vào một nỗ lực vĩ đại của toàn quốc nhằm ‘giải phóng’ đồng bằng sông Mê Kông và ‘giải phóng’ cái mà chúng gọi là Prêy Noko (Tp. Hồ Chí Minh)”. Khi tôi hỏi liệu có thể khóa miệng pháo Khme đỏ được không, anh Mai Văn Hai đáp rằng vì lũ lụt, Quân đội Nhân dân Việt Nam khó có thể đưa pháo vào tuyến bắn và rằng dù sao chăng nữa, bộ đội Việt Nam đang chủ yếu bận bịu với việc cứu lụt.

Nếu nói rằng tình hình dọc theo biên giới Việt Nam – Campuchia cuối năm 1978 căng thẳng tới mức nguy hiểm, thì cũng khó có thể nói rằng tình hình ở phía Bắc – dọc biên giới với Trung Quốc – lại ít căng thẳng hơn. Ngày 24/12, tôi tới ga xe lửa Đồng Đăng, cách biên giới Việt – Trung 3km. Mới trước đó 48 tiếng đồng hồ, Trung Quốc đã cắt đứt tuyến đường sắt duy nhất nối Việt Nam với thế giới bên ngoài. Các tuyến đường bộ cũng đã bị đóng cửa. Người đầu tiên tôi gặp là ông Hoàng Văn Thạch, Bí thư Đảng bộ Cộng sản tỉnh Lạng Sơn. Những nhận xét mào đầu của ông thật đáng lo ngại:

“Tình hình dọc biên giới rất căng thẳng, hai ngày qua không một chuyến xe lửa nào được phép ra vào nước tôi. Phía Trung Quốc vừa mới đơn phương trục xuất nhóm công tác liên lạc đường sắt của chúng tôi khỏi trạm kiểm soát quốc tế ở Bằng Tường (nằm trong lãnh thổ Trung Quốc chừng 15km). Dọc toàn tuyến biên giới, cứ trông thấy các đội tuần tra của chúng tôi là phía Trung Quốc bắn. Sáng hôm qua, một đồn biên phòng của chúng tôi, cách đây 40km, đã bị quân Trung Quốc dùng bộ binh đánh chiếm. Tình hình càng ngày càng trở nên căng thẳng hơn và lỗi này hoàn toàn thuộc về phía Trung Quốc. Quân chúng tôi không khi nào, không bao giờ đặt chân lên đất Trung Quốc – đường biên giới đã được phân định rõ ràng bằng các cột mốc biên giới bằng đá.

Trước kia, lính biên phòng Trung Quốc ném đá và bắn súng cao su để gây rối các đội tuần tra của chúng tôi. Bây giờ chúng dùng súng tự động, lựu đạn và súng cối. Trước kia, ở đâu có đụng độ biên giới, hai bên Việt – Trung đều có thể gặp nhau trao đổi ý kiến. Nhưng đến tháng vừa rồi, chẳng còn trao đổi ý kiến gì nữa. Trước kia, thường chúng tôi gặp nhau ở bên này hoặc bên kia Hữu nghị quan (một tháp vòm xây bằng đá ngay trên biên giới – TG). Nay, ngay cả khi chúng tôi tới gặp họ để trao đổi ý kiến thì họ cũng nổ súng vào chúng tôi. Mỗi giao tiếp duy

nhất bây giờ là qua điện thoại. Sự căng thẳng đã lên đến đỉnh điểm và bất kỳ việc gì cũng có thể xảy ra”.

Lời nhận định điềm đạm này đã được khẳng định và làm rõ hơn bởi trung úy Nguyễn Tiến Hòa, Phó Đồn trưởng đồn Biên phòng Nam Quan nằm ở phía nam biên giới cách đó 1km. Anh còn trẻ nhưng đã có khuôn mặt sạm nắng của một cựu chiến binh đã từng sống qua những nơi nóng bỏng của cuộc chiến tranh giải phóng. Để lên đến đồn biên phòng của anh, xe chúng tôi phải len lách theo những tuyến hào để khỏi rơi vào hàng loạt bẫy tầng làm bằng những tảng đá lớn gắn bằng xi măng lại với nhau. Từ vị trí của anh trải ra phía trước là những rào chắn làm bằng dây thép gai có thể trong chốc lát được triển khai vào đúng vị trí. Dọc theo hai bên mép đường dẫn tới cổng “Hữu nghị quan” là dây thép gai cuộn thành từng cuộn. Anh nói:

“Ngay phía đầu đường này là cái mà chúng tôi thường gọi là cổng ‘Hữu nghị’. Bây giờ chúng tôi chỉ gọi nó bằng cái tên đơn giản là cổng “Bắc” (Ái Bắc – BT). Con đường trở lại Lạng Sơn trước đây rất tốt, nhưng chúng tôi đã phải phá hỏng một phần con đường ấy, chúng tôi cũng phải dựng chướng ngại vật ở phía bắc và phía nam đồn Nam Quan này. Mới đây Trung Quốc đã cho dựng một dàn ăngten rada lớn trên một điểm cao ngay sát biên giới phía họ, dàn này quay suốt 24 giờ một ngày thám thính các vị trí của chúng tôi. Dọc toàn tuyến biên giới, đâu cũng có súng nổ và gần như ngày nào cũng có những vụ ‘lấn đất’, còn đêm đến lại có những cuộc cướp phá theo kiểu biệt kích”.

Khi tôi hỏi về mục đích của những hành động này, anh Nguyễn Tiến Hòa trả lời rằng chúng nhằm “chiếm miền đất cao” và bắt các nhân viên dân sự và quân sự rời “lôi về bên kia biên giới”. Anh khẳng định rằng tất cả những sự việc này đều diễn ra ở bên phía Việt Nam như đã thể hiện trong các bản đồ của cả Trung Quốc lẫn Việt Nam. Kiểu hoạt động như anh mô tả – đánh chiếm các cứ điểm “xuất phát” và bắt “lưỡi” để khai thác tin tức tình báo – là những chiến thuật cổ điển được thực hiện trước một cuộc tấn công.

Vùng cửa ải Lạng Sơn, nơi tôi đang thăm, đã từng là tuyến đường chính mà Trung Quốc sử dụng trong biết bao cuộc xâm lược Việt Nam trong hơn hai nghìn năm qua. Đó là một vùng đầy núi cao dốc đứng. Chỉ có những chuyên gia sử dụng bản đồ – và những người dân ở địa phương này – mới có thể biết chính xác đường biên giới nằm ở nơi nào. Địa hình vùng này như thể một bộ mặt nửa để râu, nửa cạo sạch. Người Trung Quốc trồng thông dày đặc bên phía họ – có phần ăn xoải xuống sườn dốc và đây đó “thấu cây” vài ba trăm mét, theo lời người Việt Nam. Những sườn dốc “trọc” là của bên Việt Nam, được dùng để cấy trồng sát tới tận đường ranh giới bằng cây. Nhiều thửa ruộng bị những giao thông hào mới đào chạy chéo qua, cũng có thể thấy rõ qua những vết đỏ rạch ngang dọc những bãi gốc ra lúa và ngô. Giữa những gì được ẩn giấu trong những chiến hào này với những gì được ẩn giấu trong rừng thông nọ rõ ràng là đang có một cuộc đối đầu “mắt chọi mắt” và chỉ ở một vài nơi giữa những “cặp mắt chọi nhau” ấy mới có một cột mốc biên giới.

Với ông Hoàng Văn Thạch, anh Nguyễn Tiến Hòa và một số Hoa kiều, tôi đã trao đổi vấn đề cực kỳ phức tạp: dòng người Hoa ra đi. Ông Hoàng Văn Thạch đã đề cập tới vấn đề trọng tâm của việc thuyết phục nhiều người Hoa ở lại – như tôi đã có điều kiện để kiểm chứng tại các trạm kiểm tra với người Hoa thiểu số ở Lạng Sơn (nơi có tới 1.000 trong số 4.000 người Hoa của cả tỉnh đã ra đi) và ở Hà Nội về sau này.

“Họ ra đi chủ yếu vì có ảo tưởng (thể cơ đấy!) rằng Trung Quốc đang sắp sửa tấn công, do Việt Nam bây giờ đã chuyển sang lập trường thân Liên Xô, chống Trung Quốc. Trong số những người ra đi, nhiều người cảm thấy rất bất hạnh – họ đã từng sống với người Việt Nam trong cảnh yên bình qua nhiều thế hệ. Nhưng những mật vụ người Hoa ở địa phương, được những tên vượt biên mớm cho, dọa họ rằng nếu họ không rời về Trung Quốc thì khi quân đội Trung Quốc chiếm được Lạng Sơn, họ sẽ bị giết vì tội phản bội. Còn nếu ở lại Việt Nam, Liên Xô đánh thắng, họ cũng sẽ bị giết vì là ‘kẻ thù’. Lối thoát duy nhất là lên đường về “Tổ quốc”!”

Sự việc đã trở nên rõ ràng: vấn đề số phận của người Hoa thiểu số về mặt pháp lý đã bị quyết định của Bắc Kinh hồi đầu năm đó làm cho thay đổi ghê gớm. Quyết định này nói rằng từ nay trở đi họ là những “cư dân” người Hoa hoặc những “kiều dân” người Hoa. Những từ ngữ này

lần đầu tiên xuất hiện trên các xuất bản phẩm chính thức bằng tiếng nước ngoài của Trung Quốc từ năm 1978 trở đi (các xuất bản phẩm bằng tiếng Pháp dùng từ *ressortissants* – nghĩa là kiều dân hay thần dân). Hàng nghìn thương gia, đáng ra đã từ Tp. Hồ Chí Minh ra đi một cách hợp pháp bằng cách xin cấp thị thực xuất cảnh, xuất trình thẻ đã đóng thuế rồi lên đường bằng phương tiện vận tải thương mại, thì nay nhẩy xuống “thuyền thúng” vì bọn tay chân người Hoa – kể cả các quan chức lãnh sự quán từ Hà Nội vào – cảnh cáo họ rằng đóng thuế là biểu hiện của sự “không trung thành”, bởi lẽ nó bao hàm sự công nhận quyền hạn của người Việt Nam đối với những “kiều dân” Trung Quốc! Trong thực tế, từ đầu năm 1978 trở đi, Trung Quốc đã đòi cho người Hoa thiểu số được có những đặc quyền ngoại giao. Vì thế, mà người Hoa ở Lạng Sơn thấy bị dọa giết vì tội “phản bội” nếu họ dám ở lại bất chấp “mệnh lệnh” ra đi.

Theo Hiệp định 1955 giữa hai Đảng Cộng sản, hai bên đã thỏa thuận cho Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội được cấp “thị thực du lịch” cho những người Hoa thiểu số nào muốn về thăm họ hàng ở Trung Quốc. Trên cơ sở những thị thực này, phía Việt Nam sẽ mặc nhiên cấp thị thực xuất cảnh và tái nhập cảnh. Ông Hoàng Văn Thạch đã giải thích cho tôi về tác động của việc thay đổi về mặt pháp lý số phận của người Hoa đối với thủ tục này như sau:

“Bọn đặc vụ Trung Quốc muốn kích động tư tưởng cho rằng người Hoa thực sự là những ‘người nước ngoài’. Sau khi giải thích chính sách của Chính phủ (Việt Nam – BT), chúng tôi tùy ai muốn ra đi thì ra đi. Họ có thể được cấp thị thực xuất cảnh ngay tức khắc và chúng tôi làm các thủ tục rất nhanh. Nhưng bọn đặc vụ bảo với Hoa kiều rằng họ chẳng cần phải tuân thủ những quy chế, quy định của Việt Nam, chẳng cần xin thị thực xuất cảnh. Để tăng thêm ý nghĩa cho việc lý giải này, chúng tôi nói rằng những người ra đi không có giấy tờ và thị thực sẽ được ưu tiên đối xử, còn những ai tuân thủ theo những quy chế, quy định sẽ bị coi là những kẻ ‘cộng tác với địch’. Vì thế, nhiều người đã được chúng tôi cấp cho những giấy tờ hợp lệ đã xé giấy tờ trước khi vượt qua đường biên. Việc làm này lại càng làm tăng sức nặng của ý kiến cho rằng chúng tôi ‘xua đuổi’ họ”.

Trả lời câu hỏi của tôi rằng không biết nhà chức trách cấp tỉnh có quyền xua đuổi những người “không được ưa thích” hay không, ông Hoàng Văn Thạch nói rằng: “Tuyệt đối không! Chưa từng có ai bị xua đuổi khỏi tỉnh Lạng Sơn”.

Trung úy Nguyễn Tiến Hòa là người được chứng kiến toàn bộ tấn thảm kịch của những cuộc vượt biên vì dần dần Lạng Sơn đã trở thành điểm hội tụ của những người Hoa ra đi từ khắp nơi ở Việt Nam kéo về, kể cả ở Tp. Hồ Chí Minh. Anh diễn giải lời kể của ông Hoàng Văn Thạch.

“Toàn bộ tình hình bắt đầu từ ngày 7/5/1978, khi nhóm người Hoa đầu tiên tới đây và chuẩn bị rời Việt Nam. Chúng tôi thông báo cho người Trung Quốc ở đồn biên phòng biết và sau đó để họ ra đi. Phía Trung Quốc chấp nhận họ – cả những người có giấy tờ lẫn những người không có giấy tờ. Chúng tôi hoàn tất mọi thủ tục mà hai bên đã thỏa thuận đối với những người gốc Hoa về thăm Trung Quốc. Chúng tôi cung cấp phương tiện đi lại cho những người có yêu cầu. Có nhiều cảnh chia tay cảm động, đầy nước mắt giữa những gia đình có người đi người ở. Cá nhân chúng tôi nghĩ rằng việc đứng nhìn cảnh vợ xa chồng, cha mẹ xa lìa con cái là một tội ác. Cha mẹ níu theo con cái và ngược lại, cho tới khoảnh khắc cuối cùng. Những phóng viên nhiếp ảnh và những đoàn làm phim phía bên kia mô tả những người đầy nước mắt là “nạn nhân của sự bài xích của người Việt Nam”.

Ngày 11/7/1978, 30 nghìn người Hoa tập trung từ đồn biên phòng này đến “Hữu nghị quan”, vì sự chậm chạp của phía Trung Quốc trong việc cấp giấy tờ nhập cảnh. Khi đó chúng tôi cho phép họ từ phía chúng tôi ra đi mà không cần có thị thực xuất cảnh. 11 giờ 30 phút sáng hôm đó, lính biên phòng Trung Quốc thông báo cho chúng tôi rằng họ sẽ không nhận thêm bất cứ người nào không có đủ thủ tục đã nhất trí lúc đầu là phải tuân thủ mà cũng là điều mà nhà đương cục Trung Quốc thoái thác. Chúng tôi lại bắt đầu cấp thị thực xuất cảnh với tốc độ kỷ lục, nhưng các nhà chức trách biên giới (của Trung Quốc – ND) lại từ chối cấp thị thực nhập cảnh. Một đoàn đại biểu người Hoa đến gặp nhà chức trách biên phòng Trung Quốc được trả lời là tất cả họ phải quay trở lại Hà Nội để nhận chứng chỉ của Đại sứ quán Trung Quốc ở đó. Cũng như chúng tôi, nhà chức trách biên phòng (Trung Quốc – ND) biết rất rõ rằng Đại sứ quán

Trung Quốc không chịu cấp bất kỳ loại giấy tờ gì trong lúc đó vẫn tăng sức ép người Hoa ra đi. Nhân tình hình bế tắc đó, chúng tôi một lần nữa kêu gọi mọi người trở lại làng xóm, thành phố quê hương của mình. Vài trăm người đồng ý và chúng tôi đã thu xếp phương tiện đi lại cho họ. Nhưng chỗ của họ lại được thay thế bởi hàng nghìn người nữa vẫn đang dồn đống cả ở đó.

Điểm cháy đã điểm ngày 25/8, khi một nhóm nhân viên của Ty Y tế Lạng Sơn bắt đầu tiến hành công tác rà soát tình hình sức khỏe đang nhanh chóng suy sụp (của người Hoa chờ làm thủ tục – ND). Nguyễn Tiến Hòa cho biết, nhóm này đã bị những phần tử người Hoa do cảnh sát mặc thường phục dùng loa pin chỉ huy tấn công (Anh đưa ra những bức ảnh chụp những người Trung Quốc điển hình tóc húi cua, mặc áo cộc tay trắng đồng phục, đang gào vào loa). Trong cuộc ẩu chiến diễn ra lúc đó, lính biên phòng Trung Quốc đã tấn công và chiếm được điểm cao Quốc Khung (?) khống chế các tuyến giao thông sắt bộ trong khu vực Đồng Đăng vốn là mục tiêu của mấy cuộc tấn công trước đó. Vài giờ sau, phía Việt Nam tung lực lượng dân quân chiến tuyến lên và chiếm lại điểm cao này. Lợi dụng sự có mặt lỏng lẻo của Trung Quốc tại đồn biên phòng, một số người Hoa hiếu động đã dỡ tung hàng rào chắn biên giới và ào ào tràn qua đường ranh giới như một dòng lũ không gì có thể phá vỡ hay ngăn chặn nổi. Trung úy Nguyễn Tiến Hòa kết luận:

“Chính từ bữa đó trở đi, tình trạng căng thẳng giữa hai bên bắt đầu tăng lên cùng với việc thấy bóng chúng tôi là lính biên phòng bên kia nổ súng. Chính từ sau ngày 25/8, Trung Quốc bắt đầu xây dựng một đài radar cỡ lớn và tập trung rất đông quân ngay sát đường biên giới, xây dựng các công sự pháo binh và đường xá phục vụ cho các vị trí quân sự của họ”.

Trong suốt cả tháng tai họa này, tôi đã phải miễn cưỡng tin rằng vụ ám sát Thanh Nga, dàn ăngten radar khổng lồ khống chế cái thường được gọi là “Hữu nghị quan” và quay tròn suốt 24 giờ đồng hồ một ngày để thám thính các căn cứ phòng thủ của Việt Nam, những cuộc tấn công ác liệt của Khme đỏ vào những vùng biên giới của Việt Nam và tất cả những gì tôi đã nhìn đã nghe – mới chỉ là những điểm nổi bật trong số những vấn đề liên quan ở đây – đều là một phần của một âm mưu kinh khủng. Tôi đã từng nghiên cứu lịch sử Trung Quốc và lịch sử Việt Nam kỹ tới mức đủ để biết rằng trong những cuộc xâm lăng của Trung Quốc trong hơn hai nghìn năm qua, bốn xâm lăng – kể cả những đội quân Nguyên Mông của Kubilai Khan đóng đô tại Yên Kinh (Bắc Kinh hiện nay – BT), trong ba lần xâm lăng Đại Việt hồi thế kỷ XIII – luôn luôn hỗ trợ cho mũi tấn công chính qua cửa ải Lạng Sơn bằng những mũi tấn công phụ: những chiến dịch thủy – bộ dọc theo bờ biển phía đông và các con sông của Việt Nam và các tấn công trên bộ xuyên qua vùng đất khi đó là Vương quốc Chăm-pa ở phương nam hoặc xuyên qua Lào. Lịch sử quân sự lại được lặp lại, những cuộc tấn công của Khme đỏ vào sườn biên giới tây nam của Việt Nam, trong khi Trung Quốc tập trung binh lực khổng lồ ở phía bắc dọc theo những tuyến đường tấn công truyền thống, chuẩn bị cho cuộc xâm lăng. Hàng nghìn cổ vấn quân sự Trung Quốc bên các lực lượng Khme đỏ – phía Việt Nam nói con số này cao tới 20 nghìn – là một nhân tố có ý nghĩa trong toàn bộ kế hoạch xâm lăng này. Hình như đã rõ là những vùng biên giới, từ biên giới tây nam cho tới biên giới phía bắc Việt Nam, sắp sửa trở thành bãi chiến địa cho cuộc hành quân phối hợp nhằm nghiền nát người Việt Nam và quét sạch cái chướng ngại vật lịch sử này đối với công cuộc nam tiến của Trung Quốc! Vô cùng đau xót và tan vỡ ảo tưởng, tôi đi tới kết luận như vậy.

Phần thứ năm: Campuchia sống sót – Cái gì đang chờ đợi ở phía trước

XIII. Từ kháng chiến đến giải phóng

Sẽ chẳng bao giờ biết nổi toàn bộ câu chuyện về cuộc kháng chiến của nhân dân Campuchia chống chế độ Khme đỏ. Không thể chấp nổi để có được một bức tranh toàn cảnh vì hàng chục nghìn nam nữ anh hùng vô danh đã bị giết hại – thường là những người tham gia trong các cuộc nổi dậy đã bị giết tới người cuối cùng. Nhưng điều có thể khẳng định được là cuộc đấu tranh đã lan ra một cách cực kỳ nhanh chóng và rộng khắp và được tiến hành với chủ nghĩa anh hùng vĩ đại của những người dân thường tay không tấc sắt, cũng như của các đơn vị vũ trang. Tất cả các thành viên của “Hội đồng Nhân dân Cách mạng” đang cầm quyền và của các cơ quan lãnh đạo khác của Cộng hòa Nhân dân Campuchia đều đã từng tham gia hoặc lãnh đạo những nỗ lực kháng chiến. Trong số các lãnh tụ của nhóm kháng chiến trong lòng các lực lượng vũ trang Khme đỏ có Heng Xomrin, sau này trở thành Chủ tịch Cộng hòa Nhân dân Campuchia; Hun Xen, Ngoại trưởng Cộng hòa Nhân dân Campuchia và Xô Phim, nguyên Phó Chủ tịch thứ nhất của Khiêu Xamphon khi hắn ta thay Sihanuc là Quốc trưởng năm 1976. Xô Phim chỉ huy một trong những cuộc binh biến lớn nhất trong hàng ngũ các lực lượng vũ trang Khme đỏ. Ông bị đồng ngũ làm phản và bị giết hại.

Cuộc kháng chiến vũ trang chống ban lãnh đạo PolPot – Iêng Xari bắt đầu ngay từ đầu năm 1973. Năm đó, Xải Phu Thoòng, hiện là một trong những Phó Chủ tịch của Mặt trận cứu nước đoàn kết Campuchia (FUNKS), đã lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở tỉnh Kô kông, tây nam Campuchia có biên giới chung với Thái Lan. Cuộc khởi nghĩa này được nổ ra bởi phản ứng mạnh mẽ của các cán bộ Khme đỏ địa phương trước mệnh lệnh áp dụng những biện pháp dã man đối với dân thường. Cuộc nổi dậy bị đàn áp đẫm máu và tất cả các cán bộ Khme đỏ của địa phương đều bị giết chết. Nhóm kháng chiến của Xải Phu Thoòng là nhóm ra đời sớm nhất và lớn nhất, có 5 căn cứ nhỏ, mỗi căn cứ có từ 20–60 người có vũ trang. Toàn bộ họ chỉ có hai máy thu thanh nhỏ và không có máy phát. Đã 17 lần Xải Phu Thoòng cử phái viên đi tìm kiếm sự giúp đỡ của người Việt Nam. Ba nhóm trong số này đã bị đón lõng và bị các lực lượng Khme đỏ xóa sổ. Cuối cùng, Xải Phu Thoòng, một người Khme gốc Thái, đã phải tìm cách chạy sang Thái Lan và được dân Khme thiểu số ở vùng biên giới che chở cho tới khi ông có khả năng quay trở lại hỗ trợ cho cuộc nổi dậy trên cả nước nhằm chấm dứt chế độ PolPot.

Một cuộc binh biến tương tự do Bu Thoong lãnh đạo, nổ ra sau đó ít lâu ở vùng gần biên giới với Lào phía đông bắc Campuchia. Những cuộc binh biến trong các lực lượng vũ trang đã có đà thúc đẩy, đặc biệt từ năm 1977 trở đi, nhưng hầu hết đều bị đàn áp dã man bằng bản tính tàn bạo vốn có của Khme đỏ. Việc gần như không có thông tin qua lại giữa các nhóm kháng chiến với nhau làm cho họ không biết gì về sự tồn tại và hoạt động của nhau và trong một thời gian dài, đã ngăn cản việc tổ chức một phong trào nổi dậy rộng khắp toàn quốc. Dẫu sao thì những cuộc binh biến trong các lực lượng vũ trang của Khme đỏ và các cuộc nổi dậy của nhân dân riêng rẽ vẫn cứ tiếp tục.

Bác sĩ Apdun Côiômơ, một Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận cứu nước thành phố Phnom Penh giới thiệu cho tôi nghe về cuộc kháng chiến tự phát của nhân dân. Ông phụ trách về các vấn đề dân tộc thiểu số, kiêm phụ trách về y tế thành phố. Bác sĩ Côiômơ là người Chàm. Theo ông, khối cộng đồng người Khme theo đạo Hồi này trước đây là 700 nghìn người.^[118] Vốn là ngư dân, người Chàm chủ yếu sinh sống dọc theo sông Mêkông và sông Tônglê Sáp. Bác sĩ Côiômơ sống ở xã Co cô, cùng với xã Cô Prác và Roang hợp thành huyện Côngpông Xiên thuộc tỉnh Côngpông Chàm. Chúng tôi gặp nhau vào đầu tháng 12/1980, ông mới về thăm ba xã này và thấy cả ba xã đều bị bỏ hoang hoàn toàn. Trong số 20 nghìn người Chàm trước đây sống ở Côngpông Xiên, nay chẳng còn ai cả. Nói vậy không hẳn đã có nghĩa rằng chẳng ai còn sống sót, nhưng mùi hôi thối và ký ức về sự chết chóc đến mức chẳng có người nào còn sống sót muốn trở lại nơi này nữa. Bác sĩ Côiômơ kể lại cái về sau này được biết tới với tên gọi: “Cuộc khởi nghĩa Crốtma”.

“Khi đó là tháng 10/1975, việc cấy lúa mùa chính vừa mới hoàn thành. Chúng tôi đang chuẩn bị tổ chức lễ Ramadan, ngày lễ thiêng liêng nhất của đạo Hồi. Các cán bộ Ấngca tới, triệu tập mọi người đi họp. Tên cán bộ lãnh đạo nói: ‘Bây giờ các đồng chí là những người cách mạng rồi, các đồng chí không được sùng đạo nữa. Các đồng chí có thể đem kinh Coran làm giấy lộn được rồi. Đưa kinh Coran ra đây và chúng ta sẽ biến chúng thành đồng lửa mừng’. Mọi người không chịu, thế là lính PolPot bắt đầu sục vào các nhà tịch thu các bản kinh Coran. Cánh đàn ông chúng tôi chống lại, giành nhau với chúng. Bọn lính xua đàn bà và trẻ em đi, rồi quây lấy đàn ông. Họ bị bắt đi và bị giết chết.

Sự việc này được mọi người nhanh chóng kể đi khắp các làng xã của người Chăm ở vùng trung lưu sông Mêkông. Một hình thức chống đối để cứu lấy kinh Coran ra đời. Nhưng đây chỉ là cái cớ để chúng tiến hành việc thanh toán chủng tộc Chăm chúng tôi. Chúng nói rằng đàn bà chúng tôi để tóc dài giống như dân Việt Nam và như vậy là đã bị ‘nhiễm xấu’. Cách xã tôi không xa là một hòn đảo rất màu mỡ – đảo Côpham – ‘Đảo Thịnh vượng’ ở giữa dòng sông Mêkông. Ở đó, cuộc đấu tranh để cứu kinh Coran cũng diễn ra tương tự. Bọn lính PolPot quây lùng đàn ông. Nhiều người nhảy xuống sông. Một số bị chết đuối, một số bị súng máy bắn chết dưới nước. Bọn lính PolPot sau đó đưa một đơn vị giong thuyền từ Côngpông Chăm tới diệt nốt những ai còn sót lại ở Côpham. Đảo này nay đã được mang tên mới – Cô Phét, nghĩa là đảo Tro tàn”.

Theo bác sĩ Coiômơ (và đã được khẳng định bằng các cuộc phỏng vấn của bản thân tôi với những người Chăm còn sống sót, đầu tiên là với những người đã trốn sang Việt Nam hồi năm 1977-1978), người Chăm bị xếp vào loại A, cùng với những sĩ quan và binh sĩ của quân đội Lon Non, trong hàng thứ tự ưu tiên bị giết.

“Các cuộc giết chóc diễn ra ngay sau cái mà chúng tôi coi là chiến thắng chung của mình. Giai đoạn đầu tiên là kêu gọi mọi người tình nguyện đi giúp cấy lúa. Không ai còn gặp lại những người tình nguyện nữa. Những cuộc giết chóc diễn ra không thường xuyên trong các năm 1975 và 1976. Đến tháng 7/1977, các lãnh tụ Khme đỏ ở địa phương nói rằng dân số ở huyện chúng tôi quá đông, một số người phải chuyển đến các huyện khác. Xã tôi thuộc ‘huyện 42’ và chúng tôi được lệnh bước đầu phải chuyển 120 gia đình đến ‘huyện 41’. Một nửa gia đình trong số đó là người Chăm. Họ chẳng thể đem bất kỳ của cải vật dụng gì – Ấngca sẽ cấp cho. Những người đầu tiên phải ra đi ngủ đêm tại một trường học trong lúc vài chiếc xe tải chạy đi chạy lại chở những người khác. Từ lúc này trở đi, họ phải bỏ lại tất cả, trừ bộ quần áo mặc trên người. Họ bị đưa tới đồn điền cao su Chúp; ở đó người ta đã đào sẵn nhiều hố, có những hố sâu đến 10m. Đàn ông, đàn bà và trẻ em bị tách riêng ra để giết, xác họ bị ném xuống các hố khác nhau”.

Prom Than cùng dự các cuộc thảo luận với bác sĩ Coiômơ, cũng là một Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận thành phố Phnom Penh, phụ trách các vấn đề tôn giáo. Tôi hỏi ông vì sao PolPot lại đặc biệt chống đối người Chăm. Ông trả lời rằng tập đoàn lãnh đạo PolPot – Iêng Xari chống đối mọi tôn giáo.

“Tụi lãnh đạo Khme đỏ đã giết chết khoảng ba phần tư số các nhà sư theo đạo Phật, nhưng chúng không thể giết sạch các tín đồ Phật giáo, bởi lẽ họ thật sự đại diện cho toàn dân tộc. Nhưng đối với người Chăm, chúng có thể giết sạch không chỉ các vị mullah (giáo sĩ đạo Hồi – ND) mà còn cả tất cả các tín đồ nữa chỉ vì đây là một tộc người nước ngoài với một tôn giáo nước ngoài. Ngược lại, người Chăm lại dùng mọi thứ có trong tay để chống trả nhằm bảo vệ tôn giáo và những phong tục tập quán đặc biệt của họ.

Trước năm 1975, người Chăm sống trong những khối cộng đồng rất gần gũi với nhau, thường tụ lại chung quanh nhà thờ của họ và họ cực kỳ đoàn kết với nhau (một cộng đồng sống khá khép kín – BT). PolPot bắt tay ngay vào việc phá vỡ thực trạng này. Chúng thi hành một chính sách có tính toán kỹ càng để chia rẽ, phân ly và tiêu diệt họ. Để thoát chết, người Chăm phải từ bỏ tập tục của mình. Nhà thờ bị biến thành chuồng lợn và nơi chứa phân người. Đàn bà phải cắt tóc ngắn, đàn ông phải ăn thịt lợn – từ chối có nghĩa là bị giết ngay lập tức – phải bỏ việc cầu kinh, phải che dấu hay phủ nhận nguồn gốc của mình. Nhưng dưới hình thức này hay hình thức khác, người Chăm không bao giờ chịu ngừng chống trả dù phải chịu biết bao hy

sinh”.

Châu Coong, nguyên giáo viên trung học Xiêm Riệp (thị xã của tỉnh Xiêm Riệp, nơi gìn giữ những gì còn lại của đền Angko), giới thiệu một ví dụ về kiểu nổi dậy tuyệt vọng của nhân dân. Hiện nay anh là cán bộ Vụ Trung Đông và châu Phi thuộc Bộ Ngoại giao và là người phiên dịch tiếng Anh cho tôi trong chuyến đi thăm Campuchia tháng 12/1980.

Khi những trung tâm thành thị bị bỏ hoang sau khi Khme đỏ lật đổ Lon Non tháng 4/1975, Châu Coong bị đưa đi khỏi thị xã quê anh tới xã Cuốc Thiốc thuộc huyện Chíkrông tỉnh Xiêm Riệp. Tháng 4/1977, anh bị đưa đi tham gia xây một con đập ở một nơi tên là Rôhan Truôn.

“Những người dân ‘cũ’ đang làm việc ở đó rồi, nhưng họ phải bị thay thế bởi những người ‘mới’. Khi nhân danh Angca, người ta ‘mời’ những người dân ‘cũ’ trở lại quê cũ, thì họ đã ngờ rằng người ta đưa họ đi giết. Họ ở lì tại chỗ. Những người dân ‘mới’ đã dày dạn tới mức hiểu rằng những ‘lời đề nghị’ của Angca cũng có nghĩa là án tử hình. Dân ‘cũ’ và dân ‘mới’ họp nhau lại chỉ định hai lãnh tụ: Chót của dân ‘cũ’ và Xíp của dân ‘mới’, để biểu tình chống Angca. Những cuộc biểu tình này nổ ra ngay nơi làm việc, nhưng cũng gần như đồng thời nổ ra ở tất cả 20 xã của huyện Chíkrông. Bọn cán bộ Angca ra sức ngăn chặn họ, lúc đầu bằng lời lẽ thuyết phục, rồi sau bằng vũ lực. Chúng chỉ đổ thêm dầu vào ngọn lửa nổi dậy. Nhiều cán bộ Angca, binh lính, đội trưởng các đội lao động và chủ nhiệm các hợp tác xã bị tấn công bằng rìu, cuốc, gậy sắt, gậy gộc và bị giết. Cuộc nổi dậy kéo dài hai tuần; tới lúc đó, tất cả cán bộ Angca trong huyện Chíkrông đều bị giết sạch. Dân ‘cũ’ và dân ‘mới’ sát cách chiến đấu bên nhau.

Chuyện bắt đầu vào những ngày tháng 4. Một số lính PolPot tới xã Cuốc Thiốc để gắng ngăn chặn cuộc biểu tình. Chúng đã bị giết, sau đó chúng phái các lực lượng tăng viện lớn tới, và ngày 29/4 tên phụ trách toàn vùng, trong đó có các tỉnh Xiêm Riệp, CôngPông Thơm và Ôtđô Miênchay tới nói về việc cách mạng đã ‘giải phóng chúng ta khỏi ách chủ nghĩa đế quốc’ và về những quyền lợi và ân huệ mà Angca đã đưa lại cho chúng tôi. Hắn buộc tội chúng tôi đã ‘vô ơn bội nghĩa’ khi tiến hành biểu tình và cảnh cáo rằng ‘cách mạng vẫn còn sống’.

Mọi người hét lại rằng chúng tôi không chống cách mạng, chúng tôi chỉ chống lại các cuộc giết chóc và chống lại tình trạng thiếu ăn. Chúng tôi tiến hành một ‘cuộc cách mạng trong lòng cách mạng’. Tên phụ trách đáp rằng một số cán bộ đã bị giết, rằng Angca theo đường lối đúng đắn của mình, sẽ bảo đảm rằng ‘công lý sẽ được thực hiện’. Khi đó, bọn lính lôi Chót và Xíp đi, còn tên phụ trách nói rằng Angca ‘yêu cầu họ có mặt để giáo dục thêm nữa’. Chúng tôi hiểu rằng đó chính là cái án tử hình đối với họ.

Rồi mọi người bị bắt đứng thành hàng và ai cũng phải trả lời câu hỏi: ‘Có tham gia biểu tình không?’ Những ai trả lời ‘có’ bị dồn sang một bên, những ai trả lời ‘không’ bị dồn sang phía bên kia. Khi tất cả mọi người trả lời xong, những ai trả lời ‘có’ bị đưa trở lại xã và bị bắt nằm xuống. Tay bị trói quặt ra sau, họ bị bắt đi giữa ban ngày ban mặt và bị giết ngay quanh xã. Đối với những người giống tôi trả lời ‘không’, đêm đêm Angca yêu cầu lên trình diện và không ai trở lại nữa. Đêm 21–22/4, tôi tìm cách trốn sang một huyện khác. Theo tôi biết, tôi là người đàn ông duy nhất của Cuốc Thiốc và một trong số rất ít đàn ông của huyện Chíkrông còn sống sót”.

Cũng hợp lẽ khi khẳng định rằng những người nằm dưới các hố chôn người ở Rôluốt chính là những nạn nhân của một cuộc khởi nghĩa của nhân dân, tương tự như cuộc nổi dậy ở huyện Chíkrông, nhưng xảy ra ở mạn bên kia của Campuchia. Xã Rôluốt, trên đôi bờ sông Bát xắc, cách Phnom Penh khoảng 15km. Khi tôi tới thăm vào giữa tháng 12/1980, người ta mới khai quật được 20 trong tổng số 129 hố chôn người được phát hiện vào tháng 8/1980. Việc bốc mộ bị tạm ngưng vì thành viên các nhóm khai quật đều bị ốm do những mùi hôi thối và cảnh khủng khiếp của công việc. Tôi cũng vậy. Dưới mỗi hố đã được đào, có từ 60–120 xác chết. Hầu hết những người này, tay bị trói quặt ra sau bằng dây điện, mắt bị bịt bằng những mảnh vải xé từ quần áo của chính họ. Có cả đàn ông, đàn bà và trẻ em. Những túm tóc và thịt khô vẫn còn bám lấy xương sọ và các xương khác. Hình như rõ ràng là nhiều gia đình đã bị giết sạch. Trạng thái của những gì còn lại cho thấy rằng các nạn nhân chỉ mới bị giết ít lâu trước khi chế độ PolPot – Iêng Xari bị lật đổ. Nhưng chẳng ai có thể nói được rằng khoảng 11–12 nghìn nạn nhân đã bị đưa từ đâu tới nơi hành quyết. “Chết là hết chuyện”, như một câu ngạn ngữ cổ của Anh đã từng

nói!

Dân làng ở Rôluốt, đang dùng đôi tay thu hoạch một vụ lúa sớm năng suất khá cao khi tôi tới thăm, cũng chẳng thể đóng góp được gì vào việc giải quyết câu chuyện bí hiểm này. Bị buộc phải tản cư xa quê hương trong những ngày đầu tiên sau khi Khme đỏ giành chính quyền, họ mới chỉ trở lại quê sau ngày chế độ ấy bị lật đổ. Một số người đã gục xuống ốm nặng sau khi khai quật những hố chôn người tập thể. Có thể giả định rằng những nạn nhân này thuộc về một cộng đồng người nổi dậy chống bọn Khme đỏ bạo ngược ở địa phương. Nhưng từ lòng những hố chôn người này, không có gì có thể gợi cho người ta biết họ là ai và từ đâu tới.

Vandì Caon là một nhà xã hội học được đào tạo ở Sorbon, thoát chết nhờ giả làm người bán thuốc lá rong mù chữ. Bị đày tới xã Prech Căc, huyện Xtung Treng, tỉnh Côngpông Châm, ông ta đã được chứng kiến những hành vi chống đối của cá nhân và bản thân ông đã định lấy một loại cây có chất độc chết người chế thành thuốc độc để tự tử. Ông ta nói với tôi:

“Mọi người đều sẵn sàng vùng dậy chống PolPot. Giá như có một khẩu súng thì hẳn tôi đã tham gia cùng họ rồi. Nhưng tình hình dường như vô vọng. Nhiều người đã phải tự vẫn. Họ cảm thấy thế nào họ cũng sắp chết đến nơi rồi – vậy còn kéo dài cảnh cùng cực này làm gì?”

Ông ta kể ra trường hợp một sinh viên trẻ “cởi mở và khoan dung” trong khi đối xử với mọi người cùng tổ lao động, quyết định tự kết liễu đời mình, nhưng ít nhất cũng tự sát bằng một cách thể hiện sự thách thức nhằm động viên tinh thần kháng cự. Ở Prech Căc cũng như ở mọi nơi khác, tụi mật thám còn đêm đêm ẩn náu tại những khu nhà ở để phát hiện xem ai nói tiếng nước ngoài. Những ai bị tố giác là nói tiếng nước ngoài thì ngay hôm sau sẽ bị bắt đi và rồi chẳng bao giờ trở lại nữa. Một hôm, trước sự lo sợ và kinh ngạc của mọi người, chàng thanh niên ấy đứng giữa công trường hát một bài hát, một bài thuộc loại “hit” khá phổ biến hồi những năm 1970 – bằng tiếng Pháp. Hát xong, khi bị bắt đi, anh còn thét lên: “Tao biết cái chết đang chờ tao. Giờ thì tao sẵn sàng chết đây”. Cha mẹ anh rơi vào tình trạng suy sụp, mẹ anh mất sau đó một tháng, còn cha anh tự thắt cổ ít lâu sau cái chết của mẹ anh. Vandì Caon nói thêm:

“Tại công trường Xtung Treng, nhiều trí thức đã bị giết vì sơ suất buột miệng nói ra một từ tiếng Pháp hoặc tiếng Anh sau khi đi làm về. Cha của anh sinh viên nọ để lại mấy chữ: ‘Cầu cho linh hồn chúng ta không bao giờ tái sinh trên mảnh đất nghìn lần khốn nạn này nữa!’ Thật là một con người đáng thương! Điều duy nhất người đời có thể trách ông ta là ông đã chọn nhầm đối tượng của lời nguyện rửa của ông. Lẽ ra, lời nguyện rửa trước khi chết của ông phải nhằm vào bọn Khme đỏ chứ không phải vào đất nước Campuchia”.

Liệu có thể tưởng tượng rằng hai cha con ông già này lại không cầm vũ khí một khi có cơ hội, dù là mỏng manh nhất, lật đổ chế độ ấy không? Phải nhận những trường hợp như thế này lên hàng chục lần. Ở tất cả những nơi tôi đã qua, là những tỉnh đông dân nhất của Campuchia, tôi đều được nghe kể về những hành động kháng cự có tính chất cá nhân tuyệt vọng tương tự. Giá như họ có khả năng phối hợp với nhau và tập trung lực lượng lại thì cái chế độ ấy chắc đã bị lật đổ sớm hơn nhiều.

Pin Yathay viết một cách rất thuyết phục rằng những lời đồn đại về các cuộc nổi dậy ở nhiều nơi trong nước đã làm hé ra những niềm hy vọng, nhưng không thể xác minh được các lời đồn đại ấy, lại càng không thể tìm đến tham gia những nhóm nổi dậy đó.^[119] Một trong những cuộc nổi dậy quan trọng nhất, cũng là cuộc nổi dậy giúp ta lý giải về những vụ đào ngũ hàng loạt sau này của lính PolPot và chiến thắng vũ bão của các lực lượng chống Khme đỏ được Việt Nam ủng hộ tháng 1/1979 – được sự lãnh đạo của Chacrây, Phó Tổng tham mưu trưởng, tư lệnh quân khu Phnom Penh. Cuộc nổi dậy này diễn ra vào tháng 2/1977, nhưng mạng lưới mật thám của PolPot trong các lực lượng vũ trang đã được tổ chức quá tốt. Cuộc binh biến vừa mới bắt đầu, Chacrây đã bị giết, những người giúp việc chủ yếu của ông đều bị bắt. Về sau họ bị thiêu sống tại sân vận động Phnom Penh.

Cuộc kháng chiến chống chính quyền Khme đỏ của PolPot, Iêng Xari và Khiêu Xamphon quá ư phức tạp và những yếu tố đã biết lại quá thiếu hoàn chỉnh, trong một vài trang sách không

thể giải quyết nổi. Chắc chắn vấn đề này rồi sẽ phải là đề tài của một cuốn sách với đúng tầm cỡ của nó. Phó Chủ tịch FUNKS có trách nhiệm thu thập tài liệu về vấn đề này. Giá như chỉ cần những nắm xương vô danh dưới hàng nghìn những nắm mồ tập thể kia có thể làm chứng hoặc những kẻ thủ phạm bằng xương bằng thịt bị đưa ra tòa, thì ta cũng có thể có được một bản báo cáo tương đối đầy đủ rồi. Từ những tài liệu điều tra hẳn là còn hạn chế của tôi, tôi đã đi dần tới chỗ làm rõ được rằng: nói rằng hơn ba triệu người Campuchia chịu bị động đi vào cỏi chết là không đúng. Họ đã kháng cự, từng cá nhân và cả tập thể, cả dân thường không tác sát trong tay lẫn những đơn vị trong các lực lượng vũ trang, nhưng chủ yếu là tự phát và rời rạc, sức đến đâu kháng cự đến đó. Tuy nhiên, họ phải chịu ở vào thế bất khả kháng đến mức tuyệt vọng bởi vì súng ống, đạn dược, tổ chức thông tin liên lạc, giao thông vận tải và – trên hết – sự lãnh đạo còn nằm trong tay PolPot và bè lũ, những kẻ ngày càng trở thành những công cụ tình nguyện của đội quân cổ vấn Trung Quốc của chúng!

Tháng 12/1980, tôi có thảo luận vấn đề lật đổ chế độ Khme đỏ với Yốt Po, một thành viên trong Ủy ban Trung ương FUNKS, khi đó là cố vấn cao cấp của Bộ Văn hóa – Báo chí – Thông tin, là một trong số hiếm hoi những người của Đảng bộ Khme thuộc Đảng Cộng sản Đông Dương trước kia còn sống sót, và điều rất thú vị nữa là người đã từng nghiên cứu triết học ở Trùng Khánh trong thời gian Cách mạng Văn hóa ở Trung Quốc. Yốt Po đã từng tham gia trong các cuộc đấu tranh giải phóng chống Pháp và chống Mỹ và đã giữ vai trò lãnh đạo trong việc thành lập FUNKS cũng như trong việc soạn thảo điều lệ của tổ chức này. Ông đã thoát khỏi bàn tay những đội hành quyết của PolPot vì đã vượt biên trốn sang Việt Nam. Kinh nghiệm rộng rãi của Yốt Po trong đấu tranh cách mạng làm cho ông ta giải đáp một cách rõ ràng và cô đọng những gì đã diễn ra:

“Chính cuộc đấu tranh của nhân dân đã giải phóng đất nước chúng tôi tháng 4/1975. Nhưng tập đoàn PolPot – lêng Xari đã tiếm quyền, biến Campuchia thành một trại tập trung khổng lồ. Chúng đối xử với chúng tôi như một loại đồ vật vô tri vô giác chứ không phải như một con người. PolPot, lêng Xari và vợ chúng đã lập nên một chế độ độc tài kiểu gia đình trị. Tất cả những nhà cách mạng chân chính, từng góp phần vào chiến thắng Lon Non, đều đã bị giết hại. Những nhà cách mạng cao tuổi đã từng chiến đấu chống thực dân Pháp vì nền độc lập của nước nhà cũng vậy. Chúng không chỉ giết hại các nhà cách mạng mà còn làm cho người nông thôn chống lại người thành thị và rồi làm cho người nông dân chống đối lẫn nhau.

Từ năm 1973 trở đi đã có những cuộc binh biến ngay trong hàng ngũ lực lượng vũ trang Khme đỏ vì những người cách mạng chân chính không thể ủng hộ việc đàn áp chính nhân dân mình. Nhưng từ năm 1976 trở đi, những cuộc nổi dậy này có thêm sức mạnh vì khi đó PolPot còn giết cả gia đình, họ hàng của binh lính trong quân đội của chính hắn. Vợ con, họ hàng của những sĩ quan và binh lính trung thành của Khme đỏ cũng bị giết hại. Họ muốn tiêu diệt cái chế độ chịu trách nhiệm về những hành động tàn bạo như vậy. Tất cả bọn họ đều thiết tha với một cuộc sống bình thường, đều muốn gia đình, bạn bè của mình được yên ổn.

Mọi chiến sĩ đều biết rõ những mâu thuẫn trong giới lãnh đạo và đều biết rằng những nhà cách mạng chân chính đang bị giết hại. Trong số những nhà cách mạng được kính trọng nhất, nhiều người đã trốn sang Việt Nam lánh nạn, coi đó là cách duy nhất để sống sót. Họ tập hợp nhau lại thành những thành viên của một lực lượng cách mạng được củng cố, hiến dâng tất cả cho sự nghiệp lật đổ cái đã trở thành một chế độ phát-xít phản dân không thể tha thứ được. Đến cuối năm 1978, thời gian đã chín muồi cho sự ra đời của một Mặt trận thống nhất dân tộc để giải phóng đất nước. Cuối cùng, các nhóm kháng chiến đã có khả năng liên lạc được với nhau. Tình hình đã cho phép tổ chức một đại hội thành lập Mặt trận cứu nước tại Chloong, tỉnh Crachê ngày 2/12/1978, nhằm thống nhất mọi lực lượng và tầng lớp nhân dân lật đổ tập đoàn PolPot – lêng Xari. Tham gia Mặt trận có nhiều cán bộ và nhà cách mạng kỳ cựu cũng như những nhân vật mới như Hêng Xomrin, Hun Xen và nhiều người khác; những người này lúc đầu ủng hộ PolPot, nhưng trong một thời gian dài đã chống lại chính sách phản dân, diệt chủng của hắn.

Trong vòng 30 ngày từ khi thành lập Mặt trận, các lực lượng PolPot – lêng Xari đã bị đánh đuổi khỏi đất nước. Một Hội đồng Nhân dân Cách mạng được thành lập để lãnh đạo nhân dân,

điều hành công việc quản lý và bảo vệ đất nước”.

Tôi hỏi Yốt Po rằng với tư cách là một người cộng sản lão thành và đã từng làm việc với ban lãnh đạo Khme đỏ, ông giải thích thế nào về chính sách diệt chủng của chúng đối với những người cách mạng, chiến hữu của chúng, một chính sách đã dẫn tới những cuộc binh biến và nổi dậy, dẫn tới sự sụp đổ của chính quyền và tan rã các lực lượng vũ trang của chúng?

“Sợ! Tập đoàn PolPot – Iêng Xari sợ. Sợ những người cách mạng chân chính, sợ nhân dân. Chúng có mặc cảm tội lỗi vì đã tiếm quyền lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia (Pracheachon) ra đời từ Đảng bộ Khme thuộc Đảng Cộng sản Đông dương. Cái gọi là Đảng Cộng sản Campuchia do chúng thành lập về sau này là cội nguồn của tấn thảm kịch đầm máu ngập tràn Campuchia trong thời gian từ năm 1975 đến năm 1979. Chúng còn có cả mặc cảm tội lỗi vì đã chống lại những đồng minh và những bạn chiến đấu gần gũi nhất của nhân dân Campuchia, những người đã từng hy sinh biết bao xương máu để giúp đỡ chúng tôi trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Chúng đã thành công trong việc làm cho những người bạn tốt nhất của chúng tôi và toàn thể dân tộc tôi chống lại nhau, và vì thế chúng đã tự đào huyệt chôn chúng”.

Quân đội Nhân dân Việt Nam đã cứu Cách mạng Campuchia. Họ đã phối hợp với lực lượng cách mạng Campuchia đập tan 19 sư đoàn quân Khme đỏ tập trung dọc biên giới với Việt Nam, kể cả 3 sư đoàn trong thực tế đã xâm nhập vào tỉnh Tây Ninh của Việt Nam. Họ đã bẻ gãy xương sống của các lực lượng Khme đỏ và do vậy tạo điều kiện cho nhân dân Campuchia nổi dậy và đập tan nhanh chóng chế độ PolPot. Một khi bị Quân đội Nhân dân Việt Nam giáng cho những đòn phủ đầu, chúng lập tức tan rã như tuyết bị đưa lên bếp nóng. Tôi đề nghị Vandi Caon kể lại không khí ở vùng của ông khi mọi người hiểu rằng một cuộc phản công chống chế độ Khme đỏ đã bắt đầu.

“Tôi và nhiều người khác luôn luôn ấp ủ ảo tưởng rằng thế nào rồi Liên hợp quốc cũng can thiệp để chấm dứt cơn ác mộng. Chúng tôi không thể tưởng tượng được rằng mọi người lại bỏ mặc để chúng tôi lui tàn. Mỗi khi nghe tiếng pháo hạng nặng nổ, tôi lại nghĩ: ‘Cuối cùng thì Liên hợp quốc cũng đã đến’.

Đầu tháng 1/1979, khi nghe tiếng pháo hạng nặng ngày càng gần hướng chúng tôi, nhân dân xã Prech Các nổi dậy bắt tên Chim – trùm Ángca địa phương và cũng là tên sát nhân tàn bạo nhất. Trước kia, chỉ bề ngoài của nó cũng đủ làm cho mọi người run lên. Nhưng khi nghe tiếng pháo nổ, nó bắt đầu run lên như cây sậy. Tụi vệ binh của nó bắt đầu thì thảo với nhau: ‘Mình làm sao mà đánh lại được loại đó’, khi chúng nghe tiếng nổ của đạn phá cỡ lớn. ‘Họ có xe tăng khổng lồ cơ mà’. Từ thời điểm ấy, nhân dân bắt đầu hành động”.

Tôi hỏi Vandi Caon: “Phản ứng tức thì của ông và những người khi đó đang ở bên ông là gì?” Ông cười và trả lời: “Khi đó là giờ ăn cơm và giống như mọi người khác, tôi chỉ được ăn một muôi cháo gạo. Tôi làm thêm hai muôi nữa. Thường ra, bọn lính gác bếp của PolPot đã bắt và giết tôi rồi. Tôi nói với chúng: ‘Tụi mày tịch rồi’. Chúng trả lời: ‘Phải! Chúng tao tịch rồi’”. Ông kể tiếp:

“Những gì xảy ra tiếp theo đó làm cho tôi phải thay đổi cách suy nghĩ về nhân tố quyết định chiến tranh. Tôi đã chờ mong được chứng kiến một đội quân khổng lồ, xứng với tiếng pháo nổ và nét khủng khiếp trên mặt bọn Khme đỏ. Nhưng không hề có chuyện như vậy. Chỉ dăm ba người lính PolPot thôi, họ chĩa súng vào bọn chỉ huy, bọn này quăng súng xuống đất.

Cho tới tận khi đó, tôi vẫn nghĩ rằng chỉ có sức mạnh quân sự mới là yếu tố quyết định. Nhưng rồi tôi đã hiểu rằng sức mạnh chính trị mới là nhân tố quyết định. Đột nhiên, người ta đồn rằng bộ đội FUNKS đã tới đây xã. Hóa ra họ chính là quân lính PolPot đã chạy sang phía bên kia. Họ chính là mũi xung kích của các lực lượng giải phóng, đã chuẩn bị sẵn sàng cho vai trò mà họ đang thể hiện rất tốt vào lúc này, trước khi xe tăng và pháo binh Việt Nam kéo tới.

Nhiều tháng trước đó, người ta đã tiến hành công tác chính trị một cách thận trọng. Toàn dân đứng về phía FUNKS ngay từ phút đầu tiên. Đây chính là lực lượng giải phóng chân chính. Cán bộ FUNKS đưa ra khẩu hiệu ‘Cấm trả thù’ và khi lực lượng vũ trang của họ tới, họ đã nhiều

lần phải can thiệp để cứu bọn theo PolPot khỏi bị xử tử theo kiểu Lynch. Những tên trung thành với PolPot bắt đầu hạ vũ khí và cũng không thể tránh khỏi một số trường hợp trả thù cá nhân, nhưng nói chung chủ trương của FUNKS được tôn trọng.

Là một nhà xã hội học, tôi hết sức quan tâm tìm hiểu xem một chế độ thay đổi như thế nào và tôi đã có mặt ở đó, tiếp cận gần nhất với sự thay đổi ấy. Trong thực tế, sự thay đổi diễn ra thật vô cùng đơn giản. Bọn theo PolPot ra sức liên hệ với mọi người: ‘Xin hãy nhớ tới tôi! Tôi chưa bao giờ thực sự ủng hộ PolPot!’ Đột nhiên chúng nhận thấy tương lai và vút súng đi.

Chúng tôi đã bị Khme đỏ nhồi vào đầu cái ‘lý thuyết’ cho rằng chỉ có sức mạnh quân sự mới là đáng kể. Theo đường lối Maoít thì ‘súng để ra chính quyền’. Thật ra không phải như vậy. Chính sức mạnh của cả một dân tộc đoàn kết lại với nhau trong đau khổ mới là đáng kể trong việc lật đổ PolPot. Nhiệm vụ cuối cùng của tôi cho đến phút chót là dùng đôi bàn tay của mình nhào trộn bản chất con người, dưới sự quản thúc của một nhóm cảnh vệ Khme đỏ dữ tợn. Đột nhiên, khi nghe tiếng pháo nổ tới gần, chúng trở nên giống như những chú cừ non, rồi làm ra vẻ rằng chúng vẫn luôn luôn ủng hộ nhân dân và căm ghét chính sách của PolPot. Chúng có thể làm gì để chứng minh điều này? Chúng tôi yêu cầu chúng dùng vũ khí của chúng đi vây rập những tên Khme đỏ chậm chân tụt lại; chúng thi hành một cách rất nhiệt tình”.

Vandī Caon giải thích rằng nhiều người đã có ý định làm cho ông ta phải thú nhận mình là một nhà trí thức, rằng rõ ràng là trong hàng ngũ các cán bộ Khme đỏ, ít nhất là tới năm 1977, đã có những người chân thành tìm kiếm ý kiến của những người bị nghi là trí thức để xem họ thấy tương lai như thế nào. “Nhưng những nhóm Khme đỏ ấy bị làm cho sợ hãi đến cứng cả người. Họ biết rằng cứ mỗi nhóm 5 người lại có ít ra là một tên mật thám của PolPot và sự tố giác của tên mật thám đó chắc chắn là một bản án tử hình”. Khi được hỏi ông nghĩ chính quyền này định đi xa tới mức nào trong việc giết chóc, Vandī Caon đáp:

“Đôi khi chúng tôi phải nghe những bài diễn thuyết trình bày đường lối ‘triệt để đến cùng’ của ban lãnh đạo ‘triệt để đến cùng’. Một phương diện của đường lối này là luận thuyết về ‘một trên mười’ biện minh cho các cuộc giết chóc thường xuyên. Nếu trong một nhóm mười người có một người bị nghi là địch, thì giết cả mười người còn hơn là để một người trốn thoát. Chính theo ý nghĩa đó mà tôi nghe thấy các cán bộ Khme đỏ thảo luận một chỉ thị ban bố năm 1977 quy định rằng để bảo vệ ‘tính trong sạch’ của cách mạng, mỗi xã chỉ cần có từ 4–8 gia đình sống sót là đủ. Trên cơ sở những gia đình ấy, một chế độ mới sẽ được xây dựng. Do vậy, ở Prêy Các, chỉ có 7 gia đình còn sống sót.

Năm 1978 đường lối này được thay đổi đôi chút ở chỗ nói rằng trẻ em phải là cơ sở của xã hội mới và các cán bộ được lệnh dành ‘sự chăm sóc đặc biệt cho trẻ em’. Đồng thời chúng được lệnh tăng cường tiêu diệt ‘kẻ thù’. Trong thực tế, điều đó có nghĩa là mọi tên trùm Angca xã phải giết người, nếu không sẽ bị giết. Theo cách nhìn của PolPot khi đó, công trạng của một cán bộ thể hiện ở chỗ người ấy đã giết được bao nhiêu ‘kẻ thù’”.

Vandī Caon kể rằng ông thường nghe thấy các cán bộ Khme đỏ ở địa phương khoe khoang với nhau về việc đã giết được bao nhiêu “kẻ thù” và trao đổi kinh nghiệm về những phương pháp giết người kinh tế nhất và có hiệu quả nhất. Khi tôi hỏi: “Theo ông, cái gì là nhân tố quyết định trong sự sụp đổ của một chế độ một khi đã bị giáng một đòn quân sự?” Ông trả lời:

“Nhân dân nông thôn nhận ra rằng PolPot đã lừa dối họ. Những người dân Phnom Penh và dân các trung tâm thành thị khác không phải là những kẻ thù tàn ác như người ta hằng mô tả họ, mà chỉ là những người dân lương thiện; hiển nhiên được hưởng một cuộc sống khá hơn so với những người sống ở nông thôn dưới thời PolPot.

Nhân dân ở khắp nơi, kể cả những trong các lực lượng vũ trang và trong bộ máy hành chính của Khme đỏ, ngày càng lo lắng về vận mệnh của gia đình họ, khi họ được chứng kiến những điều đã xảy ra đối với những gia đình rõ ràng là vô tội, đã từ Phnom Penh hoặc các trung tâm thành thị khác ra đi.

Từ lâu trước cuối năm 1978, người ta đã phản đối về cơ bản cái hệ tư tưởng của PolPot. Mọi người đều thấy rằng ban lãnh đạo Khme đỏ thật ngu xuẩn. Đâu đâu tôi cũng nghe thấy câu hỏi:

‘Làm sao chúng tôi có thể làm việc và xây dựng đất nước trong những điều kiện như vậy?’

Mọi người chỉ cần khẳng định chắc chắn rằng đã có sự hậu thuẫn về quân sự hùng hậu để thanh toán các đơn vị quân sự chủ yếu của Khme đỏ thì họ sẽ nổi dậy ở khắp nơi”.

Sự phân tích của Yốt Po và Vandī Caon là chính xác và giải thích cho tốc độ sụp đổ nhanh chóng đến mức đáng kinh ngạc của các lực lượng PolPot. Tất nhiên, xe tăng và pháo binh Việt Nam giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt các đơn vị quân sự chủ yếu của Khme đỏ và các cố vấn Trung Quốc của chúng. Nhưng sự chuẩn bị cẩn thận và chú ý đến mặt chính trị và công tác binh vận đã làm cho hàng nghìn, cũng có thể là hàng vạn binh lính Khme đỏ quay súng vào bọn sĩ quan chỉ huy, đẩy nhanh hơn quá trình tan rã của toàn bộ nhiều sư đoàn. Cuộc tấn công bọn PolPot bắt đầu từ ngày 25/12/1978. Mục tiêu của cuộc tấn công này là 19 sư đoàn quân PolPot tập trung ở dọc toàn tuyến biên giới từ tỉnh Campốt ở cực nam đến tỉnh Ratanakiri ở cực bắc. Chỉ trong vòng 14 ngày, chính quyền Khme đỏ đã sụp đổ hoàn toàn trên cả nước, trừ một vài căn cứ trong dãy núi Con Voi và dãy núi Đăk Khẩu cũng như dọc biên giới với Thái Lan.

PolPot, kẻ tự nhận là “thiên tài quân sự vĩ đại”, kẻ thật sự chịu trách nhiệm về hoạt động quân sự của Khme đỏ, đã phạm một sai lầm cực kỳ nghiêm trọng trong việc bố trí một nửa số đơn vị quân lực chủ yếu của mình tại khu vực mang tên “Mỏ Vẹt” trong tỉnh Xvây Riêng và “Lưỡi câu cá” trong tỉnh Côngpông Chàm. Cả hai khu vực này đều tiếp giáp với Việt Nam và nổi tiếng về nhiệt tình cách mạng của nhân dân trong vùng. Các sư đoàn PolPot bị các mũi đánh thọc sườn ở at vây kín, xe tăng và pháo binh của chúng bị hỏa lực mạnh và độ chính xác hơn hẳn của bộ đội Việt Nam tiêu diệt và cán bộ chỉ huy của chúng phần lớn bị binh lính của chính chúng thanh toán trong các cuộc binh biến chống lại sự đàn áp đẫm máu không gì tha thứ nổi ngay trong hàng ngũ các lực lượng vũ trang của chúng. Bọn người trốn chạy – kể cả các cố vấn Trung Quốc – bị giết hay vây bắt bởi nhân dân địa phương, những người tự vũ trang cho mình bằng vũ khí nhặt được và bùng bùng ý chí căm thù đối với bất kỳ vết tích gì của chế độ Khme đỏ.

Tới ngày 1/1/1979, FUNKS đã có thể công bố được rằng chính sách của họ đã và đang được đưa vào các vùng giải phóng. Những chính sách ấy khá đơn giản. Thực chất, chúng chỉ chặn đứng những việc làm ghê tởm của chế độ đang bị lật đổ. Chính sách ấy bao gồm quyền tự do đi lại,[\[120\]](#) việc bầu các ban quản lý ở các nhà máy và nông trang tập thể, quyền tự do tín ngưỡng và việc cho hoạt động trở lại các cơ sở y tế và giáo dục. Trong thực tế, lệnh ân xá đã được công bố cho những quan chức và binh sĩ của chế độ Khme đỏ ra đầu thú. Những người này được tự do trở về quê cũ hoặc trong khi chờ đợi giải phóng hoàn toàn đất nước khỏi ách Khme đỏ, họ có thể được bố trí công ăn việc làm ở nơi họ ra đầu hàng.

Các nguồn tình báo phương Tây ước tính rằng Việt Nam đã sử dụng khoảng 100 nghìn quân cộng thêm lực lượng ban đầu của Mặt trận của Mặt trận Cứu nước gồm khoảng 20 nghìn người. Lực lượng của Mặt trận cứu nước nhanh chóng được tăng cường do nhiều đơn vị trốn ven từ bỏ hàng ngũ PolPot tham gia vào Mặt trận.

Khi đem kỳ công của Quân đội Nhân dân Việt Nam và của các lực lượng Mặt trận trong việc đập nát tan tành 23 sư đoàn quân PolPot trong 11 ngày và trong việc đánh chiếm được toàn bộ 19 thị xã trong vòng 20 ngày, so sánh với hiệu suất tác chiến của đội quân 600 nghìn lính Trung Quốc trong cuộc xâm lược Việt Nam (bắt đầu từ ngày 17/2/1979), người ta sẽ thấy sự khác nhau giữa một hành động được nhân dân ủng hộ và một hành động không được nhân dân ủng hộ. Trên mặt trận chính ở cửa ải Lạng Sơn, các đơn vị quân chính quy Trung Quốc chỉ tiến được 16km trong vòng 16 ngày đánh nhau với bộ đội biên phòng và dân quân địa phương. Cho tới nay, đây là cuộc tiến quân chậm chạp nhất, dù cho đã có xe tăng và xe vận tải thay thế cho ngựa và lính đi bộ – trong toàn bộ lịch sử 2.000 năm Trung Quốc xâm lược Việt Nam. Thế mạnh áp đảo về quân số và về vật chất của Trung Quốc đã không thể chiến thắng nổi một thực tế quân sự là nhân dân Việt Nam chống lại chúng, quyết tâm bảo vệ làng quê và chế độ xã hội chủ nghĩa của mình. Ở Campuchia, niềm khát vọng thiết tha của nhân dân là giúp cho bộ đội Việt Nam và Mặt trận Cứu nước của chính mình tiêu diệt cái chế độ đã gây ra nỗi thống khổ chưa từng có như vậy cho họ. Các chiến lược gia quân sự và các nhà khoa học xã hội chắc chắn

sẽ phải suy ngẫm vấn đề này trong những năm tháng tới đây và cũng có thể đi tới những kết luận tương tự như kết luận của Vandi Caon về “những nhân tố quyết định cuộc chiến”.

Tới giữa năm 1981, mặc dù được Trung Quốc viện trợ ồ ạt qua đường Thái Lan, binh lính Khme đỏ đóng trong các vùng đất thánh trên đất Thái Lan hoặc trong các trại rải rác dọc biên giới Thái Lan – Campuchia vẫn phải đeo bông trên vai nào khẩu phần ăn uống, nào súng ống đạn dược trong các cuộc tấn công ăn cướp vào đất Campuchia. Chúng không thể kiếm được đồ ăn trong nhân dân Campuchia, không có khả năng thiết lập những ổ cất giấu vũ khí đạn dược trong các làng quê, cũng như không có khả năng được nhân dân giúp đỡ phương tiện đi lại hoặc ngay cả việc cung cấp thông tin. Nhân dân địa phương đã trở thành những tử thù của chúng và Khme đỏ là đại diện cho tất cả những gì đi ngược lại nguyện vọng sâu xa nhất của họ. Hiểu theo khái niệm nhà binh, việc nhân dân không chịu ủng hộ này có nghĩa là các lực lượng Khme đỏ chỉ còn tiến hành được những hoạt động khủng bố mà thôi. Những cuộc tấn công ăn cướp nọ không thể kéo dài quá 4–5 ngày và Khme đỏ phải trở về căn cứ của chúng trên biên giới Thái Lan để kiểm soát bắt kẻ thứ hàng cung cấp quân sự gì của Trung Quốc được đưa đến, cũng như bắt kỳ loại đồ ăn thức uống gì của các tổ chức quốc tế đã bị lái khỏi mục đích ban đầu của nó, là làm giảm nỗi khổ của những người dân thường Campuchia. Nếu không có những nguồn cung cấp này, hẳn là chẳng thể có mối đe dọa do bọn tàn quân Khme đỏ gây ra!

XIV. Sống sót kỳ diệu

Tháng 5/1979, lần đầu tiên sau khi chế độ PolPot bị lật đổ, tôi tới thăm Campuchia. Đi bằng ô tô từ Tp. Hồ Chí Minh sang Phnom Penh, ấn tượng đầu tiên của mọi người sau khi vượt qua đường biên giới Việt Nam – Campuchia trên quốc lộ 1 tại Ba Vẹt là rất nhiều đất trồng trọt bị bỏ hoang. Ngót 25 dặm, xe chúng tôi chạy qua những nơi trước đây vốn là những cánh đồng lúa tươi tốt và những làng quê trù phú dọc theo một con đường hai bên thường có chợ nhóm họp, tíu ta tíu tít, rất ồn ào. Nơi đây lúc này là một vùng đất hoang lạnh như bãi tha ma, không làng xóm, không chợ búa, không cấy hái trồng trọt, chẳng còn đâu những cây thốt nốt duyên dáng rất điển hình của miền đất này. Chỉ còn những gốc cây trơ trụi. Đây là một phần của “vành đai trắng” do Khme đỏ lập nên theo chiều dài biên giới giữa Campuchia và Việt Nam và sâu vào trong nội địa để sao cho cái xã hội “trong sạch” mới mẻ do chúng lãnh đạo, xây dựng nên không bị ô nhiễm về mặt xã hội và chính trị. Vùng đất hoang này gần như kéo dài tới tận ngoại vi Xvây Riêng trong khu vực “Mỏ vẹt” – tại đây đỉnh tam giác lãnh thổ Campuchia ăn sâu về phía Tp. Hồ Chí Minh 40 dặm.

Trước khi tới thành phố Xvây Riêng vài dặm, chúng tôi gặp những khu đất khoanh trồng hình chữ nhật dài tới 1.000 và rộng 500 thước Anh. Bao bọc quanh những khu đất này là những bức tường đất cao 6 phút (đơn vị đo lường Anh, tương đương 0,3048m – BT), đã bị mưa gió lâu ngày tàn phá. Phía ngoài một trong những bức tường đất dài hàng nghìn thước Anh đó là một con kênh dẫn nước rộng; phía trong bốn bức tường là những thửa ruộng, mỗi thửa có diện tích chừng 100 thước vuông Anh, ngăn cách với nhau bởi những bờ ruộng theo lối truyền thống cao chừng 30cm. Theo lý thuyết, con kênh này có thể tưới nước cho những thửa ruộng nằm trên cao hơn và nhờ dòng chảy tự nhiên dòng nước sẽ chảy tới những thửa ruộng nằm dưới thấp hơn. Nhờ đó, đồng lúa sẽ được nuôi dưỡng nhờ mực nước được điều tiết là điều cần thiết cho mùa màng bình thường. Nhưng ở vùng đất phẳng từ Svây Riêng tới Phnom Penh, không có hồ chứa nước hoặc lưu vực sông nào cung cấp nước cho các con kênh. Rõ ràng những bức thành đê kè bao quanh không được tính toán kỹ càng; hơn nữa bờ đê kè cũng như bờ ruộng không được đắp, be bờ tốt. Thái độ coi khinh khoa học và máy móc và cũng có thể cả thể lực suy nhược của những người tham gia vào việc đào đắp đê kè nữa, đã để lại những vết tích trên những bức tường thành sụt lở, những bãi nước chỗ thấp chỗ cao – rõ ràng chính những cái này mới tuân theo những quy luật khách quan về vật lý chứ không tuân theo những quy luật chủ quan, do gã chủ nhiệm hợp tác xã địa phương của Khme đỏ bịa ra!

Cảnh điển hình nhất trên đoạn đường từ Svây Riêng tới Phnom Penh là từng nhóm vài người một hầu như chỉ toàn đàn bà và trẻ con, vừa đẩy vừa kéo chiếc xe nhỏ tự làm lấy, trong xe chất vài thứ tài sản đáng thương – mấy manh chiếu, vài ba củ sắn và một cái niêu. Họ đang trên

đường trở về nơi mà họ hy vọng sẽ tìm thấy quê cũ, dấu vết của bà con họ hàng. Những bộ mặt tang thương, những thân hình còm cõi. Nói chuyện với họ chính là mở tung ra những uẩn khúc của những nạn nhân đã phải chịu đựng những nỗi thống khổ chưa từng có trong thời đại chúng ta.

Con diên khùng vĩ đại của Khme đỏ không chỉ ở việc tạo ra một vùng “vành đai trắng” khổng lồ giữa Campuchia và Việt Nam mà còn ở việc chuyển toàn bộ dân cư các tỉnh phía đông giáp giới với Việt Nam sang các tỉnh phía tây giáp giới với Thái Lan và ngược lại. Sau khi lật đổ PolPot, sắc lệnh đầu tiên của Chính phủ Heng Xomrin là tất cả mọi người đều được tự do rời trại tập trung, đoàn tụ với gia đình và trở về quê cũ. Đối với những ai nhanh chóng tìm thấy người thân, sẽ có phương tiện chuyên chở bằng ôtô. Đại đa số còn lại, phải mất nhiều tuần săn tìm tin tức người thân, ngay cả tại nơi họ bị dồn tới. Do đó họ tranh thủ tự làm lấy một chiếc xe kéo thô sơ, chủ yếu là một cái thùng gỗ đặt trên một cái bánh xe hình tròn đeo qua loa bằng gỗ, sau đó kiếm lấy một cái niêu để nấu ăn cho gia đình mình hoặc dùng chung cho vài gia đình cùng cảnh ngộ. Trong khi áp đặt khái niệm của chúng về “xã hội tập thể”, Khme đỏ đã ra lệnh phá tan tất cả những gì đặc trưng cho cuộc sống cá nhân hay gia đình, như nồi niêu chẳng hạn.

Phỏng vấn những nhóm nhỏ gia đình này nhất thiết phải ngắn gọn, tranh thủ khi họ dừng chân ít phút dưới bóng cây bên đường. Họ thường đau xót, nước mắt dàn dụa và lú lú trả lời những câu hỏi liên quan tới việc vì sao không có đàn ông: “PolPot giết hết rồi!” - vì sao chỉ có các bé gái: “Các bé trai bị PolPot bắt đi lính rồi!” Và họ hy vọng sẽ tìm thấy gì đó trên đường đi: “Biết đâu sẽ gặp họ hàng hay bạn bè gì đó!” Nụ cười duy nhất có thể thấy được trên khuôn mặt những người mà sau nhiều tuần lê bước kéo xe, chỉ còn 1-2 ngày nữa sẽ về được tới nơi trước kia là làng quê của mình. Tôi không dám tước đi nụ cười đó, tôi không dám kể cho họ nghe về vùng đất hoang nằm giữa Svây Riêng với đường biên giới Việt Nam, nơi ấy chẳng còn dấu vết gì của làng quê nữa.

Những mẩu chuyện ngắn ngủi với những “người lang thang trên đường” này – tôi đã phải đến mức gọi họ như vậy – đã cụ thể hóa những mẩu chuyện giữa tôi và những người Campuchia bị nạn trên đất Việt Nam trước đó 5 tháng. Trong câu chuyện do những người bị nạn kể lại, bao giờ cũng có một điểm đáng lưu ý. Chỉ riêng việc là một người bị nạn đã có nghĩa là anh ta “phải mài một lưỡi rìu” chống lại chế độ mà anh ta đã rời bỏ. Nhưng với những “người lang thang trên đường” này thì vấn đề lại hoàn toàn khác. Chính tôi đang có mặt trên một mảnh đất mà tôi đã từng biết rõ, trên một con đường mà tôi đã từng bao lần qua lại.^[121] Vết tích về những chùa chiền, trường học, làng mạc bị phá hủy, dấu tích về những cánh đồng lúa cũ, bờ ruộng vẫn có nguyên đó, nhưng đã nhiều năm chẳng hề có cây trồng, những đê kè sụt lở và những con kênh cạn khô của những khu ruộng mới khoanh vùng, những hình chữ nhật khổng lồ, rõ ràng không làm nên trò trống gì; những giọt nước mắt và những lời kể lấp lập về những cuộc tàn sát hàng loạt, về chế độ sinh sống ghê tởm và tù túng đến mức không thể tin nổi mà bọn Khme đỏ áp đặt, việc không có đủ những điều kiện tối thiểu cho một cuộc sống bình thường ở Campuchia như tôi đã từng được biết – tất cả những điều đó đã là một sự xác nhận quá đầy đủ cho tính chính xác, thậm chí còn là nói bớt đi, của những gì tồi tệ nhất trong lời kể của những người bị nạn.

Đọc theo con đường Svây Riêng – Phnom Penh, tôi đã dần hiểu ra vì sao các lãnh tụ Khme đỏ đã từng là bè bạn của tôi, ví dụ như Thiun Praxít, từng là đại diện của Khme đỏ tại Liên hợp quốc, hay Iêng Xari, không dám nhìn thẳng vào mắt tôi tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước Không liên kết tại Bengrat hồi tháng 7/1978. Đọc theo con đường Svây Riêng – Phnom Penh, trong không khí vẫn còn mùi hôi thối của vụ tàn sát, trên nét mặt mọi người vẫn còn quá nhiều vẻ bị thương.

Một năm sau, tôi tới thăm lại vùng này sau khi Khme đỏ đã bị lật đổ, tháng 5/1980. Cùng đi có vợ tôi – Vétxa và con gái tôi, cháu Anna. Đó là một chuyến đi đầy tham vọng của tôi: đi bằng đường bộ từ Tp. Hồ Chí Minh sang Phnom Penh, như tôi đã từng đi hồi tháng 5 năm ngoái, sau đó tiếp tục đi bằng đường bộ tới Xiêm Riệp để ngắm cảnh đền Angko gần đó – chúng tôi đã từng biết nơi này nhưng Vétxa và Anna chưa được đến đây kể từ khi có các cuộc tàn sát hàng

loạt của Khme đỏ. Một phần lý do của cuộc đi đường dài bằng đường bộ này là một nhà làm phim người Úc đang làm một bộ phim về 40 năm làm báo của tôi – một bộ phim vừa có tính hồi tưởng vừa có tính thời sự. Do những trận bom B52 của Mỹ và do chính sách của Khme đỏ tập trung vào việc phá hủy chứ không bảo dưỡng đường xá, nên chuyển đi của tôi quả là vất vả.

Tới Côngpong Kdech, cách Xiêm Riệp chừng 20 dặm, một trong hai xe của chúng tôi bị thùng sấm. Vừa qua khỏi một trong những chiếc cầu được xây dựng từ thời Angko, chúng tôi phải dừng lại để thay bánh xe. Khi chúng tôi tiếp tục chuẩn bị đi Xiêm Riệp, một sĩ quan bộ đội Việt Nam xuất hiện, gần như vừa đi vừa chạy. Anh kéo tôi và người phiên dịch Việt Nam từng được đào tạo tại Úc tên là Nhu sang một bên và nói: “Các bạn không được đi tiếp. Chúng tôi vừa thu được một bức điện vô tuyến của một tên gián điệp Khme đỏ nào đó ở đây, đánh đi cho một trong những căn cứ tiền phương của chúng ở vùng Xiêm Riệp rằng các bạn đã tới đây. Bức điện này cũng nêu chi tiết về chiếc xe minibus của các bạn. Hãy nghỉ đêm tại đây, ở đây an toàn hơn”. Khi đó chỉ còn khoảng nửa giờ nữa là mặt trời lặn. Tôi phản đối vì chúng tôi dự tính ngày hôm sau sẽ phải làm việc cả ngày ở Angko và kế hoạch làm việc sau đó cũng rất xít xao. Nhưng tôi cũng biết rằng một phần chặng đường Côngpong Kdech – Xiêm Riệp có rừng rậm hai bên. Người sĩ quan nói: “Sáng sớm mai chúng tôi sẽ cử một đội tuần tra, và nếu mọi việc yên ổn, các bạn có thể lên đường lúc rạng sáng. Nhưng giữa lúc trời sắp tối này, các bạn không được liều lĩnh đi tiếp đến Xiêm Riệp”. Và thế là vấn đề đã được quyết định.

Ngày hôm sau, chúng tôi làm phim ở Angko. Một trong những cảnh được quay là một cuộc phỏng vấn Vétxa ngay tại khu 5 ngọn tháp của Angko Vát. Trong số nhiều điều đã nói, Vétxa phát biểu: “Khi tôi tạm biệt chồng tôi trước khi ông ấy lên đường trong những chuyến đi thường xuyên của mình, quả là tôi không hề biết liệu tôi có được gặp lại ông ấy nữa hay không. Nhưng đó đúng là một điểm phúc”. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi chia tay nhau. Vétxa và Anna trở lại Phnom Penh, rồi theo con đường kinh khủng chúng tôi đã đi từ Phnom Penh sang Tp. Hồ Chí Minh, sau đó đi bằng máy bay ra Hà Nội, sang Bằng Cốc rồi lên chuyến bay đã đặt trước về Paris. Cùng với đoàn làm phim, tôi phải tiếp tục hành trình theo một con đường khác chạy dọc sườn phía nam Tônglê Sáp (Biển Hồ) qua Battambang, Puốc xát và Côngpong Chơang trở lại Phnom Penh để làm tiếp một ít phim nữa ở đó.

Trước giờ hoàng hôn ngày 7/5, khi đi tới một nơi cách Phnom Penh khoảng 40 dặm, đột nhiên có tiếng súng. Miệng hét lên: “Nằm xuống”, tôi làm mẫu nép mình sát xuống sàn chiếc xe minibus Chevrolet. Gần như đồng thời, tôi cảm thấy máu chảy xuống tay tôi. Đó là máu của anh lái xe người Việt Phạm Văn Muộn khi đó đang ở sát phía trước tôi. Tất cả mọi người – chủ nhiệm phim David Bratbery, phụ trách quay phim Peter Levi, phụ trách âm thanh Gim Grand, phiên dịch người Việt Nhu và cán bộ hướng dẫn người Campuchia Xari, tất cả đều nằm dãn xuống sàn xe trong khi đạn bắn như mưa vào chiếc xe minibus. Bratbery, người cuối cùng nằm xuống, mắt liếc nhìn xem tiếng súng từ đâu tới và trông thấy một đàn ông, khăn quàng trên đầu, đang nấp sau mấy tảng đá lớn bắn ra. Rồi một tiếng nổ lớn và chiếc minibus khế nảy lên. Thế là hết, tôi nghĩ. Một cú “direct” của vũ khí hạng nặng.

Trước sự kinh ngạc của tôi, chiếc minibus vẫn chạy mặc dù máu nóng vẫn chảy xuống ngày càng nhanh, tôi thấy tay của anh lái xe Muộn vẫn nắm chắc vô lăng. Một viên đạn trong loạt đạn đầu tiên đã bắn xuyên qua gò má anh, những viên đạn tiếp theo bắn vào cổ và vai anh; nhưng tay lái của anh vẫn không hề loạng choạng cho tới tận khi anh đưa chúng tôi thoát khỏi trận địa. Đạn bắn từ phía bên phải sang, nên anh là người duy nhất có khả năng chết vì cánh cửa xe duy nhất bên tay trái là cửa của lái xe. Bên trái có một gò dốc đứng, đáng ra anh đã có thể nhảy xuống thoát thân, nhưng anh không làm như vậy. Anh đã cứu mạng chúng tôi và xe chỉ dừng lại khi chúng tôi tới một chốt quân sự của bộ đội Việt Nam ở bên đường. Tại đó, chúng tôi đưa anh ra khỏi ghế lái xe và sơ cứu cho anh.

Khi chiếc minibus tới bến đò, một đội tuần tra hỗn hợp Campuchia – Việt Nam đã được phái đến nơi xảy trận phục kích. Trận đánh diễn ra và 2 tên Khme đỏ bị giết, 17 tên khác bị bắt. Hình như chỉ có 1 tên trong nhóm 20 tên chạy thoát. Trong số những tên bị bắt, có tên chỉ huy. Tên này khẳng định rằng mục tiêu của trận phục kích là “làm thịt Bócsét”. Tôi chấp nhận lời khai này như một sự thừa nhận chính thức rằng tôi tố cáo một cách có hiệu quả chế độ PolPot

– lêng Xari cùng những kẻ hậu thuẫn cho nó.

Nhà làm phim Bratbery tiếp quản tay lái. Và nhờ tài lái xe tuyệt vời của anh, Muộn đã được phẫu thuật cấp cứu tại một bệnh viện ở Phnom Penh vài giờ sau cuộc phục kích. Mặc dù máu chảy ra nhiều ở miệng và mũi, anh Muộn vẫn không ngớt than thở việc Bratberi cho xe chạy nhanh quá, mãi tới khi chúng tôi đưa anh xuống xe vào viện. Về sau các bác sĩ cho biết chỉ cần trêm trề chừng nửa giờ nữa thì anh cũng phải trả giá bằng cả sinh mạng của mình!

Hôm sau, tại bệnh viện, Phạm Văn Muộn giải thích rằng tiếng nổ to mà tôi tưởng có nghĩa là “mọi sự đi tong” chính là một phát đạn chống tăng B40 – một trong 6 phát đạn lần lượt nhằm bắn vào chiếc minibus mà anh đã trông thấy qua chiếc gương chiếu hậu. Ngay trước khi phát đầu tiên phát nổ thì anh đã đột ngột nhấn hết ga trước khi phát thứ 5 đã tới gần một cách nguy hiểm.

Bảy tháng sau tôi phỏng vấn Phạm Văn Muộn, khi đó đã hoàn toàn bình phục và đã được phong anh hùng vì đã cống hiến tận tụy và dũng cảm cho nhiệm vụ của mình. Tôi còn nhớ rằng anh đã phàn nàn việc Bratberi lái xe quá nhanh khi đưa anh tới bệnh viện và tôi hỏi anh vì sao? Anh đáp: “Lốp của chiếc xe Chevrolet đó là lốp của Nga, nên không khóp lăm. Tôi có trách nhiệm phải giữ gìn cẩn thận xe của Công ty Du lịch. Ngay khi nhấn hết ga để tránh phát đạn B40 thứ 6 là tôi đã đánh liều với mấy chiếc lốp đó rồi”.

Trong chuyến viếng thăm của tôi tháng 12/1980, tôi hiểu rằng sự “sống sót kỳ diệu” của đoàn làm phim và của bản thân tôi có ý nghĩa lớn hơn bình thường. Thất bại trong việc “làm thịt Bócsét” thể hiện một bước ngoặt có tầm quan trọng chiến lược. Không lâu sau những phát súng nhằm vào xe chúng tôi là trận phục kích một đoàn tàu trên một địa hình tương tự. 180 người Campuchia bị giết. Cả hai trận phục kích đều được tính là những phát súng mở đầu cho một cuộc phản công mùa mưa năm 1980, trong đó Khme đỏ hy vọng chứng minh rằng chúng không chỉ chiếm lại và giữ được những vùng lãnh thổ chạy dọc theo biên giới Thái Lan mà còn duy trì được các căn cứ du kích ở sâu trong lãnh thổ Campuchia. Việc hạ gục Bócsét ở một nơi chỉ cách Phnom Penh có 40 dặm ắt phải là một minh chứng hùng hồn biết nhường nào! Bọn tấn công cũng chỉ trượt có vài milimét. Nếu viên đạn xuyên qua gò má Muộn ăn cao lên một chút thì chắc nó đã làm vỡ tung đầu anh và khi đó thì chẳng còn gì cứu nổi chúng tôi khỏi hủy diệt bởi những phát đạn B40. Thông thường dân làng chỉ cho thấy bọn phục kích từ đâu tới và sau đó rút về đâu, nên chúng đã bị tiêu diệt. Những tên đã phục kích đoàn tàu nọ vài tuần sau đó cũng chịu chung số phận. Cuộc phản công mùa mưa năm 1980 không bao giờ có thể diễn ra được vì các lực lượng an ninh nhân dân địa phương đã phát triển ở cấp xã và huyện, tới mức họ có thể đối chọi với bọn Khme đỏ thâm nhập hoặc ít nhất cũng có thể chỉ rõ nơi ẩn náu của chúng cho bộ đội Việt Nam.

Đem liên hệ sự sống sót của cá nhân tôi với sự sống sót của nhân dân Campuchia, rõ ràng chỉ là một chút xíu của một hình ảnh tượng trưng, xây dựng trên cơ sở những thất bại liên tục của Khme đỏ trong việc tấn công các mục tiêu. Nhưng sự “sống sót kỳ diệu” của nhân dân Campuchia được thể hiện một cách hết sức hiển nhiên trong cuộc đi thăm của tôi hồi tháng 11 và 12/1980 và không thể đem sự sống sót kỳ diệu ấy mà quy cho vài phát súng bắn tòi của bọn tàn quân PolPot – lêng Xari. Trước hết, có được nó là do “ý chí tồn tại” của nhân dân Campuchia, được sự ủng hộ quốc tế to lớn. Những thay đổi về tình hình trong bốn cuộc viếng thăm đầu tiên của tôi thật là lớn lao. Một sự đánh giá tóm tắt về tiến bộ theo hướng sinh tồn mà tôi đã thấy được trong những cuộc viếng thăm đó, chắc sẽ phải bao gồm cả những nội dung dưới đây:

Tháng 5/1979 – Ấn tượng chủ yếu của tôi là về “những người lang thang trên đường”. Những nhóm nhỏ hầu như toàn đàn bà và trẻ em, người đẩy người kéo những chiếc xe thô sơ ngang dọc trên khắp đất nước Campuchia về hướng làng quê cũ, hy vọng tìm lại được những người thân còn sống sót. Khi tôi phỏng vấn tân Chủ tịch Heng Xomrin, ông đã xác định những nhiệm vụ ưu tiên của Chính phủ ông là làm cho gia đình đoàn tụ, mọi người trở về quê cũ, trường học và chùa chiền mở cửa trở lại và cuộc sống trở lại bình thường.

Tháng 8/1979 – Tư liệu về những ký ức khủng khiếp của quá khứ đã được trình bày tại

phiên tòa xử vắng mặt PolPot và Iêng Xari về tội diệt chủng. Các bác sĩ phương Tây và một nhóm bác sĩ Campuchia còn sống sót đang thảo luận xem phải chăng việc phụ nữ Campuchia bị mất khả năng sinh đẻ do những căng thẳng về tâm lý và thể xác, là không thể đảo ngược được. Hai nhà làm phim người Anh, Giôn Pingơ và Đavít Monro, làm một bộ phim mô tả sự khủng khiếp về những gì đã diễn ra và phê phán gay gắt thái độ thờ ơ lãnh đạm của các tổ chức cứu trợ quốc tế.

Tháng 5/1980 – Viện trợ quốc tế đã tới và đang được phân phát với số lượng có giá trị thực sự ở những nơi cần thiết, bắt chắp một chiến dịch trong đó một số giới nào đó trên báo chí phương Tây đòi làm ngược lại. Những cuộc điều tra tại chỗ của tôi cũng như những cuộc phỏng vấn các cơ quan cứu trợ quốc tế đã chứng minh rằng, những lời tiên đoán của CIA về một trận đói thảm thương cũng như những lời cáo buộc rằng thóc giống đang bị tuôn cho người Việt Nam hoặc đang bị những người Campuchia sắp chết đói đem ăn, là hoàn toàn sai trái. Đoàn làm phim của Đavít Bratberi trong suốt chuyến đi dài hàng nghìn km khắp đất nước này, đã lấy hình ảnh về một đứa trẻ sơ sinh làm sự kiện chính cho bộ phim. Nếu có trẻ em ra đời, nếu thóc lúa được gieo cấy, thì dân tộc này có thể sống sót và hồi sinh được. Cách nhìn nhận như vậy đã được nhấn mạnh thêm trong bộ phim thứ hai của Pingơ Monro, quay tháng 6/1980. Bộ phim đã diễn tả một cách rất thuyết phục tính có hiệu quả của viện trợ quốc tế bên trong Campuchia, nhưng cũng phê phán mạnh mẽ một tỷ lệ khá lớn viện trợ nhân đạo đang bị tuôn đi để tăng nhuệ khí cho các lực lượng tàn quân Khme đỏ trên vùng biên giới Thái Lan – Campuchia.

Tháng 11-12/1980 – Ý chí tồn tại đã chiến thắng. Đến cuối năm, người ta sẽ thu hoạch được 1,3 triệu hécta lúa. Các cơ quan cứu trợ quốc tế tập hợp 32 tổ chức viện trợ dưới sự điều phối chung của Unicef và Oxfam tin rằng, triển vọng chấm dứt cuộc khủng hoảng lương thực sáng sủa tới mức chưa từng có, có thể ngừng viện trợ lương thực lại, chuyển sang tiến hành những hình thức viện trợ chuyên ngành hơn: phúc lợi trẻ em, y tế, phúc lợi cho nông thôn và các loại dịch vụ xã hội khác mà các cơ quan này thường tiến hành theo truyền thống. Dân số Phnom Penh đã tăng từ 7.000 người (tháng 5/1979) lên khoảng 350 nghìn người. Chợ búa mọc lên khắp nơi và tiền tệ phát hành mấy tháng trước đây đã được lưu hành rộng rãi. Ngành ngư nghiệp của một trong những vùng nước phong phú về cá nhất thế giới đã được phục hồi. Và quan trọng hơn tất cả, khắp mọi nơi đều thấy mẹ đang cho con bú. So với bất kỳ vùng đất nào tôi đã từng đi qua trong 40 năm làm báo của mình, mật độ nụ cười trên một km² ở Campuchia lớn hơn cả. Sự khác biệt so với tháng 5/1979 quả là một trời một vực.

Những ấn tượng thu nhận được bằng mắt nhìn của tôi tại một khu chợ ở thành thị và nông thôn, trên đồng lúa, tại khu vực đánh cá dọc sông Tônglê Sáp được xác nhận qua các cuộc phỏng vấn các cán bộ cao cấp Campuchia, các nhân viên cứu trợ quốc tế và nhiều người khác. Sự phát triển tới nay có tầm cỡ đáng kinh ngạc. Như vậy không có nghĩa là trong những năm tới không cần phải khắc phục những vấn đề to lớn. Nhưng những vấn đề này trong những lĩnh vực khác, không liên quan tới sự sống còn của cả dân tộc Campuchia. Số liệu ước tính bi quan nhất cho thấy Campuchia vẫn có thể còn cần khoảng 200 nghìn tấn gạo nhập từ các nguồn bên ngoài cho năm 1981. Nhưng từ năm 1982 trở đi, đất nước có thể xuất khẩu những lượng gạo đáng kể. Nỗ lực quốc tế là đáng kể và có tính quyết định, nhưng nỗ lực ấy sẽ trở nên vô dụng nếu không có “ý chí sinh tồn” của nhân dân Campuchia như đã từng được nhấn mạnh.

Ấn tượng chung cho đến cuối năm 1980 là Campuchia đã thu được những thành tựu to lớn trong nhiều lĩnh vực, đầu tiên phải kể đến lĩnh vực an ninh. Chính sách ân xá hoàn toàn, trừ một nhóm cầm đầu Khme đỏ – dĩ nhiên bắt đầu từ PolPot và Iêng Xari, hai tên này đã bị kết án xử tử hình vắng mặt tại phiên tòa xét xử tội ác diệt chủng tháng 8/1979 – đã có tác dụng quyết định đối với vấn đề an ninh. Tôi cam đoan rằng lính Khme đỏ ngày càng về trình diện nhiều hơn và đang hòa nhập trở lại với làng quê mình. Tôi được nghe kể về nhiều trường hợp trong đó các nhóm lính từ căn cứ của chúng ở biên giới Thái Lan, tới làng để thi hành nhiệm vụ tập kích, nhưng bị ngừng bởi sinh hoạt bình thường và sự trù phú ngày càng tăng lên của cuộc sống làng quê, tới mức chúng phải cử phái viên vào làng đàm phán xin hàng. Đôi khi việc đầu hàng được tiến hành ngay tại chỗ, cũng có khi chúng quay về căn cứ thuyết phục đồng ngũ

cùng về trình diện thành những nhóm đông. Hiển nhiên đây là kết quả vận dụng kinh nghiệm binh vận của Việt Nam bằng chính sách khoan hồng cho tất cả trừ những tên đầu sỏ. Tất nhiên, khó mà tiêu diệt được những căn cứ còn lại của Khme đỏ hiện nằm rải rác trên biên giới Campuchia – Thái Lan mà không vi phạm lãnh thổ Thái Lan trong những cuộc tấn công vu hời trên phạm vi lớn. Đây là điều mà các lực lượng Việt Nam – Campuchia miễn cưỡng phải làm. Việc tiêu diệt những ổ tàn quân Khme đỏ – chẳng hạn như những ổ tàn quân đã tổ chức cuộc phục kích gần Côngpong Chonang – chủ yếu được thực hiện bằng những biện pháp chính trị binh vận chứ không phải bằng biện pháp quân sự.

Các đơn vị dân quân địa phương Campuchia ngày càng lớn mạnh và trực tiếp xử lý nhiều vấn đề liên quan tới an ninh nội địa. Người Việt Nam rút ra khỏi khu vực nào thì các đơn vị địa phương Campuchia này có thể tiếp quản và xử lý bất kỳ mối đe dọa nào của các lực lượng thù địch. Ở đất nước có nhiều rừng rậm và núi non như Campuchia, các nhóm biệt kích có thể tìm được nhiều nơi ẩn náu trong một thời gian dài. Nhưng không được sự ủng hộ của nhân dân, chúng sẽ ngày càng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động, bổ sung nguồn tiếp tế hoặc thu thập tin tức tình báo. Tôi được nghe kể rằng có nhiều trường hợp, gia đình họ hàng cùng các nhóm dân quân vào những nơi ẩn náu trong rừng kêu gọi chồng con, anh em trở về quê hương (lại thêm một phương pháp vận động binh vận mà Việt Nam là bậc thầy). Chủ trương này bắt đầu có tác động đồng loạt, đều khắp và chắc chắn sẽ ngày càng có hiệu lực một khi tình hình kinh tế trở nên ổn định.

Một thành công nữa là trên lĩnh vực củng cố an ninh chính trị. Mặt trận Cứu nước đang hoạt động ở cấp tỉnh và huyện, với các tổ chức chân rết trong thanh niên và phụ nữ đang được hình thành ở cấp xã. Từ các thành viên trong Mặt trận và các tổ chức quần chúng, chắc chắn là người ta đang lựa chọn những người hoạt động xuất sắc nhất để kết nạp làm đảng viên cho một Đảng Cộng sản mới. Cuối tháng 5/1981, đại hội thành lập một đảng mới đã được tiến hành ở Phnom Penh. Để duy trì tính liên tục và phân biệt với bọn Khme đỏ tiềm quyền, đại hội này được gọi là Đại hội lần thứ tư của Pracheachon (Đảng Nhân dân Cách mạng).

Dựa trên những kinh nghiệm cay đắng tới mức không thể tin nổi của quá khứ, cơ cấu của một xã hội Campuchia mới, tiến bộ đang được hình thành. Đó là một tiến trình không thể đảo ngược được, dù cho Mỹ, Trung Quốc đe dọa hay dù cho có những lá phiếu được thanh toán bằng đô-la dành ghế cho PolPot tại Liên hợp quốc, cũng không thể tác động nổi. Đó sẽ là một xã hội xã hội chủ nghĩa bởi lẽ không còn có sự lựa chọn nào khác. Ngay cả những tội ác ghê tởm mà bọn Khme đỏ phạm phải nhân danh “cách mạng” và “chủ nghĩa xã hội” cũng không thể làm cho dân tộc này chống lại hình thái tổ chức “cuộc sống xã hội chủ nghĩa”, “tập thể trong sản xuất, cá nhân trong sinh hoạt” là khẩu hiệu mà người ta được nghe thường xuyên hơn cả. Tình trạng bờ ruộng bị phá đã làm cho nông dân không thể tìm thấy ranh giới phân chia ruộng đất trước kia của họ. Và tỷ lệ lao động nam giới bị giết cao tới như vậy làm cho hình thức canh tác đất đai tập thể của những nhóm gọi là “tổ đoàn kết” vừa có tính logic vừa được mọi người chấp nhận. Tương tự như vậy, việc giết hết các nhà tư bản và chủ nhà máy trước đây làm cho người ta không còn sự lựa chọn nào khác – ngay dù cho muốn lựa chọn cũng vậy – ngoài một hình thái điều hành và sở hữu tập thể nào đó đối với các xí nghiệp này. Thậm chí dưới thời Sihanuc, phần lớn công nghiệp nào tồn tại, kể cả lĩnh vực ngân hàng và xuất nhập khẩu, cũng đều do Nhà nước quản lý. Điểm yếu trong những ngày đó là: hầu hết bộ phận gián tiếp trong các xí nghiệp quốc doanh là những công chức đồi bại, coi việc được giữ vị trí quản lý là một ân huệ và tìm mọi cách tuồn lợi nhuận vào các tài khoản của bản thân mình, mặc dù người ta luôn đoan chắc rằng có cơ chế kiểm soát “từ dưới lên” cũng như “từ trên xuống” nhằm hạn chế tình trạng tham nhũng và phá hoại tài sản công cộng.

Việc bọn PolPot thủ tiêu bộ máy quản lý và công nhân kỹ thuật lành nghề, thậm chí bất kỳ ai biết chữ, đã gây khó khăn ghê gớm cho việc tìm kiếm nhân sự và xây dựng bộ máy quản lý và vận hành các nhà máy xí nghiệp và các cơ sở kinh tế khác. Như vậy có nghĩa là, trong nhiều vấn đề, gánh nặng mà người Việt Nam phải chịu sẽ còn tiếp tục nhiều năm nữa. Vai trò quân sự thiết yếu của bộ đội Việt Nam trong việc ngăn ngừa Khme đỏ quay trở lại hiện nay đã được thể hiện bên ngoài lần lượt thừa nhận, ít nhất là những người có tham gia vào những hoạt động

nhân đạo trong vùng; nhưng người ta còn ít biết đến mức độ viện trợ của Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế, y tế và các lĩnh vực khác nữa. Chính các kỹ sư và công nhân Việt Nam đã sửa chữa những tuyến đường giao thông chính để chuyên chở viện trợ quốc tế, đã xây dựng lại hàng trăm chiếc cầu, đã khôi phục tuyến đường sắt Phnom Penh – Côngpông Xom và Phnom Penh – Battambang hoạt động trở lại. Chính người Việt Nam đã khôi phục lại 60 nhà máy đầu tiên ở Phnom Penh và một số nhà máy ở các thị xã trở lại sản xuất, đã xây dựng và trang bị lại cho các bệnh viện tỉnh và huyện (tổng cộng 3.600 giường tính đến tháng 6/1980), cung cấp 400 cán bộ y tế, trong đó có 200 bác sỹ cùng hàng nghìn y tá và dược sĩ. Tất cả những thực tế này, cộng thêm 140 nghìn tấn lương thực và thóc giống (đã cung cấp đến cuối tháng 6/1980) là một phần trong số những nỗ lực cứu trợ của Việt Nam.

Tháng 5/1979, khi tôi tới thăm Campuchia, ông Ngô Điền (khi đó là trưởng đoàn cố vấn Việt Nam, sau đó là đại sứ rất có uy tín của Việt Nam tại Phnom Penh) đã trình bày vấn đề với tôi về sự hủy diệt khủng khiếp trên con người và cơ sở vật chất do chế độ PolPot gây ra, cũng như những hậu quả lâu dài của tình hình đó đối với nhân dân Campuchia. Ông kết luận:

“Chúng tôi sẽ phải hy sinh nhiều để giúp họ và chúng tôi sẽ làm như vậy. Nhưng một vấn đề to lớn, lâu dài do tình trạng gần như thiếu hoàn toàn cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật có thể dẫn đến nguy cơ chúng tôi phải xây dựng lại đất nước này theo kiểu Việt Nam chứ không theo kiểu Campuchia. Trong tương lai, nguy cơ này sẽ làm tăng thêm nhiều vấn đề. Do vậy, chúng tôi phải cực kỳ thận trọng trong cung cách xử lý hàng viện trợ của chúng tôi và hơn hết là phải cực kỳ thận trọng trong mối quan hệ giữa các chuyên gia và kỹ thuật viên của chúng tôi với những người Campuchia mà chúng tôi sẽ đào tạo để rồi cuối cùng họ phải tự mình làm lấy”.

Ý kiến chung của những đại diện các cơ quan cứu trợ quốc tế mà tôi đã có dịp nói chuyện là, Việt Nam không chỉ đóng một vai trò sống còn trong “sự hồi sinh kỳ diệu” của nhân dân Campuchia mà họ còn thể hiện vai trò ấy một cách vô tư trong sáng, đúng với những lo lắng mà ông Ngô Điền đã nói.

Dân tộc Campuchia đang vật lộn để lại tự mình đứng lên trên đôi chân của chính mình và hiệu quả của sự hợp tác quốc tế đã tạo điều kiện giúp cho dân tộc này đứng được. Các cơ quan viện trợ phương Tây thuộc những chính kiến khác biệt nhất đang cùng làm việc với nhau và cùng với các cơ quan viện trợ của Liên Xô, Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác theo tinh thần hợp tác quốc tế, vượt qua mọi ngăn cách về tư tưởng và dân tộc – đó là một thông điệp đầy triển vọng về tương lai của toàn thế giới.

XV. Tái bút

Thiếu tướng Nguyễn Hữu Hạnh làm Tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn trong có hai ngày. Ông ta được tướng Dương Văn Minh (Minh lớn) chỉ định vào cương vị này khi tướng Minh lớn nhận chức Tổng thống chính quyền Sài Gòn vào chiều ngày 28/4/1975. Sáng sớm ngày hôm sau, Nguyễn Hữu Hạnh báo cáo với Tổng thống của ông ta rằng tình hình quân sự là tuyệt vọng và sẽ là vô ích nếu cứ cố chống lại việc các lực lượng của Quân đội Nhân dân Việt Nam đang tiến vào Sài Gòn, nơi mới được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Hữu Hạnh khuyên trong tình thế này nên có một tuyên bố trên đài phát thanh cho lính ARVN (Quân lực Việt Nam Cộng hòa). Người ta đã làm như vậy và tránh đổ nhiều máu vô ích.

Gần sáu năm sau, Nguyễn Hữu Hạnh – người đã trực tiếp công bố lệnh cho binh lính Sài Gòn hạ vũ khí ngày 30/4/1975 – đã tiết lộ một tình tiết khác thường diễn ra vào khoảnh khắc cuối cùng trước khi đầu hàng.

“Trong khi Tổng thống (Dương Văn Minh – BT) đang ghi âm bài diễn văn ‘chấm dứt cuộc chiến’ trong phủ Tổng thống để đem phát thanh ngay lập tức trên đài phát thanh Sài Gòn, thì một ‘nhà báo’ Pháp xuất hiện đòi tôi phải thu xếp cho ông ta phỏng vấn Tổng thống về một vấn đề cực kỳ khẩn cấp. ‘Ngay tức khắc!’ Hóa ra ông ta nguyên là tướng Phrăngxoa Vanuyxem.^[122] Khi đó là 9 giờ sáng ngày 30/4 và tôi đề nghị ông ta chờ tới khi Tổng thống ghi âm xong bản thông điệp gửi quốc dân đã.

Sau khi ghi âm xong, Tổng thống tiếp ông tavà câu đầu tiên của Vanuysxem là: “Tôi vừa từ Paris tới đây. Ở đó tôi đã gặp những nhân vật quan trọng, kể cả những nhân vật trong Đại sứ quán Trung Quốc. Mọi người đều nhất trí cho rằng điều tốt lành đối với các ông là tiếp tục tố cáo Mỹ, nhưng nên theo lập trường của Trung Quốc. Nếu các ông thực hiện được điều này, người Trung Quốc sẽ gây áp lực với Hà Nội để có một giải pháp bằng thương lượng. Tuy vậy, các ông phải chiến đấu thêm 25 giờ nữa”. Sau đó ông ta giải thích những biện pháp kỹ thuật để có thể liên hệ với Bắc Kinh. Minh lớn từ chối, nói rằng cần phải chấm dứt đổ máu ngay lập tức. Cần hiểu rằng những người như Minh lớn và bản thân tôi cũng như nhiều người khác có cùng địa vị xã hội và nghề nghiệp như chúng tôi ở Nam Việt Nam đều sợ Trung Quốc và đều sợ Bắc Việt Nam, vì chúng tôi nghĩ Hà Nội hoàn toàn nằm dưới ảnh hưởng của Bắc Kinh. Tôi đã chờ đợi bị người lính đầu tiên ào vào dinh Tổng thống bắn chết, nhưng anh ta không bắn tôi mà lại bảo tôi chỉ cho biết lối gần nhất lên cột cờ. Rồi sau đó, tôi rất xúc động về cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với tướng Trần Văn Trà, chỉ huy các lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Câu nói đầu tiên của ông ta là: “Giữa chúng ta không có ai là kẻ thắng người thua. Dân tộc Việt Nam là người chiến thắng”. Mặt khác tôi thấy choáng váng trước việc Trung Quốc định dùng tướng Vanuysxem làm người môi giới để thuyết phục chúng tôi tiếp tục cuộc tàn sát của người Việt Nam đối với người Việt Nam. Vì quyền lợi của ai đây nhỉ?” [\[123\]](#)

Một người khác nữa đã được chứng kiến tại chỗ ít nhất là một số trong số những sự kiện mà Nguyễn Hữu Hạnh kể đến, là nhà báo người Ý, ông Tidiano Tédani. Sau khi miêu tả bầu không khí trong khách sạn Caravelle của Sài Gòn, nơi Dương Văn Minh ra tuyên bố đầu hàng, ông ta viết:

“Chương trình phát thanh tin đầu hàng đã bị trễ 5 phút do lúc 9 giờ 50 phút, ngay khi tướng Minh chuẩn bị cử một trong các sĩ quan của ông (Nguyễn Hữu Hạnh – TG) đem theo bài ghi âm tới đài phát thanh, thì tướng Vanuysxem, cái di vật của nước Pháp thực dân tới. Một lần nữa, ông ta thuyết phục vị Tổng thống không nên đầu hàng, mà nên phát đi lời kêu gọi người Trung Quốc và người Nga can thiệp vào. Tướng Minh lắng nghe ông ta, rồi vừa nói: ‘Ừ, được, được’ vừa ra lệnh cho viên sĩ quan nọ cứ đi”. [\[124\]](#)

Tất cả những gì trên đây rất có khả năng làm cho người ta nhớ lại những ý đồ trước đây 21 năm của Ngoại trưởng Mỹ Phớtxtơ Đalét thuyết phục người Pháp không nên đầu hàng ở Điện Biên Phủ và không nên thương lượng chấm dứt chiến tranh tại Giơnevơ năm 1954 (thậm chí Đalét còn đề nghị sử dụng 1-2 quả bom nguyên tử để giúp người Pháp tại Điện Biên Phủ). Đalét đã không thể ngăn ngừa nổi thất bại của người Pháp. Khi người Pháp bị buộc phải rút ra khỏi Đông dương, Mỹ đã quyết định phải “lấp chỗ trống” bằng cách kéo tới thay chân người Pháp.

Sứ mạng của Vanuysxem và sau đó là cuộc can thiệp của Trung Quốc vào cả ba nước Đông dương thời thực dân đủ để cho thấy rằng các quốc gia đế quốc chủ nghĩa không phải là những quốc gia duy nhất không thích “những khoảng trống quyền lực”. Nếu Mỹ thất bại trong âm mưu thay thế Pháp, thì Trung Quốc sẽ thay thế Mỹ. Tôi đã buộc phải đi đến kết luận như vậy khi điều tra, nghiên cứu tình hình quan hệ Việt Nam – Trung Quốc – Campuchia. Đó là một thực tiễn đau buồn về nguyên nhân của tấn thảm kịch những gì đã diễn ra ở Campuchia.

Người đầu tiên đưa ra lập luận về việc Trung Quốc sẵn sàng chiến đấu chống Mỹ “tới người Việt Nam cuối cùng” chính là Đại sứ Nam Tư tại Bắc Kinh, lập luận này được Jean Santeny một thời là Thống đốc của Pháp ở Đông Dương khẳng định lại. Khi đó, tôi và những người “theo dõi tình hình Việt Nam” thân Trung Quốc giận dữ phủ nhận. Nhưng về sau, lập luận này đã được chứng minh là quá đúng. Và khi không thể ép Việt Nam ngừng giáng cho chế độ Sài Gòn được Mỹ hậu thuẫn đòn dứt điểm, Bắc Kinh chuyển sang chiến lược ra sức đánh Việt Nam “tới người Campuchia cuối cùng”. Đó là bản chất những gì xảy ra kể từ tháng 4/1975 trong cuộc đấu tranh tam giác giữa Trung Quốc, Khme đỏ và Việt Nam.

Có vô vàn bằng chứng cho thấy rằng lúc đầu Trung Quốc hy vọng làm được một cú thọc sâu trực tiếp vào Việt Nam từ bắc xuống nam, dùng những biện pháp chính trị, kinh tế, ngoại giao và các biện pháp khác để đưa các dân tộc đã bị chiến tranh làm cho kiệt quệ này vào quỹ đạo

địa – chính trị của mình. Sự mạng của Vanuxxem là sự phản ánh tình hình đó. Trung Quốc cũng có “người của họ”, Hoàng Văn Hoan, trong Bộ Chính trị của Hà Nội và có thể là đã tương hỗ về phạm vi ảnh hưởng của ông ta.[\[125\]](#)

Sau 20 năm tồn tại trong chế độ xã hội chủ nghĩa với một ban lãnh đạo thống nhất và dày dặn kinh nghiệm, Bắc Việt Nam vẫn là một trở ngại không thể vượt qua nổi đối với bất kỳ toan tính nào muốn trực tiếp bành trướng thế lực xuống phía nam, dù bằng biện pháp ngoại giao hay bất kỳ biện pháp nào khác. Và vì thế, người ta tính đến cách gián tiếp thọc sườn Bắc Việt bằng cách nuốt chửng Lào và Campuchia.

Đầu năm 1979, Chính phủ Lào phát hiện ra rằng con đường do phía Trung Quốc hợp đồng xây dựng, coi là một “công trình viện trợ” cho Lào, đã bị đổi hướng. Lẽ ra đi gần như thẳng theo hướng bắc – nam từ biên giới Trung Quốc qua tỉnh Phongxalỳ, thì nó lại đảo sang hướng đông về phía biên giới Việt Nam ở một nơi gần thung lũng Điện Biên Phủ có tầm quan trọng chiến lược. Vấn đề này đã được cựu Thủ tướng, Hoàng thân Xuvana Phuma tiết lộ cho tờ *Thời báo New York*. Ông cũng tiết lộ rằng, ngay trang dưới cái vỏ là công nhân xây dựng đường sắt, hai tiểu đoàn lính Trung Quốc đã chiếm một thị xã thuộc tỉnh Luông Nậmthà ở Bắc Lào. Chính phủ Lào đã ra lệnh đình chỉ công trình làm đường này và yêu cầu tất cả các nhân viên Trung Quốc rút về. Vì bộ đội dày dạn chinh chiến của Pathét Lào khi đó được bộ đội Việt Nam chi viện, nên mệnh lệnh và lời “đề nghị” trên đây đã được tuân thủ. Tuy nhiên, theo các nguồn tin của Chính phủ Lào, 5 sư đoàn Trung Quốc vẫn đóng quân trên biên giới Lào – Trung Quốc để thu nhận đám tàn quân người Meo của tướng phỉ Vàng Pao; bọn này đã từng đánh thuê cho cả Pháp và Mỹ chống lại các chiến sĩ giải phóng dân tộc Pathét Lào. Âm mưu thành lập một phong trào “Lào đỏ” bên trong nước này và những nỗ lực nhằm lôi kéo một bộ phận người Lào chống lại người Việt Nam đã thất bại thảm hại.

Rõ ràng là con đường gần nhất để đến Nam Việt Nam là qua Campuchia. Nước Campuchia dân cư thưa thớt, đất đai màu mỡ và giàu có thủy hải sản, tự nó đã có giá trị rồi. Hơn nữa nếu Nam Việt Nam cũng tỏ ra “cứng đầu” như Bắc Việt Nam, thì Campuchia hẳn sẽ là cửa ngõ duy nhất cho Trung Quốc đi xuống Đông Nam Á và cũng là nơi giao tiếp với hơn 20 triệu Hoa kiều đang sống và nắm giữ những vị trí kinh tế then chốt trong khu vực này. Bắc Kinh tin rằng họ đã có những con át chủ bài trong tay: 1,2 triệu người Hoa ở miền Nam Việt Nam (trong đó hơn một nửa ở Tp. Hồ Chí Minh) và hơn nửa triệu người Khme ở các tỉnh đồng bằng sông Mêkông ở Nam Việt Nam. Với việc Khme đỏ nắm quyền kiểm soát ở Campuchia và các cố vấn quân sự Trung Quốc hoàn toàn kiểm soát Khme đỏ, mọi cái trông có vẻ ngon ăn quá!

Xin trích dẫn lời phát biểu của Mao Trạch Đông tại một cuộc họp của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 8/1965:

“Chúng ta sẽ thu hồi Đông Nam Á, gồm Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện và Singapore. Đông Nam Á rất giàu khoáng sản và việc thu hồi vùng này đáng để chúng ta cố gắng hết sức. Vùng này sẽ rất có lợi cho công cuộc phát triển công nghiệp tương lai của Trung Quốc và mọi thất thiệt sẽ được bù đắp. Gió đông sẽ thổi bạt gió tây, một khi chúng ta thu hồi xong Đông Nam Á”.[\[126\]](#)

Điều lạ lùng là Indonexia không bị gộp vào trong lời phát biểu này. Gần một tháng sau khi có lời phát biểu trên đây, Trung Quốc hậu thuẫn cho một cuộc đảo chính do những người cộng sản ở đó lãnh đạo. Cuộc đảo chính thất bại và ban lãnh đạo của Đảng Cộng sản có số đảng viên đông nhất ở châu Á này – trừ Trung Quốc – cùng những tổ chức quần chúng được xây dựng vững chắc, công đoàn, nông hội và các tổ chức quần chúng chịu ảnh hưởng của Đảng Cộng sản, đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Việt Nam đã khước từ sức ép của Bắc Kinh dính líu vào cuộc đảo chính bất thành xảy ra vào tháng 9/1965 do Trung Quốc hỗ trợ này.[\[127\]](#) Sự khước từ ấy đánh dấu quan hệ tụt xuống mức thấp giữa Trung Quốc và Việt Nam khi đó. Nhưng nó cũng đánh dấu sự thất bại trong âm mưu của Trung Quốc chỉ đạo chính sách và chiến lược của các Đảng Cộng sản ở châu Á. Với việc lúc ủng hộ, lúc không ủng hộ cuộc đấu tranh vũ trang, Trung Quốc không chỉ hậu thuẫn cho một

âm mưu đảo chính dẫn tới việc tiêu diệt hoàn toàn Đảng Cộng sản Indonexia, mà còn đưa các Đảng Cộng sản ở Malaixia và Miến Điện tới những thất bại cay đắng nhất. Nếu như Việt Nam không nhất quyết giữ lấy quyền tự đề ra quyết định của mình, không nhất quyết bảo vệ và giành sự giúp đỡ về chính trị và quân sự cho các phong trào anh em ở Campuchia và Lào một cách có nguyên tắc và vô tư, thì phong trào cách mạng ở những nước này chắc chắn đã chịu cùng số phận như phong trào cách mạng ở Indonexia rồi.

Một số phận tương tự đang chờ đợi phong trào cách mạng ở Thái Lan. Tại một cuộc họp ở Băng cốc ngày 8/11/1978, Phó Thủ tướng Trung Quốc Đặng Tiểu Bình tuyên bố rằng trong lúc tay phải của Trung Quốc tìm kiếm quan hệ tốt đẹp với Nhà nước Thái Lan, tay trái của họ có thể sẽ giúp quân du kích địa phương lật đổ Chính phủ Thái Lan. Đây là một động tác mị dân nhằm làm ra vẻ Trung Quốc là người đi tiên phong trong cuộc đấu tranh vũ trang cách mạng ở Đông Nam Á. Vấn đề này cũng được giải thích trong các giới Maoít như một sự cự tuyệt về tư tưởng đối với Việt Nam. Trong một chuyến đi thăm Thái Lan trước đó vài tháng, Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng đã tuyên bố rằng cùng với việc cuộc chiến chấm dứt ở Việt Nam, giữa Việt Nam và Thái Lan có thể có quan hệ hòa bình và hữu nghị.[\[128\]](#)

Với việc chế độ Khme đỏ bị lật đổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố ở Lào, Trung Quốc đã hết sức cố gắng huy động Chính phủ Thái Lan và các nhóm khác nhau hoạt động phản cách mạng chống chính phủ xã hội chủ nghĩa ở Lào và Campuchia, trong khi tự mình tiến hành cuộc xâm lược trực tiếp Việt Nam. Thất bại của Trung Quốc trong âm mưu tấn công Việt Nam qua tay Khme đỏ đã phơi bày sự ủng hộ của Trung Quốc cho những mục đích đối nội của Đảng Cộng sản Thái Lan, vì về thực chất, đó là sự ủng hộ đối với một công cụ phục vụ những mục đích bành trướng của Trung Quốc trong khu vực. Như vậy, đó cũng là một thứ công cụ mà khi hết tác dụng, sẽ bị người ta quẳng đi mà thôi.

Nếu như Mỹ có thể tự coi là đóng một vai trò ngắn hạn trong một bối cảnh lịch sử nhất định – như một tên sen đầm quốc tế nhằm “kiềm chế chủ nghĩa cộng sản”, thì hẳn Trung Quốc đã bằng lòng để cho Mỹ đóng vai trò đó, còn họ thì nhằm nhe những món lợi ích lớn hơn trong việc kiểm soát lâu dài, vĩnh viễn vùng này – một vùng có những nguồn tài nguyên sẽ được sử dụng để chống lại cả Mỹ lẫn Nhật. Nếu Mỹ chỉ nghĩ đến thời hạn của những năm và đến quãng thời gian của một nhiệm kỳ tổng thống, thì Trung Quốc nghĩ đến thời hạn của những thế kỷ và đến quãng thời gian tồn tại của cả một vương triều! Mỗi tình của Mỹ với Trung Quốc cũng sẽ bị quẳng đi một khi hết tác dụng![\[129\]](#)

Và nếu Trung Quốc nghĩ đến thời hạn của những thế kỷ và đến quãng thời gian tồn tại của một vương triều, thì Việt Nam còn nghĩ đến quãng thời gian hơn hai nghìn năm chống lại ách thống trị của Trung Quốc và đến vai trò của mình là một rào chắn sự bành trướng xuống phía nam của Trung Quốc. Nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa nhận thức rõ một thực tế rằng giữa trách nhiệm dân tộc với trách nhiệm quốc tế của mình, không có gì mâu thuẫn cả.

Nếu không nắm được, trong chừng mực nào đó, những vấn đề đã được tóm tắt trong chương cuối cùng này, tuy là những vấn đề rất chưa hoàn chỉnh, thì không thể từ bên ngoài hiểu nổi những gì đã và đang diễn ra trong tam giác địa – chính trị Trung Quốc – Campuchia – Việt Nam, và vì sao như vậy. Đó là cả một câu chuyện buồn, rất buồn về phương diện những nỗi thống khổ không sao kể xiết của con người ở những đất nước có liên quan đến quan hệ này.

Nhìn nhận vấn đề một cách lạc quan, thì nhân dân Campuchia đã nêu cho toàn thế giới một tấm gương kỳ lạ về khả năng và ý chí sinh tồn của cả một dân tộc cũng như cả nhân loại trong những điều kiện tưởng như vô vọng. Ngày 22/3/1981, tôi có mặt ở Phnom Penh để quan sát giai đoạn quyết định của các cuộc bầu cử cấp thành phố ở Phnom Penh. Cuộc bầu cử này là một cuộc tổng duyệt cho cuộc tổng tuyển cử trên cả nước dự kiến tiến hành ngày 1/5/1981. Đã từng vài lần được chứng kiến những cuộc bầu cử ở Campuchia trong một phần tư thế kỷ qua, tôi cho rằng những cuộc bầu cử này tại Phnom Penh là những cuộc bầu cử đầu tiên thực sự dân chủ ở Campuchia.

Hiển nhiên thời đất nước này còn là một xứ thuộc địa của Pháp, thì chưa bao giờ có bất kỳ

một cuộc bầu cử dân chủ nào. Hồi đầu dưới thời Sihanuc, những ứng cử viên đối lập đều bị bắt. Sau khi ông ta cho thành lập Đảng Xăngcum của mình, chính Sihanuc đích thân lựa chọn xem ai trong số đảng viên Xăngcum có thể ra ứng cử. Ông ta lựa chọn một số người thuộc cánh tả, cánh trung tâm và cánh hữu để lập nên một kiểu “cân bằng” nào đó.

Chế độ bầu cử ở Phnom Penh cũng là chế độ về sau được áp dụng cho cuộc tuyển cử Quốc hội lập hiến cả nước. Ứng cử viên được các ủy ban ở địa phương của Mặt trận Dân tộc thống nhất cứu nước cho ghi tên tại cả 18 đơn vị bầu cử cấp quận của thành phố. Một tỷ lệ rất cao công dân của thành phố được ghi tên tham gia các ủy ban này, nhưng ứng cử viên không nhất thiết phải là thành viên của Mặt trận Dân tộc thống nhất cứu nước. Ứng cử viên được sơ tuyển trên cơ sở – theo sự tìm hiểu của tôi – đóng góp của họ vào việc bình thường hóa cuộc sống và việc họ phục vụ xã hội.

Mỗi quận được bầu từ 5-7 người, tùy theo số dân cụ thể. Trong khi sơ tuyển, ở một số quận có tới khoảng trên trăm người đăng ký ứng cử. Ban bầu cử do mặt trận lập ra sẽ phê chuẩn 10 người có số phiếu cao nhất. Tên, ảnh và tóm tắt lý lịch của 10 người này sẽ được giới thiệu trên áp-phích dán ngoài phòng bỏ phiếu và những tài liệu này sẽ được cử tri nghiên cứu kỹ càng trước khi bỏ phiếu. Nhờ quá trình này mà số ứng cử viên từ vài trăm sẽ hạ xuống còn 148 người ứng cử để giành 117 ghế của Quốc hội lập hiến. 117 đại biểu Quốc hội này sẽ được lựa chọn trong cuộc tuyển cử trên cả nước ngày 1/5. Nhiệm vụ của họ là bổ sung, sửa đổi và thông qua bản Dự thảo Hiến pháp hiện nay; đồng thời bầu ra một nội các và một Hội đồng Nhà nước.

Vì chưa có kinh nghiệm trong những thủ tục bầu cử dân chủ, ban lãnh đạo Mặt trận hết sức thận trọng trong khi tổ chức và điều hành những cuộc bầu cử cấp thành trên cả nước tiến hành trong tháng 3. Ngày 1/3, cuộc bầu cử được tổ chức tại 2 quận của Phnom Penh. Tổng số cử tri đi bỏ phiếu là 83%. Ngày 15/3, cử tri đi bỏ phiếu tại 6 quận nữa. Tổng số cử tri đi bỏ phiếu lên tới 97%, rõ ràng do công tác giải thích và tuyên truyền vận động cử tri đi bỏ phiếu tới mức tối đa đã được làm tốt hơn. Ngày 22/3, số phiếu bầu ở 10 quận đông dân nhất còn cao hơn. Tại một số phòng bỏ phiếu mà tôi tới thăm, tới giữa trưa, đã có 100% cử tri đi bỏ phiếu. Trong số những sáng kiến để bảo đảm thu được tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu cao nhất, phải kể tới các đội lưu động mang thùng phiếu tới tận nhà những cử tri ốm yếu, tàn tật và tới bệnh viện cũng như những nơi cách xa điểm bỏ phiếu.

Các cuộc bầu cử diễn ra trong không khí ngày hội. Cả thành phố được trang hoàng bằng cờ màu đỏ và các phòng bỏ phiếu thi nhau trang trí phòng phiếu của mình đẹp hơn bằng hoa và lá hình lược. Những nhóm văn công Campuchia tương tự những nhóm nhạc “pop” của phương Tây biểu diễn bên ngoài phòng bỏ phiếu.

Trong số những cử tri và ứng viên, có nhiều người đã từng ủng hộ Khmer đỏ, kể cả một số người đã được phái vào hoạt động gây rối. Việc những cuộc bầu cử này được tổ chức trong một bầu không khí tuyệt đối an toàn chính là sự phản ánh hoạt động bình thường đến mức đáng kinh ngạc trong lĩnh vực an ninh, sản xuất, y tế, giáo dục, tôn giáo và quyền dân chủ. Mặc dù đã có nhiều biện pháp đặc biệt về an ninh, nhưng người ta vẫn không nhận thấy chúng. Những đại diện của Mặt trận như Chủ tịch Heng Xomrin, Ngoại trưởng Hun Sen và nhiều cán bộ lãnh đạo khác của Mặt trận thoải mái hòa mình vào đám đông mà không có bất kỳ vệ sĩ vũ trang công khai tháp tùng. Chung quanh không hề có bộ đội Việt Nam. Các nhà báo Pháp, Anh, Tây Đức, Úc và các nước khác – trong đó có William Socros, tác giả của cuốn “Màn biểu diễn phụ: Kítsinhgiơ, Níchxơn và việc hủy diệt Campuchia”, bán chạy nhất thế giới – có thể tự do đi lại và quan sát mọi giai đoạn của quá trình tuyển cử.

Chính trong các cuộc bầu cử cấp thành phố này mà người ta đã có thể tiến hành một cuộc điều tra dân số, chính xác ở mức phải chăng về những người thực đang sống trong đất nước này. Tổng dân số là vào khoảng 5.746.000 người.

Những người láng giềng ASEAN của Campuchia nhanh chóng tố cáo cuộc tuyển cử này là “gian lận” và chỉ nhằm “hợp pháp hóa chính quyền Heng Xomrin do Việt Nam áp đặt”. Xét về bề nổi của nó, người ta có thể phản đối diện lựa chọn hạn hẹp của cử tri ở cấp toàn quốc. Nhưng trên thực tế, ở cấp cơ sở, trong quá trình sơ tuyển và tuyển lựa, cử tri đã trải qua việc

lựa chọn ứng cử viên ở diện rất rộng. Có nước nào trong số các nước thành viên ASEAN có thể dạy nổi một bài học về thể thức dân chủ cho Campuchia? Việc cuộc tuyển cử trên phạm vi cả nước được tổ chức ở Campuchia với trên 95% cử tri tham gia bỏ phiếu, rõ ràng là một thất bại đối với những kẻ nào – kể cả đa số các nước thành viên Liên hợp quốc – còn tiếp tục công nhận bọn tàn quân Khme đỏ là đại diện hợp pháp của Campuchia.

Nếu tình hình an ninh trong nước được cải thiện tới mức cho phép tiến hành các cuộc tuyển cử trên phạm vi cả nước mà không có sự can thiệp quấy rối nào, thì lý gì mà người Việt Nam lại chưa bắt đầu rút quân về? Đây là một câu hỏi chính đáng làm cho nhiều nhà quan sát chính trị thuộc đủ loại chính kiến phải lo lắng bồn chồn. Câu trả lời là: họ đã bắt đầu rút quân rồi. Cuối năm 1980, tôi được biết ở Hà Nội có chủ trương cho rằng nếu tình hình an ninh tiếp tục được cải thiện cùng nhịp độ như nửa cuối năm đó, thì hầu hết các chuyên gia Việt Nam sẽ có thể sớm rút về. Nhận định này rõ ràng nhằm chủ yếu chỉ các chuyên gia quân sự và an ninh nội địa của Campuchia: các chuyên gia trong lĩnh vực này sẽ dần dần rút về một khi các lực lượng quân sự và an ninh địa phương cấp xã, huyện và tỉnh đã phát triển vững mạnh. Nhưng chủ trương này còn đúng đối với các chuyên gia trong các lĩnh vực khác của Chính phủ mới.

Tháng 5/1979, ông Ngô Điền nói với tôi rằng giúp Campuchia xây dựng được một Bộ Ngoại giao là khó khăn biết chừng nào. Ông nói: “Chúng tôi có thể tìm được những nhân viên làm công tác đánh máy, nhưng số lượng cán bộ ngoại giao cao cấp còn sống sót thì có thể đếm được trên đầu ngón tay của một bàn tay”. Kết quả là hầu như toàn bộ số viên chức của Bộ Ngoại giao cần phải được đào tạo về chuyên môn. Tháng 8/1979, tại Bộ Ngoại giao còn trong thời kỳ trứng nước, có 12 chuyên gia Việt Nam. Đến tháng 12/1980, số chuyên gia này chỉ còn lại 2 người. Đây là một Bộ điển hình trong tất cả các bộ.

Quá trình rút quân này đã được học giả người Úc nói tiếng Khme Ben Kiểcnam xác nhận trong tạp chí *Sinh hoạt thế giới* số ra tháng 6/1981, cơ quan ngôn luận của Viện Sinh hoạt Quốc tế Queensland. Ông là chuyên gia phương Tây được thông tin tốt nhất về Campuchia ngày nay, đã từng đặt chân tới hầu hết trong số 19 tỉnh của đất nước này trong suốt 4 tháng nửa cuối năm 1980.

“Tất cả 40 chuyên gia ở tỉnh Takeo đã lên đường về nước; ở tỉnh Côngpông Chàm, họ đã giảm từ 20 người xuống còn 8 người; năm 1979 tỉnh Căngđan (nơi có thủ đô Phnom Penh – TG) có 20 chuyên gia, hiện nay chỉ còn 12 người và chỉ có 5 người làm việc với bộ phận hành chính... Tất cả chuyên gia Việt Nam đã công khai rời khỏi Bộ Giáo dục.

Đại sứ Việt Nam tại Phnom Penh, ông Ngô Điền, nói với tôi rằng số chuyên gia Việt Nam ở Campuchia đã giảm đi 60% nhưng rồi lại tăng lên 30%, do có thêm các chuyên viên kỹ thuật cao cấp...

Một tiền tố quan trọng cho nền độc lập của Campuchia sau cuộc hủy diệt của PolPot là xây dựng một hạ tầng cơ sở của quốc gia – các cơ quan hành chính, nền kinh tế có phối hợp, hệ thống tiền tệ, mạng lưới giao thông, hệ thống giáo dục, các cơ sở y tế và quân đội quốc gia. Các cố vấn Việt Nam đã đóng góp rất nhiều vào việc xây dựng hạ tầng cơ sở mới mẻ đó...”

Kiểcnam, một nhà quan sát sắc sảo và từng trải, nhận xét rằng việc rút các chuyên gia Việt Nam về “chắc sẽ tiếp tục một cách vững chắc nếu những nguyện vọng chính trị của đa số người Campuchia được đáp ứng”. Nhưng ông ta cũng trình bày một cách đúng đắn mâu thuẫn giữa nguyện vọng rút nhanh người Việt Nam với nỗi sợ Khme đỏ sẽ nhanh chóng quay trở lại!

“Số đông người Khme hiện nay sẵn sàng chấp nhận mối quan hệ thân thiện giữa Mặt trận Cứu nước với Việt Nam, vì nguy cơ PolPot quay trở lại với cuộc nội chiến hủy diệt tái phát là mối đe dọa lớn; nên việc củng cố, xây dựng PRK (Cộng hòa Nhân dân Campuchia – TG) lớn mạnh là niềm hy vọng lớn nhất để có một nhà nước Campuchia lớn mạnh, vững bền.

Việc các chuyên gia hành chính người Việt Nam lần lượt rút về có thể là một dấu hiệu rõ ràng thể hiện thiện chí của Việt Nam. Phương Tây cùng các đồng minh của họ do đó cần xem xét lại việc tiếp tục ủng hộ Campuchia Dân chủ (Khme đỏ – TG). Cho tới khi đó, việc bộ đội Việt Nam rút về vẫn còn là một sự lựa chọn sống còn đối với số phận của người Campuchia, sự lựa

chọn mà dưới ánh sáng của lịch sử Campuchia giai đoạn vừa qua, nhiều người sẵn sàng chấp nhận”.

Đây là một đánh giá đúng đắn và có tính thực tế. Nó chứa đựng tất cả những gì tôi có thể học được trong suốt 5 cuộc đi thăm đất nước này, kể từ khi lật đổ chế độ PolPot – Ieng Xari. Bài viết của Ben Kiểcnam còn gồm một bài phỏng vấn Ngoại trưởng Hun Xen, trong đó nội dung chủ chốt là câu trả lời về vấn đề khi nào bộ đội Việt Nam rút khỏi Campuchia.

“Khi nào PolPot và các nhóm chống đối khác đang ra sức lật đổ Chính phủ chúng tôi hạ vũ khí. Tức là, khi Thái Lan ngừng cho phép Trung Quốc, rồi Mỹ, Pháp ủng hộ Khme đỏ, Khiêu Xamphon, Xônzan; và khi chúng tôi hoàn thành việc thương lượng với Thái Lan một giải pháp phù hợp cho vấn đề biên giới và vấn đề người tị nạn. Khi đó sẽ không còn mối đe dọa từ bên ngoài đối với Campuchia và người Việt Nam sẽ rút về nước”.

Tuy nhiên, có một vấn đề khác nữa lại nổi lên do việc Bắc Kinh và Khme đỏ tăng cường tuyên truyền rùm beng rằng Việt Nam đang muốn khôi lại khái niệm về một “Liên bang Đông Dương”. Khái niệm này bao hàm việc hợp nhất những nền văn hóa khác nhau và hoàn toàn tách biệt nhau dưới một ban lãnh đạo duy nhất. Do sự khác biệt về dân số và về mức độ phát triển kinh tế xã hội tương đối cao hơn của Việt Nam, nên ban lãnh đạo này chỉ có thể từ Việt Nam mà ra. Nhưng chính cụ Hồ Chí Minh đã từ lâu phản đối việc thành lập một Liên bang như vậy dưới sự khống chế của Việt Nam.

Tuy nhiên, giữa Việt Nam, Campuchia và Lào vẫn có những mối quan hệ đặc biệt, cũng y như mối quan hệ đặc biệt giữa các nước Thụy Điển, Na Uy và Đan Mạch với nhau và giữa các nước Bắc Âu này với Phần Lan vậy. Ba nước tạo thành Đông Dương trước kia đã giành được độc lập bằng cách sát cánh chiến đấu bên nhau chống chủ nghĩa thực dân Pháp, sự chiếm đóng của Nhật và cuộc xâm lăng của Mỹ. Họ đã bảo vệ nền độc lập đó bằng việc chống lại những âm mưu cướp quyền của Trung Quốc. Rõ ràng họ đã có cùng một lịch sử hợp tác với nhau chống sự thống trị của ngoại bang.

Họ cũng còn những nền kinh tế hỗ trợ cho nhau. Campuchia và Lào sẽ sớm có ngành nông nghiệp phát triển mạnh mẽ không bị thiên tai như nạn bão lụt và khô hạn vốn thường xuyên tác động tới vùng duyên hải trống trải của Việt Nam, nơi cấy trồng hầu hết hoa màu, lương thực của đất nước này. Việt Nam đang phát triển một nền công nghiệp hiện đại và đã có thể giúp đỡ hai nước láng giềng của mình phát triển nền nông nghiệp phù hợp với những nhu cầu cần thiết của họ. Trong vòng 2 hoặc 3 năm nữa, Việt Nam sẽ tự túc được dầu lửa và sau đó sẽ có khả năng thỏa mãn nhu cầu của Campuchia và Lào. Điều hợp lý là những nước này có cùng lợi ích chung cũng như những lợi ích chung hiện nay giữa các nước thành viên trong khối ASEAN.

Trung Quốc với ban lãnh đạo đang bị xáo trộn như hiện nay ít có khả năng ngăn chặn tiến trình này, nhưng họ sẽ cố gắng hết sức để phá hoại tiến trình đó, đồng thời ngăn chặn việc bình thường hóa quan hệ giữa các nước trước đây thuộc khối Đông Dương với những nước thuộc khối ASEAN.

Theo đuổi mục đích này, Trung Quốc hiểu rằng có thể trông cậy vào sự ủng hộ không có giới hạn của chính quyền Regan – Haig ở Hoa Kỳ. Chính sách của chính quyền Mỹ đã được ngoại trưởng Alecxandre Haig xác định trong chuyến đi thăm châu Á nửa cuối tháng 6/1981, trong đó có chặng dừng chân ở Bắc Kinh. Đến cuối chuyến đi này, Haig đã khẳng định rõ ràng rằng: Mỹ sẽ chặn đứng mọi đề nghị của Việt Nam nhằm cải thiện quan hệ với bất kỳ nước nào mà Regan và Haig có thể gây sức ép theo hướng ngược lại. Trong khi tường trình về việc New Zealand miễn cưỡng phải tán thành chính sách “trừng phạt Việt Nam” của Haig, Benet Guezman, phóng viên tờ *Thời báo New York*, tháp tùng Haig trong chuyến đi của ông ta, đã bình luận như sau:

“Trong suốt chuyến đi thăm châu Á, ông Haig đã tận dụng mọi dịp để công kích Việt Nam, và thứ Bảy vừa qua ông ta tuyên bố tại Manila rằng Hoa Kỳ sẽ không bao giờ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam chừng nào quân đội Việt Nam còn chiếm đóng tại Campuchia và Việt

Nam còn là một ‘nguồn gây rắc rối trong toàn khu vực’” .[\[130\]](#)

Những quan điểm quá khích này của Haig được vỗ tay tán thưởng ở Bắc Kinh, nhưng chỉ được các thành viên của khối ASEAN đón nhận một cách lạnh nhạt, một số nước trong khối này công nhận rằng các nước Đông Dương và các nước ASEAN có nhiều lợi ích chung giống nhau, về cá nhân mỗi nước cũng như cả khối ASEAN, hơn là với Trung Quốc, một nước luôn mang tư tưởng bành trướng xuống Đông Nam Á.

Tiếp theo chuyến đi thăm châu Á của Haig, Trung Quốc và Mỹ có vẻ như đã giành được một chiến thắng trong chiến dịch chống Việt Nam. Đầu tháng 9/1981, họ đã thành công trong việc đỡ đầu cho một “Mặt trận Dân tộc” tập hợp Sihanuc, Khiêu Xamphon và Xôn-xan.[\[131\]](#) Nhưng đây là một chiến thắng phải trả bằng giá quá đắt.

Tháng 11/1979, Sihanuc cho tôi biết về âm mưu này. Ông ta thề sẽ không bao giờ tham gia “cỗ xe tam mã” (theo lời mô tả của ông ta), trong đó có hai kẻ mà ông ta coi là kẻ thù thâm căn cố đế và một trong hai kẻ đó lại là người phải chịu trách nhiệm về cái chết của nhiều con cháu của ông ta. Khi đó ông ta mới được mời đi thăm Singapore, nhưng ông ta từ chối. Ông ta bảo tôi: “Ít nhất là trong thời gian trước mắt. Đó là một cái bẫy do Bắc Kinh và Wasinh-ton sắp đặt nhằm ép tôi phải chịu theo cuộc hôn nhân đã sắp xếp từ trước với Khiêu xamphon và Xôn-xan”. Ông ta giải thích rằng trước khi rời Bắc Kinh vài tuần trước cuộc nói chuyện với tôi, ông ta đã phải nghe một bài diễn văn dài dòng của đại sứ Mỹ Leonard Woodcock về nhiệm vụ của ông ta hoạt động cùng Khme đỏ “và tổng cổ người Việt Nam đi”. Một trong những lập luận của Woodcock là chỉ có Khme đỏ mới có khả năng thực hiện nhiệm vụ này.

Với tư cách là một phương tiện kiểm soát vài triệu đô-la nhét vào túi các lãnh tụ của nó, cái “Mặt trận Dân tộc” này chắc chắn là đạt mục đích. Và CIA, với kinh nghiệm phong phú trong việc “làm mất ổn định” những chính phủ nào bị cho là hành động ngược lại lợi ích của Mỹ, chắc chắn sẽ bảo đảm cho “Mặt trận Dân tộc” được chu cấp đủ vũ khí và tiền bạc để có được cái giá trị gây rối nào đó. Tuy nhiên, với tư cách là một công cụ làm chệch hướng xây dựng một cuộc sống mới của nhân dân Campuchia, dưới sự lãnh đạo thực sự yêu nước và trong những điều kiện dân chủ chưa từng thấy trong suốt lịch sử của dân tộc Campuchia, “Mặt trận Dân tộc” ngay từ khi ra đời đã gặp diêm thất bại nhục nhã và kiệt quệ bởi lẽ chẳng có lực lượng nào của nó được xây dựng có nổi một căn cứ trong lòng dân hoặc được dân ủng hộ.

Nhân dân Campuchia đã nắm chắc vận mệnh của mình trong tay và họ sẽ không bao giờ tự ý rời bỏ nó. Với trọng trách này, họ sẽ được sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

HẾT

Chú thích

[1] Được Tôn Dật Tiên thành lập năm 1905, Quốc dân đảng đã lật đổ triều đình Mãn Thanh, lên cầm quyền năm 1911 và lập nên một chính thể Cộng hòa. Tuy vậy, chính quyền nhanh chóng rơi vào tay các tập đoàn quân phiệt thế truyền. Liên minh với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tôn Dật Tiên cho xây dựng một tổ chức quân sự hiện đại tại Quảng châu – với sự giúp đỡ của các cố vấn Liên Xô – nhằm tiến hành một cuộc “Bắc phạt” để thống nhất đất nước dưới quyền của Quốc dân đảng. Tôn Dật Tiên mất tháng 3/1925, ít lâu trước khi cuộc “Bắc phạt” dự tính bắt đầu nên quyền lãnh đạo Quốc dân đảng chuyển sang người em đồng hao là Tưởng Giới Thạch. Tưởng sớm đoạt tuyệt với những người cộng sản và thúc đẩy điều mà sau này trở thành một cuộc nội chiến đẫm máu, kéo dài, một cuộc chiến đã giúp cho Mao Trạch Đông nổi lên thành người chiến thắng lừng lẫy.

[2] Ben Kiểcnam và Chanthu Bua, *Nông dân và Chính trị ở Campuchia 1942 – 1979*, Zed Press, đang in.

[3] Uynphret Bốc sét, *Bắc vĩ tuyến 17*, tr.20 – 21, Hà Nội, do tác giả xuất bản 1955. Dựa vào cuộc nói chuyện với Cụ Hồ Chí Minh năm 1955 và các tài liệu của tác giả.

[4] Trong suốt 2.000 năm trước, cuộc đụng đầu giữa người Việt Nam và những “bọn ngoại xâm từ phương Bắc” diễn ra trong điều kiện chất lượng vũ khí của hai bên tương đối bằng nhau: cung nỏ bao gồm cả mũi tên lửa, vũ khí đâm và chém, cầm tay, súng đạn bao gồm cả thuốc nổ chế tạo trong nước. Và nếu như quân xâm lược mạnh hơn hẳn về số lượng, thì người Việt Nam lại giàu kinh nghiệm hơn trong việc sử dụng một cách có hiệu quả và tiết kiệm về người và vũ khí của mình. Người Pháp, mang theo súng máy bắn nhanh và pháo tầm xa, đã làm đảo lộn thế cân bằng quân sự cổ xưa và giới phong kiến Việt Nam cúi đầu rút khỏi cuộc đấu tranh. Thế là sân khấu đã được chuẩn bị để các lực lượng mới giương tiếp ngọn cờ mà các vị phong kiến đã bỏ rơi.

[5] Ý kiến này đã có hiệu lực thực tiễn ngay khi nửa phía bắc nước Việt Nam đánh đổ ách thống trị của Pháp. Tháng 3/1955, hai tháng trước khi quân Pháp rút khỏi miền Bắc Việt Nam, Việt minh đã thành lập Khu Tự trị Thái – Mèo. Tại đây, người thiểu số Thái và Mèo chiếm 75% dân số, 15 dân tộc ít người khác chiếm hầu hết phần còn lại.

[6] Sơn Ngọc Thành được sự ủng hộ đáng kể của một số giới trong nội bộ Đảng Dân chủ. Việc người Pháp bắt ông ta về tội phản quốc làm tay sai của Nhật và đưa ông ta sang Pháp đã tạo cho ông ta cái thế của một kẻ “tử vì đạo”.

[7] Việc Sihanúc nói đến vai trò yêu nước của hàng giáo phẩm Phật giáo là điều có ý nghĩa. Cũng như ở Việt Nam và Lào, các vị sư yêu nước ở Campuchia đã đóng vai trò quan trọng trong các giai đoạn của ách chiếm đóng Pháp. Ví dụ: năm 1943, Acha Hem Chiêu, một vị sư giảng viên tại tu viện Phật giáo ở Phnom Penh, bị bắt vì đã viết một số tác phẩm tố cáo chủ nghĩa thực dân Pháp. Vị sư này bị tình nghi là đứng đầu một phong trào chống thực dân. 2.000 vị sư (mà tiếng Khme gọi là bí khu) cùng hàng vạn thường dân đã biểu tình đòi thả sư Chiêu. Phong trào phản đối phát triển thành khởi nghĩa vũ trang và bị người Pháp dập tắt với sự tàn bạo quen thuộc của họ. Acha Hem Chiêu và hàng trăm người khác, trong đó có nhiều bikhu, bị đày ra đảo tù khét tiếng Côn lân; và nhiều người, trong đó có Hem Chiêu, chẳng bao giờ trở lại.

Tháng 4/1950, tại Hội nghị đại biểu nhân dân thành lập Ủy ban trung ương Giải phóng Khme, 105 trên 200 đại biểu là nhà sư. Về sau, Ủy ban Trung ương này chuyển thành một Chính phủ Lâm thời, rồi Chính phủ Quốc dân Kháng chiến để quản lý các vùng giải phóng của Khme Ítxarác. Sơn Ngọc Minh, một nhà sư cao cấp có nhiều uy tín, được cử làm Chủ tịch Chính phủ Kháng chiến. Sau này, ông trở thành một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Khme.

[8] Norodom Sihanúc và Uynphrết Bốc sét. *Cuộc chiến tranh của tôi với CIA*, NiuYooc, Nxb Pantông, 1972, Tr.152.

[9] Sihanúc và Bốc sét, *Cuộc chiến tranh của tôi với CIA*, Tr.152 – 153.

[10] Sách đã dẫn, tr. 153 – 154

[11] *Tầm vóc và thời điểm của chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến thắng đã kết thúc số phận của toàn bộ quân Pháp ở phần phía bắc quyết định của Việt Nam, là biểu hiện cao nhất lý thuyết của Cụ Hồ Chí Minh rằng tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá một hoạt động quân sự là tác động chính trị của nó.*

[12] *Lào Ítxala và Pathét Lào là những tên gọi có thể dùng thay cho nhau.*

[13] *Chính phủ của Thủ tướng Giodép Lanien và Ngoại trưởng Gioócgiơ Bìđôn đổ ngày 6/6/1954 sau khi thất bại trong một cuộc bỏ phiếu tại Quốc hội về việc xử lý vấn đề Đông dương. Ngày 17/6, một chính phủ mới được thành lập, đứng đầu là Piề Măngđét Phrăng – ông này hứa sẽ đạt được ngừng bắn ở Đông dương trước ngày 20/7, nếu không sẽ từ chức. Việc đình thời gian để đạt được ngừng bắn hoặc Hội nghị tan vỡ cũng được dùng như một biện pháp để gây sức ép đòi ông Phạm văn Đồng phải nhân nhượng cho kịp thời hạn. Cuộc họp giữa Chu Ân Lai và Măngđét Phrăng diễn ra tại Đại sứ quán Pháp ở Bécnrơ chiều ngày 23/6. Theo các nguồn tin cao cấp của Việt Nam, chính cuộc họp này đã đưa ra bản dự thảo Hiệp định mà không tham khảo ý kiến của đoàn đại biểu Việt Nam. Hôm sau, Chu Ân Lai rời Giơnevơ đi Niu Đêli, Răngun và Bắc Kinh, rồi trở lại Giơnevơ ngày 12/7. Trong chuyến đi của Chu, có cuộc họp với Cụ Hồ Chí Minh trên biên giới Việt Trung ngày 5/7.*

[14] *Phrăngxo Gioayô, Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông dương lần thứ nhất, Giơnevơ, 1954, Paris, Trường Đại học Sorbon, 1979, tr.227.*

[15] *Sách đã dẫn, tr.228 – 229.*

[16] *Sách đã dẫn, tr.229.*

[17] *Sách đã dẫn tr.231.*

[18] *Sách đã dẫn, tr. 240 – 241.*

[19] *Ngoại trưởng Đalét đã giận dữ bỏ về một tuần sau khi Hội nghị bắt đầu, nổi tiếng về việc từ chối bàn tay chìa ra của Chu Ân Lai. Ông ta nổi khùng vì đã thất bại trong việc biến phần bàn về Triều tiên của Hội nghị thành một mảnh đất để quốc tế hóa cuộc chiến tranh Đông dương.*

[20] *Sihanúc đấu tranh kịch liệt chống mọi mưu đồ chia cắt nước ông qua việc cho phép Khme Ítxarắc có một khu vực tập kết, tương tự khu vực giành cho Pathét Lào ở Lào. Gần như chắc chắn rằng XamXary đã hành động không phải theo chỉ thị của Sihanúc mà là theo một sáng kiến (chắc chắn là được cung cấp dồi dào về tài chính) của Mỹ. Bìđen Smít và bộ máy của ông ta đã ráo riết hoạt động để mua cho được ít nhất là một thành viên trong các đoàn đại biểu Lào và Campuchia (đối với Việt Nam, điều này không cần thiết vì thủ tướng Ngô Đình Diệm là “con người” của Hoa Kỳ tại Sài Gòn, được đưa lên trong thời gian Hội nghị Giơnevơ). Có tin rằng Phủi Xananicon, Bộ trưởng Ngoại giao Vương quốc Lào đã được trả một triệu đôla – rót vào tài khoản ở Thụy Sĩ – để không ký Hiệp nghị Giơnevơ. Thành viên thứ hai trong đoàn đại biểu Lào, Bộ trưởng Quốc phòng Ku Vơravông, người đã ký tên nhân danh nước Lào, bị giết trong nhà Phủi Xananicon ở Viêng chăn, ít lâu sau khi ông ta tố giác việc này trước Quốc hội. Ku Vơravông cũng tiết lộ rằng quân đội Hoàng gia Lào đã có kế hoạch tấn công các lực lượng Pathét Lào từ phía sau, khi họ di chuyển đến vùng tập kết ở các tỉnh Sầm nư và Phongsaly!*

[21] *Ph.Gioayô viết rằng Ngô Đình Luyện đã chuyển đạt ý kiến này cho Ngô Đình Diệm, nhưng bị y bác bỏ. Sách đã dẫn, tr. 297.*

[22] *Rôning, Hồi ký về cách mạng Trung Quốc, tr.240-241.*

[23] *Ph. Gioayô, Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông dương lần thứ nhất, tr.324.*

[24] *Sách đã dẫn, tr.357-358.*

[25] *Uynphrét Bócset, Bắc vĩ tuyến 17, tr.102-103, Hà Nội, tác giả xuất bản, 1955.*

[26] Sách đã dẫn, tr.216-217.

[27] Antoni Iđon, Trộn một vòng, London, Catxen, 1960 (người viết nhấn mạnh), tr.118.

[28] Những cuộc thanh trừng trong nội bộ Ban lãnh đạo Khme đỏ tiếp tục tăng lên, một số người nổi tiếng nhất trong “nhóm Paris” bị thủ tiêu và quyền hành tập trung trong tay 7 người. Trong Chính phủ đầu tiên được thành lập sau cuộc “tuyển cử” giả mạo mà người ta nói là đã tiến hành ngày 303 năm 1976, Khiêu Xamphon thay Norodom Sihanuc là Quốc trưởng, PolPot trở thành Thủ tướng và Iêng Xary trở thành Phó Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng, Khiêu Thirít, vợ Iêng Xary được cử làm Bộ trưởng Xã hội. Về sau, mụ thay Hu Nim đã bị tra tấn đến chết. Khiêu Pônary, em gái Khiêu Thirít và là vợ PolPot, là Chủ tịch Hội Phụ nữ Campuchia. Cả hai chị em Khiêu đều được đào tạo ở Paris và Khiêu Thirít có bằng về Văn học Anh. Xonxen, người trở thành Bộ trưởng Quốc phòng, đã học ngành Sư phạm ở Paris trong những năm 1950 và trong một thời gian ngắn đã giữ một cương vị lãnh đạo tại trường Đại học Sư phạm Phnom Penh. Vợ y, Yun Yat, trở thành Bộ trưởng Giáo dục và Văn hóa. PolPot còn giữ chức Bí thư Đảng Cộng sản Khme và Chủ tịch Quân ủy. PolPot, Iêng Xary và Xonxen là 3 thành viên quan trọng nhất của “nhóm Paris” đã rời Phnom Penh năm 1963.

[29] Xem Chương II, chú thích #7 để có thêm thông tin về vai trò yêu nước, tiến bộ của các vị sư.

[30] Bằng chứng về các tàn tích của các hình thức nô lệ vẫn tồn tại đến tận những năm 1950, chủ yếu theo các nguồn tư liệu của Pháp, được trình bày trong cuốn Nông dân và Chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979 của Kiểcnam và Chanthu Bua, London, Fed Press, đang in.

[31] Ben Kiểcnam và Chanthu bua, Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979.

[32] Cần nói vài dòng về bối cảnh của cơ hội khiến Keng Vanxắc được theo học ở Paris, vì nó liên quan đến toàn bộ lịch sử Campuchia và cả đến tình trạng tâm lý của những người lãnh đạo Khme đỏ. Năm 1890, ông nội Sihanuc là Hoàng đế Norodom đã cử Thái tử Yukantho sang Paris để cầu xin một chút tôn trọng đối với phẩm giá của chính ông và đất nước ông. Kết quả là trát bắt giữ Yukantho. Thái tử kịp trốn thoát sang Anh, rồi về Xiêm và chết ở đó 34 năm sau mà không hề một lần đặt chân trở lại quê hương (do việc Yukantho lưu vong mà em ông ta là Xixôvát, kẻ trung thành với mọi thứ của Pháp, được đặt lên ngai vàng). Chị của Thái tử Yukantho là Công chúa Yukantho Ping Po được người Pháp cử làm Bộ trưởng Giáo dục. Bà đã thu xếp để người cháu cực kỳ đáng kính là Keng Vanxắc sang Paris.

[33] Hu Yun, “Nông dân Campuchia”, Paris, Sorbon, 1955. Trong cộng đồng nông nghiệp ở Australia, phụ thuộc vào ý thích dượng như không lường được của những thị trường và những con buôn thành phố về những gì chúng tôi đổi được bằng mớ khoai tây và các sản phẩm khác của chúng tôi. Trong khi “chúng nó” lại định giá cả mà chúng tôi phải trả về giống, phân bón, lưỡi cày và các hàng công nghệ khác. Tôi hiểu rằng thật dễ kích động sự đối kháng giữa một cộng đồng nông thôn và những người dân thành phố. Dân “đại bợm thành phố” là kẻ thù tự nhiên của chúng tôi, nếu kết quả câu chuyện giữa “bọn đực rựa chần bò” – cách gọi những nông dân làm nghề chăn nuôi bò sữa lúc bấy giờ ở Australia – quanh các chuồng bò vào những ngày phiên chợ - nếu xảy ra một cuộc đình công trong công nghiệp, thì thế nào cũng có những lời xì xào của cánh cựu binh Thế chiến thứ nhất: “Cho tao cái đại đội súng máy của tao hồi đó. Chúng tao sẽ cho bọn cầm đầu đứng xếp hàng vào tường và cuộc đình công sẽ đi đời trong nửa phút!” Tuy nhiên, tôi chưa hề nghe người nào, kể cả những láng giềng phản động nhất, nói rằng phải rời bỏ Melbourne (thành phố lớn gần nhất khi tôi còn là một thiếu niên, trước khi Canborơ, Thủ đô Liên bang được xây dựng) và biến công dân thành phố thành nô lệ.

[34] Khiêu Xamphon, “Nền kinh tế Campuchia và các vấn đề công nghiệp hóa”, Paris, Sorbon, 1959, tr.100.

[35] Tại Paris năm 1980, Keng Xavắc nói với tôi rằng hồi đó những người thuộc “nhóm Paris” đều hết sức “Stalinist”.

[36] “Hoàng thân Sihanuc ở Campuchia”, phỏng vấn và nói chuyện với Hoàng thân Norodom

Sihanuc, số 110, tr.7, Pitor Sior và Manôla Sior Um, hợp tác với Oandro Giắcơ, Ham buốc, 1980 (thông tin của Viện Nghiên cứu Á châu, 1980).

[37] *Norodom Sihanuc và Uynphrết Bócsét: “Cuộc chiến tranh của tôi với CIA”, New York, Nxb Pantheon, 1972, tr.117-118.*

[38] *Ben Kiểcnam và Chanthu Bua, “Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979”, London, Zed Press, 1981.*

[39] *Sách đã dẫn.*

[40] *PolPot, Iêng Xary và Xônxen chạy vào rừng núi Đông Bắc Campuchia để thoát chết. Khi bị lực lượng an ninh của Sihanuc đuổi riết, chúng có thể và chúng thường tận dụng khả năng này, vào ẩn náu cùng với các lực lượng du kích của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Trái lại, Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam duy trì căn cứ quân sự đầu tiên cho toàn miền Nam Việt Nam và Bộ chỉ huy quân sự khu Sài Gòn tại bờ đông và tây sông Sài Gòn, cách trung tâm Sài Gòn chưa đầy 20 dặm. Huỳnh Tấn Phát, Tổng Thư ký Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và về sau là Thủ tướng Chính phủ Cách mạng lâm thời, đã duy trì căn cứ của ông ở trong và quanh Sài Gòn trong suốt cuộc chiến tranh. Và Huỳnh Văn Tâm, người lãnh đạo phong trào bí mật của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã đặt trụ sở của ông – để chỉ đạo việc chiếm các công trình lợi ích công cộng then chốt và các xí nghiệp khác vào đêm trước ngày Sài Gòn giải phóng – ngay tại tầng hầm của trụ sở kẻ thù không đội trời chung của ông là Trần Quốc Bửu, tên lưu manh đứng đầu phong trào công đoàn của chính quyền Sài Gòn.*

[41] *Uyliam Socros “Tiết mục phụ: Kítxinhgiơ, Níchxơn và sự tàn phá Campuchia”, New York, Ximơn và Soxto, 1979, tr. 220-221.*

[42] *60 phi vụ B52 đầu tiên được mệnh danh là “ăn sáng”, bởi vì việc tiến hành chúng đã được quyết định – quyết định này được giữ bí mật suốt mấy tháng đối với Quốc hội và cả các quan chức chủ chốt của Chính phủ - tại một cuộc họp quanh bữa ăn sáng nhằm bàn mưu tính kế ở Lầu năm góc một vài ngày trước cuộc oanh kích đầu tiên.*

[43] *Socros, “Tiết mục phụ: Kítxinhgiơ, Níchxơn và sự tàn phá Campuchia”.*

[44] *Vận may của hai nhóm đầu theo sát những thăng trầm của Đặng Tiểu Bình trong cuộc vật lộn với “bè lũ bốn tên”. Việc Đặng sa cơ tất yếu dẫn đến việc hành quyết Hu Nim và các cộng sự gần gũi của y.*

[45] *“Sách đen”: Sự kiện và bằng chứng về những hành động xâm lược và thôn tính của Việt Nam chống Campuchia. Phnom Penh. Vụ Báo chí và thông tin Bộ Ngoại giao Campuchia Dân chủ, tháng 9/1978 (trích bản dịch tiếng Anh do Khme đỏ công bố).*

[46] *Uynphrết Bócsét, “Ngược dòng Mê công”, Berlin, Nxb Bảy biển, 1959, tr.107-108*

[47] *Sách đã dẫn.*

[48] *Tóm tắt Lịch sử Đảng chú giải, cơ quan chính trị và quân sự của Quân khu miền Đông của Khme đỏ ấn hành năm 1973. Trích dẫn trong tác phẩm của Ben Kiểcnam và Chanthu Bua “Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979”, London, Zed Press, đang in.*

[49] *Kiểcnam và Bua, “Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979”.*

[50] *Xem chương 10 để biết chi tiết về viện trợ quân sự của Việt Nam cho Campuchia.*

[51] *Kiểcnam và Bua, “Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979”.*

[52] *Sách đã dẫn.*

[53] *“Sách đen”, tr.25.*

[54] Sách đã dẫn.

[55] Sách đã dẫn, tr.25-26.

[56] Kiểcnam và Bua, “Nông dân và chính trị ở Campuchia, 1942 – 1979”.

[57] Sách đã dẫn.

[58] Phiên tòa xét xử tội diệt chủng của tập đoàn Pon Pot – Ieng Xary được tổ chức tại Tòa án Nhân dân Cách mạng ở Phnom Penh từ ngày 17 đến 1981979. Tác giả của cuốn sách này cùng nhiều nhóm phóng viên vô tuyến truyền hình và nhà báo phương Tây, đã có mặt và được gặp gỡ trực tiếp các nhân chứng, được tạo điều kiện thuận lợi tới thăm những nơi xảy ra tội ác như đã nêu trong bản cáo trạng.

[59] Về trình bày chi tiết đầy đủ về vai trò của Ăngca Lơ, xin xem Chương 7.

[60] Việc một người bạn của chồng bà Donidơ Aphôngxô bị bắt chưa đầy 3 tháng sau khi Khme đỏ giành được chính quyền chỉ vì ông ta bị phát hiện là có nói tiếng nước ngoài gọi cho ta thấy rằng một chính sách tiêu diệt trí thức đã được quyết định từ trước và không liên quan gì – như nhiều người tưởng – tới thái độ chống đối của giới trí thức đối với chế độ mới này.

[61] Theo tập quán phong kiến – mà tập quán này còn lâu mới có thể được gột sạch ở Campuchia – thì tù binh có thể đương nhiên bị đối xử như nô lệ. Chủ nô có thể bắt nô lệ làm gì cũng được. Họ sống hay chết không có vấn đề gì! Cho nên, có thể nói theo nghĩa đen là Khme đỏ đã thực hành một xã hội nô lệ hiện đại.

[62] Gần một năm sau tại Xiêm Riệp, bà giám đốc khách sạn mang tên Grand Hotel, bà Loong Xavan cũng nhận xét như vậy về những người lính Việt Nam ở đây: “Họ đối xử với chúng tôi như thể họ là những ông bố bà mẹ rộng lượng bao dung vậy. Mặc dù chúng tôi có vô khối hoa quả và cá, họ vẫn chẳng chịu nhận tí gì hết. Họ chỉ ăn khẩu phần đạm bạc của họ”.

[63] Chính thái độ này đã cung cấp tên gọi cho một cuốn sách của linh mục Thiên chúa giáo Phrăngxoa Phôngxô, cuốn Campuchia: Năm số không (Cambodia: Year Zero, New York, Holt, Richard and Winston, 1978) và tên gọi cho một bộ phim của các nhà làm phim người Anh Giôn Phingơ và Davít Môn rô, bộ phim: Năm số không: cái chết thầm lặng của một dân tộc (Year Zero: the Silent Death of a Nation).

[64] Dit Munty, như tất cả các nhân chứng khác, mô tả những điều kiện phổ biến ở nơi anh sống và làm việc. Thời gian làm việc có hơi khác nhau đôi chút trong tất cả các bản tường thuật mà tôi được nghe, thời gian làm việc trung bình là từ 12 đến 14 giờ một ngày. Khẩu phần gạo tương đối khác nhau. Theo thông tin tôi thu được, khẩu phần 150gr một người một ngày là mức quá cao so với hầu hết các tỉnh khác. Khẩu phần này dường như mỗi nơi một khác tùy theo húng của bọn trùm Ăngca địa phương.

[65] Đây là những người trên đường trở về quê cũ trong những tháng đầu tiên sau khi Khme đỏ bị lật đổ. Xem Chương 14, phần tác giả mô tả họ.

[66] Pin Yathay, Cõi không tưởng chết chóc, Paris. Robert Laffont, 1980. Là một trong số những trình bày chi tiết và có tính xác thực nhất về hai năm đầu cầm quyền của Khme đỏ, cuốn sách này chứa đựng phần lớn lời chứng với tích cách cá nhân vô giá về những gì đã thực sự xảy ra.

[67] Sách đã dẫn, tr.222.

[68] Sách đã dẫn, tr.226.

[69] Sách đã dẫn, tr.91-92.

[70] Sách đã dẫn, tr.237.

[71] Một số phát biểu của các cán bộ cao cấp Khme đỏ trên đài phát thanh Phnom Penh coi con số “hai triệu” là mức sống sót đáng hài lòng sau khi chịu hy sinh số còn lại để tiêu diệt người Việt

nam.

[72] P. Yathay, *Cõi không tưởng chết chóc*, tr.163

[73] *Sách đã dẫn*, tr.250-261.

[74] *Sách đã dẫn*, tr.163.

[75] *Sách đã dẫn*, tr.250.

[76] *Sách đã dẫn*, tr.251.

[77] *Sách đã dẫn*, tr.164.

[78] Đoạn có dấu ngoặc kép trích từ một thông tri của Khme đỏ về công tác giáo dục.

[79] Keng Xavắc, *Khái quát về cuộc cách mạng của Khme đỏ*, tr.11–13, Montmorency, France, ngày 23/1977. Trong phần giới thiệu ngắn về tác phẩm quan trọng này, giáo sư Keng Xavắc lưu ý rằng thuật ngữ PATIVATTANA, do Khme đỏ dùng để chỉ khái niệm Cách mạng trong các văn bản tài liệu chính thức của chúng, thực ra có nghĩa là TRỞ LUI hoặc TRỞ LẠI QUÁ KHỨ. Trong ngôn ngữ Khme bình dân, từ Cách mạng được thể hiện bằng từ BAMBAAH-BAMBOR với nửa từ thứ nhất là KHỞI NGHĨA và nửa từ thứ hai nghĩa là TÁI THIẾT.

[80] Có hai tạp chí chính thức: *Cờ Cách mạng – cơ quan của Đảng Cộng sản Campuchia*, và *Cờ Đỏ – cơ quan của tổ chức Thanh niên Cộng sản*. Cả hai báo này đều xuất bản một cách thất thường và không được phổ biến trong toàn dân. Còn tin tức thu được là do những người có quyền có máy thu thanh thu được từ Đài Phnom Penh.

[81] Pin Yathay, *Cõi không tưởng chết chóc*, Paris: Robert Laffont, 1980. Những trích dẫn còn lại trong chương này đều từ tác phẩm này.

[82] Các “đơn vị tiên phong” hay “đội xung kích” bao gồm những thanh niên được tuyển mộ để thực hiện những nhiệm vụ khẩn cấp đặc biệt khó khăn, chẳng hạn như việc xây dựng công sự hay những công trình thủy lợi cấp bách. Những thanh niên này bị bắt phải làm việc tới chết với cường độ nhanh hơn một chút so với lao động khổ sai bình thường và phải phục tùng một chế độ kỷ luật theo kiểu nhà binh, hà khắc hơn.

[83] May mắn thay cho Lôla, bà có nước da sẫm màu (sắc tố da là một trong những tiêu chuẩn để dò ra một tên “tư sản”) và khi bà bắt đầu quá trình “thuần hóa” này, thì tay chân bà đã chai sạn vì công việc ngoài đồng như những công dân “cũ”. Nước da sẫm và tay chân chai sạn là những tiêu chuẩn bề nổi hàng đầu để được hưởng sự tôn trọng có tính giai cấp.

[84] Keng Vanxắc, *Khái quát về cuộc cách mạng Khme đỏ*. Monmerency, Pháp, ngày 23/1977, tr.18.

[85] *Sách đã dẫn*, tr.19-20.

[86] Pin Yathay, *Cõi không tưởng chết chóc*, Paris, Robert Laffont, 1980, tr.303-304.

[87] Norodom Sihanuc, *Biên niên sử chiến tranh và hy vọng*, Paris, Hachett Stock, 19797, tr.69.

[88] *Sách đã dẫn*, tr.136-137.

[89] Chắc chắn đã có một cái gì đó có tính biểu tượng trong việc lựa chọn những vũ khí để giết người. Cuộc, xẻng là những dụng cụ của những người nghèo nhất trong nông dân nghèo, một giống tre cũng vậy. Tôi có nghe kể rằng, trong nhiều trường hợp bị tra tấn trước khi hành quyết, thì dụng cụ tra tấn là dùng lá tranh có cạnh sắc như dao hay là hình răng cưa của những loại cây như cây cọ để cứa cổ nạn nhân. Nỗi đau đớn cực độ của nạn nhân bị kéo dài, niềm vui điên loạn của bọn tra tấn – hành quyết dâng lên và dưới con mắt của Angca, những việc tra tấn, giết người bằng loại “dụng cụ tự cung tự cấp” như vậy thật đáng được khen thưởng!

[90] Lời khai của nhân chứng tại phiên tòa xét xử tội ác diệt chủng của tập đoàn Pon Pot – Iêng

Xari, Phnom Penh, ngày 17-1981979.

[91] *V.I Lênin, Toàn tập, tập 31, Mátxcova, Nxb Tiến bộ, 1966, tr.317.*

[92] *Trong bài phát biểu này, Đờ Gôn nói rằng nguyên nhân của cuộc chiến tranh ở Nam Việt nam là mưu đồ của Mỹ nhằm thay thế sự có mặt của Pháp ở Đông dương, rằng bản thân cuộc chiến tranh đó là một cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải pháp cho nó là Mỹ rút quân.*

[93] *Từ lâu trước khi Sihanuc bị lật đổ, Mỹ đã xâm phạm biên giới và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia. Về nhận định chi tiết và rõ nét nhất liên quan tới chính sách của Mỹ đối với Campuchia và đặc biệt về những cuộc ném bom bí mật của Mỹ từ năm 1970 trở về trước, xem: Màn biểu diễn phụ: Kítxinhgiơ, Ních xơn và việc hủy diệt Campuchia, New York: Simon và Sexto, 1979.*

[94] *Norodom Sihanuc: Biên niên sử chiến tranh và hy vọng, Paris, Hachette Stock, 1979, tr.64-65.*

[95] *Sách đã dẫn, tr.66-67.*

[96] *Sách đã dẫn.*

[97] *Một cuộc tấn công nghiêm trọng xảy ra ngày 30/4/1977 khi 2 trung đoàn và 2 tiểu đoàn độc lập đồng thời tấn công 13 xã thuộc tỉnh An Giang, say sưa lao vào cuộc truy hoan chém giết và phá phách.*

[98] *Chưa đầy 2 năm sau, ông Nguyễn Cơ Thạch trở thành Bộ trưởng Ngoại giao của Việt nam.*

[99] *Tuyên bố của Chính phủ Campuchia dân chủ gửi bè bạn xa gần năm châu và gửi dư luận thế giới, Phnom Penh, ngày 31/12/1977.*

[100] *Sách đã dẫn.*

[101] *Sihanuc: Biên niên sử chiến tranh và hy vọng, tr.110.*

[102] *Sihanuc không phải là người duy nhất tin rằng ông ta có thể dễ dàng thương lượng với người Việt Nam về một hiệp định hai bên cùng chấp nhận được. Trong chuyến tới thăm Hà Nội tháng 12/1978, tôi được thông báo ở cấp cao nhất, kể cả Phó chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng, rằng giá như Campuchia vẫn còn giữ Chính phủ Đoàn kết Dân tộc và Mặt trận Thống nhất Dân tộc – với Sihanuc giữ cương vị người sáng lập và người lãnh đạo – trong những năm sau chiến tranh, và giá như Sihanuc vẫn còn là Quốc trưởng thì hẳn sẽ không có những vấn đề biên giới, chứ đừng có nói đến một cuộc chiến tranh biên giới.*

[103] *Sihanuc: Biên niên sử chiến tranh và hy vọng, tr.113-114.*

[104] *Thời báo (Times) ngày 14/2/1977, tr.11, như đã trích dẫn trong công hàm phản đối của Thái Lan.*

[105] *An Giang là tỉnh tháng 3/1962, các cố vấn quân sự Mỹ đã phát động cuộc hành quân lớn đầu tiên nhằm lừa nhân dân Nam Việt nam vào các “ấp chiến lược” hoặc là các trại tập trung. Cuốn sách đầu tiên của tác giả về hành động can thiệp “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở Nam Việt nam mở đầu bằng bài tường thuật về “cuộc hành quân Mặt trời mọc” dựa theo lời kể của những người tị nạn gốc Khme ở An Giang trong các cuộc phỏng vấn ở Nôm đến, đối diện với Ba chúc ở bên kia biên giới. Xem: Cuộc chiến tranh lén lút, tr.12-32, New York, Nxb. Quốc tế, 1963.*

[106] *Hồ sơ lưu trữ đương thời của Kizing, ngày 3/2/1978, tr.28807.*

[107] *Tháng 3/1977, ngoài những nước này, Iêng Xari còn thăm Singapore và Pakistan.*

[108] *Henry Kítxinhgiơ, Henry Kitxinhgiơ: Những năm tháng trong Nhà Trắng, tr.1414, London: Weidenfeld, Nicolson and Michiel Joseph, 1979.*

[109] *Sách đã dẫn, tr. 1414.*

[110] *Sách đã dẫn, tr. 1415.*

[111] *Chương 7 điều 20 Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt nam, ký kết tại Paris ngày 27/1/1973.*

[112] *Norodom Sihanuc, Biên niên sử chiến tranh và hy vọng, Paris: Hachette Stock, 1979.*

[113] *Sách đã dẫn.*

[114] *Sách đã dẫn.*

[115] *Sách đã dẫn.*

[116] *Sách đã dẫn.*

[117] *Tháng 9/1975, ông Huỳnh Tấn Phát, Thủ tướng Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (và hiện nay là Phó Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam) cho tôi hay rằng Chính phủ của ông là chính phủ đầu tiên từ trước tới nay cố gắng nắm lấy nền kinh tế Nam Việt nam. “Cả người Pháp, người Nhật, rồi người Pháp khi họ quay trở lại năm 1945, lẫn người Mỹ, đều chưa ai từng thử xem sao – ông nói – người Hoa nắm trong tay toàn bộ nền kinh tế đến nỗi người ta thích làm ăn thông qua người Hoa hơn”. Cuộc nói chuyện của chúng tôi diễn ra vài giờ trước khi ông Huỳnh Tấn Phát ký một sắc lệnh trưng trị thẳng tay các ông “vua gạo”, “vua thuốc lá”, “vua dẹt” và các loại “vua” khác!*

[118] *Về tổng số người Chàm ở Campuchia, các số liệu khác nhau rất nhiều. Tuy nhiên nói chung mọi người đều nhất trí rằng Khme đỏ đã có âm mưu giết sạch người Chàm và những người Chàm nào còn sống sót được là nhờ đã dấu đi gốc tích thiếu số của mình.*

[119] *Pin Yathay, Cõi không tưởng chết chóc, Paris, Robert Laffont, 1980.*

[120] *Quyền tự do đi lại bao gồm cả quyền của mọi người được trở về quê cũ của mình. Hàng vạn người đã lợi dụng chính sách này để chạy trốn khỏi những tai họa của chế độ cũ bằng con đường ngắn nhất và nhanh nhất, nghĩa là họ chạy sang Thái Lan và ở hẳn đó. Vì thế sẽ là nói sai nếu coi việc này là sự chạy trốn khỏi “quân Việt Nam xâm lược”.*

[121] *Cảnh nơi phục kích – trong chùng mực được đưa vào phim – là đoạn chót trong cuốn phim tư liệu của David Bratberi về tác giả nhan đề “Kẻ thù chung số một”. Phim này được chiếu lần đầu tiên tại Liên hoan phim Úc tổ chức tại Sydney (Úc) ngày 8/1/1981 và sau đó được chiếu tại Liên hoan phim quốc tế ở Can (Pháp). Phim đã được một giải nhì tại Liên hoan phim tư liệu ở Bantimo (Mỹ) tháng 4/1981, một giải nhất tại Liên hoan phim tư liệu Mỹ tổ chức tại New York tháng 6/1981 và cũng trong tháng đó, được giải nhất tại Liên hoan phim tư liệu Úc tổ chức tại Sydney.*

[122] *Trong ba chuyến công cán ở Việt nam, tướng Vanuyxem đã được tiếng là một viên chỉ huy có đầu óc hiểu chiến đặc biệt. Là một người theo chủ nghĩa thực dân cực đoan, ông ta là một trong những cánh hữu luôn mơ tưởng tới việc thành lập một chế độ phát-xít ở Pháp. Ông ta đã tham gia cuộc binh biến chống De Gaul ở Angeri và bị bắt nhưng về sau lại được tha bổng. Sau đó, ông ta trở thành phóng viên cho tờ báo cực hữu “Ngã tư đường”. Chính với tư cách phóng viên mà ông ta đòi được gặp tướng Dương Văn Minh.*

[123] *Phrăng Xnep, đã từng được mô tả là “nhà phân tích chiến lược sừng sỏ ở Việt nam” của CIA, đã có mặt tại đó cho tới tận “cái kết cục cay đắng”. Ông ta nhắc tới sứ mạng vô vọng của Vanuyxem như sau: “Tướng Phrăngxo Vanuyxem, một cựu sĩ quan quân đội Pháp đã từng biết Nguyễn Văn Thiệu trong giờ phút chót của ông ta. Dù Thiệu đã từ chức, Vanuyxem vẫn tiếp tục ở lại để hối thúc quân đội Việt nam Cộng hòa tiếp tục kháng cự”. (Frank Snepp, Cuộc tháo chạy tán loạn, Nxb Random, 1977, tr.401). Việc Trung Quốc tán thành điều này và chọn gã Vanuyxem làm kẻ trung gian thương lượng với chính quyền Sài gòn chính là thước đo cho vực thẳm ngoại giao mà chính sách đối ngoại của họ sẽ chìm ngấm vào đó.*

[124] *Tiziano Terzani, “Giải phóng: Sài gòn thất thủ và giải phóng, New York, Nxb Sant*

Martin, 1976, tr.86.

[125] Hoàng Văn Hoan đã bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 12/1976 vì tội phản bội Tổ quốc. Về sau y đã trốn sang Trung Quốc sống lưu vong.

[126] “Trung Quốc xâm lược Việt Nam”, Hà nội: Vietnam Courier, 1979.

[127] Khi đại sứ Trung Quốc tại Indonesia trở về Bắc Kinh, ông ta chỉ đạo một chiến dịch chống Thủ tướng Chu Ân Lai và Ngoại trưởng Trần Nghị, vì đã không ủng hộ đúng mức cuộc đảo chính này. Một phần trong các lời buộc tội là họ đã không giành được sự ủng hộ của Bắc Việt Nam. Chu Ân Lai bèn bãi ủng hộ Trần Nghị và cuối cùng Mao đã ủng hộ Chủ. Viên đại sứ, lúc đó tạm thời thay chức Chu Ân Lai (?), đã bị đưa ra xử tại một phiên tòa công khai tại sân vận động Bắc Kinh. Ông ta bị tuyên án tử hình và đã bị hành quyết. Trong một thời gian ngắn ngủi điều hành hoạt động đối ngoại của Trung Quốc, ông ta đã gây ra sự tàn phá kinh khủng.

[128] Trong khi Thái Lan còn là một căn cứ cho không quân Mỹ và cho các hoạt động thù địch khác chống Việt Nam và Lào, cuộc đấu tranh vũ trang của các lực lượng cách mạng Thái Lan đã được sự ủng hộ của hai nước này. Sau khi Chính phủ trung lập của tướng Criangxác Chomanan tìm kiếm quan hệ hữu nghị với cả Lào lẫn Việt Nam, ông Phạm Văn Đồng đã nói rõ rằng các lực lượng cách mạng này cần phải tự đứng vững trên đôi chân của họ mà tiếp tục đấu tranh chứ đừng dựa vào trợ giúp của Việt Nam.

[129] Tháng 4/1980, tôi hỏi Tướng Võ Nguyên Giáp nghĩ gì về cuộc tình duyên giữa Bắc Kinh và Wasinghton. Ông cười hài hước mà hiền hậu và nói: “Chúng tôi có một câu thành ngữ về những cuộc hôn nhân được sắp đặt từ trước như vậy: ‘Đồng sàng dị mộng!’”

[130] Tạp chí Diễn đàn Thông tin Quốc tế, Paris, ngày 23/6/1981.

[131] Điều không đáng ngạc nhiên là Singapore đã đứng ra đăng cai cho việc làm đáng xấu hổ và vô tích sự này. Singapore đã và đang là người đi tiên phong hàng đầu ủng hộ bọn sát nhân Khme đỏ và là “kẻ thừa hành” của Wasinghton và Bắc Kinh tại bất cứ hội nghị quốc tế nào bàn tới vấn đề Campuchia.

Mục lục

Mở đầu

Phần thứ nhất: Đấu tranh giải phóng dân tộc

I. Đảng cộng sản Đông-dương

II. Khme Ít Xa-rắc

III. Hội nghị Giơnevơ 1954

Phần thứ hai: Bối cảnh của tấn thảm kịch Campuchia

IV. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 1)

V. Sự trỗi dậy của Khme đỏ (phần 2)

Phần thứ ba: Nội tình Campuchia những năm 1975-1979

VI. Những người sống sót làm chứng

VII. Một xã hội nô lệ ở thế kỷ XX

VIII. Làm thế nào để trở thành một người Khme đỏ “tốt”

IX. Rèn đức những người trong sạch cứng rắn

Phần thứ tư: Những mối quan hệ tam giác

X. Cuộc chiến tranh biên giới

XI. Sự dính líu của Trung Quốc

XII. Trung Quốc chuẩn bị tấn công Việt Nam

Phần thứ năm: Campuchia sống sót – Cái gì đang chờ đợi ở phía trước

XIII. Từ kháng chiến đến giải phóng

XIV. Sống sót kỳ diệu

XV. Tái bút

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>